

PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

Cơ quan ngôn luận của Văn Phòng II Viện-Hóa-Đạo
và Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Hải-Ngoại tại Hoa-Kỳ



SỐ
13

Mừng Xuân Mậu Dần 1998

TRUNG TÂM THẨM-MỸ NGOÀI DA VÀ GIẢI PHẪU THẨM MỸ

Cung Chúc Tân Xuân

Xuân Mậu Dần



ADVANCED SKIN & LASER CLINIC

BÁC SĨ CHUYÊN KHOA NGOÀI DA & GIẢI PHẪU DA

NGUYỄN T. TUẤN, M.D.

BOARD CERTIFIED DERMATOLOGIST

BÁC SĨ CHUYÊN KHOA NGOÀI DA & GIẢI PHẪU DA

NGUYỄN H. QUÂN, M.D.

BOARD CERTIFIED DERMATOLOGIST

BÁC SĨ CHUYÊN KHOA NGOÀI DA & GIẢI PHẪU DA

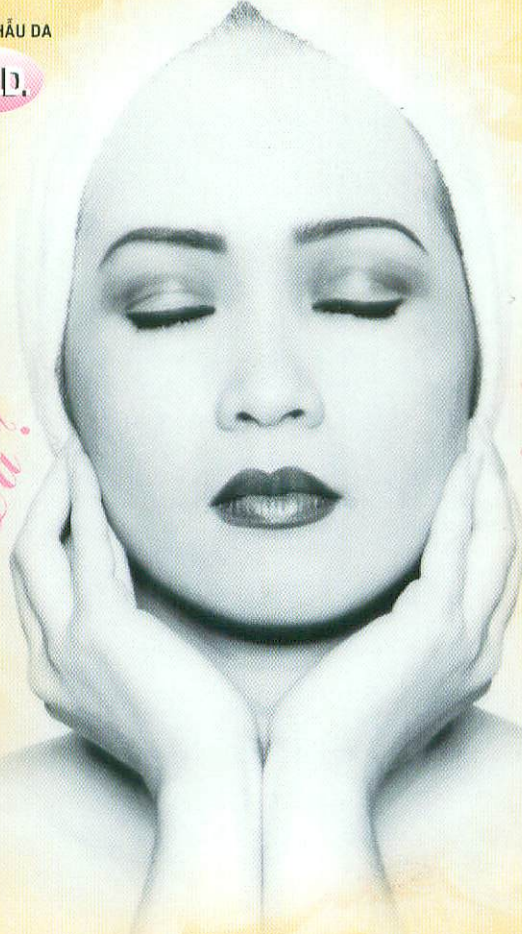
ALYSSA KIM, M.D.

BOARD CERTIFIED DERMATOLOGIST

BÁC SĨ CHUYÊN KHOA GIẢI PHẪU THẨM MỸ & TẠO HÌNH TOÀN KHOA

JAE CHUN, M.D.

BOARD CERTIFIED PLASTIC SURGEON



Nhất Dạng - Mặt Da?

hay - Mặt Da - Nhất Dạng?

Xuân Mậu Dần

Cung Chúc Tân Xuân

Cung Chúc Tân Xuân

Xuân Mậu Dần



ORIKI Cosmetics, Inc.

MỸ PHẨM ĐẶC CHẾ CHO LÀN DA Á ĐÔNG

Mọi Tham Khảo ý kiến xin liên lạc **ANGIE NGUYỄN**

(714) 898-9368

1-800-ORIKI

TRUNG TÂM KHANG-TRANG, UY TÍN VÀ LÂU NĂM NHẤT TẠI LITTLE SAIGON

7901 Westminster Blvd • Westminster, CA 92683

MODEL: DUNG N. DOAN PHOTO BY: LAMOUR PHOTO STUDIO

Xuân Mậu Dần

Cung Chúc Tân Xuân

Cung Chúc Tân Xuân

Xuân Mậu Dần

Cung Chúc Tân Xuân

Bác Sĩ Nha Khoa TRẦN NGỌC TÂM HƯƠNG

Hội viên Americal Dental Association
Hội viên Academy Of General Dentistry
Hội viên California Dental Association



- ☐ DÙNG MÁY SIÊU ÂM (ULTRASONIC)
- ☐ KHÁM RĂNG TỔNG QUÁT VÀ ĐỊNH KỲ
- ☐ TRỊ BỆNH NƯỚC RĂNG
- ☐ NHA KHOA PHÒNG NGỪA
- ☐ CHỮA, NHỔ RĂNG CHO TRẺ EM VÀ NGƯỜI LỚN
- ☐ NHA KHOA THẨM MỸ DÙNG U.V. LIGHT SỬA VÀ LÀM ĐẸP CÁC RĂNG CỬA HƯ, XẤU HOẶC HỒ
- ☐ TẮY TRẮNG RĂNG (BLEACHING)
- ☐ LÀM ĐỦ LOẠI RĂNG GIẢ
(FIXED, REMOVABLE PROSTHODONTIC)

VÙNG SAN FERNANDO VALLEY



(818) 708-7280

18554 Sherman Way
Reseda, CA 91335

Roscoe		
Saticoy		
Sherman Way		
Vanowen	Wilbur Amigo Reseda	NHA SĨ TRẦN NGỌC TÂM HƯƠNG

Giờ làm việc:

THỨ BA - THỨ SÁU: 9AM - 6PM

THỨ BẢY: 9AM - 4PM

CHỦ NHẬT: 9AM - 2PM

NGHỈ THỨ HAI :

Nhận BẢO HIỂM, MEDICAL, TRẢ GÓP
Xử dụng máy móc tối tân
và kỹ thuật hiện đại để phòng ngừa bệnh
truyền nhiễm trong khi điều trị.

KHÁM BỆNH THEO HẸN. ĐẶC BIỆT VĂN PHÒNG MỞ CỬA NGÀY CHỦ NHẬT.
Trường hợp khẩn cấp, xin đến thẳng văn phòng.

CÔNG TY ĐỊA ỐC VÀ TÀI TRỢ

Imperial Realty

20201 SHERMAN WAY # 106B
CANOGA PARK, CA 91306

Tel: (818) 700-1111



TONY TOÀN BÙI
BROKER/OWNER
Pager: (818) 420-4848

HELEN HOA PHAN
BROKER ASSOCIATE

DENNIS NGUYEN
BROKER ASSOCIATE

JOHN NGUYEN
REALTOR ASSOCIATE

PAULA NGUYEN
REALTOR ASSOCIATE

BORA NGAY
REALTOR ASSOCIATE

- * ĐÃ TỪNG ĐƯỢC SỰ TÍN NHIỆM CỦA QUÍ THÂN CHỦ TỪ 14 NĂM QUA.
- * CHỈ CẦN KHOẢNG \$5,000 QUÍ VỊ CÓ THỂ LÀM CHỦ CĂN NHÀ. TIỀN HÀNG THÁNG VẪN RẺ HƠN MƯỜN NHÀ.
- * ĐẶC BIỆT CHUYÊN GIẢI QUYẾT VỚI LENDER NHỮNG CĂN NHÀ GIÁ TRỊ THẤP HƠN SO VỚI NỢ MÌNH ĐANG TRẢ, HOẶC BÁN NHÀ KHÔNG TRẢ LỆ PHÍ.
- * KINH NGHIỆM NHIỀU NĂM THƯƠNG LƯỢNG VỚI LENDER CÁC VẤN ĐỀ MÀ HẦU HẾT CHÚNG TA ĐỀU GẶP PHẢI.
- * PHÂN LỜI THẤP, CƠ HỘI REFINANCE ĐỂ GIẢM TIỀN HÀNG THÁNG.

CÓ CHƯƠNG TRÌNH FHA VÀ VA.

ĐẶC BIỆT:

**CÓ THỂ VAY \$25,000 ĐỂ SỬA CHỮA NHÀ
CỬA TRONG VÒNG 2 TUẦN**

MASOOD MOHAMMADI
REALTOR ASSOCIATE

DAVID VU
MANAGER

KEVIN VU
BROKER ASSOCIATE

TIFFANY VU
REALTOR ASSOCIATE

HOWARD HAI VU
REALTOR ASSOCIATE

BINH NGO
REALTOR ASSOCIATE

ĐẾN VỚI CHÚNG TÔI LÀ GIẢI QUYẾT ĐƯỢC HẾT MỌI SỰ KHÓ KHĂN CỦA QUÝ VỊ!

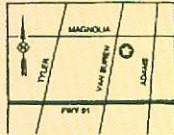
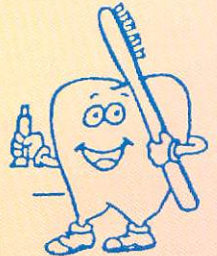
TRUNG TÂM NHA KHOA

PACIFIC DENTAL GROUP, INC.



NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

Nguyễn Thị Ngọc Liên, D.D.S.



- * Tốt Nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa Tại UCLA.
- * Hội Viên Của ADA., C.D.A., O.C.D.S.



ĐỊA ĐIỂM 1

3693 VAN BUREN Blvd.
RIVERSIDE, CA 92503
(909) 785-5858

HÃY GỌI:

1-800 RĂNG TỐT
1-800-726-4868

ĐỊA ĐIỂM 2

16051-D BROOKHURST St.
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
(714) 775-5858 - (góc Edinger)

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- * Trám răng, nhổ răng, tiểu giải phẫu.
- * Lấy gân máu.
- * Trị bệnh nướu răng: Nướu sưng, chảy máu, hôi miệng.
- * Làm răng giả các loại: Dính liền hay tháo rời.

Giờ mở cửa:

THỨ HAI - THỨ BẢY
10 am -- 6 pm

NHA KHOA NHI ĐỒNG

- * Ngừa sâu răng và theo dõi trẻ em trong thời kỳ thay răng để tránh răng mọc lệch lạc.

Điều kiện dễ dàng cho quý vị trả tiền mặt.

Nhận MEDICAL - INSURANCE - VISA
MASTER CARD - CASH

NHA KHOA THẨM MỸ

- * Vá răng sứt mẻ, thưa hay đổi màu bằng Cosmetic Bonding hay Porcelain Veneer.

- Nhẹ nhàng - Tận tâm - Kỹ lưỡng.
- Phòng mạch sạch sẽ thoải mái.
- Chữa trị theo kỹ thuật hiện đại nhất.
- Dụng cụ được khử trùng theo tiêu chuẩn OSHA để tránh lây bệnh truyền nhiễm.

CHỈNH RĂNG

- * Chữa răng hô, móm, mọc lệch lạc bằng niềng răng.

ĐẶC BIỆT: Văn phòng chúng tôi có máy điện tử nhỏ RỌI RĂNG để bệnh nhân biết rõ tình trạng của răng và được giải thích hướng dẫn chữa trị chính xác.

GIAO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
HẢI NGOẠI TẠI HOA KỲ

và

VĂN PHÒNG II VIỆN HÓA ĐẠO

Trân trọng kính chúc

- *Chư Tôn Giáo Phẩm Hòa Thượng,
Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni*
- *Chư vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo*
- *Toàn thể đồng bào và Phật tử trong
và ngoài nước*
- *Chư vị ân nhân ủng hộ, quý thân chủ
quảng cáo và chư đệ giả Tạp Chí
Phật Giáo Hải Ngoại trọn hưởng năm
mới hạnh phúc thịnh vượng như ý.*
- *Dân tộc Việt Nam sớm hưởng thái bình.*
- *Đất nước Việt Nam cường thịnh thăng
tiến.*

Tạp Chí
PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

Cơ quan ngôn luận
của Văn Phòng II Viện Hóa Đạo
và GHPGVNTNHN-HK



Chủ nhiệm:

H.T. Thích Đức Niệm

Chủ bút: **Quảng Thành**

Phụ tá chủ bút: **Tâm Huy**

Tổng thư ký: **Tâm Quang**

Thủ quỹ: **Thanh Chánh**



Dăng quảng cáo xin liên lạc:

Sư Cô Diệu Tánh

☎ : (818) 893-5317



Ngân chi phiếu xin gửi về:

PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

9250 Columbus Ave.,

North Hills, CA 91343-USA

☎ : (818) 893-5317



Thư từ và bài đăng báo xin gửi về:

PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

9250 Columbus Ave.,

North Hills, CA 91343-USA

☎ : (818) 893-5317

Bài vở đăng tải trên PGHN không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tòa soạn.

Bài gửi đăng PGHN xin đánh máy hay viết tay rõ ràng để đọc để tránh nhầm lẫn về nội dung cũng như hình thức bài gốc.

Ngoài bút hiệu, xin ghi tên thật và địa chỉ, điện thoại để tòa soạn có thể liên lạc khi cần.



SỐ 13, XUÂN DI LẶC PL 2541, THÁNG 01/1998

Mục Lục

Thông điệp Xuân của <i>Hội Đồng Đại Diện GHPGVNTNHN-HK</i>	3
Mùa Giác Ngộ, Xuân cảm, Minh niên khai bút, thơ <i>Đức Nhuận</i>	5
Chiều vàng, Hoa, thơ <i>HT Thích Thuyền Ẩn</i>	6
Nhân quả, Luân hồi, Nghiệp báo và Tổ ấm VN, <i>Thích Đức Nhuận</i>	7
Xác lập quan hệ trật tự thế giới, <i>Lý Đại Nguyên</i>	12
Tám tướng trạng của Tâm nguyện, <i>Tâm Trạng</i> chú giải	21
Mừng Xuân Di Lặc, thơ <i>Duy Nghiệp</i>	24
Ba Ngày Rằm, <i>Thượng Tọa Thích Tín Nghĩa</i>	25
Tư tưởng Phật giáo trong thi văn Khuông Việt, <i>Thích Thắng Hoan</i>	27
Xuân Như Ý, thơ <i>Tâm Văn</i>	35
Học Phật, <i>Huỳnh Kim Quang</i>	36
Nhớ thầy, thơ <i>Vĩnh Hảo</i>	45
Cuộc du hành sang Lạp Tát của Tây Tạng, <i>HT Thích Trí Chơn</i>	46
Đại Hội Thường Niên 97, thơ <i>Tín Nghĩa</i>	50
Xuân Di Lặc, <i>Cư sĩ Chính Trực</i>	50
Phước Cái Chánh Hành Sở Tập Kinh, <i>Vân Nguyên</i> dịch	55
Quan niệm Sử học & Triết học của Duy Thức, <i>T. Thắng Hoan</i> dịch	59
Xuân Thiên Tự, thơ <i>Thúy Trúc</i>	64
Nhân quả Bồ tát đạo, <i>Thiện Bửu</i>	65
How I Found the Buddhist Path, <i>Gary McMillen</i>	69
Suy gẫm, <i>Tâm Viên</i>	70
Trăng Khuyết, thơ <i>Ngô Hưng</i>	71
Nghĩ về Tu hành trong Đạo Phật, <i>Bác sĩ Trần Xuân Ninh</i>	72
Ngày xuân đi hành hương Núi Sam..., <i>Phạm Thăng</i>	77
Ngưỡng cửa Thiền môn trung niên xuất gia..., <i>T.T. Th. Nguyễn Lai</i>	85
Quy phục, Vẫn còn mưa mây, thơ <i>Phù Du</i>	88
Tại sao dân số trên thế giới gia tăng? <i>Thích Tâm Quang</i> dịch	88
Đi vòng từng cuộc, Di ngôn, thơ <i>Hoàng Việt Thi</i>	91
Con đường vô tận, truyện ngắn <i>Huỳnh Trung Chánh</i>	91
Bốn mùa trong mắt em, thơ <i>Thu Trang</i>	98
Sống, truyện ngắn <i>Diệu Nga</i>	99
Tết về nói với tuổi thanh xuân, <i>Thúy Trúc</i>	113
Sự nhiệm mầu trên biển đông, <i>Trần Kim Thạnh</i>	114
Tin tức sinh hoạt của Giáo Hội trong và ngoài nước	117
Hình ảnh sinh hoạt	125
Tri ân	131
Thư kêu gọi của Tạp chí Phật Giáo Hải Ngoại	132
Thư mục kinh sách của Phật Học Viện Quốc Tế	133
Quảng cáo	138

Hình bìa: Ngày Xuân Lễ Phật, tranh của Họa sĩ Phạm Thăng

Thông điệp
Luân Mậu Dần - 1998

**CỦA HỘI-ĐỒNG ĐẠI-DIỆN
GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT HẢI-NGOẠI TẠI HOA-KỲ
VĂN-PHÒNG II VIỆN-HÓA-ĐẠO**

Phật Lịch 2541 - 1998

Nam-Mô Bổn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Kính gửi : Chư Tôn Hòa-Thượng, Thượng-Tọa,

Đại-Đức Tăng-Ni cùng toàn thể quý Phật-tử.

Thưa Quý liệt vị,

Nhân dịp Tết Nguyên-Đán Mậu Dần, Hội-Đồng Đại-Diện Giáo-Hội Phật- Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Hải-Ngoại tại Hoa-Kỳ và Văn-Phòng II Viện-Hóa-Đạo, kính chúc Chư Tôn Hòa-Thượng, Thượng-Tọa, Đại-Đức Tăng Ni cùng toàn thể Phật tử năm mới thân tâm thanh tịnh, đạo nghiệp viên thành, cát tường như ý.

Thưa Quý liệt vị,

Như một truyền thống tốt đẹp của dân tộc, Tết là dịp lòng người hân hoan hy vọng, quên hết mọi nỗi phiền, lắng dịu mọi oán thù, để cầu nguyện một năm mới hanh thông, thịnh vượng và phúc lành. Đặc biệt với truyền thống Phật-giáo, ngày đầu năm cũng là ngày vía đức Phật Di-Lặc mà danh hiệu, hành trạng trong những hóa thân và báo thân của Ngài đã mang ý nghĩa của Từ Bi Hỷ Xả, và từ đó, Ngài đã là biểu tượng cho mùa Xuân an lạc, giải thoát. Cả hai truyền thống này đã hàm chứa một tương quan nhân quả quan trọng, đó là : Nếu không cởi bỏ được phiền não, oán thù thì khó có được thịnh vượng, hạnh phúc ; cũng vậy, nếu không có Từ Bi Hỷ Xả thì không thể nào có được Giải-thoát, An-lạc. Ý nghĩa nhân quả của hai truyền thống tốt đẹp này cũng nói lên sự kết hợp giữa tâm nguyện và ý lực, giữa luân lý thế gian và đạo lý giải thoát nhằm giải trừ những ác nghiệp để đạt đến an vui, hạnh phúc thật sự cho cá nhân, gia đình và đất nước.

Từ Bi Hỷ Xả mà thuật ngữ trong các kinh luận Phật giáo xưng tụng là Tứ-Vô-Lượng-Tâm. Đó là bốn hạnh nguyện rộng lớn bao gồm Từ-vô-lượng-tâm, Bi-vô-lượng-tâm, Hỷ-vô-lượng-tâm, Xả-vô-lượng-tâm. Được gọi là Tứ-Vô-Lượng-Tâm, vì bốn hạnh nguyện rộng lớn này tuyệt đối bình đẳng, không phân biệt người và vật,

không phân biệt thân sơ thù bạn, không phân biệt nguồn gốc, giới tính và đẳng cấp xã hội, không bị giới hạn bởi không gian và thời gian, mà đức Phật và các vị Bồ-Tát đã thực hiện để cứu độ chúng sanh.

Thưa Quý liệt vị,

Hướng về năm mới, chúng ta cầu nguyện Đất-nước và Dân-tộc sớm hưởng được mùa xuân an lạc, tự do, giải thoát. Cùng với sự cầu nguyện, chúng ta cũng ý thức rằng thực trạng phân hóa, hận thù, nghi kỵ, khổ đau trên quê hương hiện nay sẽ không tự nhiên chấm dứt. Cũng không thể chấm dứt do sự yếu thế của một bạo lực này trước một bạo lực khác. Con đường duy nhất đưa Đất-nước và Dân-tộc đến hưng thịnh, hạnh phúc là mọi người, mọi tổ chức, kể cả Nhà-nước và Đảng Cộng-sản Việt-Nam biết tiếp nối và thực hiện truyền thống từ hòa, khoan dung của tổ tiên cũng như tinh thần Từ Bi Hỷ Xả của Phật-giáo.

Để trợ lực cho những cầu nguyện sớm thành tựu và cũng để tăng trưởng phước đức cho bản thân và gia đình trong năm mới, ngay từ giờ phút Giao-Thừa này, chúng ta hãy phát nguyện tu tập và hành trì theo bốn hạnh nguyện Từ Bi Hỷ Xả. Với hạnh nguyện Từ, chúng ta phát nguyện trang trải lòng thương rộng lớn đến với mọi người, mọi loài và cuộc sống xung quanh ; với hạnh nguyện Bi, chúng ta xót xa trước nỗi đau khổ của mọi người, mọi loài để từ đó phát nguyện làm bất cứ điều gì có thể làm để chấm dứt nỗi đau khổ đó ; với hạnh nguyện Hỷ, chúng ta vui mừng trước sự an lạc, hạnh phúc của mọi người, mọi loài để từ đó phát nguyện không làm bất cứ điều gì có thể gây thương tổn đến sự an lạc, hạnh phúc đó ; với hạnh nguyện Xả, chúng ta phát nguyện cởi bỏ tham, sân, si và hóa giải mọi oán thù, đổ kỵ. Tu tập theo bốn hạnh nguyện này có nghĩa là chúng ta đã hành trì Bồ-tát-hạnh và thực sự tiến bước trên đường giải thoát, tạo thiện duyên và phước báo cho cá nhân, gia đình và xã hội được an lạc, hạnh phúc.

Trước thềm năm mới, một lần nữa, Hội-Đồng Đại-Diện Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Hải-Ngoại tại Hoa-Kỳ và Văn-Phòng II Viện-Hóa-Đạo thành tâm kính chúc Chư Tôn Hòa-Thượng, Thượng-Tọa, Đại-Đức Tăng Ni cùng toàn thể Phật-tử và Đồng-bào quốc-nội hải-ngoại một năm mới thân tâm thanh tịnh, sở nguyện như ý.

Thay mặt Hội-Đồng Đại-Diện
Tỳ-kheo THÍCH-ĐỨC-NIỆM

thơ THÍCH ĐỨC NHUẬN

Mùa giác ngộ

Cảm niệm ngày đức Bồ Tát Siddhattha thành đạo
Nguyện vì nhất tích dương chi thủy
Sái tác tây phong nhất vạn hàng

Một nguồn sáng ngời lên từ bốn hướng
Vạn sinh linh hằng khao khát vọng cầu
Trời đất đẹp - Đạo vàng thêm bát ngát!
Hồn lâng lâng nhìn non nước mến yêu.

Hỡi! vạn vật triển miên trong đêm tối!
Hương về đây, xây ý đẹp tinh cầu
Cho hồn lắng mê say vờn khói nhẹ,
Xa âm u, xa tội lỗi buồn đau...

Hoa như ý nở đầy trời thanh sắc
Đấng Từ Bi lòng rộng mở cao sâu!
Là chứa đựng của muôn vì tinh đấu
Mây vô biên rủ xuống đạo dài lâu.

Bao ước hẹn của tình thương ấp ủ
Đây niềm tin tràn ngập từ xưa sau
Mùa Giác Ngộ - một mùa hoa sáng láng!
Gió vương hương giải thoát ý nhiệm mầu.

Xuân cảm

Đông tàn, tuyết rụng, ánh trời quang!
Cảnh vật dường như mới điểm trang
Cây cỏ thắm tươi... hoa nở đẹp;
Nước non rạng rỡ nắng hanh vàng.

Hồi chuông trừ tịch vừa buông tiếng;
Tràng pháo giao thừa đã nổ vang.
Thiên hạ rủ nhau đi lễ Phật,
Người người rạo rức... đón Xuân sang.

Minh niên khai bút

Xuân về... trong tiếng pháo ban mai!
Thức giấc, vầng hồng tỏa mãn khai.
Trời đất tinh khôi - đời đổi mới!
Núi sông hùng vĩ - cảnh khoe tươi.

Tình người hoan hỷ... vui Xuân thắm,
Đức Phật từ bi nở nụ cười.
Điềm ứng năm nay nhiều hứa hẹn
Mây lành che rợp (1)... khắp muôn nơi.

(1) Từ Vân biến phú.

thơ THÍCH THUYỀN ẨN

Chiều vàng

Ta nhớ mãi những chiều vàng giáng ngộ
Rừng cây xanh thanh tịnh nắng buông êm
Thiền thất sống nghe đầu dây hiển lộ
Hồn sáng ngồi tĩnh lặng suốt từng đêm.

Ngàn xưa ấy, rồi ngày nay vẫn thế
Thời gian trôi, vũ trụ đầy trăng sao
Tâm cảnh ấy, sóng nước đồng một thể
Dòng sông trôi vào biển cả rạt rào.

Tuyệt vời quá muôn hoa Xuân đua nở
Núi cao xanh, không gian rộng vô biên
Vô thường đến quả đất dùng tan vỡ
Nghiệp ai gây phải chước lấy oan khiên.

Nhân như thế, nên quả phải như thế
Lặng gió đi thì biển tắt ba đào
Hòa bình chết vì hung tàn ức chế
Sống từ-bi thương nhau đẹp biết bao.

Ai rũ sạch trọn vô minh nghiệp chướng
Ai buông quên hết muôn kiếp oán thù
Ai ly dục, lợi danh không bận vướng
Ai tiến tu bồ đề đạo thiên thu.

Người ấy quyết viên thành Vô thượng giác
Trí tuyệt vời, hết sinh tử tai ương
Độ chúng sinh đạt Niết bàn siêu thoát
Quên mất rồi thế sự vạn đau thương.

Hoa

Hoa lá nở, hoa mặt trời đang nở
Vũ trụ cười, hồn mở rộng thênh thang
Hoa rục rĩ, trong ta nhịp tim thờ
Vui chung vui với khắp cả trần gian.

Chính đức Phật là đóa hoa đẹp nhất
Của thiên thu, của nhân loại, chúng sinh
Bồ đề đạo: hoa tuyệt vời chân thật
Là nắng vàng, là mẫu nhiệm bình minh.

Hoa trí tuệ sinh ra hoa giải thoát
Hoa từ bi dập tắt lửa sân si
Hoa hỷ xả quên hận thù hung ác
Ta cùng nhau đường đạo tiến lên đi!

Vui say đạo quên trần gian đau khổ
Vui ý thiền lắng sạch trọn tâm tư
Chiêm ngưỡng Phật lòng từ bi hiển lộ
Giải thoát rồi, không hỏi: "Biết rằng chừ?"

Lâng lâng nhẹ hồn nghe bay phơi phới
Mây bay theo, gió vi vút bay theo
Lòng nhất quyết quả bồ đề bay tới
Thành Phật rồi, mãn nguyện của tỳ kheo.

Hoa Chánh Pháp mở hồn ta bát ngát
Nước Từ Bi gội sạch vạn thương đau
Trí Bát Nhã, trí tuyệt vời siêu thoát
Đạo Bồ Đề cao rộng và thâm sâu.

NHÂN QUẢ, LUÂN HỒI, NGHIỆP BÁO VÀ TỔ ẤM VIỆT NAM

Thích Đức Nhuận

Trong kho tàng Cổ Tích Việt Nam kể chuyện Tấm Cám được Bụt hiện xuống cứu người lành: “Tấm, Cám là hai chị em cùng cha khác mẹ. Tấm là con bà vợ cả; còn Cám, con bà vợ lẽ. Bố của chúng không may mất sớm. Sau đó mẹ Tấm cũng mất. Nó ở với Cám và dì ghẻ là mẹ của Cám. Bà dì ghẻ ác độc hành hạ Tấm đủ điều oan khuất. Tấm đã bao phen chìm nổi luân hồi, khi là hình thái trái thị, khi là hình thái chim vàng anh... Bụt thấy thương tâm hiện ra cứu độ cho Tấm bé bỏng hiền lành. Ở hiền gặp lành, sau Tấm hưởng phúc được hoàng tử cưới làm vợ.”

Hẳn ta chưa quên tích Truyện Mai An Tiêm buôn bán với người ngoại quốc. Truyện Cây Nêu và Tấm Áo Cà Sa, Truyện Trầu Cau với sự luân hồi thác sinh thành cây, đá v.v... Tất cả đều nói lên sự liên lạc văn hóa Ấn — Việt. Được biết: dưới thời Sĩ Nhiếp cai trị nước ta từ năm 182 đến năm 226, thì văn hóa Trung Hoa, hay nói khác là Nho giáo và Lão giáo, lúc ấy đã chính thức công khai truyền bá ở Giao Châu; hệ thống giáo lý của hai đạo này không có các tích kể trên, qua các truyền thuyết đời Hùng Vương. Với những mẩu truyện trên, ta thấy: người Việt đã tiếp nhận giáo lý Nhân Quả, Luân Hồi và Nghiệp Báo của đạo Phật một cách hết sức tự nhiên, không do dự, như tiếp nhận sự phát minh của chính mình vậy.

... Kể từ đời Hùng Vương mở nước, đóng đô ở đất Phong Châu, người Việt đã sớm ý thức: chỉ có sự thuần nhất mới có thể tồn tại để phát

triển và tiến hóa. Dù rằng buổi ban đầu sự sinh hoạt của xã hội Văn Lang hãy còn theo lối bộ lạc, nhưng sự thuần nhất trong ý chí đoàn kết đã được thể hiện một cách trọn vẹn để vượt thắng các trở ngại và duy trì cho sự tồn tục của giống nòi.

Thật vậy, vì ý thức Tự Chủ của dân tộc Việt trải qua hơn một ngàn năm bị người Hán thống trị đất nước, từng làm đau khổ giống nòi ta, nên người Việt đã sớm **thức tỉnh** nhận rõ đã tâm hồn tính của họ nên đã cương quyết tử thủ, ôm chặt lấy những gì thuộc truyền thống của tổ tiên, **để bảo trì nếp sống, phong hóa, ngôn ngữ sáng, bén, lối y phục, cách ăn ở, xử thế; tâm hồn thì bao dung rộng mở...** điển hình như việc sử dụng chữ Nho mà người Việt đọc khác người Hoa, và đã sáng chế ra một thứ chữ riêng, thứ chữ Nôm. Chữ Nôm là một lối chữ mượn ở chữ Nho rồi ghép thêm một chữ làm thanh phù mà tạo thành, đọc theo tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt). Đó là óc sáng tạo đặc thù của người Việt đối kháng lại với mọi áp lực nguy hiểm của người phương Bắc, chỉ muốn đồng hóa dân tộc ta.

Với lối sống đặc thù của người Việt khác với lối sống của người Hán... Người Việt suy nghĩ, nói năng và hành động nhất nhất đều y cứ vào đại tiền đề: lấy “Tổ ấm” làm căn bản chung, nên không bao giờ người Việt chấp nhận có sự tương tranh vì ý hệ hoặc mưu cầu danh lợi cho riêng cá nhân hay một tập thể nào, rồi gây bè kết đảng hòng tiêu diệt lẫn nhau. Những ai đi ngược lại truyền thống ấy đều coi là nghịch lý,

nhất định bị đồng bào chối bỏ, coi họ như những người dị chủng.

Chính quan niệm “Tổ ấm” được coi như linh hồn của Tổ quốc mà người Việt còn tồn tại đến ngày nay, không bị đồng hóa. Cá nhân làm việc để phục vụ Tổ ấm vì quan niệm quốc gia là đại Tổ ấm. Người Việt biết trọng phép nước, nhưng không bao giờ chấp nhận bất cứ nhân vật hay một tập thể nào coi đó là “khuôn vàng thước ngọc” lúc nào cũng đúng, cũng hay, cũng giải quyết được hết mọi vấn đề rắc rối qua mọi không — thời gian và mọi hoàn cảnh khác nhau. Vì vậy, hễ chỗ nào, nơi nào có người Việt — *chúng tôi muốn nói những người Việt chân chính* — sinh tụ thì chỗ ấy, nơi ấy, không có vấn đề nhân danh, hoặc nịnh trên nạt dưới, bất hiếu, bất trung, bất nhân, bất nghĩa... Dòng Bách Việt sống êm đềm, thương yêu nhau, không gây thù, trả oán, tranh dành xâu xé, chà đạp lẫn nhau... nhằm đạt cho được cái danh cái lợi hão huyền, đến nỗi hãm hại nhau; nhưng đôi khi cần chống kẻ ngoại xâm để bảo toàn cương giới quốc gia thì dù phải hy sinh tính mệnh cũng không từ nan, một ý chí kiêu hùng của nòi giống Việt.

Với những tấm gương sáng mà muôn đời con cháu vua Hùng vẫn tự hào:

* Năm 542; vị khai quốc LÝ NAM ĐẾ (LÝ BÍ) đánh đuổi tên thái thú Tiêu Tư (nhà Lương) và bè lũ phải bỏ trị sở chạy về nước; lập nên nước Vạn Xuân, mở đầu nền Tự Chủ ở nước ta.

* Năm 938, NGÔ VƯƠNG QUYÊN đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, giết thái tử Hoàng Thao tại trận, khiến Hán chủ đành nuốt hận thu quân về Tàu.

* Năm 1077, vị anh hùng dân tộc LÝ THƯỜNG KIỆT đại thắng quân nhà Tống trên sông Nhự Nguyệt, khiến lão tướng Quách Quỳ phải phủ phục đầu hàng.

* Năm 1258, vua TRẦN THÁI TÔNG và Hưng Đạo đại vương TRẦN QUỐC TUẤN chiến thắng quân Mông Cổ ở mặt trận Đông Bộ

Đầu, giải phóng thủ đô Thăng Long.

* Năm 1285, vua TRẦN NHÂN TÔNG và Quốc công tiết chế thống lĩnh quân đội kháng chiến chống quân Nguyên TRẦN QUỐC TUẤN, đã đánh tan giặc Mông Cổ, chém đầu Toa Đô ở Vạn Kiếp.

* Năm 1288, vua TRẦN NHÂN TÔNG và Thượng phụ TRẦN QUỐC TUẤN đại phá quân Nguyên trên sông Bạch Đằng, bắt sống các tướng Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ Cơ... khiến tên tổng chỉ huy Thoát Hoan khiếp đảm phải vội vã rút quân về nước.

* Năm 1427, Bình Định vương LÊ LỢI và mưu sĩ NGUYỄN TRÃI, sau mười năm kháng chiến chống giặc Minh và đã toàn thắng, nối lại nền tự chủ của nước nhà.

* Năm 1789, Bắc Bình vương NGUYỄN HUỆ, chiến thắng quân Thanh ở trận Đống Đa (gần Hà Nội ngày nay) khiến cho bại tướng Tôn Sĩ Nghị phải “vứt bỏ tất cả sắc thư, ấn tín để lo thoát thân,” sau bảy ngày đêm mới đến được trại Nam Quan.

... Vì danh dự của Tổ ấm mà người Việt không bao giờ hành động một cách cầu thả. Và quan niệm hạnh phúc là do Tổ ấm để lại cho con cháu muôn đời về sau:

*“Người trồng cây bách người chơi
Ta trồng cây đức để đời mai sau.”*

Do đó mà trong nhiều đời con cháu phải hương đăng thờ tự trân trọng giữ gìn cái “Chí lớn” của tổ tiên:

*“Cây xanh thì lá cũng xanh
Cha mẹ hiền lành để đức cho con.”*

Vì quan niệm Tổ ấm mà người Việt lúc nào cũng tỉnh táo, bình tĩnh, và cương quyết trong mọi hành động trong ý niệm “âm phù dương trợ,” lúc nào cũng coi như có ông bà, tổ tiên theo dõi, chỉ dẫn, vì nghĩ rằng: “Sự tử như sự sinh” coi khi chết cũng như lúc còn sống, không khác.

Đạo đức cương yếu của người Việt chính là quan niệm “phúc đức Tổ ấm” vậy (1).

Thuyết “Tam cương Ngũ thường” của Nho giáo chỉ chiếm một chỗ rất nhỏ trong diều lý “phúc đức Tổ ấm” mà thôi. Thật vậy, người Việt trước khi hành động bất cứ một việc gì, còn phải đắn đo xem có đụng chạm đến Tổ ấm và hại đến ai không đã. Quan niệm đạo đức này đã liên kết được toàn dân trong một sự thuần nhất, không cần phải “dân tứ tước ngũ” (2) gây bè kết đảng rồi khinh khi nhau, làm suy yếu tiềm năng quốc gia. Đây là ta chưa nói đến hậu quả thảm khốc chạy theo hình thức chủ nghĩa, duy lạc hưởng thụ, kỳ thị đẳng cấp... thiếu hẳn căn bản để sống một cuộc sống cho ra sống, nghĩa là sống tốt đẹp hơn (3).

Nói tóm lại, các cá nhân đều coi mình như là một thành phần cộng đồng của Tổ ấm. Phúc đức xuất phát từ Tổ ấm rồi lại về Tổ ấm. Tổ ấm (nhỏ) là gia đình và (lớn) là quốc gia, đều được tôn trọng. Cảnh thái bình, hạnh phúc, giải thoát là những mục tiêu thiết thực đã được người Việt xưa cũng như nay chấp nhận và thực hiện sự lao tâm khổ tứ của người Việt cốt để củng cố cho thân mệnh, tuệ mệnh, của cá nhân cũng như của Tổ ấm, là nhằm đạt tới Giác Ngộ Giải thoát, chứ không mang tâm ích kỷ để thôn tính, tiêu diệt nhau.

Bây giờ ta thử xét qua một vài **đặc tính văn hóa dân tộc và văn hóa Phật giáo**, có thể nói: hai nền văn hóa tuy hai mà một — tự bản thân của nó đã có những nét hòa đồng mẫu nhiệm một cách kỳ diệu:

VỀ THỰC TẠI CUỘC SỐNG

Người Việt sống tôn sùng thờ cúng Tổ tiên, mà Phật giáo cũng triệt để kính trọng, và còn đặt ra những nghi lễ thích hợp với nhu cầu dân tộc, như lễ “Nhập Liệm, Qui Lăng,” hay lễ Vu Lan Báo Hiếu v.v... Tục ngữ Việt Nam có câu: “Tháng bảy ngày rằm xá tội vong nhân...”

* Dân tộc Việt Nam thường ưa chuộng “nâu, lam” thì hiện nay các tăng sĩ Phật giáo đều giữ được sắc thái riêng biệt ấy hơn ai hết. Trong bài Trường Ca Mẹ Việt Nam, phần mở đầu, nhạc sĩ Phạm Duy đã viết:

*Mẹ Việt Nam
không son không phấn
Mẹ Việt Nam
chân lấm tay bùn
Mẹ Việt Nam
không mang nhung gấm
Mẹ Việt Nam
mang tấm nâu sồng...*

* Dân tộc ta giàu đức tính tiết kiệm, ít có ham muốn quá đáng, nên hay “hưởng thụ bình quân,” như đời Lê Phân Điền chẳng hạn. Thì trong Phật giáo dạy thực hành “bình đẳng, thiếu dục, vị tha...”

* Tinh thần “tự lực cánh sinh” của dân tộc ta thật phong phú, về ý hệ, người Việt tự hào đã có bốn ngàn năm văn hiến; và về võ công thì qua các đời: Ngô, Lý, Trần, Lê, Nguyễn ông cha ta đã từng chiến thắng oanh liệt các kẻ thù xâm lăng dưới các thời: Hán, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, và như lịch sử đã chứng minh: dân tộc Việt sống hiên ngang kiêu hùng bất khuất. Xét trong đạo Phật có thuyết “Đại hùng, đại lực.”

VỀ MẶT SÁNG TÁC

Trong suốt dọc dài lịch sử (có thể nói) hầu hết những sáng tác phẩm văn học nghệ thuật do người Việt viết, hoặc phóng tác, không nhiều thì ít, đều đã chịu sự ảnh hưởng của thuyết **nhân quả, luân hồi, nghiệp báo** của Đạo Phật.

Thật vậy, người Việt Nam, từ lúc nằm nôi từng đã được nghe các bà mẹ kể cho nghe những câu ca dao, tục ngữ:

*“Ở hiền thì lại gặp lành
Ở ác gặp dữ tan tành ra tro.”*

(hay tội dành vào thân).

"Sống đục sao bằng thác trong.

Ba vương sánh với bảy tròn,

Đời cha nhân đức đời con sang giàu."

"Làm việc phi pháp sự ác đến ngay."

v.v...

Cùng trong những mẫu chuyện mang một nội dung tương tự, như: *Tám Cám, Truyền Kỳ Mạn Lục, Quan Âm Thị Kính, Nhị Độ Mai, Phan Trần, Đoạn Trường Tân Thanh, v.v...*

Chẳng hạn, *Truyện Tám Cám*, Bụt hiện ra để cứu giúp người lành. *Truyện Kỳ Mạn Lục*, với lý nhân quả nghiệp báo được tác giả viện dẫn bằng bạc trong khắp các truyện — dĩ nhiên trong đó tác giả có đề cập luân lý Khổng Mạnh — nhằm giải thích những tình huống éo le như người có hạnh mà nghèo, kẻ bất nhân lại khá, bằng lối sống, "đầu thai chuyển kiếp," như truyện *Nghiệp Oán Của Đào Thị, truyện Gã Trà Đồng Giáng Sinh...*

Ta hãy nghe Nguyễn Dữ kể về câu chuyện Gã Trà Đồng:

... "Có hạnh mà nghèo, hoặc bởi tội khiên kiếp trước: bất nhân mà khá, hẳn là phúc thiện đời xưa. Tuy rằng khó biết sâu xa, nhưng thực không sai tơ tóc. Cho nên không nên lập luận một bề và xem trời một mặt (xem *Truyện Kỳ Mạn Lục* của Nguyễn Dữ bản dịch Trúc Khê.)

Dưới đây là những câu trích trong các truyện *Quan Âm Thị Kính, Nhị Độ Mai, Phan Trần, Đoạn Trường Tân Thanh*:

"Đoái trông thế sự nực cười

Như đem trò rối mà chơi khác gì."

(QATK, câu 335-336)

... "Cho nên mến cửa Từ Bi

Dám xin nhờ đức Tăng, Ni mở lòng."

(QATK, câu 343-344)

Truyện Nhị Độ Mai:

"Trời nào phụ kẻ trung trinh

Dầu vương nạn ấy, ắt dành phúc kia

Danh thơm muôn kiếp còn ghi

Để gương trong sạch, tạc bia dưới đời."

(Nh. D.M. câu 7-10)

Truyện Phan Trần:

"Xa xa phảng phất hành lang

Đức Quan Âm đã giáng sinh bao giờ."

(Ph. T. câu 391-392)

"Sư còn lân mẫn chúng sinh

Xin thương đến tấm lòng thành mấy nao."

(Ph. T. câu 401-402)

Đoạn Trường Tân Thanh hay *Truyện Kiều* với những triết lý về nghiệp báo:

"Kiếp này nợ trả chưa xong

Làm chi thêm một nợ chồng kiếp sau."

(ĐTTT, câu 1019-1020)

"Đã mang lấy nghiệp vào thân

Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa

Thiện căn ở tại lòng ta

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài..."

(ĐTTT, câu 3249-3252)

Những truyện ngụ ngôn, có tính cách luân lý và nhân quả thường quán quýt lấy nhau. *Kéo Cày Trả Nợ, Âm Đức, Hai Vợ Chồng Con Chiền Chiện, Ông Sư, Chèo Cờ và Vẹt, Phù Du và Đom Đóm, v.v...*

Và còn biết bao nhiêu đặc tính khác của Phật giáo rất phù hợp với dân tộc tính, dân tộc tình, dân tộc trí, đã làm nảy nở trong những nếp sống hằng hữu để vươn lên cuộc sống trong sáng, cao cả, toàn mỹ. Đó là những nét điển hình để chứng minh rằng văn hóa Phật giáo và văn hóa dân tộc có những mối duyên gặp gỡ rất đồng nhất tế nhị. Có thể nói hai nền văn hóa tuy hai mà một.

... Không chỉ riêng nước Việt Nam mà đối với bất cứ một nước nào khi đạo Phật truyền tới cũng đều được các nhóm dân tộc hoan hỷ long trọng tiếp nhận, không nơi nào và chẳng lúc nào bị ruồng bỏ, bởi vì đạo Phật là đạo Từ Bi, lấy tình thương làm động lực phát triển lòng Từ, lấy trí tuệ làm mục tiêu nhắm tới Giác Ngộ Giải Thoát Con Người.

Một triết lý cao đẹp như thế ở xã hội nào, thời gian hay hoàn cảnh nào mà không thích hợp, vĩnh viễn.

Được như vậy là vì đạo Phật có một tôn chỉ rất rộng rãi: tôn trọng những đặc tính của mỗi dân tộc, mà chỉ cần khai thác phần NHÂN TÍNH để hỗ trợ, với mục đích dìu dắt con người đạt tới đích Chân Thiện Mỹ; và khi đạo Phật đến dân tộc nào cũng vẫn kính trọng nếp sống cổ truyền, những phong tục sẵn có... **Chỉ vì tinh thần giáo lý Giác Ngộ Giải Thoát Tự Chủ của đạo Phật không bao giờ trái với sự việc nào, bất cứ ở đâu, hạng người nào, khi họ biết hướng đến chân lý.**

ĐẠO PHẬT VÀ DÒNG SỬ VIỆT vẫn mãi mãi sống đẹp và tươi sáng!

Nước Việt Nam dù trải trên mười thế kỷ chung đụng với văn hóa Trung Hoa nhưng khi nguồn văn hóa GIÁC NGỘ GIẢI THOÁT và TỰ CHỦ của đạo Phật truyền vào Việt Nam thì người Việt đã hân hoan lấy đó làm ngọn đuốc thắp sáng cho cuộc cách mạng giải phóng giống nòi khỏi ách thống trị của người phương Bắc, giành lại quyền tự chủ, độc lập cho Tổ quốc mến yêu.

Việt Nam là nơi hội tụ các tầng tài khắp bốn phương, nên tinh hoa đạo Phật Việt luôn luôn đượm sắc thái đặc biệt, trong những thời gian hoàn cảnh đặc biệt. Đạo Phật đối với dân tộc Việt Nam được coi như thứ vũ khí tinh thần hiệu nghiệm, để vừa đối kháng với nền văn hóa Trung Hoa, vừa thâm nhập những tinh hoa của nền văn hóa đó rồi dung hóa cả hai nền văn hóa ẤN — Hoa hợp với tinh thần “Lối sống” của người Việt hình thành một nền văn hóa Việt Nam sống động trong tâm tư mỗi người và trong cuộc sống dân tộc. Phật giáo đã kích động tinh thần tự chủ của người Việt. Và, từ đó đưa đến đòi hỏi một nền tự chủ dân tộc. **Khi một nền văn hóa đã có cá tính khác biệt với nền văn hóa của đế quốc thì công việc đấu tranh**

giành độc lập chỉ còn là công việc thời gian mà thôi. Chính vì vậy mà trước kia, trong lịch sử đạo Phật Việt, các vị thiền sư đã cùng với dân tộc Việt Nam phấn đấu cho một nền Tự Chủ vẻ vang của dân tộc.

(Trích từ *Đạo Phật Và Dòng Sử Việt* của Hòa Thượng Thích Đức Nhuận)

Chú thích:

(1) Cách nay khoảng 30 năm, tôi nhớ, trên những chuyến đò ngược xuôi, người xẩm mù lòa chuyên đi hát rong và thường mang theo mình cây đàn nhị, hoặc chiếc trống bỏi, có khi một ống sáo, đi kèm bên một em bé dẫn đường, tay cầm chậu thau để xin sự “bố thí” của đồng bào thập phương; anh ta vừa kéo nhị (hoặc đánh trống, thổi sáo) và nghêu ngao hát những câu (giọng khăn khăn):

“Phúc đức Tổ ấm, bà ơi!

Làm duyên làm phúc cho tôi với nào.”

Cũng có khi người ta nói: “Phúc đức tại mẫu, bà ơi”, hay “ông ơi,” “anh ơi,” “chị ơi,” “cô ơi...”

Hai chữ “phúc đức” đã là Nguồn Sống tràn trề hy vọng mà lẽ nhân quả luân hồi tội phúc báo ứng của Đạo Phật đã gieo vào tiềm thức sâu thẳm của giống nòi Lạc Việt, để mỗi ngày vun bồi cho cây “đức” thêm xum xuê, tươi tốt.

(2) Trong thơ NGUYỄN CÔNG TRÚ có câu:

“Dân hữu tứ, sĩ chi vi tiên

Tước hữu ngũ sĩ cư kỳ liệt.”

(3) Chúng tôi đề nghị độc giả nên đọc thêm cuốn *“Đạo Phật Với Con Người”* của Hòa Thượng Tâm Châu.



XÁC LẬP QUAN HỆ TRẬT TỰ THẾ GIỚI

Lý Đại Nguyên

Chiến tranh lạnh đã chấm dứt. Các chế độ thực dân, phát xít đã bị tận diệt. Những nước cha đẻ của các chế độ đó, đã lần lượt lên tiếng xin lỗi loài người về những sai lầm của tiền nhân họ. Chế độ Cộng sản đã bị nát đầu, những bộ phận còn lại cũng đang đầu hàng cơ chế sinh hoạt kinh tế thị trường tự do. Hoa Kỳ nghiêm nhiên trở thành một siêu cường: Quân sự, kinh tế, chính trị.

Quân sự: không thể chối được, Mỹ hiện nay có tiềm năng quân sự vĩ đại, về cả nhân lực, tài lực, vũ lực, đủ sức khống chế địa cầu trên không lẫn trên biển, khống chế luôn những hệ thống điều khiển các loại vũ khí chiến lược phải dùng tới điện toán để sử dụng, của bạn, cũng như của đối phương. Vì Mỹ đang dẫn đầu về kỹ nghệ điện toán mà ưu tiên của ngành này đương nhiên phải nhường cho Quốc phòng Mỹ.

Kinh tế: Mỹ thắng được Quốc tế Cộng sản không phải bằng vũ lực mà đích thực là thắng về sức mạnh kinh tế. Chạy đua vũ trang nâng cấp vũ khí, chỉ nhằm làm kiệt quệ kinh tế đối phương. Kinh tế bên nào mạnh bên đó thắng. Mỹ đã thắng, Nga đã thua. Thế giới Cộng sản tan rã. Nga đi vào kinh tế thị trường và xây dựng chế độ Dân Chủ. Trung Cộng, Việt Cộng cũng phải làm kinh tế thị trường mới tồn tại. Thị trường tiêu thụ của Mỹ được xem như "cái nôi" nuôi các nền kinh tế đang phát triển. "Tối Huệ Quốc," Mỹ dành cho nước nào, nước đó có cơ cất mình lên được. Kinh tế Mỹ được xếp đứng đầu kinh tế phát triển hiện nay. 71% khối lượng

Mỹ kim đang lưu hành ngoài nước Mỹ.

Chính trị: chế độ tự do Dân Chủ pháp trị, được Mỹ vun bồi ngay từ ngày lập quốc đến nay, đã thực sự trưởng thành, nhân quyền và dân quyền của người Mỹ được đảm bảo thực sự. Nền tự do truyền thông báo chí trở thành một lực đẩy vĩ đại quyết liệt, buộc các cơ chế chính quyền phải nghiêm chỉnh làm đúng phần vụ của mình và đưa những giá trị tự do, luật pháp tới từng người, từng nhà, góp phần vào việc nâng cao dân trí và hiểu biết về mọi mặt sinh hoạt của đất nước. Khiến các nhà lãnh đạo, những người lập chính sách và ngay cả lực lượng tài phiệt thường ẩn mặt sau hậu trường chính trị cũng không dám quên yếu tố ý thức quần chúng trong việc ấn định chiến lược lâu dài của nước Mỹ. Nước Mỹ sau chiến tranh lạnh đã chọn nhân quyền làm trung tâm tư tưởng chỉ đạo cho chính sách đối ngoại.

Văn hóa: là một Hiệp Chúng Quốc với căn bản là: Con người tự do, tự chủ, sáng tạo, người Mỹ, pháp luật Mỹ triệt để tôn trọng và khuyến khích duy trì phát triển Đa văn hóa. Như vậy nước Mỹ trở thành một thế giới thu nhỏ, trong đó mọi bản sắc ĐẸP, SÁNG, MỚI của các nền VĂN HÓA dân tộc đều có cơ hội gặp nhau để cùng khoe sắc, cùng trao đổi lẫn nhau, tạo thành cơ duyên cho một cuộc đại DUNG HÓA VĂN HÓA TOÀN CẦU, góp sức thúc đẩy thời đại NHÂN CHỦ HÒA BÌNH PHÁT TRIỂN toàn diện.

Như thế xét về mặt tư tưởng, văn hóa người

dân Mỹ chẳng bao giờ trở thành những kẻ thực dân, nước Mỹ chẳng bao giờ trở thành đế quốc đi thống trị nước khác, mà người Mỹ có đầy đủ điều kiện để trở thành những đại tư bản, những nhà đầu tư giỏi mà đầu tư sinh lời nhất, không tìm được ở các xứ ĐỘC TÀI LẠC HẬU mà phải tìm ở những thị trường TỰ DO DÂN CHỦ. Bởi vậy nước Mỹ trở thành nước dẫn đầu đòi hỏi NHÂN QUYỀN không lấy gì làm lạ. Hy vọng, rồi ra các nhà đại tư bản Mỹ, sẽ theo gương của ông Ted Turner đã đóng góp cho quỹ nhân đạo Liên Hiệp Quốc 1 tỷ Mỹ kim, để nhân loại tìm được giá trị tình thương và trách nhiệm của con người vượt lên trên quyền lợi vật chất.

LỤC CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC HOA KỲ

Trong thời chiến, kỹ nghệ chiến tranh của Mỹ, đã được tư bản dồn vốn vào, cuốn hút toàn bộ năng lực khoa học và sáng kiến của dân Mỹ, làm thành nền kỹ nghệ mũi nhọn hàng đầu của nền kinh tế Mỹ. Nhất là vào đúng thời nước Mỹ quyết định dẫn thân bước lên vũ đài Quốc tế để tranh thắng với các thế lực thực dân phát xít, Cộng sản... Bởi đó hệ thống tài phiệt kỹ nghệ chiến tranh đã nghiêm nhiên trở thành lực chủ soái chỉ đạo chiến lược toàn cầu của Mỹ.

Các nhà dự trù chiến lược, các nhà lãnh đạo của hai đảng Dân Chủ, Cộng Hòa, không thể làm khác hơn là phải dựa vào nhu cầu chiến tranh và lực đẩy của kỹ nghệ chiến tranh nước Mỹ mà hình thành chiến lược căn bản cho nước mình. Và đây cũng là chính sách chung của Lương đảng, bất cứ vị tổng thống của đảng nào lên cầm quyền khi còn các đối tượng chiến tranh, cũng phải nắm vững được hướng phải tới của Mỹ, nếu đi trệch đường, nặng thì như T.T. Kennedy, nhẹ thì như T.T. Nixon, đều phải giữa đường đứt gánh.

Khi các đối tượng chiến tranh của Mỹ đã

hết, nhu cầu hòa bình là nhu cầu nóng bỏng nhất của dân Mỹ và của toàn thể thế giới, nhưng những đầu tư cho kỹ nghệ chiến tranh vốn đã quá to lớn, ngay một lúc, không thể bảo ngưng là ngưng được. Sự thật thì vì sự sụp đổ của khối Cộng sản Đông Âu và Liên Xô quá mau, mau ngoài sự dự liệu của các nhà thực hiện chiến lược Mỹ. Thế nên đã tạo ra một sự hụt hẫng khắp mặt trong sinh hoạt Mỹ.

Người Mỹ chưa có một nhãn quan mới về thế giới thời bình. Vẫn còn cố nhận mặt cho bằng được các đối thủ mới, đi tìm thế đối trọng mới, để tiêu thụ vũ khí và kiếm việc cho kỹ nghệ chiến tranh, nhưng đều không tìm thấy, hoặc đã tìm được mà vì quá nguy hiểm cho chính an ninh Mỹ, nên phải bỏ, và tìm hết cách để nó không đủ sức đưa nhân loại vào một cuộc tranh chấp mới.

Sau hiểm họa Cộng sản có sức đe dọa toàn cầu, hiện nay không một thế lực nào đủ tầm cỡ như Cộng sản nữa. Ngoại trừ sự **xung đột Tôn giáo** và **xung đột Dân tộc Chủn tộc**. Tôn giáo thì tương đối có tầm cỡ thế giới, còn dân tộc thì chỉ có tính cách địa phương. Ngoại trừ dân tộc Trung Hoa, ở nước nào cũng có người, và ở chính quốc thì họ đang chiếm 1/5 dân số thế giới. Hai hiểm họa **Tôn giáo quá khích**, **Dân tộc quá khích** nếu bị khai thác kích động để dẫn tới các cuộc thánh chiến và tử chiến thì chiến tranh chưa biết lúc nào xảy ra mà các cuộc khủng bố tự sát thì thực sự nguy hiểm ở ngay cho các đối phương. Chính vì vậy mà ngay sau hiểm họa cộng sản, chính sách Mỹ đặt khung bố lên mục tiêu hàng đầu phải tiêu diệt. Tiêu diệt từ gốc là chủ trương Tự do Tôn giáo, triệt để tháo gỡ những xung đột về tôn giáo nếu có, nhất là không để các nước có chung một tín ngưỡng trở thành một khối tín ngưỡng quá khích.

Chính sách về Trung Đông của Mỹ hiện nay nằm trong chiều hướng đó. Vừa thúc đẩy Do Thái nhượng bộ khối Á Rập, đổi đất lấy hòa

bình. Đưa Do Thái bước dần ra khỏi vòng đối thủ của các nước lân bang; vừa thiết lập quan hệ tốt với các nước lớn tại Địa Trung Hải và Hồng Hải, thẳng tay với các đối thủ quá khích trong vùng Vịnh. Chính sách ba bậc: *bạn làm ăn, người giao dịch, và kẻ bị răn đe* của Mỹ đối với các nước Hồi giáo Á Rập đang áp dụng rất khít khao, mặc dù Do Thái luôn luôn tỏ ra muốn phá bĩnh.

Có lẽ vấn đề quan tâm hàng đầu của Mỹ là ngăn các nước có kỹ thuật nguyên tử, không được để cho loại vũ khí nguy hiểm này rơi vào trong tay các nước Á Rập. Vũ khí nguyên tử ở tay bất cứ nước nào, cũng là để tuyên truyền làm oai, nhưng ở các nước Á Rập thì khó tránh khỏi việc đem ra liệng vào đầu đối thủ. Liên Xô trước kia và Trung cộng hiện nay muốn đối tác với Mỹ, thì phải nghiêm chỉnh tôn trọng việc không được phổ biến vũ khí nguyên tử, nhất là đối với các nước Hồi giáo.

Còn nếu cứ đẩy Trung cộng vào thế đối nghịch, để buộc Trung Hoa lấy khối người vĩ đại ấy làm thế đối trọng cho việc sản xuất vũ khí thì một là Trung cộng không đủ sức, muốn đủ sức thì phải vận dụng tới tinh thần dân tộc con trời của Hán tộc, mới mong có tinh thần để làm việc đương đầu với Mỹ, còn tinh thần Cộng sản đang thoái trào. Hai là nếu thực sự tinh thần dân tộc của người Tàu bùng lên được, thì sự chống đối của những người quyết liệt theo đạo Hồi hiện nay đối với các nước Phương Tây và Mỹ, nó sẽ kéo dài hàng mấy thế kỷ chưa chắc đã yên.

Nhân loại muốn được yên để phát triển, các khối kinh tế được hình thành, các thị trường tự do tìm được đất đua nở, từng bước một kinh tế Mỹ phục hồi trước thách đố của các thị trường Nhật và Tây Âu. Kỹ nghệ chiến tranh của Mỹ thu nhỏ lại, kỹ nghệ thời bình tiến lên chiếm lĩnh thị trường. Chỉ trong vòng 5 năm sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt, kinh tế Mỹ đã tìm

đúng hướng phát triển. Tư tưởng thời bình đã thay cho tư tưởng thời chiến. Vấn đề giết chóc bị đẩy vào quá khứ. Vấn đề: **ăn, mặc, ở, đi, học, bệnh, việc, giải trí, và nhu cầu thông tin nhanh, đúng, gọn** v.v... được kỹ nghệ tận lực phục vụ đã tiến lên lấp đầy nền kinh tế Mỹ.

Kỹ nghệ điện toán được ghi nhận là mũi nhọn của tiến bộ ngày nay, nó chấp cánh cho các ngành sinh hoạt cùng bay lên, nhưng nó lại không thể thay chỗ cho kỹ nghệ chiến tranh của thời chiến. Mà **trung tâm điều động và chỉ đạo chiến lược thời bình nghiêm nhiên phải nhường cho TẬP ĐOÀN TÀI CHÁNH, NGÂN HÀNG**. Không người dân Mỹ nào, không một dịch vụ thương mại nào, không một sở làm ăn nào, không một xí nghiệp nào, lại không liên quan tới ngân hàng, nhiều hay ít cũng không thể thoát là con nợ của ngân hàng. Ngay chính phủ Mỹ cũng lại là con nợ lớn nhất vĩ đại nhất của ngân hàng. Vì thường thì, các ngân hàng giữ trong tay nhiều trái phiếu của chính phủ. Chính phủ Mỹ không được quyền in tiền và phát hành tiền, như ở các nước khác, điều này tránh cho nước Mỹ khỏi tai họa; chính phủ thiếu tiền thì cứ in ra mà tiêu như các nước độc tài, rồi đẩy kinh tế quốc gia vào tình trạng lạm phát tiền tệ. Chính phủ thiếu tiền thì phải phát hành trái phiếu để vay dân, và phải trả tiền lời. Cơ quan phát hành giấy bạc và căn cứ vào nhu cầu thực tại của thị trường để tăng giảm lãi suất, nhằm điều hợp thị trường, nằm trong tay Quỹ dự trữ liên bang, do tư nhân quản trị. Đỉnh cao của chế độ tư bản là đó.

Càng đi sâu vào kinh tế thị trường tự do, càng thấy vai trò của ngân hàng đang vươn tay dài để ôm trọn thế giới, tập đoàn tài chánh tiến lên làm chủ địa cầu, bởi thế mới có quan niệm thế giới đang tiến vào nền kinh tế toàn cầu, đúng là hai cơ quan Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) và ngân hàng phát triển thế giới (WB) đang được cả thế giới nhìn nhận sắm vai trò **Điều hợp nền**

kinh tế thế giới. Vừa làm cảnh sát, vừa đưa ra các biện pháp khắc khe, buộc các nước muốn phát triển, phải thay đổi từ luật lệ quốc gia, tới cung cách điều hành kinh tế, và bỏ những thói tùy tiện tham nhũng... để đúng với nhịp độ và tiến trình kinh tế thị trường tự do toàn cầu.

Tuy nhiên mặt khác, mặt an ninh, các nhà tư bản vẫn phải dựa hẳn vào quốc gia mình. Vì dù làm ăn bất cứ nơi nào, quốc gia họ vẫn phải đảm bảo an toàn cho vốn liếng của họ, chính phủ giữ phần bảo hiểm, chính vì vậy mà vai trò của nhà nước trở nên hết sức quan trọng, chính phủ mỗi quốc gia phải sắm vai trò vừa bảo vệ thị trường vừa tìm kiếm thị trường để cho tư bản nước mình đầu tư cũng như xuất cảng hàng hóa.

Thế nên về mặt hình thái thì kinh tế thế giới mang tầm vóc toàn cầu, nhưng nội dung thì vẫn có những nước giàu, có nhiều ưu thế hơn. Các nước nhỏ đang tích cực hợp lại thành các khối kinh tế lớn, để đủ sức tranh đua với các nước mạnh, có nền kinh tế vững, có tầm với xa. Rồi vì mặc cảm quá khứ, nên dù buộc phải làm ăn chung với nhau, dựa vào nhau để phát triển, mà vẫn tạo ra cho nhau những ngộ nhận dẫn đến các tai họa khôn lường.

Cuộc khủng hoảng tiền tệ tại Á Châu hiện nay đang là một trận khảo đả quyết liệt đối với các nền kinh tế mới phát triển, đột nhiên vươn lên thành Rồng Cọp. Nếu thực sự là Rồng Cọp, tức là có nền kinh tế phát triển “Đặc” thì tự mình cứu được mình, còn nếu là nền kinh tế “Rồng” chỉ dựa vào những kỹ nghệ phù phiếm như du lịch địa ốc... thì phải nhờ đến sự cứu nguy của IMF và WB, mà phải chịu sự thay đổi từ bản chất chế độ, dưới sự kiểm tra nghiêm ngặt của hai cơ quan tài chính quốc tế này. Lúc đó thì đừng có lớn tiếng biện minh cho những gì gọi là chủ quyền, không được can thiệp vào nội bộ dân tộc.

Muốn có được niềm kiêu hãnh về chủ động dân tộc, thì các chính phủ phải luôn luôn nghĩ

tới DÂN, tạo ra được sự tín nhiệm triệt để với dân. Chính **nền Tự do Dân chủ pháp trị** nghiêm chỉnh, trong sạch lấy **con người làm cứu cánh**, mới tạo nổi niềm Tin cho người dân. Nước Mỹ hiện nay, dù còn những khiếm khuyết cần phải sửa, nhưng trên đại thể chế độ Dân chủ pháp trị đã tạo được niềm tin nơi dân chúng và cả thế giới. Ngân hàng và các dịch vụ ngân hàng đều phải dựa vào niềm Tin. Niềm tin của dân đặt vào nền kinh tế Mỹ, nên thị trường chứng khoán New York chỉ bị ảnh hưởng xấu của Á Châu có một ngày thứ 5 đen cuối tháng 10 vừa qua. Trong khi đó nước Nhật là siêu cường kinh tế thứ 2 thì vì vẫn để các ngân hàng và các công ty mua bán chứng khoán sinh hoạt tùy tiện, nên khi công ty tài chính Yamaichi tuyên bố bỏ cuộc thì niềm Tin của dân Nhật và các nhà đầu tư sụp đổ. Để lấy lại được niềm Tin đã mất, Nhật cần phải cải tổ cơ cấu tài chính của mình theo hướng tự do pháp trị; và phải lôi quỹ dự trữ ngoại tệ thặng dư ra hàng trăm tỷ mới mong phục hồi được. Đấy nhờ Nhật là một trong những nước có nền kinh tế “Đặc.” Nam Hàn cũng thuộc nền kinh tế Đặc nhưng dễ mất niềm Tin, nên cũng rơi vào vòng cuồng phong tiền tệ Châu Á. Nếu cứ cái đà tiền tệ Á Châu tụt giá mãi trước đồng Mỹ kim, thì rồi đây hàng hóa của Mỹ sẽ bị ế, kinh tế Mỹ sẽ bị ảnh hưởng không nhỏ. Đến đây, thì tương quan kinh tế quốc tế đã nối kết các nền kinh tế lại với nhau, không một nước nào có thể tự hào rằng mình có thể đứng độc lập được nữa.

Thế giới đã thực sự bước vào **kinh tế thời bình: Đối thoại thay đối đầu. Đối tác thay đối thủ. Cạnh tranh trong hợp pháp tiến bộ, thay cho chiến tranh trong hủy diệt và lạc hậu** từ những sinh hoạt kinh tế thị trường tự do toàn cầu đã hình thành ra các giá trị và trật tự thế giới mới.

*
* *
*

TỪ CUỘC HỌP THƯỢNG ĐỈNH MỸ HOA

Từ cuộc họp thượng đỉnh Mỹ-Hoa giữa Mao Trạch Đông và Nixon, nước Tàu được thế giới chính thức thừa nhận sinh hoạt hợp pháp trong cộng đồng thế giới. Muốn được như vậy, Mao phải đầu tư mọi quyền uy tại Hoa Lục, để trở thành “người không thể thay thế.” Cuộc cách mạng văn hóa tại Trung cộng được thực hiện theo hướng đó. Đến lượt Đặng Tiểu Bình cũng đi theo cách của Mao nhưng nhẹ nhàng hơn: loại trừ các đối thủ tay chân Mao, đưa ra đường lối đổi mới kinh tế, thị trường mở cửa giao thương với nước ngoài. Tuy không hạ bệ Mao Trạch Đông và bỏ danh nghĩa Cộng sản, nhưng thực tế đã vứt Chủ nghĩa và lý tưởng Cộng sản vào một xó tối của viện bảo tàng rồi.

Nước Mỹ thân thiện với Đặng, đón tiếp ông như bạn bè, quan hệ bình thường với Tàu, giành cho Tàu quy chế Tối Huệ Quốc. Từ đó nước Tàu khá lên nhờ kiếm lời được ở thị trường Mỹ. Họ Đặng trở thành một lãnh tụ đem lại hy vọng ấm no cho trên một tỷ người, ông lại bước lên vị thế “người không thể ... thay thế.” Nhưng rồi vụ Thiên An Môn nổ ra cuộc đấu tranh dân chủ mang tính cách tự phát, nên không có đường lối dứt khoát: cách mạng thì phải dùng sức trẻ tràn vào Trung-Nam-Hải. Cải cách thì phải dựa vào Đặng Tiểu Bình, đẩy ông đi tới, thì phần chắc là họ Đặng sẽ nắm lấy cơ hội đó làm Dân Chủ. Đảng này phong trào không xô đổ quyền lực tại Trung-Nam-Hải mà lại lên án Đặng Tiểu Bình. Nên đã đẩy họ Đặng vào thế phải đàn áp. Buộc Mỹ phải vì nhân quyền trừng phạt Trung cộng, nhưng không thể cắt Tối Huệ Quốc, để biến Trung cộng thành đối thủ. Thế là Tàu vẫn kiếm lời tại thị trường Mỹ. Dùng tiền lời đó mua hàng của các nước khác.

Đến Giang Trạch Dân, ông này cũng đã phải loại các đối thủ chính trị trong nội bộ, để đầu tư mọi quyền hành lãnh đạo; Tổng bí thư

Đảng, chủ tịch nước, Bí thư quân ủy trung ương. Và trong Đại hội 15 của Đảng, trước ngày ông đi gặp T.T. Clinton tại Mỹ, Đảng đã làm theo ý ông là loại tất cả những đối thủ chính trị, quân sự để cho ông có trọn vẹn quyền lực, đầy đủ uy thế đại diện cho 1 tỷ 2 người Tàu đưa ra những lời cam kết với Mỹ và nhận sự cam kết của Mỹ qua vị Tổng thống dân cử Bill Clinton.

Nước Tàu thừa nhận Mỹ là một siêu cường kinh tế hàng đầu, nước Mỹ nhìn nhận Trung Quốc là một Đại cường nhân lực bậc nhất hoàn cầu. Hai bên đối thoại với nhau vì quyền lợi của hai nước và ổn định sự phát triển thời bình của các nước lân bang. Mỹ không đe dọa an ninh của Tàu; Tàu không đe dọa an ninh của các nước chung quanh. Đài Loan vẫn thuộc về Tàu, nhưng tuyệt đối không được giải quyết thống nhất bằng vũ lực. Tây Tạng phải được tự trị để được Tự do phát triển văn hóa đạo Phật và giữ gìn bản sắc dân tộc riêng. Đức Đạt Lai Lạt Ma lãnh tụ của Tây Tạng chỉ đòi bấy nhiêu mà không đòi độc lập để rồi chịu sự cô lập trên lưng chừng trời xứ tuyết. Đây cũng là một trắc nghiệm xem lãnh tụ họ Giang đã có một lối suy nghĩ và lối nhìn của con người như những người bình thường của nhân loại hay chưa? Người Tàu Cộng sản ở cuối trào, họ Giang đã thực sự hiểu được: hận thù chiến tranh, căm thù giai cấp không thể tạo được một cuộc sống ấm no an bình mà phát triển hay chưa? Và quan trọng hơn hết là họ Giang biết lắng nghe những tiếng nói đối lập hay chưa? Nụ cười luôn luôn xuất hiện trên môi của họ Giang, trước ống ảnh truyền hình trọn cuộc Mỹ du, với những cuộc biểu tình phản đối của những người tự do theo bết gót họ Giang, đã là một bằng chứng, họ Giang đã vừa ý với chuyến đi này. Những gì mà hai lãnh tụ Mỹ-Hoa thỏa thuận với nhau, phần công khai thì đã rõ, phần mật nghị thì chỉ từ từ xuất hiện chứ không nằm trên văn bản. Công khai thì Mỹ không được can thiệp vào nội bộ nước Tàu. Tàu kiếm lời được ở thị trường

Mỹ thì phải mua sản phẩm của Mỹ. Tàu không được bán nguyên tử cho Iran, Mỹ cung cấp lò nguyên tử Hòa bình cho Tàu. Tàu phải thả các phần tử đấu tranh cho dân chủ ra khỏi tù, Mỹ nhận họ vào Mỹ. Chính sách của Mỹ đối với Tàu là tách kinh tế khỏi nhân quyền, nhưng trao ngọn cờ nhân quyền vào tay Quốc hội, còn chính quyền Mỹ thì sắm vai trò đối thoại, hai bên bổ túc cho nhau để đạt mục tiêu.

Việc chính phủ Mỹ dự định thiết lập ban Điều hợp Vấn đề Tây Tạng thuộc bộ ngoại giao đưa ra trước ngày Giang Trạch Dân đến Mỹ và được hoãn lại, rồi ngay sau khi họ Giang vừa rời khỏi Mỹ, lập tức được chính thức thành lập. Chứng tỏ đây là điều mà mật nghị đã đạt được. Những điều mật nghị khác cũng lại xuất hiện ngay sau khi họ Giang về nước là Lý Bằng thủ tướng Tàu cộng chạy sang Nhật để làm hòa. Biết rằng trước đó chính Lý Bằng đã đi khắp vùng Đông Nam Á để vận động các nước ở đây chống lại hiệp ước an ninh Mỹ-Nhật. Đồng thời các nước Asean cũng chuẩn bị xây dựng khối an ninh chung, trong đó hẳn nhiên phải có Việt Nam. Việt Nam cũng chính thức lên tiếng chống đối công khai về việc Tàu nhận chủ quyền tại hai vùng Hoàng Sa và Trường Sa. Nhà chống đối Trung cộng hàng đầu Ngụy Kinh Sinh từ nhà tù đi thẳng sang Mỹ chữa bệnh. Những điều tưởng rằng chẳng bao giờ xảy ra, sẽ còn xảy ra dài dài, sau cuộc mật nghị Mỹ Hoa.

ĐẾN CUỘC TÌNH BẰNG PHÁP VIỆT

Dù việc người Pháp đã bị cuốn cờ bại trận tại Việt Nam quá lâu rồi nhưng chính sách của Pháp vẫn tỏ ra cay cú Hoa Kỳ về Việt Nam. Trong chiến tranh Việt Nam, T.T. De Gaulle mượn thế tuyên lập của Cam Bốt để sử dụng đòn thọc gậy bánh xe, yểm trợ ngầm cho Việt cộng có thể tồn tại, mạnh dần lên được ở Việt

Nam, rồi Pháp sắm vai trò Hòa giải để tạo ảnh hưởng.

Chính sách đó kéo dài cho tới tận bây giờ mới vỡ mộng: nương vào chính sách đu giầy của Cộng sản Việt Nam, giữa Tàu và Mỹ, mượn thế Tàu, để yêu sách Mỹ, mượn thế Mỹ để nói chuyện với Tàu. Rồi tránh tiếng chấp nhận làm an ninh với Mỹ để đưa ra chính sách Quốc phòng toàn cầu, Pháp nhận huấn luyện Quân sự cho Việt cộng. Pháp cũng hết lòng hỗ trợ Việt cộng bằng cách nhiều lần tránh cho Việt cộng khỏi bị lên án vi phạm nhân quyền, và cụ thể hơn hết là giúp Việt cộng trong chủ trương tung lá bài Hòa giải, Hòa hợp, nhằm chia rẽ cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại, làm nhẹ bớt sự chống đối của những người tỵ nạn, mà Việt cộng rất cần sự đóng góp của họ. Về mặt văn hóa thì đưa ra chiêu bài Giao lưu, Hợp lưu.

Tất cả người Việt có suy nghĩ đều hiểu rằng: Hòa giải, Hòa hợp với một chính quyền độc tài toàn trị tham lam như Việt cộng, thì cũng đồng nghĩa với sự đầu hàng để xin chia phần bóc lột dân chúng vốn đã quá khốn khổ. Nhấn tâm làm được việc đó chỉ có bọn chính khách xôi thịt chuyên môn làm đầy tớ cho ngoại bang mà thôi; nếu không được các ông chủ bảo đảm chắc chắn cho việc chia quyền thì bọn họ cũng chẳng đại gì mà đem thân ra chịu làm bia đỡ đạn cho Việt cộng lúc này.

Còn Giao lưu, Hợp lưu vốn là mỹ từ của văn hóa. Nhưng xét cho cùng thì Cộng sản làm gì có văn hóa mà Giao lưu, Hợp lưu. Văn hóa là sản phẩm của tinh thần trí tuệ và tình cảm của con người. Bao gồm những giá trị ĐẸP, SÁNG, MỚI. Giá trị “Đẹp sáng” thì được giữ gìn bảo trọng, bảo trọng mà không phát huy làm “Mới,” mỗi ngày mỗi mới thì những giá trị đó thuộc về viện bảo tàng. Sáng, Đẹp, Mới thấm nhập vào suy tư tình cảm của con người sẽ được thể hiện ra cuộc sống, mới thực sự là một nguồn văn hóa sinh động.

Cộng sản thì ngược lại. Chủ nghĩa Cộng sản lấy duy vật làm bản vị, lấy căm thù làm động lực cho lý tưởng, lấy phục tùng làm phương tiện xây dựng. Nghĩa là hạ thấp giá trị tinh thần, trí tuệ, tình cảm con người xuống hàng cảm thú, sống theo bản năng cảm thú và tuyệt đối nô lệ; ngược hẳn với bản chất **Văn hóa**, nó mang bản chất **Tối động**. Tối động làm sao giao lưu, hợp lưu được với văn hóa Đẹp, Sáng, Mới. Hãy nghe một câu hát trong bài Quốc ca của Việt cộng: *"Thề phan thây uống máu quân thù..."* mà rung mình sớn gáy. Đây là phản ứng của ác thú chứ không phải là cảm thú hiền lành nữa. Xin những người kêu gọi: *"Dùng tình thương xóa bỏ hận thù"* hãy can đảm về Hà Nội để hét vào tai những con mãnh thú đó: Hãy thương lấy dân, những người đang bị bóc lột sát xương và bỏ tù nếu dám phản đối. Đừng lo đòi hỏi Dân tộc Dân chúng xóa bỏ hận thù, hãy đòi hỏi kẻ đang gây tai họa cho Dân tộc và Dân chúng hãy sám hối tội lỗi để được tha thứ.

Và nhân đây cũng nói với người Pháp, những nhà lập chính sách Pháp—nếu quý vị muốn Hòa giải giữa Pháp và Việt—rằng: họ không thể bắt tay với Việt cộng, thế lực đang bóc lột đàn áp toàn dân Việt Nam, nếu không thì thay vì lời xin lỗi về quá khứ lại thành sự kết oán sâu đậm hơn nữa.

Xem ra người Pháp cũng đã hiểu được phần nào những tín hiệu phát đi từ phong trào Nông dân đòi được sống, phong trào Tôn giáo đòi tự do, phong trào Trí thức đòi được nói... của 78 triệu người Việt Nam, để mau chóng chuyển thế. Từ hội nghị Pháp thoại, với mục đích kinh tế, đã đổi thành hội nghị nhân quyền, nhắm vào nước chủ nhà Việt cộng. Pháp đã bội ước với Việt cộng. Đúng! vì quyền lợi của Pháp. Hiện nay sau cuộc gặp đơm tình thắm thiết giữa Bill Clinton và Giang Trạch Dân, các cuộc nổi dậy của nông dân mỗi ngày một thêm quyết liệt, tương lai sụp đổ của hệ thống quyền lực của

cộng đảng Việt Nam đến rất gần. Nếu Pháp cố bám lấy Việt cộng thì sẽ xôi hỏng bỏng không.

VIỆT CỘNG CHỌN DÂN CHỦ PHÁP TRI HAY ĐỒ

Pháp đã biết đổi thế, còn Việt cộng thì đang lúng túng, biết rõ rằng hai chỗ tựa là Tàu và Pháp sau cuộc gặp của Clinton và Giang Trạch Dân đã mất, thế trước mặt là tiến thẳng tới đối diện, đối thoại nghiêm chỉnh với Mỹ để được đối tác. Mỹ sẵn sàng đối tác với Việt cộng với điều kiện là Việt cộng phải vượt qua hai cửa ải: 1) *Luật pháp Mỹ không cho phép chính phủ đối tác với các nước không có nghiệp đoàn tự do của công nhân, và lợi dụng sức lao động của thiếu niên.* Hiện nay Việt cộng có thể cố gắng thực hiện được, vì nó không trực tiếp nguy hiểm cho quyền lực Đảng. 2) *Quốc hội Mỹ đang cầm lá cờ nhân quyền trong tay, đây là niềm tự hào và hãnh diện của nước Mỹ, nước nào từ nay muốn được hưởng quy chế Tối Huệ Quốc thì phải tôn trọng Tự do tôn giáo và không được đàn áp dân chúng.* Điều này thì Việt cộng rất sợ.

Nền kinh tế Việt Nam muốn được Quốc tế trợ giúp thì phải tuyệt đối nghe theo sự khuyến cáo nghiêm ngặt của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế—IMF và ngân hàng phát triển thế giới—WB—là phải thực sự đổi mới về luật ngân hàng, và cung cách làm ăn của các xí nghiệp, nhất là không được mượn danh nghĩa quốc doanh để tùy tiện vay tiền, ưu tiên là Giải tư. Quan trọng hơn hết là phải diệt trừ nạn Tham ô và Buôn lậu.

Không gì phá hoại tiềm năng kinh tế quốc dân bằng nạn tham ô. Không gì phá nát hệ thống thị trường và sản phẩm bằng buôn lậu. Mà Tham ô và Buôn lậu gọi tắt là Ô Lậu, vốn là căn bệnh của các chế độ độc tài, đặc biệt là Việt cộng vì muốn dùng quyền lợi và tội lỗi để nắm lòng tuyệt đối tin tưởng của Đảng Viên đối với quyền

lực của Đảng. Đảng còn quyền thì đảng viên còn thế bóc lột dân, đảng mất quyền thì đảng viên lũ lượt ra trước vành móng ngựa của công lý. Thế nên hệ thống quyền lực của đảng được tạo ra bằng 2 hệ thống Ô + Lậu, tức là Tham nhũng và Buôn lậu. Chống tham nhũng, buôn lậu cũng đồng nghĩa với chống Đảng. Diệt Ô Lậu cũng là diệt Đảng. Cho nên đố lãnh tụ nào của Hà Nội hiện nay dám dứt khoát thẳng tay diệt Ô Lậu.

Đến đây ta thấy rằng do nhu cầu thời đại mà THẾ NƯỚC LÒNG DÂN, hai thế Quốc tế và Quốc dân tại Việt Nam đã gặp nhau ở một điểm là diệt Ô Lậu xây dựng chế độ Dân Chủ pháp trị. Tuyệt đại đa số nông dân Việt nam đang đứng lên để chống nạn Ô Lậu, và tất cả những người có tín ngưỡng tại Việt Nam đều đang vào cuộc đấu tranh cho Tự do tôn giáo. Điều này cũng lại được Quốc hội và chính phủ Mỹ đưa lên hàng đầu của sách lược ngoại giao của họ.

Việt cộng có dám đàn áp dân chúng như từ trước tới nay hay không? Nếu dám có nghĩa là chống lại cả với Dân tộc và Thế giới và là cơ hội cho một cuộc lật đổ như ở Rumania. Nếu không đàn áp thì Dân chúng sẽ tiến tới, lúc đó thì chính những kẻ đang bảo vệ Đảng, vì muốn chạy tội, mà đứng ra lật đổ Đảng để làm anh hùng ở phút cuối. Những người lãnh đạo Hà Nội đừng đơn giản chò rằng Thế giới Tự do sẽ sợ không dám để cho Việt Nam lâm vào tình trạng hỗn loạn, vì lo Trung cộng thừa cơ tràn xuống. Trước kia thì đúng, nhưng sau cuộc gặp Clinton Giang thì khựng. Trung cộng đã tự biết rằng việc lo nuôi 1 tỷ 2 người Trung Hoa quan trọng hơn việc bao che cho một tên đàn em đã từng bội phản. Hãy nghe T.T. Nga Yeltsin tuyên bố sau khi gặp Giang Trạch Dân: Nga Tàu không nổi lại tình đồng minh thời cũ, mà chỉ hợp tác làm ăn bình thường. Như vậy là Tàu hết muốn tạo thanh thế quốc tế nữa. Dĩ nhiên là chỉ ở lúc này

thế Tàu chưa mạnh.

Hãy nhìn gương Cam Bốt thì rõ, loạn thì cứ loạn, quốc tế cứ đứng nhìn và chỉ đưa ra lời khuyến cáo là phải trở lại con đường Dân Chủ pháp trị. Việt Nam cũng thế, loạn thì cứ loạn, phe nào nêu cao được danh nghĩa Dân Chủ pháp trị phe đó sẽ được Dân chúng ủng hộ và thế giới tiếp tay.

Người Cộng sản hãy mau tỉnh thức, đừng để ông Lý Quang Diệu dạy đời mãi thế mắc cỡ lắm. Hãy chịu khó suy nghĩ thực tế một chút để phân biệt được rằng:

1. Quyền lực nhà nước được đặt trong ý chí của một người, đó là chế độ phong kiến học theo lối côn trùng: Ong, Kiến mỗi ổ chỉ có một chúa, đúng như ông Đỗ Mười hiểu. Đây là chế độ mang bản chất của bầy đàn.

2. Quyền lực nhà nước được đặt trong ý chí của một Đảng, là chế độ Cộng sản và phát xít. Một nhóm người cùng chung một lý tưởng đoạt được quyền hành để thống trị dân chúng, buộc mọi người phải phục tùng. Đây cũng là một chế độ người khùng bố người, đẩy toàn dân xuống thành bầy thú.

3. Quyền lực nhà nước được đặt trong ý chí của Toàn dân là chế độ Dân Chủ. Những cá nhân, những đoàn thể phải được đa số người dân bầu vào vị thế lãnh đạo mới thực sự có quyền làm luật và thi hành luật.

Chính luật pháp thể hiện ý chí của toàn dân, bảo vệ dân, bảo vệ an toàn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia mới là quyền lực cao nhất, chính quyền chỉ làm theo luật, bị pháp luật chế tài, đó mới gọi là chế độ Dân Chủ pháp trị.

Hiểu được như thế, thì người cầm đầu Cộng sản hãy can đảm lên đáp ứng nhu cầu thiết thực của dân chúng và đòi hỏi hợp tình hợp lý của thế giới, bắt tay vào ngay việc thực hiện **Tự do Tôn giáo, Tự do Nghiệp đoàn, Tự do Ngôn luận, Tự do Đảng phái,** tạo điều kiện cần và đủ để cho dân chúng thực sự sinh hoạt Tự do

Dân Chủ. Dân trí tăng tới đâu thì nước giàu tới đó. Nạn tham nhũng buôn lậu mới được ánh sáng Tự do tẩy sạch đi.

Khi quyền Tự do xã hội Công dân đã được thành hình thì chính quyền hiện tại, sẽ tiến hành cuộc bầu cử Tự do.

1. Nếu chính quyền nhận vai trò chuyển tiếp thì Đảng Cộng sản là Đảng đang cầm quyền không được ra tranh cử, và phải được quốc tế, kiểm soát.

2. Nếu Đảng Cộng sản muốn dự tranh, thì để cho công bằng, phải trao chính quyền và cuộc bầu cử cho Liên Hiệp Quốc đảm nhận, và cũng có sự giám sát của thế giới.

Sau khi đã lựa chọn sự công bằng tương đối trên, một luật bầu cử được ban hành.

Để nối được khúc ruột ngoài ngàn dặm, những người chưa từ bỏ Việt tịch đều được dự tranh. Nếu muốn gây tư thế mạnh trên thế giới, thì có thể chia các vùng trên thế giới có người Việt định cư thành các đơn vị dân cử để cùng với dân trong nước bầu ra một **Quốc hội sáng lập chế độ**.

Quốc hội sáng lập chế độ có hai nhiệm vụ *lập hiến và lập pháp*. Tạo ra một hiến pháp Dân Chủ và cử ra một chính quyền sáng lập chế độ. Chính quyền sáng lập từ một tới hai năm là hạn chót phải thành lập một nhà nước hoàn toàn hiến định, từ trung ương tới địa phương, đồng thời tạo mọi điều kiện cho dân chúng sinh hoạt Dân Chủ và phát triển dân sinh, tạo tin tưởng cho thế giới vững tâm đầu tư phát triển tại Việt Nam. Hai năm là một thời hạn quá ngắn cho việc hình thành và vào nếp của một chế độ Tự do Dân Chủ pháp trị, nhưng Việt Nam đã bị mất nửa thế kỷ hoang phí rồi, không cùng nhau chạy nước rút thì đến bao giờ mới theo kịp các nước chung quanh, để cùng bước vào thiên niên kỷ mới Hòa bình Nhận Chủ và phát triển.

Xin tất cả chúng ta hãy ra khỏi ảo tưởng: tự cho mình được ơn trên giao phó trách nhiệm cai

trị nhân dân, hoặc là dựa vào các thế lực quốc tế đưa về thống trị trăm họ, mà hãy nghĩ rằng: dân chúng thực hiện quyền Tự do Dân Chủ tới đâu là dân tộc tiến bộ tới đó, thế giới nhận vào dòng sinh hoạt chính cũng căn cứ vào mục tiến bộ về mọi mặt của một đất nước.

Trên đây là ý kiến của một người, hiểu làm sao viết làm vậy. Xin các bậc thiện trí thức cùng đóng góp để làm sáng **Hướng đi tới của Việt Nam trong thực tại thế giới**.

01/12/1997.

CỤC LẠC HOA KHAI

HÒA THƯỢNG THÍCH QUẢNG THIỆP

Pháp hiệu THÍCH ĐẠO NHA

Trụ trì Tịnh thất Viên Âm

tại Garden Grove, California

đã viên tịch vào thứ Bảy, 6 tháng 9 năm 1997

(nhằm ngày 05 tháng 8 năm Đinh Sửu)

Thế thọ 70 tuổi



SƯ BÀ THÍCH NỮ DIỆU KHÔNG

Pháp danh TRỪNG HẢO

Trụ trì chùa Hồng Ân, Huế, Việt Nam

đã viên tịch ngày 24 tháng 9 năm 1997

(nhằm ngày 23 tháng 8 năm Đinh Sửu)

Thế thọ 93 tuổi



*Câu nguyện chư Giác linh
hoạch đắc vô sanh pháp nhãn
trở lại Ta Bà hóa độ chúng sanh*

TÁM TƯỚNG TRẠNG CỦA TÂM NGUYỆN

Liên Tông Cửu Tổ Tỉnh Am Pháp Sư (1685-1734)

Dịch giả: Tâm Nguyên Cao Hữu Đỉnh

Chú thích: Tâm Tràng

Tật Hiền tôi, một sư tăng phàm phu, hư hèn ngu muội, đập đầu lạy khóc, rướm máu quanh mi, van xin đại chúng hiện tiền, cùng tín hữu nam nữ mai hậu, cúi xin quý vị xót thương, ghé tai nghe xét.

Từng nghe: Cửa yếu vào đạo lấy sự phát tâm đứng hàng đầu, việc cấp thiết tu hành lấy sự lập nguyện làm bước trước. Nguyện có lập thì chúng sanh mới độ nổi, tâm có phát thì đạo mới tựu thành. Nếu tâm rộng lớn không phát, nguyện kiên cố không lập, thì dù trải qua trăm ngàn đời, vẫn cứ quanh quẩn trong vòng luân hồi mãi mãi. Dù có gia công tu hành, cũng chỉ nhọc công vô ích, cay đắng vẫn hoàn toàn đắng cay. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói: “*Quên mất tâm bồ đề mà tu hành các THIÊN PHÁP, gọi là hành động của MA.*” Quên mất mà còn như thế, huống nữa là chưa phát? Cho nên biết rằng, muốn học đạo Như Lai trước hết là phải phát nguyện bồ đề. Không thể hoãn đãi được.

Nhưng tâm nguyện có nhiều tướng trạng khác nhau, nếu không trình bày, biết đâu mà hướng tới? Nay vì đại chúng tôi xin tóm lược. Tướng trạng tâm nguyện có tám. Đó là *tà, chánh, chân, ngụy, đại, tiểu, thiên, và viên.*

1. Đời có người tu, sau khi vào chùa chẳng xét tâm mình, chuyên lo ngoại vụ. Hoặc cầu sướng thân, hoặc ham nổi tiếng, hoặc ưa thích dục lạc thế gian, hoặc cầu mong quả vui mai hậu. *Phát tâm như thế, đích thị là TÀ.*

2. Danh lợi không ham, quả vui chẳng thiết, chỉ mong giải thoát, đạt đạo bồ đề. *Phát tâm như thế được gọi là CHÁNH.*

3. Niệm niệm liên tục, ngược lên thì cầu Phật đạo, cúi xuống thì độ chúng sanh. Nghe Phật đạo cao siêu, không sanh sâu lo thoái chí, thấy chúng sanh khó độ không sanh mệt mỏi sờn lòng. Như trèo cao muôn trượng, quyết lên thấu đỉnh, như leo tháp lớn chín tầng phải leo tận nóc. *Phát tâm như thế được gọi là CHÂN.*

4. Có tội không sám hối, có lỗi không dứt trừ. Ngoài sạch trong dơ, trước siêng sau nhác. Tâm tuy tốt đấy nhưng phần lớn bị danh lợi giao xen, pháp tuy hay đấy, nhưng oan uổng bị vọng nghiệp nhuộm bẩn. *Phát tâm như thế, đích thị là NGUY.*

5. Cõi chúng sanh hết, nguyện ta mới hết, đạo bồ đề thành, nguyện ta mới thành. *Phát tâm như thế được gọi là ĐẠI.*

6. Xem ba cõi như lao ngục, nhìn sanh tử như oan gia. Chỉ mong tự độ, không muốn độ người. *Phát tâm như thế, đích thị là TIỂU.*

7. Ngoài tâm nếu thấy có chúng sanh cần độ, có Phật đạo mong thành, công phu không xả, thấy biết không tan. *Phát tâm như thế được gọi là THIÊN.*

8. Nếu biết tự tánh là chúng sanh, nên nguyện độ thoát; tự tánh là Phật đạo, nên nguyện tu hành. Không thấy pháp nào ngoài tâm riêng có. Đem tâm hư không phát nguyện

hư không, tu hạnh hư không. Cũng không có tướng hư không, có thể chứng đắc. *Phát tâm như thế được gọi là VIÊN.*

Biết được tám tướng khác nhau trên đây là biết cứu xét. Biết cứu xét là biết lấy bỏ. Biết lấy bỏ là biết phát tâm.

Cứu xét như thế nào? Cứu xét tâm mình phát ra, so với tám tướng nói trên là: *Chánh, Tà, Chân, Ngụy, Đại, Tiểu, Thiên, hay Viên.*

Lấy bỏ thế nào? Bỏ Tà, bỏ Ngụy, bỏ Tiểu, bỏ Thiên, lấy Chánh, lấy Chân, lấy Đại, lấy Viên.

Phát tâm như thế mới gọi là chân chánh phát tâm bồ đề. Tâm bồ đề này là pháp lành hàng đầu trong các pháp lành. Phát khởi được tâm ấy hẳn phải có *nhân duyên*. Nhân duyên phát khởi lược tóm có mười:

Một là nhớ nghĩ ơn nặng của *Phật*.

Hai là nhớ nghĩ công ơn *cha mẹ*.

Ba là nhớ nghĩ công ơn *sư trưởng*.

Bốn là nhớ nghĩ công ơn *thí chủ*.

Năm là nhớ nghĩ công ơn *chúng sanh*.

Sáu là nhớ nghĩ *khổ đau sanh tử*.

Bảy là tôn trọng, *tánh linh của mình*.

Tám là sám hối *nghiệp chướng*.

Chín là nguyện cầu *vãng sanh tịnh độ*.

Mười là làm cho *chánh pháp* tồn tại lâu dài.

(Trích *Khuyên Phát Tâm Bồ Đề*, trang 7-9)

Chú thích:

Đại sư húy Thật Hiền tự Tư Tề, hiệu Tĩnh Am, họ Thời đất Thường Thục. Sanh năm 1685, tịch năm 1734, hưởng dương 49, trong đó có 25 tuổi hạ.

Có chí xuất trần sớm, mới sinh ra đã không ăn mặn. Vào ở chùa năm 7 tuổi bái ngài Dung Tuyền ở am Thanh Lương làm tổ sư. Thông minh dị thường, năm 24 tuổi thọ cụ túc giới, năm 26 tuổi học kinh *Pháp Hoa* với Pháp sư Cừ Thành, rồi học kinh *Lăng Nghiêm*, luận *Duy Thức*, luận *Chỉ Quán* với Pháp sư Thiệu Đàm và

được Pháp sư thọ ký làm thế hệ thứ 4 của ngài Linh Phong thuộc tông Thiên Thai. Năm 29 tuổi học thiền với Hòa Thượng Linh Thứu ở chùa Sùng Phước. Năm 34 tuổi về ở chùa Long Hưng (Hàng Châu) với Pháp sư Thiệu Đàm. 5 năm cuối đời Đại sư thất ẩn ở chùa Tiên Lâm (Hàng Châu), rồi chùa Phạm Thiên ở núi Phụng Sơn, không ra khỏi cửa *chuyên tu pháp môn Tịnh Độ và khuyên mọi người nên tu theo pháp môn này*. Trong hàng đệ tử theo đại sư tu học, ai ham đua đòi thi văn, thường bị Pháp sư rầy trách: *"Mạng người chỉ trong hơi thở, đâu có thời giờ rảnh rỗi mà học tập văn chương, ở đời sơ hở một mảy may là đã qua kiếp khác rồi. Muốn được giải thoát, thật vô cùng khó khăn."*

Đặc biệt phần dẫn nhập bản *Khuyên Phát Tâm Bồ Đề* của Ngài tóm lược 8 tướng trạng tâm nguyện khác nhau gồm *Tà, Chánh, Chân, Ngụy, Đại, Tiểu, Thiên, Viên*. Tám tướng trạng này tuy được Ngài dạy cách đây gần 300 năm nhưng không phải là giáo điều lỗi thời mà là những nhận xét rất hiện đại giúp cho đại chúng phân biệt đâu là Ma giáo và tà kiến.

Một khi đã quy y Tam Bảo mà thiếu thận trọng trong hành động thì thiện pháp vẫn có thể là Ma pháp, do đó có những tướng trạng Ấm Ma như đã được trình bày khá kỹ trong kinh *Thủ Lăng Nghiêm*. Những tướng trạng như *tà* và *ngụy* tương đối khá rõ ràng đối với bậc chân tu, nhưng hai tướng trạng vi tế *tiểu* và nhất là *thiên* thì quả thật khó thấy nếu hành giả quên tu giải thoát mà còn ham hưởng phước báo luân hồi.

Ngoài ra, độc giả nên chú ý *lời lẽ vô cùng khiêm tốn* của bậc phạm hạnh đại tăng, khác với ngôn ngữ dạy đời của các giáo chủ mệnh danh Phật giáo hiện đại với tướng trạng tâm nguyện lang bang khi tỉnh khi say, pha trộn đủ thứ tà kiến duy vật, duy thần, duy biểu, rồi chê bai giáo lý duyên sinh vô ngã, tức giáo lý nền tảng nhất của Phật giáo.

Giáo lý duyên sinh vô ngã hoàn toàn khác

hắn 62 giáo lý khác của Ấn Độ chấp thủ và ngã sở. Tất cả mọi tôn giáo thời bấy giờ đều chấp nhận một nguyên nhân đầu tiên (prima causa) có thể là vật chất (duy vật), tâm linh (duy thần) hay tổng hợp (vật chất và tinh thần) v.v... Nguyên nhân đầu tiên ấy được gọi nhiều tên khác nhau (vật chất, năng lượng, tạo hóa, hóa công, đấng sáng tạo, Ngọc Hoàng, Thượng Đế v.v...)

Thay vì nguyên nhân đầu tiên, đức Phật đề cập đến nhân duyên tức duyên sinh.

Giáo lý duyên sinh vô ngã này được Thế Tôn xác nhận trong *Trường Bộ Kinh* II trang 31 như sau:

“Pháp Duyên Khởi ấy, (Thập nhị nhân duyên) dù có Như Lai xuất hiện hay không xuất hiện, an trú là giới tánh ấy, pháp trú tánh ấy, pháp quyết định tánh ấy, y duyên tánh ấy. Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, chứng đạt định lý ấy”. Sau khi hoàn toàn chứng ngộ, chứng đạt Ngài tuyên bố, tuyên thuyết, khai triển, khai thị, phân biệt, minh hiển, minh thị.

Từ 12 chi phần trong Thập nhị nhân duyên (tức Duyên sinh) chúng ta phải hiểu rằng tất cả các pháp hữu vi đều do duyên sinh. Sự hiện diện và hoạt động của một pháp chỉ là sự có mặt và sự sinh diệt của nhân duyên sinh ra nó, do đó *không có pháp nào là hữu ngã cả.*

Duyên sinh vô ngã là sự thật căn cứ vào thể nghiệm của chính bản thân cũng như sự thí nghiệm khách quan đối với môi sinh ngoại cảnh Âu cũng vì *duyên sinh vô ngã* là một sự thật không phải là một lý thuyết đặc biệt của riêng Phật giáo nên được thế giới hiện đại đón nhận nồng nhiệt thay thế cho ý niệm *nguyên nhân đầu tiên* chủ quan duy ngã.

Triết gia toán học (Nobel) Bertrand Russell trong trang 4, tập *“Why I Am Not A Christian”* khẳng định không chấp nhận nguyên nhân đầu tiên:

“Không có lý do nào để giả định rằng thế

gian có một khởi điểm. Ý niệm cho rằng sự vật phải có một khởi điểm thật sự là do trí tưởng tượng nghèo nàn của ta. Như vậy, có lẽ tôi không cần phải hoang phí thời giờ nữa để biện luận về nguyên nhân đầu tiên.”

Giáo sư Albert Einstein (cũng Nobel) công nhận giá trị của duyên sinh đạo Phật:

“Tôn giáo tương lai sẽ là tôn giáo vũ trụ. Tôn giáo ấy phải vượt qua một nhân cách Thần và tránh các giáo điều và thần học. Tôn giáo ấy bao gồm cả thiên nhiên và tâm linh, được đặt nền tảng trên một quan niệm tôn giáo phát xuất từ sự chứng nghiệm tất cả sự vật, thiên nhiên và tâm linh trong một khối thuần nhất đầy đủ ý nghĩa. Phật giáo đáp ứng được sự mô tả này.”

Nhưng muốn cho “sự chứng nghiệm” nói trên được “đáp ứng” thì tướng trạng của tâm nguyện Phật tử phải *Chân, Chánh, Đại, và Viên*, nghĩa là nương tựa trên nền tảng giáo lý duyên sinh vô ngã. Ngài Tịnh Am đã chứng nghiệm được sự kiện này. Sau khi được Hòa Thượng Linh Thứu ra công án *“Ai niệm Phật?”* Ngài liền hạ thủ công phu tham thiền nhập định, chỉ nội trong vòng vài tháng là đại ngộ *“Ta tỉnh mộng rồi.”*

Chúng ta căn cơ chậm lụt, đừng lầm tưởng đốn ngộ dễ làm mà tẩu hỏa nhập ma. Tham thiền nhập định không phải nghiền ngẫm suy tư. Hai chữ *Ai* và *Ta* nói trên của Cửu Tổ Tịnh Am, một bậc cao tăng phạm hạnh, là tương đương với *vô ngã*, không có năng sở (chủ thể/đối tượng). Chỉ có hành động, hay nói một cách khác, chỉ có diễn biến *niệm Phật* và *tỉnh mộng* là có thực mà thôi, không có chủ thể Tịnh Am. Cũng chính trong chiều hướng đó, Thế Tôn cắt nghĩa Trung Đạo: *“Khổ do Duyên sinh”* với Tôn giả Kaccayana rằng:

“Ai không chấp thủ, vị ấy không nghĩ đây là tự ngã của tôi, và khi khổ sanh thì xem là sanh, khi khổ diệt thì xem là diệt, mà không xem có tôi khổ hay tôi hết khổ” (Tương Ưng II, trang 20).

Giáo lý duyên sinh vô ngã, áp dụng không những cho mọi hiện tượng trong đó có cái Ta. Cái Ta này, theo trí hiểu biết thông thường nhị nguyên của chúng ta, là hữu ngã nghĩa là chủ thể “suy tư” duy lý hay chủ thể “đang là” hiện sinh, trong khi cái Ta vô ngã lại được xem là ngoan không, hoặc hoang đường phi lý... Phải nhập vào lý bất nhị Trung đạo mới thẩm thấu được giáo lý duyên sinh vô ngã, Pháp Bảo thâm sâu mà từ đó Thế Tôn giác ngộ Vô Thượng Chánh đẳng Chánh Giác.

Thâm sâu vì cái Ta với “*nặng gánh tham sân si*,” đang còn “*hữu ngã*” tức đang dùng ngũ uẩn “*giai hữu!*” để cảm nhận giáo lý duyên sinh nên không thể nào thẩm thấu được “*vô ngã*.”

Bốn tướng trạng *Tà, Ngụy, Tiểu, Thiên* của tâm nguyện được sắp xếp theo thứ tự “*nặng gánh tham sân si*” nói trên. Nặng nhất là *Tà*, nhẹ nhất là *Thiên*. Xin tóm tắt cho dễ nhớ như sau:

Tà là vào chùa không tu mà chỉ lo ham sướng. *Ngụy* là không chịu sám hối, tâm tuy tốt nhưng chạy theo danh lợi, pháp tuy hay nhưng bị vọng niệm nhuộm bẩn. *Tiểu* là lo tự độ quên độ tha. *Thiên* là tuy hết chấp ngã nhưng còn chấp pháp.

Ngoài ra bà con nên chú ý rằng mặc dầu có tu sĩ lâm vào tướng trạng tâm nguyện *TÀ*, tuy nặng gánh vô minh, nhưng đương sự không bao giờ dám chê bai Phật pháp có giáo điều độc đoán, hoặc cho rằng giáo lý duyên sinh vô ngã là sai trái, để quy y Ngọc Hoàng Thượng Đế xem như nguyên nhân đầu tiên sinh ra Phật.

Đấng Thế Tôn đã từng biết trước những chuyện này sẽ xảy ra ở thời mạt pháp. Ngài cũng hiểu rằng giáo lý duyên sinh vô ngã quả thật quá thâm sâu đối với mọi người ngay cả một số đệ tử đương thời thân cận nên Ngài than với Tôn giả Ananda trong *Trường A Hàm* 15 rằng:

“*Thâm sâu, này Ananda, đúng như vậy, pháp duyên khởi (paticca-samuppàda, tùy thuộc phát*

sinh) này quả thật thâm sâu. Vì không hiểu thấu, không thấu đáo thông suốt giáo lý mà chúng sanh vương vấn như tơ vò, như cuốn chỉ rối, trở thành như cỏ mủnja, như bụi lát, không thể vượt khỏi những trạng thái đau khổ của kiếp sinh tồn, thoát khỏi vòng luân hồi, samsàra.”

thơ DUY NGHIỆP

Mừng Xuân Di Lạc

*Xuân về trời sáng tỏ
Vạn loài chuyển êm đềm
Hoa xuân đua nhau nở
Loài người tỉnh thức thêm.*

*Xuân về sẽ khai mở
Một vận hội thanh bình
Vạn loài vui muôn thuở
Quê mẹ hết điều linh.*

*Mừng Xuân về mong ước
Thấy đang ở quê nhà
Thành thoi như kiếp trước
Tĩnh lặng nghe chuông chùa.*

*Phật Di Lạc ra đời
Vũ trụ chung niềm vui
Vạn loài không phân biệt
Hạnh phúc tỏa muôn nơi.*

Ba Ngày Rằm

Thượng Tọa Thích Tín Nghĩa

Một năm, không theo trong Phật Giáo, thông thường trong dân gian có ba ngày Rằm chính. Đó là: Rằm tháng giêng, Rằm tháng bảy và Rằm tháng mười. Trong những ngày rằm này, người ta còn gọi các danh từ khác nữa như là: thượng nguơn, trung nguơn và hạ nguơn, hay: thượng nguyên, trung nguyên và hạ nguyên.

Ca dao, tục ngữ bình dân Việt Nam thường truyền khẩu:

*Rằm tháng Giêng, ai có tiền thì quẩy,
Rằm tháng Bảy, người quẩy kẻ không,
Rằm tháng Mười, mười người mười quẩy.*

Chữ quẩy tức là cúng với danh từ chung là cúng quẩy được tách ra, theo danh từ địa phương mà đặc biệt là miền trung Việt Nam của chúng ta.

Phật Giáo có chung một ngày rằm với dân gian, đó là ngày rằm tháng bảy hằng năm. Tất cả những ngày mồng một và ngày rằm trong năm, Phật Giáo đều gọi là ngày sóc và ngày vọng. Chư Tăng dùng hai ngày này để bố tát và tụng giới đã vâng giữ. Những Phật Tử tùy theo giới pháp cầu thọ của mình, nương theo chư Tăng để được học giới, tụng giới và tiến tu.

Bài này chỉ nói về ba ngày rằm trên theo dân gian đang lễ cúng hằng năm. Vì, Phật Pháp không xa rời thế gian pháp; đồng thời, Phật Pháp lấy "đĩ huyền độ chơn", nên không lạ gì trong chốn già lam thường tổ chức những ngày lễ như rằm tháng giêng hay rằm tháng mười. Tâm nguyện của chư vị Bồ Tát

thường chủ trương rằng: Chính ta không vào địa ngục thì ai là người vào địa ngục để thuyết giáo cho chúng sanh đang trầm luân, đọa lạc. Với tâm niệm và hạnh nguyện cứu khổ ban vui đại bi tâm của đại thừa Phật Giáo khai phương tiện như thế, cho nên, chốn già lam tùy duyên hóa độ bằng cách tùy theo niềm tin của lớp đại đa số quần chúng sơ cơ học đạo giải thoát mà tổ chức lễ lạc, không ngoài mục đích chính là hướng dẫn chúng sanh quay về bờ giác... Vì vậy, không lạ gì có một số chùa mà không phải là Phật Học Viện, Phật Học Đường cũng có thờ đức Quan Thánh Đế, rồi cũng có các hộp xăm quẻ như là: Quán Âm linh thiêng tức là xăm Quan Âm, xăm Quan Thánh... Tuy nhiên, một số sư sãi ở các chùa một phần giáo lý không tinh thông, một phần khác không nhắm vào vấn đề chính là "đạt giả tâm chơn", lại còn lợi dụng như cảnh "mượn đạo tạo đời" để lợi dưỡng riêng tư cho bản thân mình, cho ngôi chùa mình. Từ đó, đã hướng dẫn một số nhẹ dạ tin theo họa phước vu vơ, đi một con đường sai lạc với chánh pháp; gần với Lạc Ma Giáo và Phù Chú Giáo có thể nói là mê tín dị đoan. Thậm chí có những tu sĩ mang danh làm văn hóa Phật Giáo mang pháp phục nhà Phật, đầu đội mũ tỳ lư, tay cầm dao phay múa qua múa lại trước bàn cúng sao hội như một ông thầy phù thủy không hơn không kém; lại còn làm ra vẻ hiêu hiêu tự đắc, quyền trọng ra uy như một tướng quân ra trận mạc, thật tội nghiệp. Cũng chính một vài điểm như vậy, một số người chưa thâm nhập giáo lý Phật Đà một cách nghiêm chỉnh đã vội phê phán, đã vội lên án Phật Giáo là như thế này, Phật Giáo là như thế nọ..., rất đáng tiếc và đáng thương thay.

Rằm tháng giêng, là ngày rằm đầu tiên trong năm, dân chúng dùng để cầu nguyện cho bản thân, cho gia đình cả năm đều được như ý. Họ sắm lễ vật để cầu an,

dương sao, giải hạn. Vùng nào có chùa thì cùng nhau vào chùa để nhờ quý sư sai lập đàn cầu nguyện. Tuy nhiên, có những gia đình quá nghèo, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Những gì có được đều đem ra sử dụng cho ba ngày tết. Vừa hết tết là đã bắt đầu cuộc sống vất vả thường lệ như trong năm. Thậm chí, có những gia đình mới ngày mồng hai tết là đã vác cuốc ra đồng, hoặc đi kiếm việc làm nữa là khác. Tất cả thân mạng đều phó thác cho trời, Phật. Họ chỉ nghĩ một câu mộc mạc: Ăn hiền, ở lành có trời, Phật biết là đủ. Vì sống phải cảnh như vậy, tiền đâu để mua sắm lễ vật; nên nhân gian mới nói ra: Rằm tháng giêng, ai có tiền thì quảy.

Dân chúng có ảnh hưởng với giáo lý Phật Đà, được chư Tăng hướng dẫn tu học. Hoặc được thọ sanh trong gia đình thuần lương, đạo đức, được ông bà tổ tiên hướng dẫn đàng hoàng, đến ngày rằm tháng bảy đều có sắm lễ vật để cúng dường Tam Bảo, chư Tăng, ông bà tổ tiên và cha mẹ hiện đang tại thế hay đã quá vãng. Không những thế, họ theo chư Tăng để lập đàn tràng cúng cho thập loại chúng sanh, khi sống thì không được no đủ, khi chết lại gặp phải cảnh bất trắc như cụ Nguyễn Du đã từng diễn tả từ ngàn xưa. Chết theo hoàn cảnh không thuộc trong ý nguyện chung là tử an, thì được gọi là *bất đắc kỳ tử*. Hạng chết như thế quá nhiều, cần phải được cầu nguyện, cần phải được cúng cấp theo niềm tin của quần chúng để các âm linh khỏi bị đói khát, khổ sở.

Còn có một số không được gia đình giáo dục, không được ảnh hưởng về cả ba tôn giáo: Phật, Lão và Khổng. Họ sống cuộc đời buông thả mà người đời thường gọi là ký sinh trùng của xã hội. Sống không nhà, thác không mồ. Không biết và không hề nghĩ đến đức cù lao sinh dưỡng của cha mẹ, chứ đừng nói gì là nghĩ đến ông bà tổ tiên. Đã không nghĩ đến thì thử hỏi làm sao nói đến chuyện cúng kính.

Từ đó, nhân gian mới truyền tụng: Rằm tháng bảy người quảy, kẻ không là như vậy.

Vụ tháng tám hằng năm vừa gặt hái xong xuôi. Công việc đồng áng cả năm bắt đầu thư thái. Đông tiết lạnh lẽo mà lại được có lúa mới, dân chúng nghĩ đến ơn nghĩa của trời đất mưa thuận gió hòa trong năm; đến ngày rằm tháng mười bèn đem những gì đã được làm ra để dâng cúng. Trước là tạ ơn trời đất, kế đó, gia đình sum họp một bữa no đủ. Từ đó mới có câu: Rằm tháng mười, mười người mười quảy. Vì ai cũng có chút thực phẩm vừa mới thu hoạch.

Như vậy, trong ba ngày rằm kể trên, ngày rằm trọng đại hơn hết là ngày rằm tháng bảy. Ngày này nhờ ảnh hưởng đến Phật, Lão và Khổng giáo mà đặc biệt là Phật Giáo. Vì đạo Phật là đạo Hiếu. Nói đến hạnh Phật là nói đến đức hiếu hạnh. Là người Phật Tử chơn chánh, ơn nhỏ đã không quên thì ơn lớn sẽ không bao giờ quên. Vì ơn cha mẹ, ông bà tổ tiên là một trong bốn ơn lớn mà đức Phật đã răn dạy cho hàng đệ tử của ngài, dù là xuất gia hay tại gia. Đó là tứ ân. Tức ơn cha mẹ, ơn thầy bạn, ơn đàn na tín chủ và ơn của quốc gia xã hội. Người học Phật phải biết rõ bốn ơn này. Ngày Rằm này mang một ý nghĩa vô cùng thâm thúy. Ngày của ơn trả nghĩa đền. Ngày của người con thảo cháu hiền phải nghĩ đến đức sinh dưỡng. Ngày cầu nguyện để cứu độ cho thân nhân đã khuất bóng nếu bị nghiệp duyên ràng buộc thì sớm được giải thoát. Ngày cúng nguyện cho hàng thập loại chúng sanh không may tạo nghiệp đang đọa lạc trong chín tầng địa ngục được no đủ và sớm được thoát nghiệp. Ngày của chiến sĩ trận vong.

Đối với Tam Bảo: Đó là ngày Phật hoan hỷ, ngày Chúng Tăng hoan hỷ, ngày phước đức của hàng con Phật... .

Thượng Tọa Thích Tín Nghĩa

TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO TRONG THI VĂN KHUÔNG VIỆT

Hòa Thượng Thích Thắng Hoan

A. PHẦN TIỂU SỬ

Thiền sư Khuông Việt, tục danh là Ngô Chân Lưu, con của Ngô Xương Tỷ cháu của Ngô Xương Sắc (1), người làng Cát Lợi, huyện Thường Lạc (2), trụ trì chùa Phật Đà (3). Thuở nhỏ ngài theo Nho Học, lớn lên thọ giới với thiền sư Vân Phong ở chùa Khai Quốc. Năm 40 tuổi ngài nổi tiếng tinh thông Thiền Học và được vua Đinh Tiên Hoàng quý trọng phong chức Tăng Thống. Năm sau, niên hiệu Thái Bình thứ 2 (971), vua lại phong Quốc sư với tước hiệu là Khuông Việt Thái sư (Khuông Việt Thái sư nghĩa là Quốc sư chuyên lo giúp đỡ sửa sang nước Việt).

Khi Lê Đại Hành lên ngôi (980-1105), thiền sư Khuông Việt và thiền sư Pháp Thuận được vua mời tham dự những việc quan trọng trong triều đình. Năm Thiên Phúc thứ 7 nhà Tiền Lê (986) nhà Tống sai sứ giả Lý Giác sang nước ta, vua cử thiền sư Khuông Việt và thiền sư Pháp Thuận ra đón tiếp. Khi Lý Giác về Trung Hoa, thiền sư Khuông Việt thay vua làm một bài thi tiễn chân Lý Giác theo điệu hát “Tống Vương Lang Qui.” Tống Vương Lang Qui, nghĩa là đưa Ngọc Lang về nước. *Tống Vương Lang Qui* là:

*“Tường quang phong hảo, cảm phạm trường,
Thần Tiên phục Đế Hương,
Thiên lý vạn lý thiệp thương lương,
Cửu Thiên qui lộ trường,
Nhân tình thâm thiết đối ly trường.
Phan luyện sứ tinh lang,*

*Nguyện tương thâm ý vị Nam Cương,
Phân minh báo ngã Hoàng.”*

Ngô Tất Tố dịch:

*“Trời quang, gió thuận, buồm giương,
Thần Tiên chốc đã giục đường Bồng Lai,
Mông mênh muôn dặm bể khơi,
Lối về trong bóng chín trời xa xa.
Bâng khuâng trước chén quan hà,
Mến ai, lòng những thiết tha nỗi lòng.
Xin ai vì cõi Nam Trung,
Rõ ràng gửi lại mặt Rồng trước sau.”*
(*Văn Học Đời Lý*, trang 20 của Ngô Tất Tố.)

Theo *Việt Nam Phật Giáo Sử Lược*, trang 112 của Thích Mật Thể ghi thiền sư Khuông Việt ở triều được ít lâu thì lấy cớ già yếu xin về hưu. Thiền sư dựng một ngôi chùa ở núi Du Hý để mở trường dạy đạo. Học trò đến học với thiền sư rất đông. Trong số học trò nói trên, thiền sư Đa Bảo là người xuất sắc nhất của thiền sư Khuông Việt, được thầy xem như đệ tử thân tín của ngài. Theo *Thiền Uyển Tập Anh*, một hôm Đa Bảo nghe danh thiền sư Khuông Việt liền đến tham vấn. Đa Bảo hỏi thiền sư về sự khởi đầu và kết thúc của việc học đạo. Thiền sư Khuông Việt trả lời bằng hai câu thơ:

*“Thủy chung vô vật diệu hư không,
Hội đắc chân như thể tự đồng.”*

Ý nghĩa hai câu thơ này là:

Không có vấn đề “thủy” và “chung,” chỉ có “hư không” mới là mẫu nhiệm, nếu hiểu được

“chân như” thì vạn vật đều đồng một thể.

Đa Bảo nghe qua tổ ngộ liền xin thọ giáo với thiền sư Khuông Việt và về sau được thầy truyền tâm pháp.

Ngày 15 tháng 2, niên hiệu Thuận Thiên thứ hai đời nhà Lý tức là ngày 22 tháng 3 năm 1011, thiền sư Khuông Việt trước khi viên tịch gọi Đa Bảo đến đọc bài kệ rằng:

“Mộc trung nguyên hữu hỏa,
Nguyên hỏa phục hoàn sanh.
Nhược vị mộc vô hỏa,
Toản toại hà do manh.”

Thích Mật Thể dịch:
“Trong cây vốn có lửa,
Tia lửa mới sáng lò.
Nếu bảo cây không lửa,
Cọ xát sao lại ra?”

Đa Bảo hiểu thâm ý của thầy liền sụp xuống lạy. Thiền sư Khuông Việt liền chấp tay viên tịch, thọ được 81 tuổi. Thiền sư Khuông Việt là đời thứ tư của hệ phái Vô Ngôn Thông.

Đây là phần tiểu sử của thiền sư Khuông Việt đã được nhiều sách sử ghi lại.

B. PHẦN TƯ TƯỞNG

Thiết nghĩ, trong các hệ phái của Thiền tông Việt Nam, *Thiền Môn Gia Huấn* lẽ tất nhiên phải có và có rất nhiều do các thiền sư nối tiếp sáng tạo để làm phương châm cho sự đạt đạo của các thiền sinh. *Thiền Môn Gia Huấn* nghĩa là những lời giáo huấn trong gia phả của thiền môn và những lời giáo huấn đó chính là khuôn vàng thước ngọc không thể thiếu để phát huy hệ phái Thiền tông. *Thiền Môn Gia Huấn* có khi là thi kệ, có khi là văn bản, đều là những Pháp Ngữ có tánh cách trực nghiệm thiền sinh nhằm trao truyền chỗ chứng đắc của mình cho đệ tử. Thiền tông càng phát triển thì *Thiền Môn Gia Huấn* càng phong phú. Căn cứ nơi lịch sử truyền thừa của các hệ phái Thiền tông Việt Nam, danh bộ các thiền sư được liệt kê trong gia phả không

phải là ít và được thấy một số thiền sư như Khuông Việt, Pháp Thuận, Vạn Hạnh v.v... đã để lại thanh danh một thời cho dân tộc và đạo pháp. Nhưng *Thiền Môn Gia Huấn* của các ngài thì bị bỏ quên trong lịch sử Việt Nam và chỉ còn lại thừa thớt một vài thi kệ nghèo nàn nơi lịch sử truyền thừa của các Thiền tông. Hơn nữa các thi kệ còn lại của các thiền sư mặc dù chỉ một vài câu thi ngắn gọn, đơn giản, nhưng chúng ta nhận thấy tư tưởng trong đó vô cùng súc tích và phong phú. Chứng tỏ trình độ thông bác và đạt đạo của các thiền sư thời bấy giờ không phải tầm thường. Trường hợp thiền sư Khuông Việt là một trong những bằng chứng của lịch sử Phật giáo Việt Nam. Thiền sư là Quốc sư của một triều đại mà lịch sử dân tộc lại ghi danh thật quá đơn giản và phũ phàng. Theo *Việt Nam Phật Giáo Sử Lược* của Thích Mật Thể cho biết thiền sư Khuông Việt sau khi cáo lão về hưu mở trường dạy đạo ở núi Du Hý và học trò đến học rất đông thì không phải kết quả chỉ có một thiền sư Đa Bảo thôi đâu. Đã là học trò đến học rất đông, thiền sư Khuông Việt lẽ tất nhiên cũng phải tổ chức học đường cho qui củ và cũng phải sáng tác rất nhiều *Thiền Môn Gia Huấn* để giáo dục các thiền sinh. Thế mà những *Thiền Môn Gia Huấn* đó không thấy lịch sử ghi lại và chỉ tìm được nơi thiền sư một vài thi kệ thừa thớt như thi kệ: “Tống Vương Lai Qui, Thủy Chung, Thị Tịch.” Thật là vô cùng thương tiếc cho thân phận đời ngài và cũng thương tiếc cho thân phận của lịch sử Phật giáo Việt Nam. Giờ đây chúng ta thử khảo sát tư tưởng của thiền sư Khuông Việt trong thi kệ “Thủy Chung” qua câu chuyện vấn đáp giữa hai thầy trò để hiển bày giá trị đạt đạo của ngài.

I. GIÁ TRỊ THI KỆ THỦY CHUNG

Câu chuyện vấn đáp giữa thiền sư Khuông Việt và học trò Đa Bảo được thấy trong *Thơ Văn Lý Trần* tập I, trang 210 do nhà xuất bản Khoa

Học Xã Hội Hà Nội 1977 ghi rằng: “Theo TUTA thì một hôm có người học trò là Đa Bảo hỏi về sự khởi đầu và kết thúc của việc học đạo, Khuông Việt đã trả lời bằng hai câu thi:

“*Thủy Chung Vô Vật Diệu Hư Không,
Hội Đắc Chân Như Thể Tự Đồng.*”

Dịch nghĩa:

“Không một vật nào có thủy và chung, chỉ có hư không mới là nhiệm mầu. Nếu ngộ được Chân Như thì vạn vật đều cùng một thể Chân Tâm.”

Đại ý hai câu thi này:

Vạn vật đều đồng một bản thể chân tâm nơi thế giới Chân Như. Hình tướng của vạn vật thì có sanh (thủy) và diệt (chung), nhưng tự thể của vạn vật thì trường tồn, cho nên không có điểm khởi đầu (vô thủy) và cũng không có điểm kết thúc (vô chung).

Giá trị tư tưởng của hai câu thi trên của thiền sư Khuông Việt trả lời câu hỏi của học trò Đa Bảo được nhận định như sau:

1. VẤN ĐỀ THỦY CHUNG

Thủy gọi cho đủ là vô thủy và *Chung* gọi cho đủ là vô chung. *Vô Thủy* nghĩa là vạn pháp không có nguyên nhân đầu tiên sanh ra và *Vô Chung* nghĩa là vạn pháp không có điểm cuối cùng của sự hoại diệt.

Vấn đề thủy chung được đặt ra là căn cứ nơi sự sanh diệt của vạn pháp. Vạn pháp trong thế gian, theo quan niệm của Phật giáo đều do nhân duyên nên được sanh thành và cũng do nhân duyên nên bị hoại diệt. Nối tiếp theo đó, vạn pháp từ nơi chỗ hoại diệt lại liên tục sanh ra nữa và cứ như thế sanh diệt mãi cho đến vô cùng tận. Dựa trên nguyên lý duyên sanh vừa trình bày, vạn pháp không có vấn đề thủy chung (không có nguyên nhân đầu tiên sanh ra và cũng không có điểm cuối cùng của sự hoại diệt).

Theo kinh *Thắng Man Bảo Quật*, quyển Trung ghi rằng: “*Nhiếp Luận* nói: “Vô thủy tức

là hiển nhân. Nếu hữu thủy thì vô nhân, hữu thủy thì hữu sơ, sơ thì vô nhân. Vô thủy thì hữu nhân, cho nên làm sáng tỏ sự hữu nhân, để hiển bày Phật pháp là cái nghĩa nhân duyên.”

Giải nghĩa: Không có nguyên nhân đầu tiên tức là hiển bày được nguyên lý nhân duyên. Nếu như có nguyên nhân đầu tiên thì nhất định không có nguyên lý nhân duyên. Nếu như có nguyên nhân đầu tiên thì phải có cái nguyên lý sơ khởi và nếu như đã có cái nguyên lý sơ khởi thì không có nguyên lý nhân duyên. Còn như không có nguyên nhân đầu tiên thì mới có nguyên lý nhân duyên. Cho nên một khi làm sáng tỏ vấn đề nguyên lý nhân duyên là hiển bày được Phật pháp.

Đúng thế, đời này chính là do nhân duyên đời trước xây dựng (hiển nhân), đời trước thì lại cũng do nhân duyên đời trước nữa thành lập. Chúng ta cứ như thế suy cứu mãi trở về trước thì sẽ thấy vạn pháp không có điểm khởi đầu, nên gọi là Vô Thủy. Chúng ta đã thấy vạn pháp không có điểm khởi đầu (vô thủy) thì lại cũng thấy vạn pháp không có điểm kết thúc, nên gọi là Vô Chung.

Thật ra vạn pháp không có vấn đề điểm khởi đầu (hữu thủy) hay điểm kết thúc (hữu chung), chỉ có sự tác dụng hay không tác dụng của các nhân duyên mà thôi. Nguyên nhân (dòng Tâm Thức) của vạn pháp mỗi khi tác dụng liên quan hệ với nhau (nhân duyên) qua nghiệp tướng và nghiệp lực để hiện ra hình tướng gọi là sanh (thủy) và đến khi không còn tác dụng để hiện tướng nữa gọi là diệt (chung). Nhưng nguyên nhân của vạn pháp thật sự không có vấn đề thủy và chung. Nguyên lý này nếu như so sánh với dòng điện thì không khác nhau cho lắm. Dòng điện một khi tác dụng qua Video Tape (nhân duyên của vạn pháp) liền hiện ra hình tướng trên màn ảnh gọi là sanh (thủy) và dòng điện không tác dụng nữa thì hình tướng trên màn ảnh không còn hiện ra nên gọi là diệt

(chung). Nhưng ở đây, dòng điện chỉ có tác dụng hay không tác dụng mà thôi. Riêng dòng điện thật sự không có vấn đề sanh hay diệt.

Như kinh *Bồ Tát Thiện Giới*, quyển 1 (Đại 30-962 Hạ) cũng chứng minh cho những nguyên lý vừa trình bày trên có ghi: “Bốn tánh là 5 Ấm, 18 Giới, 6 Nhập cứ theo thứ tự tác dụng nối tiếp với nhau từ vô thủy cho đến vô chung (4).” 5 Ấm, 18 Giới, 6 Nhập là chỉ cho những nguyên nhân của vạn pháp. Những nguyên nhân này đã có từ vô thủy và tác dụng mãi cho đến vô chung để tạo nên dòng sanh mạng của vạn pháp. Dòng sanh mạng của vạn pháp cứ liên tục quay tròn mãi để tạo thành bánh xe luân hồi trong ba cõi. Các pháp cứ sanh diệt và diệt sanh trong cái vòng tròn của bánh xe luân hồi đang quay. Bánh xe luân hồi của dòng sanh mạng cứ quay mãi vô định, quay mãi không có điểm khởi đầu và cũng không có điểm kết thúc của vòng tròn, nên gọi là vô thủy vô chung.

Qua những dữ kiện trên, vấn đề Thủy Chung trong câu “Thủy chung vô vật diệu hư không” của thiền sư Khuông Việt đồng với nguyên lý Vô Thủy Vô Chung của các kinh luận chủ trương, như *Nhiếp Luận*, kinh *Bồ Tát Thiện Giới* v.v... Đó là một trong những giá trị tư tưởng của thiền sư đã đạt đạo được thể hiện trong câu thi nói trên.

2. VẤN ĐỀ HƯ KHÔNG

Hư Không, tiếng Phạn *Àkàsa*, nghĩa là khoảng không gian trống rỗng (hư) mênh mênh vô cùng tận. Vạn pháp trong thế gian đều hiện có mặt và xoay vần trong hư không. Hư Không là một nguyên lý và nguyên lý này có giá trị bao trùm cả muôn pháp ở trong. Muôn pháp không thể có mặt và cũng như không thể tồn tại ngoài hư không. Hư không có thể xem như là bản thể, là nền tảng của muôn pháp sanh khởi và tồn tại.

Kinh *Bắc Bốn Niết Bàn*, quyển 22, phẩm Đức Vương và quyển 6, phẩm Phạm Hạnh đều

cho hư không “rộng lớn không có bờ mé, có thể dung chứa tất cả pháp.” *Duy Thức Bách Pháp Minh Môn Luận* lại cho hư không là Vô Vi Pháp. *Bát Thức Quy Củ Tụng* của dịch giả Thích Thắng Hoan, trang 21 cũng cho hư không là Không Vô Biên Xứ.

Kinh *Thủ Lăng Nghiêm* quyển 3 của dịch giả Thích Chơn Giám, đức Phật giải thích Hư Không có hai loại: Tướng Hư Không và Tánh Hư Không.

a. TƯỚNG HƯ KHÔNG

Tướng Hư Không được thể hiện từ nơi nghiệp tướng và được xây dựng theo nghiệp lực của chúng sanh. Tướng Hư Không được thành hình theo từng giống loại. Chúng sanh có nhiều loại khác nhau thì Tướng Hư Không được thành hình cũng có nhiều thứ không giống nhau. Tướng Hư Không của loài người thì khác hơn Tướng Hư Không của loài cá, của loài ngựa quý, của loài địa ngục v.v... Tướng Hư Không của dục giới thì khác hơn Tướng Hư Không của sắc giới, của vô sắc giới v.v... Mỗi loại, mỗi giới đều có Tướng Hư Không riêng biệt không giống nhau.

Bát Nhã Tâm Kinh Qua Cái Nhìn Của Duy Thức, tác giả Thích Thắng Hoan, trang 55 và 57 cho Tướng Hư Không là “Môi Trường Sống.” Quyển *Bát Nhã Tâm Kinh* này giải thích: “Tướng Hư Không của loài cá là khối lượng nước, thuộc môi trường sống của loài cá. Khối lượng nước nếu như cạn khô thì loài cá bị chết ngạt. Nhưng khối lượng nước nói trên không phải là Tướng Hư Không của loài người; nguyên vì loài người khác giống với loài cá. Tướng Hư Không của loài người là không khí, thuộc môi trường sống của loài người. Không khí nếu như bị cháy tan thì loài người cũng bị ngạt thở mà chết. Tướng Hư Không của loài người không phải là Tướng Hư Không của loài ngựa quý, của loài địa ngục, của loài a tu la, và của các cõi

trời; nguyên vì loài người không giống với loài ngựa quý, loài địa ngục, loài a tu la và các cõi trời. Cho đến loài ngựa quý, loài địa ngục, loài a tu la và các cõi trời cũng thế, nghĩa là mỗi loài mỗi cõi khác nhau thì môi trường sống của họ hoàn toàn không giống nhau về Tướng Hư Không.”

b. TÁNH HƯ KHÔNG

Tánh Hư Không thì thuộc về chân như và vẫn tồn tại muôn thuở. Ngược lại Tướng Hư Không thì thuộc về mê vọng và luôn luôn bị sinh diệt biến hóa. Tướng Hư Không là biến tướng của Vô Minh Nghiệp Tướng, thể hiện ở bên trong Tánh Hư Không và chọn Tánh Hư Không làm nơi nương tựa để sanh khởi. Theo kinh *Thủ Lăng Nghiêm*, đức Phật giải thích: “A Nan! Người phải biết trong Tạng Như Lai, “Tánh Giác” tức là thiết hư không, “Hư Không” tức là thiết tánh giác, thanh tịnh bản nhiên, đầy khắp pháp giới...”

Tánh Giác gọi cho đủ là Thể Tánh của giác ngộ. Tánh Giác tức là chỉ cho Tạng Như Lai, thuộc về Tâm Chân Như. Tạng Như Lai của Tâm Chân Như thì mới có Tánh Giác. Tánh Giác của Tạng Như Lai thì bao trùm cả thánh và phàm, cả chân và vọng. Hơn nữa, Tánh Giác tức là Tánh hư không thì không thể có ngoài Tạng Như Lai, đều thuộc về nguyên lý sự sống của vạn pháp. Cho nên *Đại Thừa Khởi Tín* của ngài Mã Minh nói: “Tâm Chân Như là cái tâm tánh bất sanh bất diệt, Thể và Tướng (Tạng Như Lai) nó to lớn bao trùm tất cả các pháp.”

Bát Nhã Tâm Kinh Qua Cái Nhìn Của Duy Thức, trang 58 giải thích: “Tánh hư không của Tâm Chân Như không phải là Tướng Hư Không của tất cả chúng sanh trong ba cõi. Tướng Hư Không của tất cả chúng sanh trong ba cõi sở dĩ khác nhau là do bởi Nghiệp Tướng của mỗi loại không giống nhau tạo nên. Nhưng đặc biệt nhất, Tướng Hư Không của tất cả chúng sanh trong ba

cõi thủy đều thể hiện ở phía bên trong Tánh Hư Không của Tâm Chân Như và được Tánh hư không của Tâm Như che chở với hình thức bao trùm.”

Thí dụ, Tánh Hư Không của Tâm Chân Như cũng tương tự như không gian của cái phòng. Tướng Hư Không của tất cả chúng sanh cũng tương tự như không gian của ngọn đèn xanh, của ngọn đèn đỏ, của ngọn đèn trắng, của ngọn đèn vàng v.v... Không gian (Tướng hư không) của các ngọn đèn xanh, đỏ, trắng, vàng, v.v... đều thể hiện ở phía bên trong không gian (Tánh hư không) của cái phòng và được không gian của cái phòng che chở với hình thức bao trùm.

Như thế, Tánh hư không chính là Tạng Như Lai của Tâm Chân Như, nguyên vì Tạng Như Lai theo *Đại Thừa Khởi Tín* của ngài Mã Minh thì thuộc về hình tướng của Tâm Chân Như. Tâm Chân Như là cái tâm không sanh không diệt thì Tánh Hư Không lẽ tất nhiên cũng thuộc về loại bất biến. Tánh Hư Không này vẫn hiện hữu và tồn tại mãi trong Tạng Như Lai và không thể có ngoài Tạng Như Lai.

Từ giá trị này, “Diệu Hư Không” trong câu thi “Thủy chung vô vật diệu hư không” mà thiền sư Khuông Việt đề cập đến đích thực là chỉ cho Tánh Hư Không của Tạng Như Lai thuộc Tâm Chân Như. Tánh Hư Không đối với vấn đề thành hình vạn pháp quả thật vô cùng mâu nhiệm. Vạn pháp trong thế gian, nếu như không có Tánh Hư Không làm nền tảng thì không biết nương tựa vào đâu để sanh trưởng và tồn tại. Vạn pháp có thể nói là luôn luôn bị sanh diệt và diệt sanh trong Tánh Hư Không trường tồn bất diệt.

3. VẤN ĐỀ CHÂN NHƯ

Chân Như, tiếng Phạn là *Bhūta-tathatā* hoặc gọi là *Tathatā*, nghĩa là căn nguyên của vạn pháp, cũng gọi là bản thể chân thật của vũ trụ. Vấn đề Chân Như có rất nhiều kinh luận giải thích.

Duy Thức Luận định nghĩa Chân Như: “Chân vị chân thật, hiển phi hư vọng; Như vị như thường, biểu vô biến dịch. Vị thử chân thật ư nhất thiết pháp, thường như kỳ tánh, cố viết chân như.”

Dịch nghĩa:

Chân là chân thật, hiển nhiên không phải hư vọng; Như là sự trường tồn, chỉ bày cái lý không thay đổi. Hai chữ Chân Như là nói lên cái nguyên lý chân thật của tất cả pháp và thể hiện cái tánh trường tồn của nó, vì thế nên gọi là Chân Như.

Phật Địa Kinh Luận, quyển 7 có ghi: “Chân như chính là thật tánh của tất cả hiện tượng. Cái tướng của tất cả hiện tượng tuy có các thứ sai biệt, nhưng thật tánh của chúng thì chỉ có một vị, so với tất cả pháp không phải một, không phải khác, là ngôn ngữ, là cả suy luận và khảo cứu. Thật tánh này xa lìa quan điểm lầm lỗi và hư vọng, nên gọi là Chân Như.”

Kinh Đại Bát Nhã, quyển 360 giải thích Chân Như gồm có 12 loại, cũng gọi là 12 Vô Vi hoặc gọi là 12 Nguyên Lý Không.

12 Chân Như gồm có:

1. *Chân Như*: Chân là chân thật và Như là như thường, nghĩa là thể tánh chân thật của các pháp thì như thường.

2. *Pháp Giới*: Giới là nghĩa sở y (chỗ nương tựa). Chân Như là chỗ sở y của các pháp.

3. *Pháp Tánh*: nghĩa là thể tánh của các pháp thì chân như.

4. *Bất Hư Vọng Tánh*: nghĩa là Pháp Tánh chân thật đã lìa hẳn hư vọng nên gọi là chân như.

5. *Bất Biến Di Tánh*: nghĩa là bản thể của các pháp thì không biến đổi nên gọi là chân như.

6. *Bình Đẳng Tánh*: nghĩa là chân như sau khi lìa hẳn các tướng sai biệt của các pháp đều duy nhất bình đẳng không có hai.

7. *Ly Sanh Tánh*: nghĩa là chân như đã lìa hẳn sự sanh diệt.

8. *Pháp Định*: nghĩa là pháp tánh thì an trụ và thường hằng nên gọi là chân như.

9. *Pháp Trụ*: nghĩa là ngôi vị của các pháp thì thường trụ nơi chân như.

10. *Thật Tế*: nghĩa là nguyên lý của chân như thì rất thật tế đến chỗ cùng cực.

11. *Hư Không Giới*: nghĩa là lý thể của chân như thì biến khắp pháp giới.

12. *Bất Tư Nghi Giới*: nghĩa là lý thể của chân như thì không thể nghĩ bàn.

Bao nhiêu kinh luận cũng chứng minh được giá trị của nguyên lý Chân Như. Chân Như là thể tánh thường hằng, không sanh không diệt của vạn pháp và vạn pháp thường an trụ trong chân như lấy chân như là thể của mình. Lý do đó, thiền sư Khuông Việt cho rằng, vạn pháp đồng một thể tánh chân như cho nên có câu: “Hội đắc chân như thể tự đồng.”

Tóm lại, Diệu Hư Không là chỉ cho Tánh Hư Không của Tạng Như Lai nơi Tâm Chân Như. Tánh Hư Không này làm nền tảng sanh ra muôn pháp một cách mâu nhiệm không thể nghĩ bàn, nên gọi là Diệu Hư Không. Tâm Chân Như tự nó thuộc về loại trường tồn bất diệt thì Diệu Hư Không lẽ dĩ nhiên bản tánh cũng thuộc về loại thường hằng bất biến. Bản thể của muôn pháp (vạn vật) đã là Tâm Chân Như thì bản tánh của muôn pháp chính là Diệu Hư Không. Diệu Hư Không là những nguyên lý duyên sanh để biến hiện ra hình tướng của muôn pháp. Hình tướng của muôn pháp thì có sanh diệt (thủy chung) theo nguyên lý duyên sanh, nhưng thể tánh của muôn pháp thuộc về chân như thì không có vấn đề sanh diệt (vô thủy và vô chung). Từ đó thiền sư Khuông Việt mới nói lên hai câu thi:

*“Thủy chung vô vật diệu hư không,
Hội đắc chân như thể tự đồng.”*

(Không một vật nào có Thủy và Chung, chỉ có Hư Không mới là nhiệm mầu,

Nếu ngộ được Chân Như thì vạn vật đều

cùng một thể Chân Tâm.)

4. MỤC ĐÍCH THIỀN SƯ KHUÔNG VIỆT

Khi Đa Bảo hỏi về sự khởi đầu và kết thúc của việc học đạo, thiền sư Khuông Việt trả lời bằng hai câu thi: “*Thủy chung vô vật diệu hư không, hội đắc chân như thể tự đồng.*”

Có ba mục đích:

a. Thiền môn chủ trương cho vấn đề tu chứng là trên hết và xem thường sự học rộng cũng như sự biết nhiều. Thiền môn quan niệm rằng, người học rộng biết nhiều mà không tu thì cũng vô ích. Họ chỉ là một lý thuyết gia, chuyên môn lý luận suông, không thực tế trên con đường đạt đạo. Còn kẻ chuyên môn tu tập làm đầu, mặc dù họ không học, nhưng khi đạt đạo thì thông bác tất cả không khác người có học. Vì lý do đó, các thiền môn chú trọng sự tu tập nhiều hơn sự học hỏi, theo các vị thiền sư nhận thức, sự học hỏi làm trở ngại cho sự tu chứng và những điều tu chứng thì khác xa mà cũng không có trong vấn đề học hỏi.

Thời xưa, đức Phật đã chỉ dạy trong các kinh điển, các đệ tử phải thường xuyên tu học theo ba môn huệ học là “Văn Huệ, Tư Huệ, và Tu Huệ.” Văn Huệ là trí tuệ do học kinh nghe pháp được thành tựu. Tư Huệ là trí tuệ do suy nghiệm và giác ngộ lý nhiệm mầu trong các kinh luận. Tu Huệ là trí tuệ do công phu tu tập được chứng ngộ trong sự đạt đạo. Theo đức Phật, ba môn huệ học này là ba yếu tố rất cần thiết không thể thiếu trên con đường giải thoát. Người tu hành thiếu một trong ba môn huệ học nói trên không thể đạt đạo cũng giống như một cái ghế có ba chân, nếu như thiếu đi một chân thì không thể nào ngồi vững được.

Ngày nay các Thiền môn thì canh tân hơn. Trong ba môn huệ học căn bản nói trên, các thiền sư chỉ chuyên hành trì về phương diện Tu Huệ để được chứng đắc và khinh thường hình thức Văn Huệ. Đúng theo lãnh vực Văn Huệ,

các thiền sinh phải trải qua thời gian tu học kinh luận theo khóa trình đã vạch sẵn, nghĩa là thiền sinh phải hoàn tất chương trình tu học từ Sơ Cấp, Trung Cấp cho đến Cao Đẳng Phật Học do thiền môn soạn thảo. Những khóa trình tu học này đều được qui định thời gian khởi đầu và thời gian kết thúc là bao nhiêu năm.

Còn lãnh vực Tu Huệ thì khác hơn, tùy theo căn cơ lanh lợi hay đần độn trong việc đạt đạo của các thiền sinh, nghĩa là thiền sinh nào có căn cơ thông minh lanh lợi thì đạt đạo nhanh chóng hơn và thiền sinh nào có căn cơ đần độn kém cỏi thì lãnh hội chậm chạp hơn trong việc hành trì. Cho nên Thiền môn không có qui định thời gian khởi đầu cho công trình tu tập và cũng như thời gian kết thúc cho vấn đề chứng đắc. Nguyên vì chủ trương Tu Huệ trên hết của Thiền môn, thiền sư Khuông Việt liền trả lời câu hỏi của Đa Bảo là:

“*Thủy chung vô vật diệu hư không.*

Hội đắc chân như thể tự đồng.”

(Không một vật nào có Thủy và Chung, chỉ có Hư Không mới là nhiệm mầu,

Nếu ngộ được Chân Như thì vạn vật đều cùng một thể Chân Tâm.)

b. Còn mục đích thứ hai, thiền sư Khuông Việt trả lời bằng hai câu thi trên nhằm trắc nghiệm tư tưởng và đánh giá trình độ thông bác của Đa Bảo trước khi cho nhập môn. Một vị thiền sư mỗi khi nhận đệ tử nào phải nắm vững tâm yếu câu đạo của vị đệ tử đó để cho tâm truyền có thể chính xác hơn. Muốn nắm vững tâm yếu của đệ tử, thiền sư trước hết phải đánh giá trình độ, đo đặt khả năng tính và tìm hiểu khuynh hướng nhận thức của thiền sinh bằng phương pháp trắc nghiệm tư tưởng. Nhờ thế thiền sư mới thật sự nắm vững tâm yếu và dễ dàng phân loại khả năng hành trì của mỗi thiền sinh. Đứng trong chiều hướng này, thiền sư Khuông Việt liền trả lời câu hỏi của Đa Bảo qua hai câu thi: “*Thủy chung vô vật diệu hư không,*

hội đắc chân như thể tự đồng” mà trong đó hàm chứa cả hai ẩn ý nói trên. Đa Bảo cũng là một nhà thông bác, sau khi nghe qua hai câu thi kệ của thầy liền tỏ ngộ ngay và xin thọ giáo với thiền sư Khuông Việt.

c. Hơn nữa, “Thủy chung vô vật diệu hư không, hội đắc chân như thể tự đồng” là hai câu Thoại Đầu mà thiền sư Khuông Việt trao truyền cho Đa Bảo làm phương châm tu tập để quán chiếu. Thiền sinh Đa Bảo tu tập quán chiếu hai câu thi nói trên cho đến khi nào ngộ được nguyên lý và sự tướng dung thông của vạn pháp là chừng đó mới chứng tỏ đã đạt đạo. Vì muốn trao truyền câu Thoại Đầu cho Đa Bảo tu tập, thiền sư Khuông Việt nói lên hai câu thi:

*“Thủy chung vô vật diệu hư không,
Hội đắc chân như thể tự đồng.”*

(Không một vật nào có Thủy và Chung, chỉ có Hư Không mới là nhiệm mầu,

Nếu ngộ được Chân Như thì vạn vật đều cùng một thể Chân Tâm.)

II. GIÁ TRỊ THI KỆ THI TỊCH

Thi kệ Thi Tịch là thi kệ có tánh cách di chúc hơn là tâm truyền. So với thi kệ Thủy Chung, thi kệ Thi Tịch không ngoài mục đích làm phương châm trong lãnh vực truyền thừa của Thiền tông hơn là khai thị mà thiền sư Khuông Việt muốn Đa Bảo trong việc kế thừa đi đúng đường hướng Tâm Truyền của Thiền tông. Yếu chỉ của thi kệ Thi Tịch mượn lửa là một trong những sự vật để ám chỉ Tâm Linh mà thiền sư Khuông Việt di chúc cho Đa Bảo. Ở đây thiền sư không phải đề cao vật chất trên phương diện Tâm Truyền.

Theo thiền sư Khuông Việt, trạng thái của Tâm Linh cũng giống như trạng thái của lửa và sự hiện hữu của Tâm Linh trong thân thể con người cũng giống như sự hiện hữu của lửa trong thân cây. Chúng ta không thể nhìn thấy hình

tướng của Tâm Linh như thế nào và chỉ biết khi nó tác dụng sanh ra tư tưởng cũng giống như chúng ta không thể nhìn thấy hình tướng của lửa như thế nào và chỉ biết khi nó qua cọ xát thành tia sáng. Tâm Linh giả sử không có thì làm sao có tư tưởng cũng giống như lửa giả sử không có thì làm sao có tia sáng.

Hơn nữa, trong con người, Tâm Linh vốn có nguyên thể riêng và nó không phải do vật chất sanh ra cũng như lửa vốn có nguyên thể riêng (Mộc trung nguyên hữu hỏa) và nó không phải do thân cây sanh ra. Tâm Linh mặc dù không có bộ óc thì không thể phát sanh tư tưởng cũng giống như lửa mặc dù không có thân cây thì không thể phát sanh tia sáng. Người ta thật sự lầm lẫn nếu như cho rằng Tâm Linh phát sanh từ nơi vật chất cũng như có kẻ cho rằng ánh sáng điện phát sanh từ nơi bóng đèn. Đúng hơn, dòng điện nương nơi bóng đèn để phát ra ánh sáng cũng như Tâm Linh nương nơi bộ óc để phát ra tư tưởng.

Thật sự, thiền sư Khuông Việt đã khai thị cho Đa Bảo từ lâu và Đa Bảo cũng đã đắc pháp tự bao giờ bằng lối tâm truyền của thầy. Vạn pháp theo thiền sư về phương diện lý tánh thì đồng một bản thể chân như sanh ra với hình thức duyên khởi. Nhưng về phương diện sự tướng, Tâm Linh và vật chất của vạn pháp thì có khác nhau trên lãnh vực tác dụng, một bên là chủ và một bên là khách, nghĩa là Tâm Linh luôn luôn làm chủ sự vật, dẫn đầu cả mọi việc (5), có khả năng quyết định sự thành bại của muôn loài chúng sanh. Còn vật chất thì vô tri giác và luôn luôn ở tư thế bị động trong sự sinh tồn của các pháp. Thiền sư muốn cho Đa Bảo lãnh hội một lần chót giữa lý và sự của vạn pháp ở mọi khía cạnh thể và dụng cũng như phân loại rõ ràng giữa tâm và vật ở tư thế chủ và khách trong việc truyền thừa. Thế nên trước khi viên tịch, thiền sư di chúc cuối cùng về vấn đề này cho Đa Bảo với Thi Kệ Thi Tịch:

"Mộc trung nguyên hữu hỏa,
Nguyên hỏa phục hoàn sanh.
Nhược vị mộc vô hỏa,
Toản toại hà do manh."

Đa Bảo hiểu được thâm ý của thầy liền sụp xuống lạy và cũng từ đó thiền sư Khuông Việt an tâm ra đi một cách tự tại trong tư thế chấp tay viên tịch.

Tóm lại, qua một vài thi kệ vừa trình bày, chúng ta nhận thấy thiền sư Khuông Việt là một con người thật sự đặc đạo của hệ phái Vô Ngôn Thông, một Tăng Thống cao minh đáng quy ngưỡng của Phật giáo Việt Nam và cũng là một Quốc sư lỗi lạc của triều đại nhà Đinh mà cho đến ngày nay thiền sư vẫn còn dư âm trong lịch sử Việt Nam. Những tư tưởng ẩn chứa trong các Thi Kệ cũng đủ chứng minh một cách cụ thể sự chứng đắc của ngài. Đối với giáo lý cao thâm trong Phật giáo, ngài lãnh hội rất thông bác giữa sự và lý trong mọi lãnh vực thế và dụng với hình thức duyên khởi của muôn pháp. Mặc dù những điều lãnh hội này được gói gọn bóng bẩy trong các thi kệ giản đơn, chúng ta đem quán chiếu cũng có thể nhận thấy được tư tưởng sâu xa của ngài. Chúng ta vô cùng vui mừng đã có được một thiền sư Khuông Việt là người đầu tiên khơi nguồn sanh mệnh của đạo pháp với danh nghĩa Tăng Thống và cũng là người đầu tiên khai thông sanh lộ của dân tộc với danh nghĩa Quốc sư Khuông Việt. Nhờ thiền sư, sanh mệnh đạo pháp và dân tộc hòa điệu trên mọi nẻo đường đất nước, trải dài từ thế kỷ thứ chín cho đến ngày nay. Thật là lành thay cho Phật giáo Việt Nam và dân tộc Việt Nam muôn đời bất diệt.

Chú thích:

(1) *Thiền Uyển Tập Anh*, Phân Viện Nghiên Cứu Phật Học, nhà xuất bản Văn Học Hà Nội 1990, trang 42.

(2) *Văn Học Lý Trần*, tập I, trang 208 của nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội Hà Nội.

(3) *Việt Nam Phật Giáo Sử Lược*, trang 109, của

Thích Mật Thể.

(4)

- a. Năm Âm: Sắc, Thọ, Tướng, Hành, và Thức.
- b. Sáu Nhập: Nhân, Nhĩ, Tỹ, Thiệt, Thân và Ý.
- c. 18 Giới: 6 căn, 6 trần, và 6 thức.

(5) Kinh *Pháp Cú*, phẩm Song Yếu.

thơ TÂM VĂN

Xuân Như Ý

(chủ đề thơ do Bồ đặt lúc 8 giờ sáng 1/1 â.l.)

Kính dâng HT thượng Đức hạ Nhuận bốn sư

Lòng thành kính chúc buổi tân niên
Tuổi thọ lưu niên, phúc cứu thiên
Bốn chúng nương nhờ ơn phúc tuệ
Thỏa lòng ngưỡng mộ "Bồ" vô biên.

Thỏa lòng ngưỡng mộ "Bồ" vô biên
Tết đến năm châu với xóm giềng
Y phục trang nghiêm lên chúc thọ
Thỉnh cầu Hòa Thượng độ nhân thiên.

Thỉnh cầu Hòa Thượng độ nhân thiên
Bá tánh bình yên, tựa cửa thiền
Mỗi phút mỗi nơi duy tuệ nghiệp
Phật từ trợ lực cứu đảo huyền.

Phật từ trợ lực cứu đảo huyền
Sách tấn cùng nhau giải oan khiên
Cứu độ "Chân Chiêm" về cõi Phật
Tâm Kinh Bát Nhã thật linh thiêng.

Kính bái

Trọng Xuân Đinh Sửu - 1997

* *Chân Chiêm*: Chiêm Thành, Chân Lạp

HỌC PHẬT

Huỳnh Kim Quang

Qua các thập niên gần đây, với sự tiếp trợ hữu hiệu của các phương tiện văn minh hiện đại trong lãnh vực truyền thông, báo chí, kinh sách và tin học, đồng thời với sự tổ chức thường trực các thời khóa giảng dạy giáo lý tại các chùa, các cơ sở và trung tâm Phật giáo, phong trào học Phật đã ngày càng gia tăng. Đây là niềm hoan hỷ lớn lao cho những ai quan tâm đến tiền đồ của đạo pháp. Tuy nhiên, cũng từ đây những quan điểm lệch lạc về việc học Phật dẫn đến phương cách sống và hành xử không như chánh pháp đã thường xuyên xảy ra. Đó là mối ưu tư và niềm đau xót không nguôi đối với những ai còn nghĩ đến sự hưng vong của đạo Phật.

Tại sao người viết lại nối kết việc học Phật với tiền đồ và sự hưng vong của đạo Phật? Đạo Phật có được tồn tại và hưng thịnh hay không là do chính mỗi người con Phật đã từng có thiện duyên tiếp nhận chánh pháp có thể bảo tồn và xiển dương nội dung cốt lõi và tinh hoa của giáo lý thâm thâm mà đức Phật đã dạy một cách đúng với tinh thần của chánh pháp không? Bảo tồn và xiển dương như thế nào mới đúng chánh pháp? Đó là liễu giải, sống, hành trì, và lưu bố một cách như thực theo tinh thần nội dung của giáo nghĩa của đạo Phật. Muốn được như thế, trước hết, phải thực hiện việc học Phật một cách đúng nghĩa. Nhưng, như thế nào là học Phật đúng nghĩa? Học Phật là gì? Học là gì? Phật là gì?

Phật, tiếng Phạn (Sanskrit) là Buddha. Trong chữ Buddha có động từ bud có nghĩa là giác ngộ. Chính vì vậy, Buddha là vị đã giác ngộ, là đức Phật. Giác ngộ là gì? Trừ phi đã thật sự giác ngộ bằng không người ta không thể dùng ngôn ngữ để biểu đạt hay lãnh hội được một cách rõ ràng sự giác ngộ là gì, giống như phải chính người uống nước mới cảm nhận được mùi vị của nó là gì, nóng, lạnh, hay tươi mát, vân vân. Chúng ta không biết giác ngộ là gì, nhưng đức Phật và những vị Thánh giả giác ngộ đã hé mở phần nào cho chúng ta thấy điều ấy qua những lời chỉ dạy đầy lòng từ bi phương tiện trong các kinh điển. Qua đó, bằng vào ngôn ngữ thông tục và ước lệ, chúng ta có thể hiểu rằng, giác ngộ là sự thâm chứng của trí tuệ siêu việt vào thể, tướng và dụng của vạn pháp, giác ngộ là sự phá tung bức màn vô minh vốn che lấp chân tánh của chúng sanh, giác ngộ là sự thể nghiệm tận đầu nguồn mọi lẽ huyền vi của vũ trụ mà qua đó người giác ngộ chọc thủng mọi hệ phược của sở tri chướng và phiền não chướng để tự tại giải thoát. Có một điều rất lý thú mà chúng ta không thể bỏ qua ở đây; đó là mặc dù giác ngộ thì siêu việt và cứu cánh như vậy, nhưng không phải vì thế mà sự giác ngộ trở thành điều bất khả đối với chúng sanh; ngược lại, giác ngộ chính là năng lực vốn sẵn có trong mọi loài và Phật tánh chính là thể tánh của tất cả các pháp. Chính trong vô minh và phiền não mới có thể phát hiện được giác ngộ, vì ngoài vô

minh và phiền não ra sẽ không có cái gì khác gọi là giác ngộ. Tánh của vô minh chính là Phật, thể của phiền não chính là Bồ đề vậy. Cho nên Lục Tổ Huệ Năng đã dạy: “*Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác. Ly thế mích Bồ đề, do như cầu thố giác.*” Phật pháp ở ngay trong thế gian, không thể lìa thế gian mà có giác ngộ. Lìa thế gian để tìm sự giác ngộ thì cũng giống như đi tìm sừng thỏ. Thỏ vốn không có sừng. Ngoài thế gian vốn không có giác ngộ. Tại sao?

Vì rằng, trong nhận thức của phàm phu, giác ngộ là giác ngộ chân tánh để đốn phá vô minh, tức là hàm ngụ hai sự thể: một là năng giác và một là sở giác. Năng giác là trí tuệ, sở giác là chân tánh, và diệu dụng của giác ngộ chính là tận diệt vô minh. Như vậy, chúng ta không thể nói đến sự giác ngộ một cách đơn điệu, một cách trống rỗng mà không hàm ngụ ý niệm về năng giác và sở giác. Cho nên, khi đã nói đến giác ngộ thì phải nói đến vô minh, khi nói đến bồ đề thì phải nói đến phiền não. Giác ngộ hay bồ đề như hoa sen, còn vô minh và phiền não như đầm lầy bùn đen. Không có đầm lầy bùn đen thì không có hoa sen bởi lẽ, hoa sen sinh trưởng trong bùn lầy. Đây cũng chính là chỗ vượn kẹt của tâm thức nhị nguyên của phàm phu mà từ đó trở thành chướng duyên không nhỏ trên con đường tu tập sự giác ngộ. Lại nữa, giác ngộ là thể chứng chân tánh. Chân tánh thì xưa nay không động không tịnh, không thanh không trược, vậy vô minh phiền não từ đâu mà có? Luận Đại Thừa Khởi Tín của Bồ tát Mã Minh gọi đó là do một niệm bất giác mà ra. Vô minh phiền não ấy như sóng còn chân tâm thì như nước của đại dương, vì thế bản thể của vô minh phiền não là chân tánh, là Phật tánh, là giác tánh. Sóng và nước của đại dương là một.

Học Phật là gì? Một cách đơn giản và dễ hiểu, học Phật là học làm Phật, học giác ngộ,

học đốn phá vô minh và giải thoát phiền não rốt ráo. Trong ý nghĩa này, chúng ta có thể tìm hiểu một số phương diện của việc học Phật như sau:

MỤC ĐÍCH

Trong Hồng Danh Bửu Sám có nói: “Ngã kim phát tâm bất vị tự cầu nhân thiên phước báo, Thanh văn, Duyên giác, nãi chí Quyền thừa chư vị Bồ tát, duy y Tối thượng thừa phát Bồ đề tâm, nguyện dữ pháp giới chúng sanh nhất thời đồng đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề”.

Tạm dịch: Con nay phát tâm không vì cầu cho riêng mình những phước báo của cõi người và trời, hay quả vị của hàng Thanh văn, Duyên giác, cho đến các địa vị của Quyền thừa Bồ tát, mà chỉ quy thú đến Tối thượng thừa để hưng phát tâm giác ngộ, nguyện cùng với tất cả chúng sanh trong pháp giới đồng thời chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thành tựu Phật đạo là mục đích cứu cánh của việc học Phật. Tại sao? Bởi lẽ, trên thế gian này, khi nào còn một chút vô minh và phiền não trong tâm thì lúc ấy chúng sanh vẫn không thể tự tại giải thoát hoàn toàn. Chỉ có thành Phật mới có thể diệt sạch vô minh và giải thoát phiền não. Điều này tuyệt đối không thể được sử dụng như là phương cách để thỏa mãn thị hiếu nhất thời hay mưu cầu vị ngã dưới bất cứ hình thức, hoặc dạng thức nào. Bởi vì, Phật đạo chỉ có thể được thành tựu viên mãn với một thế nguyện khẩn thiết và kiên quyết liên tục trải qua hàng vô lượng vô số kiếp tu tập bồ tát hạnh.

Người học Phật lúc nào cũng phải tâm niệm rằng thành tựu Phật đạo cho mình và tha nhân là tiêu đích tối hậu. Trong nguyện lực đó, người

học Phật không khi nào quên rằng tất cả những gì mình học được trong giáo nghĩa của đạo Phật qua kinh điển, sách báo, thiện hữu trí thức và sự trưởng đều là những phương thức kiến hiệu để hoàn thành Phật đạo. Chính vì vậy, người học Phật không bỏ qua bất cứ cơ hội học tập và thực nghiệm nào để đốn phá vô minh và tiêu trừ phiền não. Điều này không có nghĩa rằng khi chúng ta lập nguyện thành Phật là có thể trong một sớm một chiều chứng đắc Phật vị. Việc thành tựu Phật đạo sớm hay muộn là tùy theo căn tánh của mỗi người, như trong kinh *Diệu Pháp Liên Hoa*, phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký thứ 9, đức Phật dạy rằng ngài và tôn giả A Nan ở chỗ đức Phật Không Vương đồng phát tâm bồ đề mà cuối cùng thì đức Thích Ca đã thành Phật trước. Từ lúc phát tâm bồ đề cho đến khi thành tựu Phật đạo, chúng sanh ấy phải trải qua biết bao số kiếp khổ cầu học Phật. Trong giáo lý Đại thừa nêu ra 53 thứ bậc tu học, gồm có Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng giác, Diệu giác và Phật. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, phẩm Nhập Pháp Giới mô tả cuộc hành trình cầu sư học Phật của Thiện Tài qua suốt 53 trú xứ với biết bao gian nan, kiên trì, mẫu nhiệm và lý thú.

Có người cho rằng Phật là địa vị tối tôn trong thiên hạ còn chúng ta là phàm phu ngu tối và thấp hèn thì làm sao mong cầu thành tựu cho được! Không mong cầu, không lập nguyện thành đạt thì dù cho là địa vị của tứ quả Thanh Văn cũng không thể với tới hướng gì là Phật! Trước phải hưng phát đại nguyện quyết chí thành đạt Phật đạo mới thôi, sau đó tinh tấn không ngừng học Phật và tu tập các pháp môn mà Phật đã dạy, thì đời này không thành, đời sau phải thành, hoặc một kiếp chưa đạt thì trăm kiếp cũng đạt. Muốn thành tựu Phật đạo thì có rất nhiều pháp môn không nhất thiết là phải lo làm và tu các việc mà thiên hạ gọi là trọng đại,

các pháp môn mà thiên hạ gọi là cao siêu, mà có thể khởi sự từ những việc làm, những pháp môn bình thường nhất như nhặt một chiếc lá rụng ở sân chùa, rửa một cái chén ở nhà bếp, giúp một cụ già qua đường, vân vân... Trong kinh *Pháp Hoa*, phẩm Phổ Môn thứ 25, có đề cập đến một vị Bồ tát tên là Trì Địa. Vị Bồ tát này lấy việc tu sửa đường sá, lấp các chỗ lở trên đường, bắt các cây cầu qua các con suối, con mương, dọn dẹp cỏ dại và gai góc bên đường để cho mọi người được qua lại thoải mái làm pháp môn tu tập. Đây là một trong muôn hạnh tu tập của người học Phật để lần tiến lên quả vị Phật đà.

PHƯƠNG THỨC

Học Phật có nhiều phương thức và tùy theo căn cơ của mỗi người, nhưng thông thường người học Phật có thể thực hiện theo các phương cách như sau:

1. VĂN: Văn tức là nghe. Nhưng nghe ở đây không phải chỉ thuần túy là cái nghe của thính giác, mà bao gồm khả tính của những tri giác khác như đọc, tụng và quan sát. Học Phật bằng văn có nghĩa là học hỏi giáo nghĩa của đạo Phật qua việc đọc, tụng tam tạng giáo điển kinh, luật và luận, hoặc nghe các vị đạo sư, các bậc thiện hữu trí thức giảng giải giáo lý, hoặc quan sát các tế hạnh qua thân giáo của những vị đạo sư. Từ cánh cửa văn mà người học Phật có thể tiếp nhận được giáo nghĩa của đạo Phật. Ở giai đoạn này, một số người học Phật với căn cơ tinh lợi có thể thâm liễu được ý nghĩa nhiệm mầu trong những lời dạy bằng ngôn thuyết hoặc bằng vô ngôn. Đối với những người này, họ có thể ngay tức khắc vén mở được bức màn đen tối của phần kiến hoặc. Tuy nhiên, đối với một số người học Phật khác thì có thể sự kiện này không xảy ra. Đối với những người này; việc

học Phật bằng “văn” là phương cách để họ có thể thu nhận giáo lý của đạo Phật làm tư lương cho nhận thức dẫn đạo công cuộc chuyển hóa mình một cách lần hồi.

Nhưng “văn” bằng cách nào? Phải chăng người học Phật bằng “văn” là đem tâm thức vọng niệm phân biệt ra mà tiếp nhận chánh pháp, chẳng hạn, vừa nghe pháp vừa khởi niệm phân biệt vị thầy này tài giỏi hơn vị pháp sư nọ, hoặc vị thiện hữu trí thức này có tài đức hơn vị thiện hữu trí thức khác, hay vừa nghe pháp vừa nghĩ tưởng đến việc làm ăn, việc nhà, việc bè bạn, việc của pháp sư đang giảng pháp, vân vân...? Người học Phật bằng “văn” không thể cứ mang tâm thức chứa đầy những hậu cảnh trí thức, những định kiến có sẵn, những quan điểm huân tập từ trước, bởi vì, làm như vậy, người học Phật thực ra không phải lắng nghe chánh pháp ở tận đáy lòng bình yên và thanh tịnh mà là đang bị điều hướng bởi ý thức vọng niệm của chính họ. Học Phật bằng “văn” là tiếp nhận chánh pháp bằng tâm thức tĩnh lặng, trong sạch, không còn một ý niệm vọng tưởng điên đảo nào. Trong phần mở đầu của tất cả mọi bài kinh đều có câu: “Như thị ngã văn.” Câu này ngài A Nan khi trùng tuyên lại giáo nghĩa của đức Phật đã khẳng quyết và minh thị rằng đức Phật dạy như thế nào thì tôn giả A Nan nghe như thế đó. Ngoài ý chỉ này, câu kinh ấy còn khai thị cho người học Phật về phương cách “văn” ra làm sao. Pháp như thế nào thì văn như thế ấy. Thực tại như thế nào thì văn như thế ấy. Muốn được vậy thì phải thanh tịnh thân tâm để có thể chánh niệm tiếp nhận chánh pháp.

2. TÚ: Sau khi tiếp nhận giáo nghĩa của đạo Phật rồi, người học Phật cần phải dành thì giờ cho việc suy nghiệm về ý nghĩa chứa đựng trong đó. Suy nghiệm về ý nghĩa để làm gì? Để liễu giải đến tận đầu nguồn nội dung của giáo lý ấy, và để tuyển trạch pháp môn thích ứng với

căn cơ của mình mà hạ thủ công phu tu tập. Giống như thức ăn, sau khi đã được ăn rồi cần phải được trải qua quá trình tiêu hóa, nếu không tiêu hóa được thức ăn ấy sẽ không những chẳng có ích dụng gì mà còn trở thành độc tố trong cơ thể con người nữa. Học Phật nếu chỉ biết tiếp thu bằng cách nghe rồi để đó mà không suy nghiệm để liễu giải nội dung cốt lõi của chánh pháp thì sẽ dẫn đến tình trạng tín điều và giáo điều cục bộ chỉ phá hoại Phật pháp. Quá trình thực hiện việc tư duy này đòi hỏi phải được đặt trong một tâm thức bình lặng và thanh tịnh, bởi vì, nếu không như vậy, người học Phật có thể bị rơi vào tình trạng loạn động, do đó không thể trực thức được ý nghĩa thâm diệu của giáo pháp Phật đà. Với tâm thức loạn động, người học Phật chỉ có thể suy tư theo chiều xô đẩy của những loạn tưởng bị chi phối bởi vô minh, và các phiền não, do đó, không thâm nhập được sâu vào nội dung của chánh pháp.

3. TU: Việc giác ngộ vô minh và tiêu trừ phiền não không phải là việc chỉ nói suông trên lý thuyết mà có thể thành đạt được. Việc ấy đòi hỏi một cách nghiêm túc và triệt để đến công cuộc tu chứng nội tâm bằng sự thực nghiệm. Giáo lý của đức Phật là thuốc trị bệnh khổ não cho chúng sanh, nếu chúng sanh không thực sự uống lấy thuốc, thì bệnh sẽ không bao giờ được chữa lành và thuốc đó cũng không còn hiệu năng đích thật của nó nữa. Chính ở điểm này, giáo lý của đức Phật hoàn toàn khác hẳn với những chủ thuyết, học thuyết, hay triết thuyết khác. Giáo lý được đức Phật và lịch đại tổ sư nói ra không phải để thỏa mãn thị hiếu tri thức thường nghiệm của thế gian vốn được xây dựng trên thế lực vô minh. Giáo lý ấy có mặt với chỉ một mục đích duy nhất, đó là điều dưỡng trị lành căn bệnh khổ não, là kim chỉ nam hướng đạo lộ trình giải thoát và giác ngộ cho tất cả chúng sanh.

Học Phật với mục đích chỉ để đáp ứng khát vọng tri thức thông tục, hoặc để lờ mờ thiên hạ rằng mình cũng là nhà trí thức Phật học với cái bằng Phật học này hay kiến thức Phật pháp nọ, thì thật không khác gì người đang khát nước, gặp được nước rồi mà không chịu uống, chỉ lấy nước khoe với thiên hạ, để tỏ cho người khác biết rằng mình là kẻ đang có nước hiếm quý đó. Có ích gì chẳng? Thật đáng thương thay! Ngày nay, nhiều người học Phật cũng giống như vậy. Họ quên rằng giáo nghĩa của đạo Phật là thuốc trị bệnh khổ não, không phải là món đồ chơi trí thức hý luận. Không thực nghiệm, giáo nghĩa của đạo Phật sẽ không có ích dụng gì. Chỉ biết suông thôi thì càng làm tăng thêm lòng ngạo mạn, càng phá hoại chánh pháp. Phật pháp sở dĩ đi từ giai kỳ chánh pháp, tượng pháp đến mạt pháp duyên do cũng vì người con Phật ngày càng lơ là trong việc thực nghiệm giáo lý giác ngộ và giải thoát của đức Phật và lịch đại Tổ sư.

Chính vì vậy, sau trình tự văn và tư là đến lược tu. Tu là bước đi tới nhất định phải thực hiện của người học Phật để thành tựu mục đích giác ngộ và giải thoát. Tu là đem kiến văn về đạo Phật mà mình đã có ra ứng dụng một cách cụ thể vào đời sống thường nghiệm của mình để có thể giảm trừ hay đoạn diệt tận gốc nguồn cội của vô minh và các phiền não. Giai đoạn này thường được gọi là giai đoạn tu đạo để hoàn tất nốt tiến trình đoạn trừ kiến hoặc thuộc sở tri chướng và bắt đầu diệt trừ tư hoặc thuộc phiền não chướng.

Văn, tư và tu có thể được thực hiện theo trình tự trước sau. Trong điều kiện này, văn đi đầu rồi đến tư và cuối cùng là tu. Thí dụ, người học Phật đọc kinh trước rồi sau đó suy nghiệm về ý nghĩa của lời Phật dạy trong kinh, và cuối cùng ứng dụng lời Phật dạy vào đời sống thường nhật để giải thoát khổ đau. Chẳng hạn, người

học Phật đọc trong kinh Phật dạy rằng sân hận là ngọn lửa dữ có thể thiêu rụi tất cả rừng công đức trong chốc lát, do đó, người tu cần phải giảm trừ tận gốc lòng sân hận. Đó là văn. Khi nghe kinh dạy như vậy, người học Phật phải biết suy nghiệm về ý nghĩa này, rồi trong khi suy nghiệm, người ấy thâm ngộ rằng quả thật sân hận làm tổn hại đến đời sống an lạc của chúng sanh, từ đó người học Phật quyết tâm chọn lấy pháp môn trừ diệt sân hận để tu tập. Đây là tư. Sau khi đã quyết định chọn con đường giải thoát sân hận, người học Phật khởi sự ứng dụng pháp môn này vào đời sống, người ấy đối trước bất cứ hoàn cảnh trái ý nghịch lòng nào cũng buông xả thân tâm để không khởi động sân tâm qua thân, khẩu và ý. Đó là tu.

Văn, tư và tu, ngược lại, cũng có thể thực hiện ngay cùng một lúc, hay nói cách khác, chúng hoàn toàn là ba tướng duyên tương tức tương nhập không thể đứng biệt lập. Tại sao? Trong văn đã có tư và tu, trong tư đã có văn và tu, trong tu đã có văn và tư. Có như thế nào? Khi chúng ta đọc kinh, tức là văn, chúng ta không thể không có sự suy nghiệm cùng lúc, đó là tư, và đồng thời, ngay khi ấy, chính là lúc chúng ta đang chuyển hóa ba nghiệp thân khẩu ý rồi, đó là tu. Lại nữa, khi chúng ta suy nghiệm về lời Phật dạy tức là chúng ta đang nghe lại điều ấy, và lúc đó chúng ta đang thật sự đình chỉ mọi hành tác ác nghiệp của thân khẩu ý, tức là tu. Lại nữa, lúc chúng ta đang ứng dụng hay tu tập pháp môn nào đó của đạo Phật thì cũng có nghĩa là chúng ta đang hành xử theo sự lắng nghe và tư duy của chúng ta đối với lời Phật dạy. Văn, tư và tu là một.

Làm thế nào để ứng dụng giáo lý của đạo Phật vào đời sống hằng ngày? Đây mới chính là vấn đề trọng đại, vì nếu không ứng dụng được vào đời sống thường nhật để giải trừ khổ não thì

giáo lý ấy đã mất đi khả tính diệu dụng. Một số người học Phật quan niệm rằng ứng dụng giáo lý tức là tụng kinh, niệm Phật, cầu an, cầu siêu, sám hối, lạy Phật, đi chùa, cúng dường Tam bảo. Họ nghĩ rằng chỉ có những nghi thức hành trì ấy mới có công năng tiêu trừ nghiệp lực, giải thoát khổ não. Thật ra họ không sai, vì quả nhiên việc thực hiện những nghi thức ấy có làm cho họ tiêu trừ nghiệp lực và giải thoát khổ đau được phần nào. Họ chỉ quên mất một phần khác của việc ứng dụng giáo lý cũng rất quan trọng. Đó là phần đem giáo lý vào ngay chính trong sinh hoạt hằng ngày của mỗi người. Bằng cách nào? Khi chúng ta đau khổ vì bất cứ lý do nào, chúng ta cũng có thể dùng lời dạy của đức Phật để làm cho mình bớt hay hết khổ. Muốn được điều này, người học Phật có hai cách: Thứ nhất, nhờ năng lực tu chứng tâm linh đã có sẵn mà hóa giải. Thứ hai, nhờ năng lực hành trì ngay trong hiện trạng mà vượt thoát. Tuy nhiên, chung cuộc thì cũng là do công năng tu tập mà được.

Việc này nói thì dễ, làm mới là khó. Khi đối diện với người đang dùng những lời lẽ thô bỉ nhất để nhục mạ, chúng ta làm sao có thể sử dụng lời dạy của đức Phật để hóa giải? Phải chăng chúng ta nhắm mắt bịt tai và niệm Phật để mặc cho người ấy muốn nói gì thì nói? Chúng ta có chịu được không, hay là trong lòng chúng ta sôi trào bức tức, nhưng bên ngoài thì làm ra vẻ tự tại chẳng có gì? Đó không phải là cách, vì ngọn lửa sân hận vẫn chưa tắt trong tâm thức chúng ta, lúc nào đó nó sẽ bùng cháy trở lại. Có hai việc mà người học Phật cần làm:

Thứ nhất, hãy thực nghiệm ngay hôm nay, không để ngày mai, các pháp môn của đạo Phật, chẳng hạn, tập quán các pháp là vô thường, vô ngã, không tự tánh, là giả hợp, không thật hữu, là không. Quán bằng cách nào? Có phải chỉ nói

suông rằng các pháp là vô thường, vô ngã, giả hợp, không tự tánh, là không, thế là đủ? Hay chỉ suy nghiệm bằng ý thức bình thường về những ý nghĩa này là đủ? Không! Chừng ấy quả thật chưa đủ! Người học Phật phải mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi lúc có thể được, nên để tâm thật sự bằng cả sự thành khẩn, sự tĩnh lặng, sự chú tâm mà quán sát từ sự thành, trụ, hoại và diệt của pháp, từ bản thân mình cho đến mọi vật chung quanh đều ở trong chuỗi xích nhân duyên giả hợp, là không tự tánh, là không. Lăn hồi phải tập chú sức nội quán vào chính mình để thâm liễu rằng chính ta cũng là tập hợp của ngũ uẩn, là giả hợp, là không có ngã thật sự, là không. Sự tu tập nhiều ngày, nhiều năm tháng như thế sẽ một cách mặc nhiên dẫn đến công năng xả bỏ ngã và pháp chấp thâm diệu. Nhờ công năng tu tập này mà khi đối diện với thực trạng bị nhục mạ kia, người học Phật có thể dễ dàng không khởi niệm sân si và vượt thoát được khổ đau.

Thứ hai, khi phải đối diện với thực tế kia, người học Phật không tìm cách trốn tránh mà phải thẳng thắn trực diện và tiếp nhận. Bằng cách nào? Lập thế nguyện xem đó như là cơ duyên tốt để thực nghiệm lời Phật dạy. Rồi bình tâm đồng mãnh dẹp bỏ hết mọi ý niệm oán thù, mở lòng ra và lắng nghe thật rõ từng lời từng chữ của đối phương, để cho những lời những chữ này rót vào trong tâm thức mình một cách thông thả không gượng ép, không sợ sệt, không lẩn tránh, cùng lúc vận dụng sức mạnh tâm linh buông bỏ tất cả không giữ một điều gì. Có như thế, chúng ta mới có thể sáng suốt để nhận thức ra đâu là điều thật hư. Nếu chúng ta có lỗi thì xin lỗi, nếu chúng ta không có lỗi thì có thể giải thích với người đối diện nếu họ cần lắng nghe thái độ của chúng ta. Hãy nghĩ rằng trong vòng sanh tử chập chùng từ vô lượng vô biên kiếp, chúng ta chẳng đã không từng được nghe, được

trao cho những lời lẽ, những cung cách hành xử đó sao? Hãy suy nghiệm rằng, sự phản ứng của chúng ta bằng sự giận dữ với lời lẽ hay hành động tay chân, hay ngay cả ý niệm rồi sẽ được gì? Chúng ta sẽ còn mặt mũi, sẽ không bị thiên hạ xem là người hèn nhác, ngu dại ư? Ai là người hèn nhác, là ngu dại? Kẻ bị xách động bởi vô minh phiền não hay kẻ điều phục được vô minh phiền não? Thể hiện sự sân si bằng ý tưởng, lời lẽ hay hành động tức là bị chi phối bởi vô minh. Người trí chắc chắn không chịu làm kẻ nô lệ cho vô minh.

CÁC CHƯỚNG DUYÊN

Chúng ta đang sống trong một bối cảnh xã hội mà ở đó con người đang bị cuốn hút vào quỹ đạo hầu như không có lối thoát của các thế lực vô minh vi tế không lường. Các thế lực vô minh này là gì? Chúng là lòng tham, sân, si, vân vân, được huân tập qua nhiều đời kiếp trong tâm thức chúng ta và được tiếp trợ bởi những phương tiện văn minh và hiện đại nhất mà con người đã từng hành diện. Chúng ta mỗi ngày không khỏi mong muốn có được một ngôi nhà sang trọng, một chiếc xe hơi lộng lẫy, một cái máy vi tính tối tân, một bộ máy truyền hình, Karaoke, CD, Radio, Cassette, một cái tủ lạnh đầy tiện nghi hiện đại? Chúng ta mỗi ngày đều đối diện thường trực với những sinh hoạt đa dạng mà trong đó không ít điều làm chúng ta chán ngán, bất mãn, ghét bỏ, và thù hận. Những tình cảnh nghiệt ngã này đưa đẩy chúng ta vào ngõ cụt của tâm thức đến nỗi chúng ta thường xuyên dễ bị hoàn cảnh làm cho sân si, chẳng hạn chỉ cần một người lớn tuổi lái xe chậm ở phía trước, chúng ta cũng đã phát giận lên rồi. Chúng ta mỗi ngày chỉ biết chạy đua theo thời giờ, theo công việc, theo nhu cầu vật chất của đời sống. Tình trạng này làm cho con người dễ trở thành

những cái máy, những nô lệ chỉ biết phục tùng mà không cần phải suy tư, phải tự giác tỉnh điều gì. Đó không là những điều suy diễn không tưởng. Đó là những sự thực hiện hữu thường trực mỗi ngày với chúng ta. Khổ thay! Nhiều người có lẽ sẽ không biết mình phải làm gì khác hơn nếu bắt họ phải từ bỏ thực trạng ấy!

Sống trong hoàn cảnh xã hội như thế, người học Phật thường khi dễ nhầm lẫn giữa phương cách hành xử thế tục và con đường tu học giáo lý giải khổ của đạo Phật. Chính những nhầm lẫn này tạo ra các chướng duyên không nhỏ đối với việc học Phật. Để có thể thành tựu được mục tiêu tối thượng trên bước đường học Phật, chúng ta cần nên cẩn trọng với các chướng duyên như sau:

HÝ LUẬN: Chỉ biết biện biệt suông trên ngôn từ, trên lý thuyết để thỏa mãn cá tính lý sự, phân biệt và vọng chấp, đó là hý luận. Hý luận là xem luận thuyết như trò chơi để mua vui, là tiêu phí thời giờ quý báu của kiếp người trên những tiểu xảo của ngôn ngữ và lý luận. Phật pháp không phải là món đồ chơi để chúng ta sử dụng vào việc hoang phí đời sống ngắn ngủi nhưng quý giá. Phật pháp là diệu dược để chữa trị bệnh khổ cho chúng sanh. Hý luận sẽ trói buộc con người trong quỹ đạo lẩn quẩn của vô minh và vọng chấp điên đảo. Với kẻ phàm phu còn vô minh, chân tánh không nằm trong ngôn ngữ, đừng đào bới ngôn ngữ để tìm chân tánh. Họ phải mạnh dạn bước tới thêm bước nữa và đưa mắt về phía mặt trăng thật sự. Họ phải nỗ lực vượt qua sự ràng buộc của luận lý để chọc thủng vào bên trong chân thân của thực tại.

Người học Phật không dừng lại ở lãnh địa lý thuyết, họ phải biết cách vượt qua bằng sự tinh tấn thực nghiệm Phật pháp để liễu ngộ chân tâm. Lý thuyết không thôi thì giống như người

chỉ ngồi đó nói suông đến các thức ăn cao lương mỹ vị mà chẳng lo đi sửa soạn và khởi sự nấu nướng các món ăn đó, cuối cùng vẫn phải bị đói mà chết. Học Phật chỉ để tô vẽ thêm cái vẻ trí thức hào nhoáng và lý sự bề ngoài hầu đem ra chưng diện với thiên hạ rồi thì cuối cùng khổ não vẫn hoàn lại khổ não, vô minh vẫn lẫn quẩn là vô minh. Phật pháp thì giảng nói thao thao bất tuyệt, mà hễ gặp việc thì sân si khởi lên, phiền não vùng dậy, thử hỏi có ích lợi gì!!! Gặp ai cũng phô trương kho tàng kiến thức Phật pháp của mình, nhưng trên thực tế thì chẳng sử dụng được phần nào ích lợi vô biên của Phật pháp vào đời sống thường nhật, giống như một người chỉ biết tích lũy các món thuốc thang chữa thành kho lẫm trong nhà mà chẳng bao giờ nghĩ đến việc làm sao đem ra sử dụng vào mục đích chữa bệnh cho chính mình, thì sớm muộn gì cũng lâm vào tình cảnh thọ bệnh mà chết ngay trong kho lẫm thuốc thang ấy. Đáng thương thay!

DANH TƯỚNG: Một chương duyên khác của người học Phật là danh tướng. Khi người học Phật quên mất mục đích tối thượng của việc học Phật là gì, thì họ sẽ chạy theo hình thức danh tướng bề ngoài. Thế nào là danh tướng? Là học Phật với mục đích mong cầu được tiếng tăm, được mọi người kính trọng, được thiên hạ tôn xưng là vị này, vị kia. Là học Phật chỉ để làm bình phong tô vẽ cho có vẻ ta đây cũng là nhà trí thức Phật giáo. Hễ đến đâu cũng muốn thiên hạ giới thiệu trình trọng với chức này tước nọ và thỉnh mời ăn trên ngồi trước. Hễ nghe ai khen thì vui vẻ nức lòng, mà nghe ai chê thì bực tức, sân si phiền não. Là xem việc học nhiều kinh điển, thuộc nhiều thuật ngữ và pháp số, đạt được nhiều học vị bằng cấp là cứu cánh, là thỏa mãn. Có người thậm chí còn mạo nhận là mình đã chứng ngộ được địa vị này, thánh quả nọ, rồi tự tôn xưng cho mình là tối cao, tối thượng, bất chấp cả nhân quả nghiệp báo. Họ đánh mất đi

tiêu đích trọng đại của việc học Phật là để khai mở tuệ căn, thâm liễu con đường tu tập đốn phá vô minh, đoạn diệt phiền não và thể chứng Niết bàn. Họ quên rằng người con Phật sở dĩ bước vào con đường thành đạt các học vị, các bằng cấp là vì thực hiện theo tinh thần Đại thừa Bồ tát cần phải thông đạt ngũ minh để quyền nghi thi thiết phương tiện mà xiển dương chánh pháp, hóa độ chúng sanh, không phải vì một ít lợi lộc công danh huyễn hóa nhất thời rồi bị trói buộc bởi vô minh nghiệp chướng.

Đối với người con Phật, danh tướng có ý nghĩa gì? Danh chẳng qua chỉ là giả danh, tướng chẳng qua chỉ là huyễn tướng. Cả hai đều là pháp do duyên sinh rồi cũng do duyên diệt. Chúng ta đã chẳng hơn cả ngàn triệu lần thọ nhận những danh tướng tạm bợ đó trên con đường sanh tử chập chùng từ vô lượng vô số kiếp sao? Không lý khi có người tôn kính chúng ta, xưng tụng chúng ta là ông này, bà nọ, hoặc khi chúng ta đạt được bằng này cấp kia thì chúng ta có thể diệt trừ được vô minh, giải thoát được phiền não, và thành tựu được Phật đạo?

Học Phật là tiếp nhận năng lực siêu việt của ánh sáng chân lý để tự mình thắp sáng tâm thức mình hầu soi thấu tận đáy sâu của vô minh mà trực ngộ bản tâm, thể nhập Phật tánh. Cho nên, đối với những ảo ảnh danh tướng bề ngoài, người học Phật phải là kẻ có thể dễ dàng vượt thoát hơn cả. Nhưng đáng tiếc thay, lại có người đã có thiện duyên học Phật mà còn tham đắm theo danh tướng phàm tình!

TRẠCH PHÁP

Phật pháp là lương dược để chữa lành các bệnh khổ vì vô minh phiền não của chúng sanh. Nhưng phiền não của chúng sanh thì không thể

kể xiết, vì vậy, Phật pháp cũng vô biên, vô lượng. Mang tâm thức của một chúng sanh bị buộc trói trong quỹ đạo của vô minh đi dò tìm vào Phật pháp sẽ không tránh khỏi cái cảm thức như người bị lạc trong chốn rừng già mênh mông u tịch không định được hướng đi. Nào là lý nhân quả nghiệp báo không thể sai chạy, nào là lý vô ngã không có chủ thể thật hữu; nào là lý vạn pháp duy thức, nào là lý nhất thiết pháp không; nào là phải giữ gìn nghiêm cẩn các giới luật trong từng ý nghĩ, lời nói và hành động, nào là phải vượt thoát tất cả hình danh sắc tướng để nhập thể với chân tánh; nào là chỉ nhờ vào tự lực để đốn phá vô minh, nào là phải nương tha lực để thành đạt cứu cánh giải thoát; vân vân và vân vân... Tất cả những điều vừa kể trên là gì? Phải chăng các điều ấy hoàn toàn chống trái nhau? Nếu như thế thì đâu là ý chỉ của Phật pháp?

Suốt cuộc đời hoằng pháp độ sanh của đức Phật, thủy chung, ngài dựa vào bốn nguyên tắc để thành tựu mục tiêu tối thượng giải thoát và giác ngộ cho chúng sanh được gọi là **Tứ Tất Đàn**: *Thế giới tất đàn, các các vị nhơn tất đàn, đối trị tất đàn, và đệ nhất nghĩa tất đàn.*

Khi còn hiện hữu trong thế giới tương đối này, đức Phật nhận thức một cách sâu sắc rằng ngài không thể điều dắt được chúng sanh nếu ngài không hành xử theo phương cách tư duy, ngôn ngữ và hành động của thế gian. Do đó, đức Phật đã quyền nghi thi thiết phương tiện bằng cách hành xử theo phương thức mà người thế gian hành xử. Chẳng hạn, đức Phật cũng sử dụng cách suy tư, phát ngôn, và hành động của người thế gian khi dạy đạo cho chúng hội, ngài dùng các thí dụ, các phương cách lý luận, dẫn chứng, các hành động để biểu thị. Như khi dạy Tứ Thánh đế, đức Phật đã ứng dụng chân lý nhân quả—vì Khổ đế là quả, Tập đế là nhân, và dựa theo tâm lý _vì nói quả khổ trước để cảm

nhận thực trạng khổ đau mà tinh tấn đoạn diệt hay nói quả an lạc của Niết bàn trước để khích lệ tâm nguyện mong cầu giác ngộ, hoặc dùng ngôn ngữ thế giới tương đối để diễn đạt thực tại Niết bàn vốn vượt qua giới hạn của ngôn ngữ, trưng dẫn các sự kiện cụ thể để khai thị về thực tại thế gian và xuất thế gian, vân vân. Đây gọi là *Thế giới tất đàn*. Mục đích cuối cùng là để cho chúng sanh trong thế giới này nhận thức được sự thật về tục đế và chân đế.

Mỗi người, mỗi chúng sanh có một bối cảnh nghiệp lực, căn cơ, trí tuệ sai biệt, không người nào giống người nào. Với thực tế này, làm thế nào để có thể độ được chúng sanh? Chính vì vậy, đức Phật đã quyết định tùy theo căn tánh của mỗi chúng sanh mà hóa độ cho họ. Người căn tánh thấp kém không dám mong đến việc thành Phật, thành thánh giả thì Phật dạy họ tu theo Ngũ giới, Thập thiện để hoàn thành nhân thừa và thiên thừa. Người có căn tánh cao hơn, Phật dạy các pháp môn Tứ Đế, Thập nhị nhân duyên để thành đạt quả vị Thanh văn hoặc Duyên giác. Với người có căn tánh tinh lợi hơn, Phật dạy pháp môn Lục độ để thực hiện Bồ tát đạo rồi lần hồi thành tựu Phật đạo. Đây gọi là *các các vị nhơn tất đàn*.

Phật pháp là thuốc trị bệnh khổ cho chúng sanh, cho nên, hễ chúng sanh nào có bệnh gì thì Phật dùng đúng thuốc để trị bệnh ấy. Đối với người có lòng tham lam sâu nặng, Phật dùng pháp môn bố thí xả kỷ. Đối với người còn nặng nghiệp sân hận, Phật dùng pháp môn nhẫn nhục từ bi. Đối với người tâm trí ngu muội vì vô minh, Phật dùng pháp môn quán sát các pháp theo lý duyên sanh, lý tứ đế để đoạn trừ các kiến hoặc. Đối với người chấp có, Phật dạy các pháp đều không. Với người chấp không, Phật dạy các pháp do duyên sanh mà giả hữu. Đây gọi là *đối trị tất đàn*.

Tuy nhiên, bổn hoài của đức Phật là làm sao cho tất cả chúng sanh đều thành đạt sự giác ngộ và giải thoát cứu cánh như ngài. Vì lẽ ấy, dù trong bối cảnh, hoặc căn cơ nhất định nào đó đức Phật có thể phương tiện chỉ bày cho chúng sanh các pháp môn sai biệt từ Nhân thừa, Thiên thừa cho đến Thanh văn hay Bồ tát thừa, nhưng cuối cùng đức Phật cũng khai thị về Đệ nhất nghĩa để cho tất cả chúng sanh thể nhập. Đệ nhất nghĩa để là chân lý tối thượng, là Phật tánh, là chân tâm. Ở hội Pháp Hoa nơi núi Linh Thứu, đức Phật đã phô diễn diệu nghĩa này. Đây gọi là *đệ nhất nghĩa tất đàn*.

Qua ý nghĩa này, Phật pháp dù là bao la vô tận vẫn không vượt ra ngoài khả tính giác ngộ vô minh và giải thoát phiền não khổ đau cho tất cả chúng sanh. Cho nên, dù có khi chỉ điều này, có lúc dạy việc kia, hoặc đôi khi khai thị diệu lý nọ cũng vì tùy thuận theo cơ tánh đa thù của chúng sanh, tuyệt đối không có điều gì trái chống hay mâu thuẫn nhau. Người học Phật phải thận trọng nhận thức được điều này. Trong thời đại hôm nay, Phật pháp đã và đang được phổ biến khắp nơi trên thế giới và bất cứ ai cũng có thể tự mình học tập. Đây có thể nói là duyên lành cho chúng ta. Song cũng chính vì thế, sau khi tiếp nhận chánh pháp, chúng ta phải tự mình biết tuyển trạch pháp môn thích hợp với căn cơ của mình để nỗ lực hành trì, nếu không, chúng ta sẽ rơi vào tình trạng hoang mang không định hướng, như người bị lạc vào rừng già, cứ lẩn quẩn mãi mà chẳng tìm được lối ra. ■



Nhớ Thầy

Kính dâng quý thầy Đức Nhuận, Huyền Quang,
Quảng Độ, Tuệ Sỹ và Trí Siêu

Ngày xuân, lang thang trên phố
Tìm cái chi?
Mắt đỏ — Bụi mờ
Tôi đứng lại bên đường, lau mắt kiếng
Rời đi, đi theo chiều cuốn của dòng người
Chen chúc nam thanh nữ tú
Lao xao tiếng nói giọng cười
Đôi mắt vẫn đau rát
Dừng lại, dừng lại ở một góc vắng
Lau mắt kiếng
Lau mãi vẫn còn đau.

Người ta kêu gọi những gì?
Thương yêu — Khoan thứ — Tỉnh thức...
Nhưng chỉ thương yêu những người ấm no
Khoan thứ cho những kẻ tội ác tiếp tục tội ác
Tỉnh thức để mở mắt nhìn nhau
trong trái tim đồng nhịp hưởng thụ:
Tiền bạc, bằng cấp, lợi danh...

Thương yêu — Khoan thứ — Tỉnh thức!
Ôi chỉ là những nguy ngôn, xảo ngữ
Con người thời nay chỉ giỏi trò hóa trang
Tiếp xử với nhau qua những mặt nạ
Ông thành bà, bà thành ông
Tên cướp được khen: nhà đạo đức
Ma vương tự xưng: đã thành Phật
Thi sĩ cuối mùa tằm tằm làm thiền sư...

Tôi đứng lại bên đường, lau mắt kiếng
Nhớ dáng thầy gầy guộc
Ẩn nhẫn thiền tọa trong ngục tù quê hương.

VĨNH HẢO

CUỘC DU HÀNH SANG LẠP TÁT (LHASA)

CỦA TÂY TẠNG

Tác giả: Giuseppe Tucci

Phóng tác: H.T. Thích Trí Chơn

(tiếp theo)

Chương 6

ĐẾN LẠP TÁT (LHASA) VÀ CUỘC GẶP GỠ ĐẦU TIÊN

Con đường từ Netang đi Lhasa không bằng phẳng mà lên dốc xuống đồi uốn lượn quanh theo những dãy núi đá dẫn đến bờ sông Kyichu với những bãi cát trắng. Cạnh dòng sông có một đồng đá trông như một ngọn đồi nhỏ. Từ địa điểm này du khách có thể nhìn thấy cung điện Potala to lớn hùng vĩ sơn son thếp vàng rực rỡ. Chúng tôi thấy những khách hành hương đến cầu nguyện lễ bái bên cạnh đồng đá và mỗi người ném một hòn đá như để góp phần công đức trong việc xây dựng ngôi tháp đá này. Chúng tôi theo đoàn người hành hương đi vòng quanh đồng đá theo chiều quay của kim đồng hồ để cầu nguyện hết sức thành kính. Người Tây Tạng có phong tục đi vòng quanh cầu nguyện các nơi chốn thiêng liêng. Khi bước chân vào chùa hay nói chuyện với nhân vật cao cấp, người dân thường hay bán hàng rong có thói quen lấy mũ, bím tóc dài gắn trên đầu họ xuống cầm giữ trước ngực bên trái.

Chúng tôi đi ngang tu viện Takta và chùa Depung với nhiều điện thờ tháp nhỏ xung quanh để tiến vào một thung lũng nhỏ. Trên cánh đồng xanh, chúng tôi nhìn thấy các vị Lạt Ma Tây

Tạng đang tắm nắng hoặc bơi lội nơi dòng sông rộng và thu hẹp dần chảy vào các con kinh hoặc ao hồ. Những chiếc y màu đỏ của họ cỡi bỏ trên bờ trông giống những chiếc nấm lớn đã chín. Nhiều sách báo tây phương viết nói về sự ăn ở dơ bẩn của người Tây Tạng. Nhưng tôi biết nhiều quốc gia chậm tiến khác cũng vậy. Vào mùa nóng dân quê Tây Tạng cũng như Ấn Độ thường hay xuống sông bơi lội ngâm mình dưới nước rất lâu như đàn vịt. Khoảng xế trưa chúng tôi đến lâu đài Potala, nơi ở của đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14 Tenzin Gyatso. Thoạt nhìn Potala không phải là một lâu đài hay cung điện mà trông giống như một ngọn đồi được cấu tạo bằng những tảng đá to lớn khiến du khách có cảm tưởng toàn lâu đài là một khối đá kim cương rắn chắc kỳ dị khác thường. Phần chính của nó sơn màu đỏ, có khung viền trắng và trên chóp sơn màu vàng chói sáng lấp lánh.

Thành phố Lhasa nằm về hướng tây cung điện Potala, bao quanh bởi nhiều cây cối bên cạnh một dòng sông. Ngay khi vừa mới đến, tôi liền gặp ông Namgyal Traring, một thanh niên trẻ có bà con với quốc vương Sikkim. Ông là người của chính phủ chỉ định làm hướng dẫn viên trong thời gian tôi ở Lhasa. Ông xuất thân từ một gia đình quý tộc Tây Tạng, tốt nghiệp học vấn ở Darjeeling, tiểu bang West Bengal (Ấn Độ), nói tiếng Anh lưu loát. Ông mặc một

chiếc áo lụa Trung Hoa màu tím đậm, nơi tai bên trái đeo một bông tai làm bằng vàng và lam ngọc; trên đầu đội chiếc mũ len màu vàng, hẹp ở phía dưới rộng ở phần trên, có một dải băng cột choàng qua dưới cằm. Khác với dân thường, các nhân viên chính quyền tóc họ không để xõa trên vai hay xếp gấp thành cái bím mà rẽ đôi ngay giữa đầu, thắt cột thành hai cái bím hai bên phải, trái và được kẹp giữ bởi một cây trâm làm bằng vàng hay lam ngọc. Khi không còn làm công chức trở về dân thường, họ mặc chiếc áo vải đơn giản và đội cái mũ da thú với phần trên chóp được bao bọc bằng tơ lụa Ấn Độ hoặc Trung Hoa. Nhà cầm quyền Tây Tạng ngăn cấm dùng các loại mũ Âu Châu tại Lhasa. Luật lệ này nhằm duy trì phong tục của Tây Tạng chứ không vì mục đích bảo vệ nghề làm nón ở địa phương. Cho nên hạng dân sang trọng đi đâu thường có người hầu mang theo quần áo, mũ nón để họ dùng tùy theo mùa nóng lạnh và hoàn cảnh. Để hợp với thời trang, các bà quý phái cũng có những cô hầu gái mang tráp đựng vòng xuyên, bông tai, chuỗi ngọc đeo cổ v.v... đi theo để các bà thay đổi dùng đến khi có tiệc tùng, lễ lự.

Nhà tôi ở có hai phòng nhìn ra sân, bếp nằm phía trước, hai bên phải trái là phòng ở của người giúp việc và trông coi nhà cửa. Từ cửa sổ tôi có thể nhìn thấy ngọn núi Bompoti vươn cao nhìn xuống thủ đô Lhasa. Vừa bước ra sân, cung điện Potala to lớn hùng vĩ hiện ra trước mặt tôi và trên núi phía bắc thị trấn Lhasa, tu viện Sera với những tịnh thất của các vị Lạt Ma sơn màu trắng, tôi cũng nhìn thấy rõ. Hôm tôi mới đến, Lhasa từ một thành phố của mọi sinh hoạt tôn giáo, lễ bái, cầu nguyện, đã biến thành ngày đại hội. Khắp nơi dân chúng tưng bừng ăn uống ca hát và nhảy múa. Dọc bờ sông và trên những đồng cỏ xanh mọc lên dày đặc vô số các túp lều nhập cảng từ Trung Hoa với nhiều màu sắc và đủ loại kích thước lớn nhỏ. Từ ngàn xưa dân

chúng Tây Tạng có tập tục chờ đến ngày 15 tháng 5 thường hay tổ chức hội hè ngoài trời, với những đàn chó hoang vô chủ đói khát chạy theo họ chờ xin ăn. Hội chợ trông chẳng khác một doanh trại tạm trú của những người đang trên đường di chuyển đến khu nhà ở mới. Tại đây, họ tắm rửa, chơi súc sắc, uống rượu, đàn ca, xướng hát và tưng bừng nhảy múa trọn ngày.

Tôi ở nhà một tuần lễ chờ nhận các món quà tôi đã mua để dành tặng cho quan phụ chánh thủ đô Lhasa. Theo chương trình tôi dự tính sẽ viếng thăm đức Đạt Lai Lạt Ma và ông phụ chánh trong cùng một ngày; và chẳng lẽ đi tay không đến thăm các ngài đó nên tôi không có cách gì hơn là đành phải đóng cửa ngôi nhà chờ các món quà đang trên đường gửi tới. Nhân lúc rảnh rỗi ngôi không này, tôi và ông Namgyal Traring viết ra một danh sách gồm các nhân vật mà chúng tôi dự định sẽ đến viếng thăm và những món quà biếu cho mỗi người. Mặc dù là cuộc gặp gỡ riêng tư không chính thức, tôi vẫn phải giữ phong tục là nên tặng ngoài một khăn choàng cổ, còn có những món quà khác tùy theo chức vị cao thấp của nhân vật tôi đến thăm.

Có ít nhất ba loại khăn choàng theo thứ tự gọi là nangdso, ashi, và doshe. Trước tiên là loại khăn làm bằng thứ lụa tốt nhất mà tôi dự tính sẽ tặng cho đức Đạt Lai Lạt Ma và quan phụ chánh; kế đến là khăn làm bằng thứ lụa thường và sau cùng là khăn choàng làm bằng vải thô. Tất cả các loại này dân chúng thường dùng và nhập cảng từ Trung Hoa. Giá cả khác nhau tùy theo loại tốt xấu. Lụa thứ tốt nhất (nangdso) giá khoảng 20 rúp pi (rupees) tiền Ấn, bằng 1 phần 10 Anh kim hay 4 đô la Mỹ. Trước khi tới thăm, khăn được cuốn tròn lại và lúc chủ và khách gặp gỡ, hai bên kính cẩn cúi đầu chào nhau; ngay lúc ấy tôi xoắn khăn choàng ra trao đặt vào lòng bàn tay khách. Các quà tặng thì không nên đưa trực tiếp mà để trên một đĩa bàn trao riêng cho khách. Loại quà tặng quý nhất đặc biệt là súng

lục, đồng hồ đeo tay thứ tốt, máy chụp hình và máy vô tuyến điện.

Sứ quán Ấn Độ và Trung Hoa có máy phát điện riêng để dùng cho các trạm vô tuyến điện của họ. Vào lúc ấy, một nhà máy phát điện trung ương đang được xây cất tại địa điểm cách sáu dặm (miles) về hướng đông thủ đô Lhasa nhằm cung cấp điện lực cho toàn thành phố. Tạm thời vào lúc tôi có mặt, người ta dùng sức nước để chạy máy điện trong thành phố. Nhà máy phát điện chính phải chờ đến hai hoặc ba năm sau mới sử dụng được vì máy móc lúc tôi đến chưa có gì hết. Nhà máy phát điện nhỏ cũ do ông Ringang, một trong bốn thanh niên Tây Tạng được đại tá Bell gửi qua Luân Đôn (Anh quốc) du học mấy năm trước, lúc đó ông đã nghỉ việc không còn làm nữa. Còn nhà máy phát điện mới bấy giờ được điều khiển bởi một người Áo và một nhân viên vô tuyến điện của sứ quán Ấn Độ. Nhân viên người Áo từ trại giam Ấn Độ trong thời kỳ chiến tranh đã vượt núi Hy Mã Lạp Sơn trốn vào Tây Tạng đi phiêu lưu mất hai năm trời; cuối cùng tới được Lhasa và nhà cầm quyền Tây Tạng sau bao lần cứu xét do dự, đã nhận cho ông ta làm việc. Để giải quyết vấn đề khan hiếm điện lực vào lúc ấy, một vài gia đình giàu có đã dùng máy phát điện nhỏ chạy bằng pin mua từ Ấn Độ.

Về quà tặng, ngoài các món đắt tiền kể trên, bút máy và kính mát ngoại quốc cũng là những thứ rất được công chức Tây Tạng ưa thích. Rất tiếc tôi đã quên không mang theo đồ trang điểm bôi đỏ móng tay và thổi son thoa môi mà nữ giới ở đây rất ham chuộng. Sau khi viếng thăm quan phụ chánh và đức Đạt Lai Lạt Ma, tôi dự tính sẽ đến thăm hai ông thầy giáo cũ của tôi, vị thủ quỹ của quan phụ chánh và ba nhân viên trong nội các chính phủ. Ngoài ra, tôi cũng cần tới thăm hai công chức của chính quyền, một nhà sư và ông kia là người đời. Vị Lạt Ma thuộc giai cấp đặc biệt Tsetrung của giáo hội Phật giáo

Tây Tạng còn vị cư sĩ thuộc hàng quý tộc Kuta là những thành phần được tham gia chính quyền Tây Tạng. Ngay trong quân đội, ngoài vị Tổng Tư Lệnh người đời, bên cạnh còn có một nhà sư đồng nghiệp giữ chức vụ này mà tôi đã có dịp gặp ông ta vài năm trước ở văn phòng ông ủy viên Ngoại Thương tại Gyantse. Bất cứ cơ quan nào ở Tây Tạng quyền hành cũng được chia xẻ bởi hai nhân viên, một người đời và một nhà sư trong việc điều hành cai trị quốc gia.

Về lãnh vực thương mại tại Lhasa, tôi thấy người dân buôn bán đủ thứ. Tây Tạng bán len qua Ấn Độ, và mua lại của quốc gia này các thứ như vải, tơ lụa, đồ dùng trong nhà và nhất là các lọ bình hoặc thùng bằng nhôm mà chúng đã dần dần thay thế cho các vật dụng bằng đồng của Tây Tạng, cùng lúc đe dọa giết chết nền thủ công nghiệp cổ truyền của xứ tuyết này. Vài món hàng như mũ nón, quần áo và san hô từ Ý Đại Lợi đã được mang vào bán ở Tây Tạng qua ngã Ấn Độ. Nền giao thương Tây Tạng đã phát triển lên tột đỉnh vào giai đoạn xảy ra cuộc thế chiến thứ hai khi những đoàn khách thương mang vải vóc và đủ loại quần áo từ Ấn Độ vào Likiang tỉnh Vân Nam (Yunnan) ở Trung Quốc để buôn bán. Một số tơ lụa từ Trung Hoa đã mất hai hoặc ba tháng di chuyển ngang qua vùng Trung Á để nhập cảng vào hướng đông bắc Lhasa. Các quan chức Tây Tạng và những bà vợ của họ rất thích dùng hàng lụa ngoại quốc để may y phục. Tỉnh Vân Nam ở Trung Hoa cũng được nối liền với tỉnh Kham của Tây Tạng bằng đường bộ. Hàng năm có khoảng 20 triệu pao (pounds) trà từ Trung Hoa chuyên chở vào Tây Tạng theo con đường này. Dân chúng Tây Tạng, quý phái cũng như bình dân rất thích dùng trà Trung Hoa và Ấn Độ.

Tuần đầu bận rộn đi thăm viếng với ông Namgyal Traring các vị khách quan trọng của tôi trôi qua thật nhanh. Trong thời gian này tôi cũng đã tiếp đón một vài vị khách quý. Trước

hết là cô Kukula, ái nữ của quốc vương Sikkim. Cô ta sống tại Lhasa và là vợ của ông Punkang, có liên hệ với gia đình Yapshi. Đây là một trong những gia đình mà đức Đạt Lai Lạt Ma đã ra chào đời. Cô Kukula là một thiếu phụ trẻ đẹp, hết sức quyến rũ, có trình độ hiểu biết rộng, nói trôi chảy cả hai ngôn ngữ Anh và Pháp. Ngoài ra cô còn nói được một ít tiếng Đức. Bất kể giàu hay nghèo, khi gia đình nào điểm phúc có một đức Đạt Lai Lạt Ma đầu thai tái sinh vào thì gia đình ấy được hưởng nhiều ân huệ, bổng lộc giúp đỡ của chính quyền Tây Tạng. Tôi biết tại Lhasa hiện có khoảng năm hoặc sáu gia đình như vậy. Ông Punkang thuộc gia đình của đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 11 (Khedup Gyatso); ông Lhalu có bà con thân thích với đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 10 (Tsultrim Gyatso) và 12 (Trinley Gyatso); còn các ông Samdub Potang, Landen và Yutok thuộc gia đình của những vị Đạt Lai Lạt Ma khác. Bà con dòng họ của đức Đạt Lai Lạt Ma Tenzin Gyatso đời thứ 14 hiện nay đang sống tại Chayul miền nam và ở Drongtse gần Gyantse.

Một vị khách quý khác đến thăm tôi là ông Kaisher Bahadur, thủ tướng xứ Nepal. Tôi đã gặp ông ta ở Kathmandu năm 1935 khi ông đang làm việc tại Bộ Giáo Dục. Ngoài ra, ông Kipug làm thông dịch viên cũng đến thăm tôi. Cùng với ông Namgyal Traring, ông Kipug sẽ tháp tùng đi theo tôi trong những cuộc viếng thăm chính thức các nhân vật quan trọng ở Tây Tạng vào thời gian sắp tới. Ông cũng là một trong bốn thanh niên trẻ Tây Tạng mà đại tá Bell đã gửi sang học tại Luân Đôn (Anh quốc) cho nên ông Kipug nói tiếng Anh rất trôi chảy. Hiện nay làm việc ông chỉ lãnh lương một nửa và nghe đâu ông sắp xin nghỉ luôn để nhường lại cho một thông dịch viên trẻ và có khả năng hơn.

Nhân tiện tôi muốn thuật cho các bạn hiểu rõ thêm về ngày lễ hội mùa hè Linka bắt đầu vào ngày 15 tháng 5 mà tôi đã viết ở trên. Đây

là ngày đại hội mà tất cả dân chúng Tây Tạng đều ra khỏi nhà, đến tụ tập sinh hoạt với nhau ngoài trời ở những vườn hoa, công viên hay trên bờ sông. Những buổi lễ được bắt đầu với các nhân vật đóng vai chính là Chokyongs. Chokyong hay ngài “Hộ Pháp” là vị mà dân chúng Tây Tạng tin rằng thần linh có thể hiện xuống nhập vào ông ta trong giây lát để sai khiến, dạy bảo hay báo trước cho người đời biết những việc sắp xảy ra. Vị đóng vai hộ pháp nổi tiếng nhất hiện ở chùa Nechung. Ông ta được mời đến trình diễn trong những buổi lễ tại Lhasa mà quần chúng tới dự xem đông như kiến. Ban tổ chức lễ thiết lập một cái bệ cao cho vị hộ pháp chùa Nechung ngồi trên đó một cách trang nghiêm ngay thẳng. Đông đảo quần chúng đến xem chen lấn đứng xung quanh ông. Vị hộ pháp mặc chiếc áo gấm thêu Trung Hoa, đầu đội vương miện bằng vàng trên có chạm khắc chiếc sọ người và gắn cặp mắt hồng ngọc. Những người giúp lễ múc nước “chang” từ cái tô bằng bạc chậm rãi đổ vào cuống họng ông ta. Trong giây lát vị hộ pháp bắt đầu rơi vào tình trạng hôn mê, hắt hơi, thở mạnh và mất trợn ngược. Những người đứng xem cầm trao cho ông một chiếc khăn vải đỏ, tức thì ông vội vàng đưa trả lại. Miệng ông lẩm bẩm phán truyền những lời chỉ giáo và báo trước một vài việc sắp xảy ra. Lúc ấy có người đưa cho vị hộ pháp một chiếc bánh làm bằng bột lúa mạch, ông lắc đầu tỏ vẻ không thích và đưa trả lại. Một lát sau tôi thấy toàn thân người ông lay chuyển nghiêng qua lắc lại và toát mồ hôi. Mọi người tham dự từng nhóm đến quỳ trước mặt ông ta lễ lạy hết sức thành kính.

Vị hộ pháp tiếp tục phán dạy những lời tiên tri. Ông đặc biệt nhắc tới hàng thợ nề và thợ hồ, những người trên đầu đội chiếc mũ vàng là thành phần đang được trọng dụng xem như công chức của nhà cầm quyền Tây Tạng. Khi cần, chính phủ tuyển dụng họ để thực hiện các

chương trình kiến thiết công cộng, nhưng nay họ được nghỉ ngơi đến cuối sang năm, vì lệnh đình chỉ xây cất chắc sẽ còn tiếp tục. Lý do theo lời tiên đoán của ngài hộ pháp “chokyong” chùa Nechung vì năm tới sẽ là năm xấu, không mấy tốt cho đức Đạt Lai Lạt Ma, và ngài có thể sẽ gặp những điều rủi ro. Dân chúng Tây Tạng tin rằng nếu xây cất, đào bới nền móng sẽ gây chuyển động phá rầy đến sự yên tĩnh của các vị thần Lus và Sadags trông coi dưới đất. Do đó mà nhà cầm quyền Tây Tạng đã ra lệnh ngăn cấm, khuyến cáo dân chúng đình chỉ mọi công tác kiến thiết mới, chờ qua hết hạn xấu của đức Đạt Lai Lạt Ma đến cuối sang năm. Sau khi nói xong các lời tiên tri, hình như có một sức mạnh huyền bí vô hình nào thúc đẩy bên trong, vị hộ pháp đã đứng dậy lúc lắc chuyển động mạnh toàn thân người và múa nhảy dữ dội liên tục không ngừng khiến mọi người chen chúc nhau đứng xem đều tỏ vẻ vô cùng khiếp đảm kính sợ.

(Còn tiếp)

Đại hội Thường niên 97

Năm nay Đại Hội cũng lạ kỳ,
Nổi sóng ào ào chuyển như ri:
Giáo hội không thương, thương đạo tặc,
Thầy trò không quý, quý cu ly (*).
Anh khen: anh giỏi theo đường tắt,
Chị nói: chị hay ở ngõ rì.
Học đạo từ bi đâu chẳng thấy
Mặt mày trào hận với sân si.

TÍN NGHĨA

(*) *Cu Ly*: là người làm mướn không công cho con đường bất chánh.

XUÂN DI LẶC

Cư sĩ Chính Trực

Theo truyền thống từ lâu đời của Tổ Tiên, vào ngày mừng một Tết Nguyên Đán hằng năm, chúng ta cùng gia đình đi chùa, lễ Phật, hái lộc, cầu nguyện chư Phật mười phương gia hộ cho gia đạo được bình an, hạnh phúc từ đầu năm chí những cuối năm. Ngày mừng một Tết Nguyên Đán đầu năm cũng là ngày vía đức Di Lặc. Chúng ta thường tụng: Nam mô Long Hoa giáo chủ đương lai hạ sanh Di Lặc Phật. Nghĩa là Bồ Tát Di Lặc là một vị Phật sẽ thành trong tương lai. Như vậy, lễ vía đức Di Lặc ngày đầu năm đối với mọi người mang ý nghĩa hy vọng được vạn sự kiết tường, như ý trong năm mới; còn đối với những người tu học, ngày vía đức Di Lặc mang một ý nghĩa trọng đại là sự tinh tấn tu tâm dưỡng tánh, quyết chí để thành một vị Phật trong tương lai. Nhân dịp đầu xuân năm nay, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu về đức Di Lặc cùng hạnh nguyện của ngài để áp dụng trong cuộc sống của người Phật tử tại gia nhằm mục đích được an lạc và hạnh phúc một cách trọn vẹn và thiết thực.

Theo quan niệm thông thường của dân gian, người ta thường kiêng cử đủ thứ trong ngày đầu năm mới, cho rằng chuyện gì xảy ra trong ngày đầu năm sẽ được lập lại trong suốt năm đó. Thực sự chúng ta cũng đã biết điều đó không đúng thực tế, không có căn cứ vào đâu cả và nhất là không đúng chánh pháp, nhưng vẫn còn không ít người cứ tin như vậy. Bởi thế cho nên trong đạo Phật, chư tổ chọn ngày mừng một Tết

Nguyên Đán là ngày vía đức Di Lặc và người Phật tử chúng ta thường gọi mùa xuân là “XUÂN DI LẶC” mang một ý nghĩa hết sức thâm trầm và lợi ích. Trước hết, chúng ta được biết hình ảnh của đức Di Lặc được thờ trong các chùa rất khỏe mạnh, mập mạp và gương mặt tươi cười một cách hoan hỷ. Đặc biệt là có sáu đứa bé bám vào thân của ngài. Đứa thì móc mắt, đứa thì móc mũi, đứa thì móc miệng, đứa thì chọc lỗ tai, đứa thì moi rún v.v... mà ngài vẫn cười như không có chuyện gì phiền hà hết trơn. Có người còn gọi bức tượng đó là “Phật hoan hỷ” và cũng có nhiều người hiểu lầm cho đó là vị thần có nhiều con cái để những ai muốn có con, hãy đến lễ lạy ngài mà cầu xin! Cũng có người lầm lẫn với tượng khác của một vị thần mập mạp, miệng cười toe toét, hai tay nâng một lượng vàng, đó chính là tượng thần tài.

Sáu đứa bé đó tượng trưng cho “lục tặc” tức là sáu tên giặc chuyên gây phiền não cho chúng ta thường ngày. Chúng ta có lục căn là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Với hai con mắt, chúng ta trông thấy những hình ảnh nào dễ thương, hấp dẫn thì sanh tâm đắm nhiễm, nhớ nhung, tham luyến, muốn chiếm đoạt làm của riêng mình; còn nếu trông thấy những hình ảnh khó ưa, xấu xí, thấy ghét thì sanh tâm bực dọc, tức giận, bất an. Với hai cái tai, chúng ta nghe những tiếng êm dịu, tâng bốc thì sanh tâm đắm nhiễm, ưa thích; còn nếu nghe những lời chỉ trích khó nghe chạm đến tự ái, bản ngã to lớn của mình thì sanh tâm sân hận, oán ghét, bất an. Với cái mũi, chúng ta chỉ thích những mùi hương, thơm ngát, dễ chịu và ghét những mùi hôi thúi nồng nặc. Với cái lưỡi, chúng ta chỉ thích ăn ngon khoái khẩu, hấp vị mà không nghĩ đến sự đau khổ của các chúng sanh bị giết làm thịt. Với cái thân tứ đại giả tạm này, mà chúng ta vì mê lầm, thường chấp là của chính mình, chúng ta chỉ thích mặc đẹp và những xúc chạm vừa ý. Còn với cái ý lăng xăng lộn xộn, không một giây phút ngừng

nghỉ chúng ta luôn luôn nghĩ ngợi những điều gì có lợi cho bản thân, cho gia đình, khen mình chê người. Lục căn của chúng ta chính là lục tặc tức là sáu tên giặc dã, đang và sẽ dẫn dắt chúng ta vào sanh tử luân hồi nhiều đời nhiều kiếp.

Trong kinh *Lăng Nghiêm*, đức Phật đã dạy cho chúng ta biết rõ là: Cội gốc sanh tử chính là sáu căn của chúng ta và cũng chính sáu căn của chúng ta là cội gốc của giải thoát, của Niết Bàn. Tại sao vậy?

Nếu lục căn tức là sáu giác quan của chúng ta là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, và ý khi tiếp xúc với sáu trần cảnh bên ngoài là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp mà không đắm nhiễm, không dính mắc thì chúng ta đâu có bị phiền não, đâu có nổi “tam bành” là tham, sân, si và đâu có bị lôi vào vòng sanh tử luân hồi khổ đau. Thí dụ mắt trông thấy lượng vàng mà chúng ta không nổi lòng tham, ham thích, muốn sở hữu nó, thì đâu phải khổ đi làm đầu tắt mặt tối để mua sắm nó, còn nếu lười biếng không chịu đi làm mà lại tham lam thì còn khổ hơn gấp bội phần! Không phải là chúng ta không cần tiền để sinh sống, nhưng cổ nhơn có dạy: “Tri túc tiện túc hà thời túc. Tri nhàn tiện nhàn hà thời nhàn.” Nghĩa là: Biết đủ thì lúc nào cũng thấy đủ và biết nhàn thì lúc nào cũng thấy nhàn. Cũng có câu: “Tri túc chi nhơn, tuy ngọa địa thượng du vi an lạc. Bất tri túc giả, thân xử thiên đàng diệc bất xứng ý.” Nghĩa là: Người biết thế nào là đủ, tuy nằm trên đất thân cũng lấy làm an lạc. Người không biết thế nào là đủ thì thân có ở thiên đàng, tâm cũng không vừa ý!

Thí dụ tai nghe thấy tiếng khó nghe mà tâm không chấp những lời vô nghĩa thì chúng ta đâu có nổi lòng sân và đâu có bị lôi vào vòng sanh tử luân hồi khổ đau. Trong kinh điển, đức Phật đã dạy chúng ta là “y nghĩa bất y ngữ” tức là chỉ nghe theo những lời nói có nghĩa mà không chấp những lời nói suông vô nghĩa. Nếu có người tự đứng mắng chúng ta ngu mà chúng ta nổi sân,

cãi lại cho ra lẽ thì quả là chúng ta ngu thật rồi, còn gì nói nữa. Những lời nói vô nghĩa như vậy khi đến nhĩ căn, tức là lỗ tai của chúng ta cũng giống như gió thoảng mà thôi! Được như vậy, chúng ta sẽ an lạc và hạnh phúc không nghi. Bởi vậy có một bài kệ như sau:

<i>Mắt trông thấy sắc rồi thôi,</i>	(không dính)
<i>Tai nghe thấy tiếng, nghe rồi thì không.</i>	(không mắc)
<i>Trơ trơ lẳng lẳng cõi lòng,</i>	(vô niệm)
<i>Nhẹ nhàng ta bước khỏi vòng trầm luân.</i>	(giải thoát)

Còn như ngược lại, cũng có bài kệ như sau:

<i>Mắt thấy sắc, thấy rồi thì dính,</i>	(dính)
<i>Tai nghe tiếng, nghe rồi thì mắc.</i>	(mắc)
<i>Tam bành lục tặc trong lòng,</i>	(loạn tâm)
<i>Nặng nề ta lọt vào vòng tử sanh.</i>	(phiền não)

Có vị đến hỏi một thiền sư làm sao để được giải thoát. Thiền sư đáp: “Lục căn tiếp xúc lục trần không sanh lục thức là giải thoát.” Nghĩa là: thường ngày, nếu chúng ta sống trong cõi đời này, sáu giác quan của chúng ta tiếp xúc với sáu đối tượng ở trần đời mà không sanh tâm dính mắc, không sanh tâm loạn động vì tham sân si thì chúng ta sẽ được tự tại, giải thoát ngay hiện đời. Mắt trông thấy sắc, tai nghe thấy tiếng, mũi ngửi biết mùi, lưỡi nếm biết vị nhưng mà đừng khởi niệm thương hay ghét, thích hay không thích thì đâu có gì gọi là phiền não, sân hận hay bực dọc nữa. Cũng như sáu đứa bé chọc phá đức Di Lặc mà ngài vẫn tươi cười hoan hỷ như không có chuyện gì xảy ra. Nghĩa là lục căn của ngài tiếp xúc với lục trần mà tâm của ngài không sanh ra lục thức thì ngài sống rất an nhiên, tự tại. Đó là cảnh giới của những người vô tâm, không có phiền não, là cảnh giới Niết Bàn ở ngay trong tâm trí của chúng ta hiện đời chứ không phải đợi sau khi chết mới tiêu diêu nơi miền cực lạc, hay lên trên thiên đàng đâu đâu không tưởng. Thật là phí phạm cả cuộc đời này!

Thiền sư Bá Trượng Hoài Hải có dạy: “Tâm

cảnh không dính nhau là giải thoát.” Nghĩa là, chúng ta vẫn kiến văn giác tri tức là thấy, nghe, hiểu biết tất cả cảnh trần đời, nhưng tâm không dính mắc thì không phiền não tức là giải thoát.

Thật là hết sức đơn giản. Lý lẽ tuy cao siêu vi diệu nhưng hết sức thực tế, bất cứ ai cũng có thể làm được, không cần phải thờ lạy, cúng kiến, không phân biệt tôn giáo, sắc tộc, ngôn ngữ, nghề nghiệp, xuất xứ, học thức, nam nữ, già trẻ, bé lớn, giàu nghèo, sang hèn, v.v...

Tuy nhiên, nói như vậy thì hiểu vậy, chứ còn thực hiện được cái chỗ “không dính, không mắc,” cái chỗ “vô tâm,” thì cần phải có pháp tu để ứng dụng. Làm sao chúng ta có thể sống vui tươi, hạnh phúc suốt năm và cả đời như đức Di Lặc? Chúng ta hãy can đảm nhận thấy rõ cuộc sống của chúng ta vui ít, khổ nhiều, nhưng không bi quan yếm thế và cũng đừng để sống trong phiền não, bi thảm như trước đây nữa. Muốn được như vậy, chúng ta phải đánh lễ ngài với tất cả lòng thành kính và hướng tâm hồn về ngài để học theo cái hạnh nguyện của ngài đặng tâm trí được an vui phơi phới dù đang ở trong bất cứ cảnh ngộ nào cũng vậy. Đức Di Lặc tu pháp môn gì mà được tự tại như vậy? Đó chính vì ngài tu bốn hạnh “tử, bi, hỷ, xả” còn gọi là “tứ vô lượng tâm” tức là bốn tâm địa rộng lớn thênh thang, không thể nghĩ bàn.

Với tâm tử, ngài luôn luôn mang niềm vui đến với mọi người bất cứ lúc nào không phân biệt gì cả. Với tâm bi, ngài luôn luôn cứu giúp những người đau khổ, những người bất hạnh, ngài thương người như chính thân mình. Với tâm hỷ, ngài luôn luôn vui với những việc lành, những hạnh phúc, những thành tựu của tất cả mọi người xung quanh, không có tâm ganh ghét, đố kỵ, tị hiềm. Ngài luôn luôn nhớ câu: Nam mô nhưất thiết chúng sanh hỷ kiến Bồ Tát. Nghĩa là ngài luôn luôn noi gương những vị Bồ Tát mà tất cả mọi người đều hoan hỷ khi gặp mặt. Với tâm xả, ngài không bao giờ chất chứa trong lòng,

trong tàng thức bất cứ điều phiền muộn nào dù nhỏ đến đâu, trái lại ngài luôn luôn tha thứ bất cứ ai gây phiền muộn, rắc rối cho ngài.

Đức Di Lặc không bị bất cứ phiền não nào tác động cho nên thân tướng của ngài mập mạp khỏe mạnh, tâm trí của ngài thanh thẳng, nét mặt lúc nào cũng hoan hỷ.

Nếu chúng ta muốn được an nhiên tự tại, muốn được hạnh phúc ngay hiện đời, chúng ta phải noi gương ngài để tu bốn hạnh từ bi hỷ xả. Nếu có tâm từ bi, chúng ta sẽ biết thương yêu và thông cảm với mọi người, chúng ta sẽ giảm bớt lòng tham và lòng sân. Thí dụ chúng ta giúp đỡ bất cứ ai điều gì hay chúng ta nuôi nấng con cái bởi do lòng từ bi thì chúng ta sẽ không nhớ công, kể ơn với mọi người hay ngay cả với con cái trong gia đình, do đó không ai cảm thấy khó chịu sau khi thọ ơn của chúng ta. Chúng ta thường có lòng từ bi với những loài vật nhỏ nhít như ruồi muỗi, côn trùng hay lớn hơn như gà vịt heo bò, chúng ta không nỡ giết hại, ăn thịt chúng; nhưng đối với những con người sống chung quanh, đôi khi chúng ta không nhin nổi một câu nói hay một hành động nào chạm đến tự ái của mình. Lòng từ bi như vậy đó cần phải được xét lại. Cũng vậy, chúng ta thường có lòng từ bi với người xa lạ hay với người ở xa, lâu lâu gặp một lần; nhưng khó có lòng từ bi với những người ở gần xung quanh chúng ta khi họ làm điều gì mịch lòng mình.

Khi chúng ta thấy một người làm việc phước thiện, như cúng chùa hay tặng hội từ thiện một số tịnh tài chẳng hạn; nếu chúng ta phát tâm tùy hỷ, nghĩa là vui theo với việc thiện người khác làm được, thì chúng ta cũng được phước báu như người đó vậy. Tại sao vậy? Đức Phật có dạy rằng: “Khi một người mỗi ngọn đuốc của họ được sáng, nếu chúng ta mỗi từ ngọn đuốc của họ thì ngọn đuốc của chúng ta cũng sáng như vậy mà ngọn đuốc của người đó không giảm sáng chút nào.” Khi một người phát tâm làm

việc phước thiện thì tâm từ bi của họ tăng trưởng, tâm tham lam bôn sển của họ giảm bớt. Họ được phước báu, giảm bớt phiền não, lần lần tâm tánh của họ được thanh tịnh, cuộc sống của họ được thanh tịnh, cuộc sống của họ được an lạc hơn. Nếu chúng ta phát tâm tùy hỷ, một trong tứ vô lượng tâm, vui theo với việc thiện của người khác thì chúng ta giảm được tâm đố kỵ, ganh tị, tâm từ bi của chúng ta cũng tăng trưởng và khi đủ duyên chúng ta cũng sẽ làm việc thiện đó vậy.

Còn đối với tâm xả, đó là chỗ hết sức cao siêu của người tu hạnh giải thoát. Muốn được giải thoát, muốn được tự tại, nhẹ nhàng bước ra khỏi vòng trầm luân, sanh tử luân hồi, nhứt định chúng ta phải tu hạnh xả. Nếu lục căn của chúng ta tiếp xúc với lục trần, dừng dính dừng mắc thì trong kho tàng tâm thức chúng ta không có gì để chứa hết. Lúc đó chúng ta sống trong nhẹ nhàng, thanh thoi, không phiền muộn, ưu tư. Do tâm từ bi, chúng ta làm không biết bao nhiêu việc phước thiện và do tâm hỷ xả chúng ta vui vẻ bỏ qua hết tất cả những việc đã làm, trong tâm thức không có bốn tướng “ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả” tức là, chúng ta không thấy có mình là người làm phước, người khác là người nhận lãnh và không nhớ, không để tâm đến những gì chúng ta đã làm, đã cho. Như vậy chúng ta sẽ không cầu được báo đáp, không đòi hỏi bất cứ ai nhớ ơn chúng ta thì chúng ta không có phiền não chút nào cả nếu gặp phải những người không biết ơn. “Thi ân bất cầu báo đáp” là nghĩa đó vậy.

Chúng ta sở dĩ bị sanh tử luân hồi nhiều đời nhiều kiếp là vì chúng ta dính mắc quá nhiều, chúng ta không buông xả mà trái lại chứa nhóm quá nhiều trong tàng thức.

Lục căn của chúng ta cũng như các bộ phận của cái máy quay phim, hằng ngày thu nhận không biết bao nhiêu là hình sắc, âm thanh, v.v... rồi đem chứa vào trong kho tàng tâm thức; để rồi lâu lâu, thậm chí đến mấy chục năm sau,

mang ra chiếu lại để cười chơi hoặc tức giận như thể chuyện mới xảy ra ngày hôm qua còn nóng hổi vậy; mặc dù những diễn viên trong đó đã đi vào quá khứ từ lâu! Họ đã quên hết, chỉ có chúng ta là còn nhớ kỹ để lãnh đủ phiền não, khổ đau.

Nếu buông xả được, xóa được những cuốn băng trong kho tàng tâm thức, chúng ta sẽ trở nên con người vui tươi dễ chịu, lúc nào cũng hoan hỷ như đức Di Lạc vậy, như thiết chúng sanh sẽ hoan hỷ kiến. Lúc đức Phật còn tại thế, có một người mang hai chậu bông đến cúng dường với tâm mong cầu pháp môn tu giải thoát. Khi gặp mặt, đức Phật bảo buông, ông ta bèn buông tay trái, chậu bông rơi xuống đất. Đức Phật lại bảo buông, ông ta bèn buông tay phải, chậu bông thứ hai rơi xuống đất. Đức Phật lại bảo buông, ông ta bèn thưa: Bạch đức Thế Tôn, hay tay con đã buông hết rồi đâu còn gì để buông nữa. Đức Phật dạy: “Như Lai bảo ông buông lần thứ nhất là bảo ông buông sáu căn, lần thứ hai là bảo ông buông sáu trần, lần thứ ba là bảo ông buông sáu thức. Khi căn, trần, thức không còn nhiễm trước, tức thập bát giới không thành lập, thì ông được giải thoát.”

Điều sau hết, chúng ta cần lưu ý là đức Thích Ca đã đi tìm đạo, đã tu tập, đã chứng đạo và đã thành Phật dưới cội cây Bồ Đề ngay tại thế giới ta bà từ 26 thế kỷ trước, lịch sử đã ghi lại rõ ràng và sau này đức Di Lạc cũng sẽ hạ sanh ở thế giới ta bà này để tu hành và sẽ thành Phật dưới cội cây Long Hoa. Nghĩa là mười phương chư Phật đều thành Phật ở ngay tại thế giới ta bà này chứ không phải thế giới nào khác; bởi vì ở các cõi thiên giới quá sung túc vật chất, ham vui, hưởng thụ quên tu, còn ở các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì quá khổ về vật chất lẫn tinh thần nên cũng không tu được. Chỉ có ở thế giới ta bà này, con người có đủ thuận cảnh lẫn nghịch cảnh để tu hành và tiến đến chỗ giải thoát mà thôi. Chúng ta muốn vãng sanh về cõi

tây phương cực lạc thì ngay kiếp này cõi này phải tu; để khỏi uổng kiếp làm người hiện đời.

Tóm lại, chúng ta đã thấu hiểu một cách rất rõ ràng phương pháp tu giác ngộ và giải thoát để đạt được an lạc và hạnh phúc hiện đời. Vậy chúng ta hãy bắt đầu cất bước lên đường làm hành giả kể từ mùa xuân năm nay là vừa. Được như vậy, chúng ta sống trên cõi đời này sẽ thấy nơi đây chính là cõi an lành, tự tại, là một thế gian đầy tình thương yêu, đầm ấm. Thế gian này chính là cảnh giới của chư Phật, chư hiền thánh, chư thượng thiện nhân, chứ không còn là của phàm phu tục tử nữa. Kính chúc quý vị trọn hưởng mùa xuân Di Lạc, mùa xuân an lạc và hạnh phúc miên viễn của tất cả chúng ta vậy.

Tìm đọc:

TUỔI HỒNG

của Thúy Trúc, Minh Nhật xuất bản

"Tuổi Hồng là sự nối tiếp thú vị của tác phẩm THƯƠNG THƯƠNG NHỚ NHỚ và VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH của Thúy Trúc.

Có những thơ văn đọc lên nghe mệt trí, buồn đời hoặc mời tu suy tưởng mông lung. Có những lời không sinh khí, không ảnh tượng, viết với một kênh kiệu giả vờ trường giả mà vô sắc, vô hương.

Trái lại, văn thơ Thúy Trúc mời ta nhớ cảnh, nhớ người, mộng mơ lãng đãng, đọc lên nghe thủ thỉ ngọt ngào hương vị thân thương mà lòng mình ấm áp vô cùng, tìm về nguồn dĩ vãng.

Đọc Tuổi Hồng, chìm dưới bể sâu bóng sáng chói lòa của nhà nghệ sĩ, ta tìm được một con người. Và đó cũng chính là chân dung tâm tình của chính ta đó vậy."

Vũ Ký

Địa chỉ liên lạc:

Thúy Trúc

110 Apache Street, Miami, FL 33166

PHƯỚC CÁI CHÁNH HÀNH SỞ TẬP KINH

(SƯU TẬP KINH VÀ LUẬN
GIẢNG VỀ SỰ TU TẬP ĐÚNG ĐỂ PHƯỚC ĐỨC TỎA CHE)

Tác giả: Bồ Tát Long Thọ

*Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng TRIỀU TẤN Đại Phu, THÍ HỒNG, LƯ KHANH,
TUYÊN PHẠM Đại sư và Tử Tử Sa môn Thần NHẬT XỨNG.*

Việt dịch: Vân Nguyên

*Khể thủ lễ chư Phật,
Cập Bồ Tát Thánh chúng,
Năng dĩ tịnh trí nhân,
Phổ đạo ư quần hữu.
Đế Thích cụ Thiên nhân,
Đại Tự Tại tam mục,
Cập nhật nguyệt quang minh,
Giai bất năng biến chiếu;
Na La Diên nhị mục,
Biến hiện chư sắc tượng,
Hàng phục A Tu La,
Thị kiêu mạn sân nhuế...
Duy Phật cụ trí quang,
Diệt ác trừ tích ám,
Nhu dĩ khổng tước vĩ,
Phất trừ chư cấu độc.
Nhu Lai Đại Trưởng Phu,
Đảnh thư Bạch Hào tướng,
Thất tạp hữu thành loa,
Nhuận trạch cực khả ái.
Nhật nguyệt thế đặng minh,
Ẩn tộ giai bất hiện,
Chư thiên cập thế nhân,
Hâm cúng dường xưng tán.*

*Cúi đầu lạy chư Phật,
Lạy Thánh chúng Bồ Tát,
Các bậc dùng mắt Tuệ,*

*Phổ độ loài hữu tình.
Vua Trời dẫu Thiên nhân,
Đại Tự Tại ba mắt,
Hay ánh mặt trời, trăng,
Cũng không soi thấy khắp;
Lực sĩ Phạm Thiên Vương,
Biến hóa nhiều bóng hình,
Hàng phục được Tu La,
Nhưng lòng đầy hờn, kiêu...
Đức Phật ngài trí sáng,
Diệt sạch nguyên nhân tội,
Như dùng đuôi chim sẻ,
Phủ sạch những bụi nhơ.
Phước đức tỏa tịnh tướng,
Tóc cuộn bảy vòng phải,
Thành từng xoáy mượt óng,
Đảnh tỏa sáng cực diệu.
Những tốt đẹp đất trời,
Không dám cùng so sánh,
Các loài Trời và Người,
Thích cúng dường cung kính.*

Nghe những lời này xong, nên làm gì? Nếu biết suy nghĩ thì hãy trân quý kính trọng Phật pháp, vì sao? Vì trí tuệ Phật như đuốc soi đường phá vỡ màn đêm ngu si ám chướng. (Bởi thế hôm nay) tôi chỉ bày trí tuệ Phật, hoạt dụng như đám mây lành rơi xuống những giọt cam lồ, như

ánh trăng rằm mùa thu khiến lòng vui đi sâu muộn. Do đó các vị cần trú ngụ trong chánh pháp của chư Phật một cách trọn vẹn để tăng trưởng trí huệ hầu thành tựu Tam Thập Thất Phẩm; tiêu trừ 2 trận cuồng phong là Nghiệp và Hoặc nên không bị nhận chìm trong sông Ái. Các vị hãy ngồi trên con thuyền chánh pháp tiến tới bờ giải thoát, hãy biết tu tập đúng đắn các pháp Bồ Thí, Trì Giới...; hãy bố thí tài vật quý giá để phá hủy lòng tham, tô bồi thiện lợi; hãy chấp trì tịnh giới, tụng đọc các kinh... các vị Tỳ Kheo làm được thế thì các vị mau chóng tròn đầy trọn vẹn Phước Đức tỏa che.

Y theo lời Phật, thì đối với Thập Thiện sao không tu tập? Tâm bị tham ái sai khiến như sai khiến kẻ nô tỳ khiến thân cố tìm cầu thụ hưởng khoái lạc không ngơi nhưng chẳng biết vô thường từng hơi thở. Bởi ngu si sanh ngã mạn, tham tiếc chặt chiu tiền của nên có kẻ cùng khốn đến xin thì ngoảnh mặt làm ngơ... (hạng người này thật sự) chưa từng tu trì tịnh giới và thiền định.

Y theo lời Phật, thì đối với hành động lợi ích chúng sanh, các vị hãy biết rằng đều vô sở đắc.

Lại nữa, các vị nên biết rằng tiền của là nơi sản sanh ưu phiền, khổ não và sợ sệt; là nơi tăng trưởng kiêu ngạo, vọng động và tán loạn cản trở và che lấp nẻo chánh đường lành; là pháp bại hoại, pháp đọa lạc, pháp vô thường, pháp không chắc thật, không thể nương tựa. Tiền của đối với đời trước đời sau đều bất khả đắc còn hiện tại tuy có chút vui sướng nhưng không tồn tại y như cảnh trong mộng, như huyễn hóa, như ảo ảnh giữa sa mạc, như bẹ chuối, như vòng lửa không chắc thật, như bọt nước vỡ tan nhanh chóng... Kẻ không trí tuệ khởi lòng mong cầu ôm giữ nên kết quả là vui ít khổ nhiều bởi đã tích tụ tất cả căn bản của phiền não. Do vậy, các vị nên quán về “tưởng vô thường,” “tưởng không bền vững” mà đối trị, được vậy, các vị sẽ không bị tổn hại bởi khi giặc cướp, bão lụt, hỏa hoạn, quan

quyền, bà con quyến thuộc đoạt tranh tài sản; các vị cũng không bị vua Diễm Ma La (Vua Tham?) nuốt sống và đời sau phước báo an vui chắc chắn tựu thành. Do dùng tiền của bố thí giúp đỡ chúng sanh một cách thanh tịnh nên kể ấy như loài hoa vừa thơm vừa đẹp khiến người ưa thích.

Do dùng tiền của bố thí giúp đỡ chúng sanh một cách thanh tịnh nên kể ấy chỉ trong phút chốc đã tiêu trừ tất cả tội chướng tích tập nhiều đời như lửa lớn cháy cành khô, như nước rửa bụi đất, như loài ngọc quý Ma Ni.

Tùy nhu cầu cần thiết của những kẻ thiếu thốn đến xin mà giúp đỡ, làm nơi y chỉ cho họ, tạo những điều tốt đẹp, những công đức chơn thật thuần túy vì tình thương mà không mưu đồ nên tiếng tốt truyền xa, kể ấy (do tự thân và nhiều niệm lực chung quanh nên) tránh được các lỗi lầm gây tai họa giúp thọ mạng được lâu dài.

Do tu hành Tịnh Giới, kể ấy phá vỡ Tam Độc, trừ sạch các tà kiến nên chỉ bước đi trên công đức không còn đọa lạc, cho dầu trước đó đã có lòng u muội đăm trước dục cảnh thì cũng mau chóng sửa đổi, tẩy trừ như Nga Ma Na Bà La thiên tử.

Nên biết rằng tình dục (nam nữ) là sơn lam chướng khí tạo những căn bệnh hiểm nghèo đáng sợ mà những kẻ không trí tuệ lại thường tranh giành tham đắm. Kẻ tham đắm dâm dục chẳng khác nào người đi giữa sa mạc uống toàn nước muối, lòng càng khao khát; như cây trúc rễ tất đang héo khô; như hỏa diệm sơn không thể ngăn chặn; như người ở trong hang rắn dễ bị nhiễm độc; như đụng phải thanh sắt rực lửa; như ăn phải trái độc sẽ tổn hại thân mạng; như cỏ ướt sương không rút ngọn; như mây giữa bầu trời phút chốc đổi hình; như xây thành bằng cát rất dễ sụp đổ... Tất cả các tai họa do dâm dục mà vây bủa bên mình, kẻ tu hành chánh pháp cần phải xả ly.

Đức Phật có dạy rằng: “Nếu kẻ nào không

tham đắm Ngũ Dục (năm thứ ham muốn là: 1. Tiền của, 2. Sắc dục, 3. Danh vị, 4. Ăn nhậu, và 5. Ngủ nghỉ) thì hiện tại đang có vô lượng phước báo, kẻ ấy chắc chắn chặn được dòng thác phiền não, chắc chắn sẽ cõi thuyền chánh pháp vượt sông mê. Như Lai tu hành tích tập phước đức trải qua ba Đại A Tăng Kỳ Kiếp (vô số kiếp) mới tròn đầy trọn vẹn. Như Lai vì chúng sanh nên chỉ dạy một cách bình đẳng, các vị hãy nên tìm nơi yên tịnh mà suy tư, nghiên cứu, chọn lựa những lời Như Lai nói như tìm bơ trong sữa, tìm phó mát trong bơ rồi tìm đề hồ trong phó mát. Sau khi đã suy tư, nghiên cứu và chọn lựa xong, các vị hãy tích tập chánh pháp và tiền của thanh tịnh để giúp đỡ chúng sanh.

Lại nữa, chư Phật là các bậc đã viễn ly phiền não của Tam Giới, đã thành tựu phước đức vô lậu thanh tịnh, các Ngài vì phương tiện nên chỉ dạy pháp Tri Túc như khu vườn an lạc mà kẻ nào ở trong đó đều được thanh tịnh, bình yên xa rời mọi khổ sâu. Ai biết tu đúng đắn pháp Tri Túc ấy sẽ thác sanh cõi Phạm Thiên. Như Lai từ nơi đó mà bất động với các phiền não, trừ diệt các điều sợ hãi. Và cũng do đó Như Lai phá hủy Luân Hồi, đắc thành Chánh Giác.”

Lại nữa, các đức Phật bởi Trí Tuệ tương ứng với Đại Bi nên đã hàng phục các ngoại đạo một cách vi diệu. Các Ngài quán sát căn cơ, chọn lựa phương thức, dùng lời nhu hòa mà chơn thật chỉ dạy họ học hiểu, tin tưởng, tu tập chánh pháp, bước vào con đường “không sợ hãi,” phá toang màn lưới chúng Ma. Các Ngài đã khiến họ an trú trong Phật pháp, trở thành các vị Đại Trượng Phu (Bồ Tát) cất tiếng “sư tử hống,” kéo mây lành che, tạo mưa cam lộ, oai đức đặc tôn, bởi các Bồ Tát ấy không ngơi nghỉ huân tu Giới và Định Vô Lậu, không ngơi nghỉ hóa độ chúng sanh rớt rời phiền muộn.

Pháp được tối thượng làm tiêu mất những cấu bẩn tâm như cây trời Kiếp Ba nở đầy hoa hóa thành tư dụng cho kẻ tu hành.

Y theo lời Phật thì, kẻ trì Tịnh Giới tất có thiện pháp nên xa lìa mọi sợ hãi và hoạch đắc an lạc, an tịnh và an ổn. Kẻ ấy vượt biển khổ, “đáo bỉ ngạn,” phá Tứ Ma. Tứ Ma được nói tới đây là Thiên Ma, Uẩn Ma, Tử Ma và Phiền Não Ma. Kẻ ấy đủ năng lực để thổi loa chánh pháp, đánh trống chánh pháp, đốt đuốc chánh pháp trong sự an lạc tự tâm để làm lợi ích cho tất cả, giáo hóa các loài Trời và Người hành Phật sự.

Lại nữa, các đức Như Lai tích công lũy đức trong vô lượng kiếp, tu tập Trí Tuệ Bát Nhã mới thành tựu được Vô Ngại Biện Tài, Tứ Vô Sở Úy, Thập Chung Trí Lực... Các Ngài sử dụng Trí Tuệ phá hủy ma oán, thành tựu các công đức, như vậy thật đúng là bậc tối tôn, tối kính, tối thượng trong vũ trụ. Đối với loài hữu tình, các Ngài chính là Từ Phụ.

Lại nữa, các đức Như Lai do tròn đầy trọn vẹn Thập Lực thù thắng vi diệu nên giáo hóa hàng ngoại đạo khiến họ hiểu, thích và tu tập Phật Trí, trở thành đệ tử một cách dễ dàng. Như đức Thích Ca hóa độ Kiều Trần Như trở thành người đệ tử chứng Thánh quả A La Hán đầu tiên; hóa độ tháo gỡ màn ngu si ám độn của Ma Ha Ca Diếp và Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp để trở thành bậc pháp khí thù thắng nhất trong chánh pháp. Cũng như tôn giả Xá Lợi Phất vốn là thượng thủ trong Phạm Chí nhưng sau khi uống “Phật pháp dược” tức khắc dứt hẳn bệnh phiền não, trí tuệ biện tài, khắc phục cuồng tâm; và Ngài Mục Kiền Liên trở thành bậc Thần Thông Đệ Nhất. Còn nhiều vị ngoại đạo khác nữa như A Nậu Lô Đà, Tần Đầu Lô Phả La Đọa Xà, Ma Ha Câu Hi La, A Nan Đà v.v... đều tu tập các hạnh thù thắng, bước trên bậc thang chánh pháp để vào và an trú trong ngôi lầu giải thoát thanh tịnh. Đức Thích Ca cũng từng hóa độ khiến cho vua Tần Bà Sa La hiểu sâu tin chắc, tôn trọng cung kính chánh pháp để trở thành đệ tử Phật. Các vị Thánh giả ấy đều dùng “búa Trí

Tuệ” đốn ngã “cây Duyên Sanh,” trừ ngã mạn, rời vọng niệm, phát huy Nhất Thiết Trí, xả bỏ tà kiến ngoại đạo, nên tự thành tất cả công đức.

Nếu kẻ nào đối với tứ đại độc xà, ngũ uẩn không tụ (thân tâm) mà khởi vọng chấp cho rằng đó là chủ thể thì không thể nào giải thoát. Cần phải biết dùng kiếm trí tuệ đốn ngã kiến chấp ấy đi.

Phải biết dùng Trí Tuệ quán sát Lục Trần như oán tặc, Thập Nhị Xứ như rừng gai. Kẻ nào hiểu đúng được điều này sẽ không bị bức hại bởi các phiền não từ tâm tới cảnh. Kẻ ấy chắc chắn trì giới một cách đúng đắn, an trú trong Nhẫn Nhục, đắc Tứ Niệm Xứ, tăng trưởng và tròn đầy ánh sáng Trí Tuệ chuyên phá màn vô minh. Kẻ ấy chắc chắn đủ năng lực để uống nước Bát Chánh đạo, nở hoa Thất Bồ Đề, siêu việt Tam Giới, đoạn sạch kiết sử, vào biển Trí Tuệ, ngồi kiết già trong Bồ Đề đạo tràng, nhập Tứ Thiên, vào Vô Lậu Thắng Định, thọ dụng tất cả Pháp được tối thượng.

Nhưng thường, nhiều người lại ngu muội, chuyên phá hoại các thiện pháp. Họ đắm trước dục cảnh thế gian, hưởng thụ cảm giác phù du như mù sương trong nắng gió, xa lánh pháp thuyền nên không cách nào không khốn đốn giữa biển khổ bao la.

Kinh có kể rất nhiều sự tích hóa độ của đức Thích Ca như giải cứu ách nạn cho nhiều người sắp chết, cho mẹ con Ương Quật Ma La; giải trừ đại ngã mạn cho Trường Trảo Phạm Chí để biết tu hành đúng đắn khiến nhiều người nghe chuyện này cũng được lợi ích từ việc xả trừ ngã mạn; hàng phục các loài quỷ thần như hàng phục ác Long lòng đầy hờn căm thổi phun độc khí hại người, Dạ Xoa căm thù trăm vạn chúng sanh... Lại như các chuyện Nhật Nguyệt sợ A Tu La, vua Trời Đế Thích sợ đọa lạc ác đạo, vua Trời Đại Phạm chấp Ngã là Thường vân vân các việc như thế do bởi không Chánh Kiến mà bị bức bách trong giong Luân Hồi... Đức Phật từng chỉ

dạy hiểu rõ đúng sai tà chánh mà tu tập đạo giải thoát.

Ánh sáng Trí Tuệ Bát Nhã thanh tịnh của Phật như thế sao chúng ta lại không tu tập, không tôn kính chánh giáo, không gìn giữ pháp sư để suy tư, chọn lựa, hành trì Chơn Thật Nghĩa?

Các vị thức giả cần quán sát thật cẩn thận. Vì sao? Vì giáo nghĩa của ngoại đạo tuy có điều tựa như đúng đắn nhưng thật là pháp Luân Hồi, Pháp đọa lạc, pháp không giải thoát.

(Còn tiếp)

Tìm đọc:

CON ĐƯỜNG NGƯỢC DÒNG

tâm bút của *Vinh Hảo*
do Chiêu Hà xuất bản

Tác phẩm gồm 7 bài tâm bút của tác giả ca tụng chí nguyện xuất trần và hạnh nguyện xuất gia cao cả đồng thời cũng nêu bật những khía cạnh tiêu cực khác thường xảy ra trong sinh hoạt Phật giáo Việt Nam trong cũng như ngoài nước.

Tác phẩm có thể làm nhức nhối những người đọc không hề mưu mang lý tưởng ngược dòng, nhưng lại là những lời tha thiết ngưỡng vọng đến những bậc xuất trần thượng sĩ, mong mỗi sự đồng vọng của những con tim cùng nhịp, có chung thao thức trước nỗi suy vong của Phật giáo và Dân tộc trong hiện tình đất nước.

Sách dày 190 trang, giá bán \$10 mỹ kim (ngoài Hoa Kỳ \$12 mỹ kim—bao gồm cước phí).

Mua sách, xin gửi ngân-chi phiếu đến:

CHIEU HA PUBLISHER
4702 W. FIRST STREET, SUITE E
SANTA ANA, CA 92703 - USA

QUAN NIỆM SỬ HỌC VÀ TRIẾT HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng: Pháp sư Pháp Phảng

Người dịch: Thích Thắng Hoan

(tiếp theo)

3. DUY THỨC HỌC VÀ THIỀN HỌC

a. Căn cứ về triết lý, Thiền tông quan niệm “Minh Tâm Kiến Tánh và Kiến Tánh Thành Phật” là quan trọng trên hết. Vấn đề Minh Tâm được giải thích như sau:

— **Minh Tâm:** chữ Tâm ở đây là chỉ cho tám Thức Tâm Pháp và 51 Tâm Sở Pháp mà Duy Thức thường trình bày. Ngoài ra chữ Tâm theo Duy Thức còn có nghĩa khác là chỉ cho tất cả pháp tướng do tám Thức Tâm Pháp và 51 Tâm Sở Pháp biến hiện. Chữ Minh đi theo chữ Tâm có nghĩa là thông suốt một cách tường tận tất cả cảnh giới do Tâm Pháp và Tâm Sở biến ra.

— **Kiến Tánh:** chữ Tánh của Kiến Tánh tức là chỉ cho Thật Tánh của Duy Thức và cũng gọi là Chân Như.

Thiền tông cho rằng, kiến tánh là thành Phật. Còn Duy Thức thì cho rằng, ngộ nhập được thật tánh của Duy Thức là có thể thành Phật. Theo Phật Học, người nào nếu như không có minh tâm thì không thể thấy được tánh và họ nếu muốn thấy được tánh thì trước hết phải minh tâm. Cho nên *Đàn Kinh* có câu: “Người nào nếu như biết được bốn tâm của mình và thấy được bốn tánh của mình thì người đó là Phật, là bậc Đại Trượng Phu và cũng là thầy của cõi trời, của cõi người” (chú thích 12). Nơi Duy Thức, người

nào nếu như không thấy được Tánh Viên Thành Thật thì không thể hiểu biết rõ ràng Tánh Y Tha Khởi là một loại dung hợp, ngăn che và như huyền. Cho nên Duy Thức chủ trương, thông suốt Duy Thức Tướng để chứng nhập Duy Thức Tánh làm mục đích. Theo họ, ai không thông suốt Duy Thức Tướng thì người đó không thể ngộ nhập được Duy Thức Tánh thì cũng không thể thành Phật. Nhất trí theo nguyên lý này, Duy Thức và Thiền Tông có chỗ khác nhau về phương pháp tu học.

b. Căn cứ theo giáo nghĩa, Duy Thức và Thiền Tông có những điểm tương đồng sau đây:

1. Giáo Nghĩa của Bồ Đề Đạt Ma: *Tục Cao Tăng Truyện* có ghi cương yếu tổng quát về Giáo Nghĩa của Bồ Đề Đạt Ma như: “An tâm như thế gọi là quán vào vách vậy, phát khởi thực hành như thế gọi là Tứ Pháp vậy. Thuận theo sự vật như thế là giáo dục và hộ trì Thức dừng hiềm nghi. Phương tiện như thế là giáo dục khiến không cho chấp trước. Lẽ tất nhiên đi vào giáo lý thì có nhiều đường lối, nhưng cốt yếu chỉ có hai thứ, gọi là lý và hành.” Lý nghĩa là sáng suốt về giáo lý và Hành nghĩa là sự khởi hành. Như nói: “Mượn giáo lý để ngộ được tông chỉ, thâm tín thì bao hàm chân tánh cùng nhau phát sanh, khách trần luôn luôn làm chướng ngại. Hãy xả cái giả để trở về cái chân, nếu nghi ngờ thì trụ vào vách để quán, quán đến khi không còn mình

và người, quán thấy phàm và thánh đều bình đẳng như nhau, hãy an trụ kiên cố không cho thay đổi, không nên chạy theo lời dạy của kẻ khác. Với đạo lý thâm sâu mầu nhiệm hãy tịch nhiên vô vi, như thế gọi là vào lý vậy. Thực hành vào lý nghĩa là phải tu tập bốn hạnh và vạn hạnh. Bốn Hạnh gồm có:

1. Báo oán hạnh.
2. Tùy Duyên hạnh.
3. Danh Vô Sở Cầu hạnh.
4. Danh Xưng Pháp hạnh, tức là tánh thanh tịnh vậy.

(Chú thích 13).

Bốn Quán Hạnh này của Thiên tông nếu như so sánh thì không khác với Khiển Tướng Chứng Tánh trong Ngũ Trùng Quán của Duy Thức.

2. *Kinh Lăng Già*: “Năm Pháp, Ba Tự Tánh, Tám Thức, Hai Vô Ngã,” nguyên lý của mỗi loại đều có hệ thống nơi Duy Thức Học. Và lại, *kinh Lăng Già* là loại kinh giáo trước tiên của Thiên tông, cũng là một trong sáu loại kinh của Duy Thức nương tựa để phát triển. Cho nên Duy Thức và *kinh Lăng Già* quan hệ với nhau rất mật thiết (giống như *Pháp Hoa* của Thiên Thai tông, như *Hoa Nghiêm* của Hiền Thủ tông.)

3. Từ Huệ Năng trở về sau, *kinh Kim Cang* được sử dụng vào việc Tâm Ấn. Chỗ thuyết minh của *kinh Kim Cang* chỉ là Pháp Tánh. Pháp Tánh chính là Như Như trong năm Pháp, Viên Thành Thật Tánh trong ba Tánh và hai Vô Ngã Tánh. “Ứng Vô Sở Trụ” của *kinh Kim Cang* đúng là thật không có chỗ chứng đắc, nói chung thì giống nhau với Pháp Tánh.

4. *Đàn Kinh* của Lục Tổ: *Đàn Kinh* của Lục Tổ là giáo điển căn bản của Thiên tông sau này. Người tu thiền sau này chẳng qua là mắng Phật chửi Tổ, cầm *Đàn Kinh* cũng như ném đồ vật. Họ nói rằng, Thiên tông không giảng giáo lý, không lập văn tự, những cảnh giới mà họ chứng ngộ chẳng qua là như thế. Nhưng cũng do lời nói

này, tất cả Thiên khách trong thiên hạ đều bị mù lòa từ ngàn năm nay. *Đàn Kinh* nói: “Bản tánh của Đại Viên Cảnh Trí thì thanh tịnh, bản tâm của Bình Đẳng Tánh Trí thì không bệnh hoạn, bản tánh của Diệu Quan Sát Trí thì không có công đức, Thành Sở Tác Trí thì đồng với Đại Viên Cảnh Trí. Quả của tám Thức nhờ nhân chuyển y nên trở thành bốn Trí và chỉ chuyển danh ngôn không thật tánh của Thức. Hôm nay chỗ chuyển y nếu như không lưu tình là chứng tỏ chỗ thiền định Na Già mãi mãi phát triển.”

Sáu câu trong bài tụng ở trước là trình bày tám Thức chuyển thành trí và hai câu ở sau là nói về Thiên. Kinh nói thêm rằng: “Như nói chuyển tám Thức thành trí ở trên, giáo lý giải thích [Chuyển năm Thức trước thành Sở Tác Trí, chuyển Thức thứ sáu thành Diệu Quan Sát Trí, chuyển Thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí, chuyển thức thứ tám thành Đại Viên Cảnh Trí. Tuy nhiên chuyển Thức thứ sáu và Thức thứ bảy là chuyển trong cái nhân, còn chuyển Năm Thức trước và Thức thứ tám là chuyển trên cái quả, đúng ra chỉ chuyển cái tên của Thức, nhưng không phải chuyển cái thể của Thức vậy” (thấy trong *Lục Tổ Đàn kinh*). Sự chuyển Thức thành Trí trong đây đều là công phu của minh tâm và kiến tánh. Ngoài ra kinh này còn nói đến đạo lý của ba Thân không cần phải dẫn dụ cụ thể để làm chi. Như thế, ai nói là Thiên Tông không lập văn tự, không trọng giáo nghĩa? Do đó nên biết Duy Thức Học và Thiên Tông quan hệ giống nhau.

4. DUY THỨC HỌC VÀ TỊNH ĐỘ TÔNG

Tịnh Độ tông là một tông phái thuộc tín ngưỡng dân gian và tông phái này có thế lực rất lớn tại Trung Quốc. Từ xưa đến nay tông phái Tịnh Độ hoàng truyền không dứt. Tịnh Độ tông được thành lập vào thời đại nhà Tấn và hiển đạt

nhất từ khi ngài Tuệ Viễn (334-416) thành lập Hội Liên Xã tại Lô Sơn. Tịnh Độ tông tại Trung Quốc có thể nói khởi điểm từ đó. Ngài Tuệ Viễn như sự loạn lạc tại Tương Dương cùng với ngài Đạo An mang đồ chúng tỵ nạn tại Lô Sơn, liền chấn hưng lại Phật Học Nam Triều. Ngài Tuệ Viễn không chỉ có địa vị trong Phật giáo, ngoài ra còn ảnh hưởng danh tiếng rất lớn trong giới học thuật đương thời về đạo đức và văn chương. Tại Lô Sơn, ngài một mặt tự mình nghiên cứu kinh giáo và đặc biệt là đề xướng học thuật Tỳ Đàm (chú thích 14). Hơn nữa ngài cũng thông suốt ba Tạng Kinh của Tiểu thừa và Bát Nhã. Về phương diện khác, ngài lại còn đề xướng niệm Phật và đương thời, các bậc cao hiền ẩn sĩ như Lưu Quý Thị v.v... cùng với các bậc xuất gia như Pháp sư Phổ Tế v.v... gồm tất cả là mười tám người cùng theo ngài chia nhau thiết lập từng xã Niệm Phật. Tại Lô Sơn, mười tám vị này được gọi là Thập Bát Hiền và họ chuyên môn xiển dương Thiền Niệm Phật. Tịnh Độ tông kể từ ngày thành lập trở về sau, nhờ pháp sư La Thập giảng kinh A Di Đà, cho nên người ta theo và hành trì lại càng hưng thịnh.

Đến thời Triệu Tống, Tịnh Độ tông và Thiền tông bài xích lẫn nhau như nước với lửa và không thể tha thứ cho nhau được. Người tham thiền thì không chấp nhận niệm Phật và người niệm Phật lại cũng không hứa khả tham thiền. Như Thiền tông có ra Thiền Quy: “Người nào nếu như niệm Phật một câu thì bị phạt gánh nước rửa Thiền Đường và phải súc miệng ba ngày.” Có thể thấy, tình hình nghiêm trọng giữa Thiền và Tịnh không thể dung hòa với nhau.

Lúc bấy giờ, thiền sư Vĩnh Minh Thọ thì lại đề xướng “Thiền Tịnh Song Tu” và đem môn đình của Tịnh Độ sáp nhập Thiền tông. Thiền sư chủ trương, cốt yếu của người niệm Phật là tham thiền và cốt yếu của người tham thiền là niệm Phật. Nguyên do, thiền sư Vĩnh Minh Thọ lúc bấy giờ rất có tiếng tăm và cũng vì chủ

trương Thiền Tịnh Song Tu cho nên môn như tín đồ theo thiền sư rất đông (chú thích 15). Bởi lẽ mình và người đều là thiền giả cũng nên cấp thiết thực hành niệm Phật. Thiền Tịnh Song Tu có bốn khoa đơn giản làm phương châm và trong bốn khoa này, hai câu rất có danh tiếng là: “Có Thiền có Tịnh Độ, dù như cọp mọc sừng” (chú thích 16). Người tu hành nếu thực tập Thiền Tịnh Song Tu cũng như con cọp già mọc thêm hai sừng trên đầu khác nào tự mình tăng cường thêm tín niệm và giải thoát. Nhờ sự đề xướng của thiền sư Vĩnh Minh Thọ, Thiền Tịnh Song Tu được truyền thừa trực tiếp cho đến ngày nay. Cũng từ lý do trên, Thiền tông Trung Quốc có thể nói lại trở thành một thứ Thiền biến hóa (tham cứu chú thích 15).

Người học niệm Phật đều y cứ nơi lời giải thích của Di Đà Tịnh Độ: nên đọc Tịnh Độ Tam Kinh và nên xem các bộ luận trước tác có liên quan đến Tịnh Độ tông. Tịnh Độ tông thường dựa trên Tín, Nguyện, Hạnh làm căn bản và áp dụng Trì Danh Niệm Phật làm pháp môn bí quyết thiết yếu rất cần cho việc tu tập, nguyên vì Trì Danh Niệm Phật là pháp môn đơn giản dễ thực hành. Người bạn Ngô Duyên Hoàn thường hỏi: “Tín ngưỡng cho rằng, ngoài thế giới Ta Bà này có loại thế giới Cực Lạc tồn tại và trong đó có Phật A Di Đà. Như vậy đâu chẳng là ngoài Tâm có Pháp hay sao và nó sẽ tương phản với Duy Thức?” Lại hỏi thêm: “Người niệm Phật quyết định tín ngưỡng có cái ngã của Phật để niệm và có cái ngã để vãng sanh Tây Phương, như vậy đâu chẳng là có ngã chấp hay sao?”

Đáp rằng: “Tông này có cái nghĩa Duy Tâm Tịnh Độ.” Cổ nhân nói: “Sanh thì quyết định sanh, nhưng đi thì thật chẳng có đi.” Di Đà ở đây tức là chỉ cho Tự Tánh Di Đà, Cực Lạc Quốc Độ cũng chẳng lìa nơi tâm mà có. Kinh Vô Lượng Thọ Phật lại nói: “Cực Lạc Quốc Độ là do bốn mươi tám lời nguyện của Phật A Di Đà tạo thành. Trong đây tâm nguyện tức là chỉ cho Tâm

và nhờ nguyện nên mới được thành tựu tức là chỉ cho duy Tâm tạo nên. Đúng thế, Tây Phương Tịnh Độ chính là do mọi người trong Tây Phương Tịnh Độ cùng nhau tạo dựng và nó không thể có ngoài tâm, cho nên lý này không tương phản với Duy Thức. Lại nữa người niệm Phật phải biết rằng, Phật A Di Đà đã phát bốn mươi tám lời nguyện và nhờ nương nơi những lời nguyện đó tu hành nên mới thành tựu được Cực Lạc Tịnh Độ.”

Kết luận, Tây Phương Tịnh Độ là do tám Thức thanh tịnh của Phật và của các Bồ Tát v.v... cùng nhau biến hiện. Người niệm Phật cầu về Tây Phương Tịnh Độ tất nhiên cũng phải có tâm lực của Tín, Hạnh, Nguyện hòa hợp với bốn mươi tám lời nguyện của Phật A Di Đà thì mới có thể vãng sanh và hưởng thọ được những điều khoái lạc nơi cõi Di Đà Tịnh Độ kia. Người niệm Phật không thể đơn phương chỉ nương tựa nơi năng lực của Phật A Di Đà mà tự mình được hưởng thụ những hiệu quả ở cõi đó. Ngoài ra, người niệm Phật cũng phải thông suốt tất cả giáo nghĩa của Đại thừa và của Tiểu thừa, như ngài Phổ Hiền của *Hoa Nghiêm*, như Đại Thế Chí của *Lăng Nghiêm* v.v... các Đại Bồ Tát đều hồi hướng về Tịnh Độ. Các bậc Đại Tông sư ở Trung Quốc là những kẻ phát nguyện vãng sanh đều minh giải giáo nghĩa thâm sâu, giác ngộ lý vô ngã và viễn ly các chướng ngại chấp trước về vấn đề vãng sanh. Họ sở dĩ nói có ngã chính là giả thuyết để cho thích hợp tùy theo chỗ tình cảm của chúng sanh, nhưng không phải chấp trước cho là có thật ngã. Vả lại, trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ* (*Thập Lục Quán* kinh), hành giả phải tu mười sáu pháp quán, quán khi nào thể giới Cực Lạc hiện ra trước mắt là thành công và chừng đó hành giả sẽ được vãng sanh. Vấn đề quán tưởng về mười sáu pháp quán nói trên trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ* cũng là thể hiện lực lượng của Tâm! Nhân đây, hai chữ Duy Tâm trong câu “Nhứt thiết Duy Tâm” tức là chỉ cho

nghĩa của Duy Thức vậy. Thế nên Tịnh Độ Di Đà theo nghĩa Duy Thức không thể có ngoài tâm. Hơn nữa, hai chữ Tịnh Độ trong câu “Vãng Sanh Tịnh Độ” không nhất định là chỉ cho Tịnh Độ Tây Phương Cực Lạc, nguyên vì cõi Phật trong mười phương đều gọi là Tịnh Độ cả. Duy Thức Học nói, đức Phật có ba thân và ba cõi, riêng ba cõi đây cũng gọi là Tịnh Độ. Tỷ như, cõi của đức Phật Dược Sư ở hướng đông và cõi của ngài Di Lạc ở Đâu Suất cũng đều gọi là Tịnh Độ. Người học giáo lý Duy Thức xưa nay phát tâm Đại thừa đều nguyện sanh lên Nội Viện của ngài Di Lạc để chờ ngài tùy duyên tái sanh. Thế nên nghĩa của Tịnh Độ cũng là tông chỉ của Duy Thức.

5. DUY THỨC HỌC VÀ LUẬT TÔNG

Chiếu theo Phật pháp, giới luật không nên lập tông phái riêng, nguyên vì không luận học Thiên, học Tịnh, học Giáo, không luận tăng già hay thế tục, mọi người phạm là tìn đồ quy y Phật pháp đều phải hiểu rõ và hành trì giới luật. Giới Luật là con đường đạo để làm người, làm bậc siêu nhân và cũng là để kiến lập Đại Từ Điển căn bản của Phật pháp. Giới Luật không nên thiên lệch và phải nên phổ biến tuân hành. Chỉ tại vào thời triều đại nhà Đường, Luật sư Đạo Tuyên ở núi Chung Nam là người đạo đức, văn chương, trì luật nổi tiếng, có thể động đến thiên địa và cảm đến quỷ thần (chú thích 17). Ngài nghiên cứu tinh thông luật học và dựa trên Tứ Phần Luật Tạng chánh thức thành lập Luật tông. Nổi bậc hơn hết, Luật sư Đạo Tuyên là người thành công lớn nhất trong Phật giáo sử Trung Quốc. Thật ra, người đầu tiên hoàng dương Tứ Phần Luật chính là Luật sư Trí Thủ. Luật sư Đạo Tuyên là đệ tử kế thừa. Đồng thời với Đạo Tuyên, hai Luật sư Tướng Bộ Pháp Lệ và Đông Pháp Hoài Tố cũng hoàng truyền Luật Tạng.

Cho nên người đời thường gọi Đạo Tuyên, Pháp Lệ và Hoài Tố là ba Luật gia đời Đường. Trong ba Luật gia này, chỉ Nam Sơn Luật của Đạo Tuyên nhờ lý do đặc biệt truyền bá không dừng (chú thích 18). Ngài Đạo Tuyên nghiên cứu về Luật Học tinh tế và phi thường, đồng thời trước tác sách cổ về Luật tông gồm có năm Đại Bộ (chú thích 19). Đạo Tuyên có điểm đặc biệt như:

“Thứ nhất, ngài kiến lập Hóa giáo và Chế giáo (cũng gọi là Hóa giáo và Hành giáo).

— **Hóa giáo:** nghĩa là ngài dựa theo các kinh luận Đại thừa và Tiểu thừa, trong đó gồm có bốn bộ *A Hàm* v.v... để chú thích pháp môn Định Huệ.

— **Chế giáo:** nghĩa là ngài cũng dựa theo các Luật giáo của Đại thừa và Tiểu thừa, trong đó có *Tứ Phần Luật* v.v... để chú thích pháp môn Giới Học.

Ngày nay, Tông Bộ này tức là Luật Tạng giáo, lấy giới làm tông, thanh bạch giới hạnh, tự lập Định Huệ. Theo Luật sư Đạo Tuyên, trước hết phải hành trì giới luật để cấm chế nghiệp tội bên ngoài và sau đó phát huy Định Huệ để đoạn diệt phiền não bên trong. Ngài chế định giới luật là vì đạo và không phải vì phước đức thế gian. Thánh đạo của ba thừa chỉ lấy giới luật làm căn bản và giới luật là di giáo một thời của đức Như Lai nhằm mục đích phán xét và nhiếp hóa chúng sanh.

Thứ hai, như cơ hội này, Luật sư Đạo Tuyên dung thông cả Đại thừa và Tiểu thừa. Chỉ một bộ Luật Tứ Phần, Huệ Quang cho là Đại thừa, nhưng Pháp Lệ và Huyền Uẩn lại bảo là Tiểu thừa. Riêng Luật sư Đạo Tuyên nói rằng, Giáo Nghĩa của bộ Luật Tứ Phần thì thông cả Đại thừa. Cho nên trong Nghiệp Sở, ngài lập ra năm nghĩa để phân định sự dung thông nói trên...” (tham cứu chú thích 15). Lại nữa, như trong số ngài nói: người thọ giới cốt yếu là đắc Giới Thể. Khi đắc Giới Thể, người thọ giới mới đủ đạo lực để tăng trưởng thiện pháp và để tu

tập Định Huệ. Nhưng Giới Thể đây nếu như không nghe được bằng tai, không thấy được bằng mắt thì rốt ráo nó như thế nào?

Thành Thật Luận của Tiểu thừa nói: Giới Thể là một loại pháp không phải sắc và cũng không phải tâm. Còn *Luận Hữu Bộ* nói: Giới Thể thì thuộc về Vô Biểu Sắc, tức là Thọ Sở Dẫn Sắc trong mười một Sắc Pháp của Duy Thức Luận diễn giải. Nguyên nhân loại Sắc Pháp này không thể chỉ bày, vì mắt không thể nhìn thấy, tai không thể nghe tiếng và nó được phát sanh từ nơi thọ giới, nên gọi là Thọ Sở Dẫn Sắc Giới Thể. Người khi thọ giới, sau bốn lần bạch pháp Yết Ma của đại đức Tăng Chúng thì nhận được một thứ ấn tượng sâu sắc nơi Tâm. Ấn tượng này khi đã thành một thứ tư lương trong tâm liền có năng lực khiến người thọ trì giữ giới không phạm và ấn tượng tư lương đó được gọi là Giới Thể. Người thọ giới một khi phạm giới thì giới thể bị phá hoại. Giới Thể đây thuộc về loại Sắc Pháp, mắt không thể nhìn thấy, tai không thể nghe tiếng và cũng không thể chỉ bày, nên gọi là Vô Biểu Sắc Giới Thể. Ngài Luật sư Đạo Tuyên y cứ nơi Đại thừa Duy Thức Học cho Giới Thể của Thọ Sở Dẫn Sắc nói trên đồng nghĩa với Thọ Huân Trì Chúng của Thức A Lại Da, tức là một thứ chủng tử chân tịnh được tàng trữ trong Thức A Lại Da thứ tám. Nhờ chứa nhóm dần dần chủng tử chân tịnh này, giới thể tiến hành tẩy trừ những điều ác, phát triển những điều thiện và khiến phát sanh hạt giống vô lậu. Qua sự giải thích trên đây, ý nghĩa Chủng Tử của Duy Thức cũng là ý nghĩa Giới Thể của Luật tông và chúng có giá trị rất thâm sâu. Luật tông sở dĩ có sự quan hệ với Duy Thức Học như thế là do tông này được thiết lập đúng lúc thành một thứ tông phái hoàn toàn Đại thừa.

(còn tiếp)

CHÚ GIẢI:

Chú thích 12: thấy trong *Đàn Kinh*.

Chú thích 13: thấy trong *Lăng Già Tông Khảo* và *Tục Cao Tăng Truyện*.

Chú thích 14: thấy trong *Thanh Sử*, chương 11, trang 365.

Chú thích 15: *Trung Quốc Phật Học*, trang 194 nói rằng: “Từ Vĩnh Minh Thọ trở về trước, Thiên tông của Phật giáo Trung Quốc diễn tiến đến Ngũ Gia Tông Phái là hưng khởi tột đỉnh; Pháp Nhãn là tông phái sáng lập sau cùng trong Ngũ Gia mà Vĩnh Minh Thọ là đệ tử truyền thừa thứ ba và cũng là người chót hết của Pháp Nhãn tông. Nguyên vì Thiên dung thông bên Giáo, nghĩa là các vị thiền sư thời bấy giờ đem giáo nghĩa của Luật tông áp dụng vào Thiên Tịnh để tu hành, cho nên môn đồ của họ đều theo Tịnh Độ tông cả. Khi đến Pháp Nhãn tông, Thiên tông bị thất truyền.”

Chú thích 16: *Vĩnh Minh Thọ Thiên Tịnh Tú Khoa Giản Kệ* nói rằng: “Có Thiên mà không Tịnh Độ, mười người thì hết chín người lãng phí thời gian, âm cảnh bỗng nhiên hiện ra trước mặt, nháy mắt bọn họ bị đọa theo âm cảnh kia; không Thiên nhưng có Tịnh Độ, vạn người tu thì vạn người vãng sanh, mặc dù chỉ thấy được Phật A Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ? Có Thiên và có Tịnh Độ, cũng như con cọt mọc thêm sừng, hiện thế là thầy của mọi người, còn tương lai thì làm Phật làm Tổ. Không Thiên và cũng không Tịnh Độ, cũng như nằm trên giường sắt nóng và ôm cột đồng nóng, muôn kiếp và ngàn lần sanh ra, luôn luôn mất hẳn chỗ nương tựa.”

Chú thích 17: Truyền thuyết cho rằng, Đạo Tuyên được người và trời cảm mến đến cúng dường (thấy trong *Thiên Nhân Cảm Thông Lục*).

Chú thích 18: thấy trong *Phật Giáo Các Tông Phái Nguyên Lưu* (thấy trong *Thái Hư Đại Sư Toàn Thư*, trang 805).

Chú thích 19: Năm Đại Bộ:

1. *Hành Sự Sao*, quyển 3.

2. *Giới Sớ*, quyển 4.

3. *Nghiệp Sớ*, quyển 4.

4. *Thích Ni Nghĩa Sao*, quyển 3.

5. *Tỳ Kheo Ni Sao*, quyển 3.

thơ THÚY TRÚC

Xuân Thiên Tự

Sáng mùa xuân chim hót
Hoa nghiêng mặt cười duyên
Nắng vàng vui nhảy nhót
Rung rinh bóng trúc thiền.

Cổng tam quan rộng mở
Tấp nập đông người qua
Khoe sắc xanh vàng đỏ
Phất phơ áo hoa cà.

Ngây thơ vài em bé
Ngơ ngác mắt nhìn quanh
Bâng khuâng cầm tay mẹ
Chân chim bước thật nhanh.

Khói trầm hương nghi ngút
Rực rỡ ánh hào quang
Phật an nhiên thiền tọa
Uy nghi lá cờ vàng.

Nhịp nhàng vang tiếng mõ
Ngân nga chuông nhiệm mầu
Thành tâm con cầu nguyện
Quê hương giải thoát mau.

NHÂN QUẢ BỒ TÁT ĐẠO

Thiện Bửu

Trước khi bước vào Nhân Quả Bồ Tát Đạo, chúng tôi xin lược qua về định nghĩa Bồ Tát (Bodhisattva).

Viết trọn chữ Phạn là Bồ Đề Tát Đỏa. Bồ Đề (*Bodhi*) là Chánh Giác. Tát Đỏa (*Sattva*) là Chúng Sanh, tức là bậc đắc quả Phật nhưng còn làm chúng sanh để độ đời. Bậc đã được tự giác, đắc quả Bồ Đề, song giác tha chưa trọn để lên quả Phật Thế Tôn, nên chuyển phương tiện ra cứu độ chúng sanh. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã trải qua những đời trước làm Bồ Tát, đến đời sau rốt, nơi cõi Bồ Đề mà chứng Phật quả.

Từ xưa đến nay, và hiện thời trong các cõi chớ không riêng gì cõi Ta Bà này, có hàng hà sa số chư vị Bồ Tát đang cứu độ chúng sanh. Có hàng Bồ Tát mới phát tâm, mới vừa thành Bồ Tát, gọi là Tân Phát Ý Bồ Tát. Và có hàng Bồ Tát mạnh mẽ mà tiến tới ngôi Chánh Giác, chẳng hề lui bước, gọi là Bất Thối Chuyển Bồ Tát.

Có Bồ Tát xuất gia, tức là chư vị Chơn Tăng, tổ sư truyền đạo và thuyết pháp giúp đời.

Có Bồ Tát tại gia, tức là các nhà đại từ thiện đứng ra bố thí giúp đỡ chúng sanh và thường trực tích cực hộ trì Tam Bảo.

Cũng có Bồ Tát hiện ở cõi này để giúp ích chúng sanh hoặc theo hầu đức Phật lúc còn tại thế, nhất là những vị Tỳ Kheo Bồ Tát, tuy là Tỳ Kheo La Hán mà có tâm hạnh Bồ Tát.

Ngoài ra, có các Bồ Tát ở các cõi Phật hoặc cõi thiên thượng thường du hành các nơi và đến tham bái chư Phật trong các cõi.

Khi đức Phật thành đạo, có rất nhiều Bồ Tát tại thế và tại gia Bồ Tát theo hầu đức Phật, đồng thời cũng có rất nhiều vị Bồ Tát từ các cõi khác du hành đến viếng đức Phật.

Có những bậc Bồ Tát công hạnh đầy đủ thành Phật, nhưng vì lòng Từ Bi, và Đại Nguyện, nên các Ngài ở trong hàng Bồ Tát để độ chúng sanh. Đây gọi là Bồ Tát Ma Ha Tát, như các Ngài Văn Thù, Quán Thế Âm, Phổ Hiền, Địa Tạng v.v...

Có những Bồ Tát Nhứt Bồ Phật Xứ, tức là những vị Bồ Tát thường hay du hành đến cõi Phật, khi giáng thế đến cõi nào thì làm Phật ở cõi đó. Như ở cõi Tây Phương Cực Lạc của đức Phật A Di Đà thì có rất nhiều vị Bồ Tát Nhứt Bồ Phật Xứ.

Bồ Tát cũng còn là tiếng tôn kính đối với người đại hiếu đại hạnh, dù rằng đương thời người ấy chưa tu hành. Như trong kinh *Địa Tạng*, quỉ Vô Độc xưng người Bà La Môn nữ, đi tìm mẹ ở địa ngục, là Bồ Tát.

Bồ Tát cũng là tiếng gọi người tu học có thọ trì Bồ Tát giới, đây là tiếng nói tắt để gọi Bồ Tát Tỳ Kheo, Bồ Tát Ưu Bà Tắc v.v...

Trong các bài thuyết pháp của đức Phật, Ngài thường nhắc lại những đời trước của mình. Khi Ngài còn làm Bồ Tát, sanh ra nơi nào, thì vẫn luôn luôn tận tâm giúp người giúp đời, thi hành các độ Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Trí Tuệ, Phương Tiện. Đó là Bồ Tát Hạnh.

Trong kinh *Pháp Hoa* có kể công đức của

chư Bồ Tát Ma Ha Tát như sau:

— Các Ngài đều không thối chuyển, đều theo một mục đích là quyết tới quả Phật. Các Ngài có phép Đà La Ni (thần chú). Các Ngài gắn chặt nhờ có Sức Mạnh huyền vi. Các Ngài chuyển bánh xe Pháp đi tới chỗ không hề trở lui. Các Ngài thờ cúng phụng sự không biết bao nhiêu đức Phật không thể kể xiết. Các Ngài từng nẩy sanh cội đức trước mặt cả trăm ngàn đức Phật. Các Ngài từng nghe cả trăm ngàn đức Phật khen tặng mình và hằng tu thân lập thân bằng sự Nhân Từ, Bố Thí. Các Ngài rất thánh thiện trong sự nhập Huệ Phật, thông đạt Đại Trí, suốt thấu Bát Nhã Ba La Mật Đa, và cứu độ hằng hà sa số chúng sanh. Đó là hàng Bồ Tát hạnh.

— Tiếp theo đây chúng tôi xin trình bày về Bồ Tát đạo. Bồ Tát đạo có những giới luật của người muốn tu trì đại hạnh để thành Bồ Tát và thành Phật. Bồ Tát giới khác với Bồ Tát Ưu Bà Tắc giới. Bồ Tát Ưu Bà Tắc giới dành riêng cho người tu tại gia, gồm có 6 giới Trọng và 28 giới Khinh. Còn Bồ Tát giới là Giới Chung của hàng Tứ Chúng là Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di, gồm có 10 giới Trọng và 48 giới Khinh. Các giới nêu trên được ghi rõ trong kinh Phạm Võng tức kinh giảng về Giới Luật Đại Thừa. Bộ kinh này do Ngài Tam Tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập, người đời Dao Tần nước Thiên Trúc dịch.

Ngoài Tam Quy Ngũ Giới, chúng tôi được biết hiện nay có rất đông người trong hàng tại gia chúng ta đã thọ Bồ Tát giới dành cho người tại gia nêu trên. Giới có 3 phần:

— Luật Nghi giới.

— Thiện Pháp giới.

— Nhiều Ích Hữu Tình giới.

— **Luật Nghi giới:** Ngoài Tam Quy Ngũ Giới giữ tròn, còn có thêm 6 giới Trọng và 28 giới Khinh.

— **Thiện Pháp giới:** Phải tu học các thiện

sự thế gian, thiện sự xuất thế gian và các giáo pháp của Phật. Phải tu học tất cả thiện pháp hữu lậu và vô lậu.

Cốt yếu đường tu học là phải học Ngũ Minh, gồm có:

1. Thanh Minh là rõ biết về ngôn ngữ về văn tự.

2. Công Xảo Minh là rõ biết kỹ nghệ, mỹ thuật, toán số, lịch số v.v...

3. Y Phương Minh là rõ biết về phương thuốc trị bệnh.

4. Nhân Sinh Minh là rõ biết phương pháp luận lý học, chánh, tà, chơn, ngụy.

5. Nội Minh là thông hiểu Tam Tạng Kinh Điển Phật.

— **Nhiều Ích Hữu Tình giới:** Phải tu tập cái từ bi tâm đối với chúng sanh, giải trừ chúng sanh hết độc ác, si mê, lầm lỗi, khổ não, tà kiến, và làm chúng sanh hiểu Phật pháp.

Bậc Bồ Tát giác ngộ vẫn luôn luôn áp dụng luật Nhân Quả và phương tiện để hóa độ chúng sanh rất là lý thú tuyệt vời để nhiếp phục và hướng dẫn chúng sanh đi dần đến giác ngộ.

Riêng ở cõi Ta Bà này, chư vị Bồ Tát thấy rõ việc giáo hóa chúng sanh là điều tối thiết, lại vô cùng khó khăn, nhưng các Ngài không hề dừng bước. Thế mà chúng ta đâu có biết rằng, chư vị Bồ Tát hóa thân hằng hà sa số trên cõi Ta Bà này để cứu độ chúng sanh. Thật là đại phước cho chúng sanh cõi Ta Bà.

Từ vô lượng kiếp, chúng sanh đã từ mê say chìm đắm ngũ dục, tham lam sân hận nguýt trời, tâm tánh ương ngạnh cứng cõi ngỗ nghịch rất ư khó dạy. Bây giờ khuyên bảo họ bỏ ngũ dục, dứt tham sân, để thoát khỏi luân hồi trong 3 đường 6 nẻo, ra khỏi nhà lửa Tam Giới, chứng Niết Bàn an lạc, thì không những họ bực bội không tin nghe theo, mà còn ngã mạn biếm nhẽ cười cợt phỉ báng v.v... với tất cả thú tánh phàm phu.

Ngũ dục thế gian vô cùng khủng khiếp ghê

rợn. Ngũ dục có ma lực thu hút chúng sanh, cho nên hễ càng lún sâu vào thì đương nhiên sẽ phải bị đọa vào tam ác đạo. Trong kinh Niết Bàn có đoạn ghi rõ về ngũ dục thế gian: Người mê theo Ngũ Dục tở như kẻ cầm lửa đi ngược gió, như con thú gặm xương khô, như nuôi nhốt con rắn độc, như đước của trong mộng mê, như cây trái ở đầu đường có nhiều người ném chọi, như bọt nước trên sông biển, như dầu vẽ trên mặt nước, như tù nhân bị dất ra chợ thọ hình.

Từ xưa nay, chư Tôn đức Tăng già chân tu đức hạnh muốn nói những giáo pháp cao cả cho chúng ta nghe theo để tin hiểu và thực hành, nếu mà các Ngài không có sức mạnh của tâm nguyện độ sanh thì khó mà thành mãn. Vậy thì sức mạnh kỳ diệu nào đã khiến cho chúng ta tin nghe Bồ Tát giáo hóa? Chắc chắn mỗi người trong chúng ta hiểu rõ.

Một câu chuyện ngày xưa khi đức Phật còn tại thế, xin được kể lại như sau:

— Ông trưởng giả Cấp Cô Độc với cả gia đình đều trọn lòng thừa sự đức Phật và Tăng chúng không hề mệt mỏi. Trong khi đó thì bà già giữ kho của ông Cấp Cô Độc lại không bao giờ muốn nhìn thấy đức Phật. Ông Cấp Cô Độc rất khổ tâm về chuyện này, nên tìm đủ mọi cách để giải thích cho bà hiểu. Bề ngoài thì bà ta dạ dâng vâng, còn trong thâm tâm thì khác.

Đức Phật biết rõ sự việc, Ngài có cách độ cho bà già giữ kho đó. Một hôm đức Phật bảo tôn giả La Hầu La đến độ cho bà. Tôn giả La Hầu La liền vâng lời dạy của đức Phật, đắp y ôm bát đi một mình thẳng đến nhà ông Cấp Cô Độc.

Hôm nay rảnh rỗi công việc nên bà giữ kho ngồi chơi trước sân nhà. Bỗng nhiên bà nhìn ra xa, bà trông thấy dạng tôn giả La Hầu La đang chậm rãi tiến bước vào sân một mình, thì trong lòng bà chợt khởi lên niềm thương mến kỳ lạ. Không kiềm được sự thương mến kỳ lạ đó, bà liền đứng dậy ân cần chạy đến chào hỏi và chấp

tay mời tôn giả La Hầu La vào nhà, hỏi han rồi rít, cúng dường đủ thứ và cứ nhìn tôn giả không chớp mắt. Bà hỏi han hết chuyện này đến chuyện nọ và vì sao tôn giả xuất gia. Tôn giả không trả lời thẳng mà lại ôn tồn nhỏ nhẹ ưu ái thuyết pháp cho bà nghe. Bà ngồi im lặng nghe tôn giả thuyết pháp, bà nghẹn ngào nước mắt và nhìn tôn giả không nháy mắt. Ngay từ đó bà xin quy y Tam Bảo.

Qua sự kiện trên, đức Phật giải thích rằng, trong một đời quá khứ tôn giả La Hầu La từng làm con của bà, một người con tròn đầy hiếu hạnh, luôn luôn tận tụy săn sóc cho bà. Tình thương và ân nghĩa cũ thưở xưa không mất. Nay được gặp lại tôn giả La Hầu La thì lòng thương của bà sống dậy và bà nghe lời giáo hóa của tôn giả.

Như vậy, chúng ta thấy TÌNH THƯƠNG và ÂN NGHĨA là sức mạnh nhiệm mầu của Bồ Tát giáo hóa chúng sanh. Chúng ta thấy rõ trên cõi đời này người ta chỉ nghe lời và làm theo khi đã thọ ân và thương mến trong đức hạnh thiện lạc vô cùng cao quý. Quán triệt tâm địa của chúng sanh, nên chư Bồ Tát áp dụng theo phương cách đó. Chư Bồ Tát luôn luôn ban ân, trải rộng lòng từ đến tất cả muôn loài trong vô lượng kiếp.

Đức Phật dạy Tứ Nhiếp Pháp là phương tiện tuyệt hảo để chư Bồ Tát gieo ân nghĩa, gieo tình thương đối với muôn loài chúng sanh.

Tứ Nhiếp Pháp là:

— *Bố Thí* (tức là Ân Nghĩa): ban cho tài vật và năng lực.

— *Ái Ngữ* (tức là Tình Thương): Nói lời dịu dàng.

— *Lợi Hành* (tức là Ân Nghĩa): Làm lợi cho người.

— *Đồng Sự* (tức là Tình Thương): Gần gũi hòa mình với người.

Khi chúng sanh đã chịu Ân và Thương Quý rồi, thì chư Bồ Tát liền tùy theo căn cơ của mỗi chúng sanh mà thuyết pháp cho họ. Thông

thường chúng sanh còn sơ cơ thì đầu tiên là Tam Quy Ngũ Giới, tiếp đến có thể nghe được Thập Thiện rồi đến Nhân Quả thế gian. Có được như thế cũng đủ khiến cho họ vui bớt khổ đau phiền não, rồi từ đó họ tiến bước tu học. Trong Thập Thiện có những lời dạy như:

— Đừng phê phán ai để không ai phê phán mình.

— Để con đem yêu thương vào nơi oán thù.

Dem thứ tha vào nơi lạng nhục.

Dem an hòa vào nơi tranh chấp.

Dem chân lý vào chốn lỗi lầm.

— Để con rọi ánh sáng vào nơi tối tăm.

Dem an ủi đến chốn u sầu.

Bởi vì “chính khi tha thứ là khi được thứ tha. Chính lúc quên mình là lúc tìm lại bản thân. Chính khi hiến dâng là khi được nhận lãnh. Chính lúc chết đi là khi vui sống muôn đời...”

Tất cả như trên đều khiến chúng sanh trở nên cao thượng.

Đến một lúc mà Ân Nghĩa và Tình Thương đã ban phát trải rộng, thì Bồ Tát sẽ có đủ phước thị hiện vào ngôi quốc vương. Ở cương vị quốc vương trong Hạnh Bồ Tát, được toàn dân kính mến tuân phục, Bồ Tát sẽ giáo hóa đạo lý thập thiện rộng sâu hơn.

Vì biết rõ chúng sanh vốn ưa chuộng hình thức, kính trọng những ai có dung nghi rực rỡ đẹp đẽ, giọng nói thanh tao trầm ấm vang xa, cho nên chư Bồ Tát phải tự trang nghiêm thân thể ngõ hầu cho dễ gần gũi giáo hóa chúng sanh. Từ đó, chư Bồ Tát sẽ làm các công đức tôn kính chư Phật, đắp vẽ hình tượng Phật, tán thán ca ngợi oai nghi chư Phật v.v... Như thế, khi hiện thân ở cõi đời này, Bồ Tát có dung mạo kỳ tuyệt rạng rỡ như ánh trăng rằm thu hút chúng sanh vừa trông thấy là cảm mến ngay.

Bồ Tát thường ủng hộ chư Phật để giáo hóa, duy trì và phát triển giáo lý chư Phật đã tuyên thuyết, cúng dường xây dựng các Pháp Hội của chư Phật và quả báo là sẽ trở lại, thị hiện để

giáo hóa chúng sanh.

Bồ Tát thường trực cúng dường chư Phật, ban phát giúp đỡ chúng sanh, nên khi thị hiện vào sanh tử thì Bồ Tát luôn được sung mãn tài vật. Vì thế, nên muốn thực hiện bất cứ công đức gì đều liền có đủ thuận duyên tụ hội. Cũng do công đức giáo hóa làm lợi ích chúng sanh nhiều kiếp, nên Bồ Tát cảm quả báo thành tựu trí tuệ thần lực quảng đại bất khả tư nghì. Đại Bồ Tát vận dụng phương tiện thù thắng để giáo hóa chúng sanh hơn lúc đầu mới vào quả vị Bồ Tát. Thiên nhãn của Đại Bồ Tát thấy suốt nhiều cõi nước xa xôi, không riêng gì cõi thế gian này.

Chư vị Đại Bồ Tát có thể hóa vô số thân hình vào các loại chúng sanh, vào các cõi nước khác biệt, để hóa độ chúng sanh. Đang khi hóa thân làm Thiên chủ thì chư vị vẫn đang có thân ở cõi người, có thân ở các loại thú, có thân ở các Pháp Hội chư Phật mười phương. Bản thể của chư vị Đại Bồ Tát đã tương đồng với Phật, nhưng chỉ có công hạnh, phước đức, trí tuệ, thần lực diệu dụng, thì chưa thành tựu viên mãn mà còn phải qua vô số kiếp Bồ Tát độ sinh, tiến đến Thập Địa, đẳng giác thì viên mãn, để rồi tùy nguyện bổ xứ thành Phật.

Lắm khi để gieo duyên với xóm làng nào đó, chư vị Bồ Tát đắp sửa con đường hư hỏng của xóm làng, tu bổ lại chiếc cầu bị gãy mục, tu sửa trường học, xây cất hay tu bổ một ngôi chùa, hay thiết lập hệ thống dẫn thủy nhập điền v.v... Phương tiện truyền bá giáo lý là môi trường kết duyên sâu rộng của các chư Bồ Tát đối với chúng sanh ở bất cứ nơi nào.

(Còn tiếp)



HOW I FOUND THE BUDDHIST PATH

Gary McMillen

Nam Mô A Di Đà Phật,

In the summer of 1994 I was coaching a 13-year-old Babe Ruth baseball team. We had won the local district and state championships in Louisiana and had travelled to Arkansas for the Southwest Regional playoffs. The competition between the teams (Texas, Arkansas, Oklahoma, Louisiana and New Mexico) was very intense. I was not accustomed to this level of play. After two games I noticed I was becoming very nervous, irritable and easily angered.

I was staying in a motel room. One morning I decided to take the rental car out into the countryside. I had a strong feeling or need to get away from the competitive environment and find a peaceful or quiet spot where I could relax and get my mind off of the thoughts about winning and losing.

After about a half-hour of driving, I became lost. I was worried that I would not be able to find my way back to the motel. I stopped the car outside of a strange looking house or building. There were bright colored flags or banners on the porch and an old man cutting the grass. I got out of the car and went up to ask him for directions. The old man was Vietnamese and spoke only a few words of English. After a few awkward moments of looking at each other, he invited me into the house.

It was actually a Buddhist temple. Suddenly, despite the strange surroundings and conditions, I felt as if I had come home.

The old *mán* introduced me to a very small woman dressed in a gray robe. She had a wonderful smile that seemed to reach into my heart and eyes that sparkled with life. Motioning politely with her hands, she led me through some curtains into a main room and directed me to sit on a blanket and cushion. She positioned me in front of a shrine and Buddha statue. Somehow, I understood that I was to do meditation. She lit incense and then walked out, leaving me alone. I was amazed at how such a small, quiet woman could be so direct and powerful.

During meditation, my mind became very calm and settled. Before this particular moment I had no religious background or interest. But sitting there on the cushion, I could feel some natural affinity to the silent Buddha.

Then I heard the soft sound of a bell. I arose out of the meditation and followed the teacher into the kitchen. It was like I was under her leadership and authority but it was not about control. She invited me to share a vegetarian lunch she had prepared. I had never seen anyone eat with such mindfulness in my life. We tried to talk but we ended up just laughing at each attempt to communicate. Despite the barrier of different languages, I knew that I was in the presence of an enlightened teacher.

Finally, it was time for me to go back to the world. I was filled with a sadness and reluctance to leave the temple. I said "goodbye" and walked out the side door into a little parking lot.

As I walked to the car one of the strangest events in my life took place. I could smell perfume in the air. I thought the aroma was coming from a tree so I walked over to the tree. But it was not coming from the tree. It was a light, sweet smell that filled my nostrils wherever I walked. Suddenly, I had the clearest, brightest thought. It was so clear and bright that it was like a voice in my head. The voice said, “There are no defilements.”

You must understand that the word “defilement” was not in my vocabulary at the time. I had no previous knowledge of Dharma words or concepts. I knew what the word “defilement” meant but it was not a word I would ever think to use in everyday conversation or writing.

“There are no defilements,” the words kept ringing in my ears as I drove back to the motel. In fact, the whole experience of the temple and the teacher stayed in my mind for several weeks. When the baseball season finished (we went to the World Series and lost) I wrote a letter to the temple address, asking if I could return.

After a few months of correspondence, I bought a plane ticket to Arkansas and, with some other Vietnamese Buddhist, took refuge in The Three Jewels, vowed to observe the Five Pure Precepts and humbly requested the advice and guidance of the nun as my teacher. ■

Giới thiệu sách mới:

** Muốn thấu rõ pháp môn tu Thiền và Tịnh độ quan trọng như thế nào, nên đọc “Thiền Tịnh Quyết Nghi” của Hòa Thượng Thích Trí Tịnh.*

** Để có nhận định sáng suốt về tình đời lẽ đạo theo tinh thần Phật Pháp, nên đọc “Giọt Lệ Như Sương” của nữ sĩ Diệu Nga.*

Xin liên lạc PHV Quốc Tế: (818) 893-5317

SUY GÃM

Tâm Viên

Ngày 31 tháng 10 năm 1997 vừa qua, bạo quyền Hà Nội tuyên án anh Nguyễn Hội (pháp danh Tâm Thiện) 5 năm tù với tội “sao chép, lưu hành, tàng trữ những tài liệu phản cách mạng” vì “tham gia Phong Trào Vận Động Khôi Phục GHPGVNTN.”

Ngày anh bị bắt từ 2 năm trước, nghĩa là anh đã bị nhốt giam đã 2 năm nhưng ít ai biết tới, cũng có nghĩa là, trong lao tù Cộng sản còn bao nhiêu Phật tử chưa “được tuyên án” nên ít ai biết tới chỉ vì tâm niệm hộ trì chánh pháp?

Trộm nghĩ, chúng ta hiện tại có may mắn học hiểu, tu hành Phật pháp đều thọ ơn gần nhất từ tất cả Phật giáo đồ Việt Nam cả Tăng lẫn Cư sĩ hữu danh và vô danh đã và đang hy sinh nội thân, ngoại vật hộ trì chánh pháp từ thời Ngô Đình Diệm tới nay.

Suốt 9 năm làm tổng thống, ông Ngô Đình Diệm không những chỉ tiếp nối “sứ mạng” triệt để nâng đỡ Thiên Chúa giáo và dìm dập Phật giáo của Thực dân Pháp mà còn hăng say hơn, ông ta đã đàn áp, khủng bố, bắt bớ Phật giáo đồ một cách có kế hoạch quy mô tại các tỉnh miền Trung và Cao nguyên...

Cho tới ngày 6/5/1963 tức mùa Phật Đản PL. 2507, ông ta lại ra thông điệp số 9195 “cấm treo cờ Phật giáo” để chiều hôm sau, cảnh sát thành Huế thi hành nhiệm vụ triệt hạ cờ Phật giáo đã treo khắp phố nhân ngày Phật Đản, bắt đầu trắng trợn dùng bạo lực tiêu diệt Phật giáo.

Và từ đó, cuộc “tranh đấu bất bạo động” vận động cho “**Tôn giáo bình đẳng trong khuôn khổ của lý tưởng công bình xã hội**” của đạo Phật Việt Nam cũng bắt đầu đến đúng 6 tháng sau thì chấm dứt để ít lâu sau, tất cả người Phật tử Việt Nam đều đồng ý dùng danh nghĩa GHPGVNTN đại diện cho đạo Phật Việt Nam.

Những dữ kiện tóm lược này không làm tiền đề để phân tích xem có phải ông Diệm tự muốn đàn áp Phật giáo hay chỉ là kẻ ra mặt thừa hành mệnh lệnh của ai, cũng không dùng kết tội chính ông Diệm đã vun bồi những chia rẽ dân tộc ngày càng trầm trọng để có lợi cho những người Cộng sản đương thời và sau này mà mục đích nói với tất cả người Phật tử chúng ta cùng sách tấn lẫn nhau, cùng biết rằng ngôi nhà đạo Phật Việt Nam được xây dựng bằng những hy sinh bởi Từ Bi và Trí Tuệ, rằng GHPGVNTN đích thực là đại diện của đạo Phật Việt Nam truyền thống, rằng tâm niệm hộ trì Chánh Pháp lúc nào cũng sẵn sàng hóa thành hành động tự phát để báo đáp phần nào sự hy sinh của đạo Phật cho dân tộc Việt.

Sau tháng 4/1975, không những chỉ Phật giáo mà tất cả các tôn giáo đều bị đàn áp ngày càng tinh xảo, các giáo hội thừa sai được Cộng sản thành lập và chỉ đạo làm công cụ tiêu diệt các tôn giáo có mặt trên đất Việt mà trong đó, Phật giáo là nạn nhân đầu tiên và bị thảm nhất, bởi lẽ rất giản đơn, đạo Phật Việt Nam không bao giờ chấp nhận đường lối phi dân tộc, mất tự do và không bình đẳng của bất cứ thế lực nào, bất cứ thời đại nào, nên những Thông Điệp Ý Thức Về Nguồn Xuân Tân Hợi 1971 của Viện Tăng Thống GHPGVNTN hay Thông Tư 150 ngày 22 tháng 1 năm 1975 của Viện Hóa Đạo GHPGVNTN đều như những khước từ Chủ Nghĩa Cộng Sản vô luân, làm nơi nương tựa khởi đầu cho công cuộc đấu tranh tư tưởng của toàn dân Việt dưới ách bạo tàn.

Qua 9 năm ông Diệm độc tài, trên 20 năm

Cộng sản cai trị, bao nhiêu thân mạng, tài sản, máu và nước mắt Phật giáo đồ Việt Nam đã hao tổn? Những chi tiết được phơi bày trên báo chí được bao nhiêu so với đa phần sự hy sinh âm thầm lặng lẽ chẳng ai hay?

Anh Hội bị nhốt tù vì trong người có mang giữ khá nhiều tài liệu “Vận Động Khôi Phục GHPGVNTN” mà Cộng sản Việt Nam gọi là “phản cách mạng.” Thế nào là cách mạng? Nếu bỏ điều xấu, thực hiện điều tốt là cách mạng thì đạo Phật Việt Nam từng tô thắm dòng sử Việt nên cần phá bỏ? Vì đạo Phật Việt Nam không bao giờ chấp nhận những thế lực độc tàn phản dân hại nước nên bị gọi là “phản cách mạng?”

Qua vụ án anh Hội, bạo quyền Hà Nội một lần nữa nhắc nhở tất cả người Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước ý thức rằng, còn có rất nhiều Phật tử đã và đang can trường âm thầm lặng lẽ hy sinh Hộ Trì Chánh Pháp để phá hủy những bất công, cùm gông, nô lệ, độc tàn cho một Việt Nam an lạc.

Chúng ta nghĩ gì để khỏi phụ ơn?

*Kính anh Tâm Thiện và
kỷ niệm ngày 01 tháng 11*

Trăng khuyết

*Một vầng trăng khuyết
Ba sao điểm trời
Ôi... thật tuyệt vời
Không lời... Không ý
"Trăng" là ngọc quý
Sáng tỏ từ quang
Dây ánh đạo vàng
Sáng soi muôn cõi*

NGÔ HÙNG

NGHĨ VỀ TU HÀNH TRONG ĐẠO PHẬT

Bác-sĩ Trần-Xuân-Ninh

Đạo Phật lần đầu tiên đến với tôi lúc còn nhỏ bằng tiếng chuông ngân của chùa làng và tiếng mõ đều đều cùng với tiếng tụng kinh của sư cụ mỗi khi tôi được về quê chơi. Những âm thanh này không làm xáo trộn sự tịch mịch của làng quê, mà chỉ để trong tôi một ấn tượng mang mang, dễ chịu như tiếng gà gáy trưa hay tiếng cối xay lúa. Ở tỉnh, tôi được cho vào gia đình Phật tử. Nói cho đúng hơn là bị vào gia đình Phật tử, vì tôi không thích. Tôi không thích mặc đồng phục. Tôi không thích loay hoay giữa đám đông không quen biết. Tôi không thích xếp hàng, ngừng chơi, đi ăn, đi ngủ... theo tiếng còi. Tôi không thích học buộc nút mà tôi cho là vô bổ. Tôi không thích đi tìm “kho tàng” theo những chỉ dẫn giấu góc này xó nọ vân vân... mà rốt cuộc chẳng thấy gì đáng gọi là kho tàng. Nghe kể về cuộc đời tu hành của Thái-tử Tất-Đạt-Đa thì tôi có thích, như là thích một câu chuyện hấp dẫn, là lạ. Nhưng không cảm thấy sinh lão bệnh tử là khổ. Đầu óc trẻ thơ của tôi lúc đó không thấy sống là khổ, mà chỉ thấy

khổ khi đang chơi mà bị bắt đi học bài, đang ngủ bị đánh thức dậy đi học. Không thấy già là khổ, vì tôi không thấy ông bà tôi có gì khổ. Không thấy bệnh là khổ, mà chỉ thấy đau răng có khổ nhưng rồi đau cũng hết. Cũng không biết người chết khổ như thế nào. Đạo Phật đối với tôi lúc đó thật xa vời, vì lẽ tôi chưa thực sự sống và hiểu cuộc đời. Lớn lên, dần dà mới nhận ra cuộc đời là bể khổ. Một là từ soi rọi cá nhân : Mỗi ngày tháng trải qua là lại thêm được điều kiện hóa với những đòi hỏi và lời cuốn của đời sống mà chỉ có rất ít điều được thỏa. Hai là vì nhìn chung quanh thấy sự thay đổi với thời gian và không gian của những người mình biết, trong hướng chìm sâu vào khổ não, trói buộc. Những khổ nạn đơn giản ở một thời gian này và không gian này được giải quyết, tưởng là đã có sung sướng, thì lại có những khổ nạn mới tràn lên, giáng búa, biểu hiện bằng những lo lắng mới, những đổ vỡ mới. Tôi còn nhớ khi còn ở Việt-Nam, mối lo của nhiều người đơn giản chỉ làm sao cho có đủ ăn no và có chỗ ở. Khi sang đến

Mỹ, có đủ ăn, có chỗ ở, đường xá tráng nhựa không phải bùn lầy, mà nổi khổ, nổi lo dường như chỉ có tăng lên chúng không giảm đối với nhiều người. Nhưng đạo Phật đối với tôi vẫn là “không thực tế”, là “tiêu cực”. Thực vậy, khi một con người bình thường còn sống đời sống bình thường thì khó thể chấp nhận tu hành theo một đạo mà sự hiểu biết chung và đơn giản là kêu gọi giải thoát ra khỏi cuộc đời. Nói khác đi, dưới nhãn quan này thì tu hành là mức chót không thể làm gì khác hơn đối với người thường, vì phải bỏ tất cả. Thí dụ như câu “xuất gia đầu Phật”, tức là bỏ nhà theo Phật. Hay là những trường hợp vì thất bại trong tình yêu hoặc trong cuộc đời sự nghiệp đến độ tuyệt vọng mà đi tu được tô vẽ trong truyện hay trong tưởng tích.

Cùng với sự trưởng thành, tôi được nghe thêm về sự tu hành trong đạo Phật, qua câu “Thứ nhất là tu tại gia, thứ nhì tại chợ, thứ ba tại chùa”. Một cách cụ thể, tu tại gia là có bàn thờ Phật tại nhà sớm chiều tụng kinh gõ mõ, ăn chay nhiều ít tùy theo tâm nguyện. Tu tại gia cũng có thể là hàng ngày ngồi thiền. Tu chợ không biết biểu hiện ra ngoài thế nào. Tu chùa thì ai cũng biết. Vì lý do gì mà lại có sự xếp hạng nhất nhì ba như trên thì có lẽ không có mấy lời giải thích rõ ràng.

Không xét về thứ hạng thì câu trên có thể cho thấy rằng với người Việt ít ra là có ba cách tu theo đạo Phật. Tôi nói ít ra, vì tục ngữ ta còn có câu “Ăn mặn nói ngay còn hơn ăn chay nói dối”. Phải chăng câu này hàm ý chỉ rằng còn một cách tu khác, dầu là ăn mặn? Câu hỏi này đặt ra có lẽ không phải là hàm hồ quá đáng, nếu ta biết rằng các vị Tăng sĩ theo phái Tiểu-thừa, khát thực, được chúng sanh cho gì ăn nấy. Mặt khác, còn có một phái Phật giáo Tây-Tạng, mà tu sĩ lấy vợ. Một trong những vị lãnh đạo phái này hiện nay là Lạt-Ma Chaglod Tulku Rimpoche sang Mỹ năm 1979, trở thành công dân Mỹ, lấy vợ Mỹ mà năm 1988, trụ sở chính của giáo phái được dựng lên ở núi Trinity Mountain, bắc California, với 284 mẫu đất. Chagdud Tulku được tin là kiếp luân hồi thứ 16 của vị Tổ sư sáng lập giáo phái năm 1131. Tự viện đầu tiên Chagdud Gompa của giáo phái này ở miền đông Tây-Tạng vẫn còn, sau cuộc xâm lăng của Trung-cộng. Đạo Phật vốn được coi là đạo chay tịnh, thế mà lại có giáo phái lấy vợ, ăn thịt, không phải bắt đầu ở thời nay theo thói Tây-phương vật chất, mà tự lâu đời. Phải chăng là chuyện trái thường?

Cuộc đời tự thân là đa dạng, rất khác biệt nhau, kể ở rừng sâu núi thẳm lạc hậu, người ở chốn thị thành văn

minh. Cùng là mục đích đi làm kiếm sống, người thì đi bộ, leo núi chặt cây săn thú, người thì đi xe bò, xe ngựa, lại có người đi xe hơi phóng vù vù trên xa lộ để tới chỗ làm. Cái khổ, cái đói giống nhau, mà cách giải quyết có khác nhau. Cái mệt vì việc làm giống nhau, nhưng cái giải quyết cũng khác nhau : Người thì nằm trên cỏ hay ngồi dưới gốc cây nghỉ, uống bát nước trà nóng ; người thì phải đi vào spa, vào bar sau giờ làm, hay là chờ cuối tuần “go out” để “relax”. Từ mỗi góc đời chủ quan không thể nói cái sướng của người trong rừng khi đói mà có cơm nếp hay săn lù là không bằng cái sướng của người thành phố ăn sườn nướng hay bít tết (steak). Trong đời sống tâm linh, mỗi người cũng khởi hành từ những điểm khác nhau, với những hành trang tri thức, giáo dục, thói tục, v.v... riêng biệt. Vì thế, nghĩ cho hợp lý thì con đường tìm đạo, theo đạo, không phải chỉ có một. Phải chăng điều này giải thích con số trên tám vạn bốn ngàn pháp môn nói trong kinh sách Phật giáo ?

Trong mạch suy nghĩ trên thì tu hành có thể ở nhà (tu tại gia), ở chốn công cộng đông người (tu chợ), hay là dứt bỏ đời thường (tu chùa). Tu hành có thể theo cách này hay cách khác, ngay giữa thành thị hay ở nơi sơn lâm hẻo lánh, vì thế mới có nhiều pháp môn mà

pháp môn Chagdud Tulku là một. Ở đây không bàn đến đúng sai của các pháp môn vì ra ngoài phạm vi của đề tài. Nhưng muốn đánh giá thì chỉ có thể dựa trên một điều là có hay không đạt được thân tâm an lạc. Trạng thái này tuy là chủ quan, nhưng nếu thật sự có an lạc trong lòng thì nó cũng biểu lộ ra ngoài qua tư thái, hành động. Nếu mỗi ngày mỗi phút mà có thể hành xử như lời Phật dạy, an nhiên tự tại, thì ở đâu cũng là bậc đại giác, bởi không khác gì Phật. Có thể vì lẽ đó mà Phật đã nói “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành”. Nếu trong ngày, trong đời có nhiều lúc thần trí thanh thoi, tác phong phản ứng dung dị vì không bị lôi kéo sa đà trong cảm quan, thì cũng đủ trở thành gương mẫu cho chúng sanh noi theo, như những bậc đại Tăng danh tiếng xưa nay.

Nhìn như vậy, thì tu hành không nhất thiết đồng nghĩa với xuất gia, lánh bỏ cuộc đời. Tương tự như vậy, nghĩ đạo Phật chủ trương giải thoát khỏi cuộc đời thì đúng, nhưng có lẽ đúng hơn nếu bảo rằng bản chất đạo Phật là đạo giải thoát khổ nạn. Ra khỏi cuộc đời như những Tăng sĩ chỉ là một phương cách tu hành, mà ra khỏi vĩnh viễn cuộc đời trầm luân khổ ải, thoát khỏi vòng luân hồi là tuyệt đỉnh của tu hành, là thời điểm đức Phật Thích-Ca

giác ngộ. Vì không thấy sự khác biệt này, chỉ nghĩ rằng lánh bỏ cuộc đời là điều kiện tối hậu cho nên những người chưa dứt bỏ được đời thường trong đó có tôi đã nghĩ rằng đạo Phật là tiêu cực. Tu hành vì thế là một tiến trình áp dụng những lời Phật dạy mà mỗi người muốn thoát khổ phải tự thực hiện, từ những điểm khởi hành và khung cảnh khác nhau tùy từng cá nhân. Trong tiến trình này, mỗi phút giây theo được lời Phật dạy là một phút giây giải thoát khổ nạn. Những điều Phật dạy tuy là những chân lý không thể thách đố chối cãi, nhưng sự áp dụng không phải dễ dàng đối với đa số chúng sanh mê lầm. Vì thế, mới cần vai trò của những Tăng sĩ, vừa như là những gương mẫu nhờ công phu tu tập thể hiện ra ngoài bằng tác phong tư thái, vừa như là biểu tượng ở một chừng mực nào đó của trí huệ giác ngộ để làm chỗ dựa và là người dẫn dắt giải khổ cho đa số chúng sanh yếu đuối với những biện pháp tu hành thích hợp.

Đối với nhiều người, tu hành chỉ gồm có việc chuyên chú tụng kinh niệm Phật, ngay cả việc niệm những chú âm thanh lạ tai mà không hiểu ý nghĩa. Có thể là những người quen với tính duy lý của khoa học Tây-phương cho rằng việc làm này vô lý vô bổ. Nếu không muốn nói là mang tính “mê tín”

và “thấp kém”. Lối nghĩ này, thực sự là chủ quan và nhỏ hẹp. Cho dù rằng người tụng kinh là ít học, không hiểu những ý nghĩa cao siêu của giáo lý nhà Phật. Cho dù rằng người tụng kinh nghĩ đơn sơ là chỉ cần tụng kinh niệm Phật thật nhiều là được giác ngộ hay được cứu khổ. Thì những người này trong lúc lảng lnh vào việc đọc kinh, tự nhủ làm lành lánh dữ để được Phật độ, đã thực sự có những phút giây an ổn, chưa kể đến những cứu độ huyền bí không ai có thể quả quyết chứng minh là không có. Tôi đã được gặp lại những người mà trước kia tôi không bao giờ tưởng tượng là lại có thể mặc áo xám và ăn trường chay. Tôi đã nghĩ rằng sau những thăng trầm của cuộc đời, những người này chán đời đi tu. Có dịp tìm hiểu mới thấy rằng họ đã quyết định vì đã chứng nghiệm hiệu quả của những lời tụng niệm trong những lúc hiểm nghèo tuyệt vọng. Họ tìm lại được sự yên ổn trong lúc tuyệt vọng, và họ thoát hiểm, sống sót. Họ vẫn sống đời bình thường, nhưng đã trở thành Phật tử, tin tưởng ở tụng kinh niệm Phật. Kể ra những trường hợp này, tôi không nhằm đưa ra chứng cứ là phép Phật nhiệm mầu. Mà chỉ muốn nói rằng hiệu lực Phật Pháp là do thực nghiệm bản thân. Đối với người thường, không suy nghĩ sâu xa, thì tụng kinh niệm Phật, đi chùa, tin

tưởng ở phép mầu cứu khổ cứu nạn dù phần nào tạo sự yên ổn tâm hồn, nếu không thường trực thì cũng ở những lúc tụng kinh, lúc làm công quả. Đối với những người khác, thì tìm hiểu ý nghĩa đạo Phật và áp dụng vào những cung cách ứng xử thường ngày là một cách giải thoát các áp lực đời sống. Matthieu Ricard, người Pháp, nguyên là một tiến sĩ sinh học phân tử xuất sắc ở viện Pasteur Paris năm 26 tuổi đi tìm hiểu Phật-giáo Tây-Tạng và đã cảm được sự thanh tịnh thân tâm thoát ra từ Đại-sư Kamgyour Rimpoche sau ba tuần sống cạnh vị Lạt-Ma này tại Bhoutan mà quyết chí bỏ đời thường để đi tu.

Thực sự theo Phật giáo, tức là tu hành. Những người chỉ phân tích tìm hiểu Phật giáo dưới phương pháp luận Tây-phương, vì bỏ qua phần chính của Phật-giáo là tu hành bản thân thực nghiệm, nên đã đặt câu hỏi Phật-giáo là triết học hay là tôn giáo. Dù là chỉ đơn thuần do tin tưởng mà tụng niệm, hay do duy lý tìm hiểu Phật Pháp mà áp dụng, hay do tìm ra một gương mầu thanh tịnh ở một Đại-sư mà noi theo, thì kết quả vẫn là qua những ngã này con người dần dần gỡ ra được những cảm quan hỗn tạp sinh khổ. Mức độ giải thoát khổ nạn tùy theo mỗi người, và đây chính là nét tích cực nhất của Phật-giáo./.

Quay Về

Vô lượng kiếp kiếp lai
Vô minh vào sáu cõi
Quanh quẩn trong luân hồi
Trùng trùng duyên nghiệp khởi
Giao điểm ở thiên căn
Duyên lành được gặp Phật
Nhờ còn chút Ba-la
Quay về tâm tịnh thức
Thấy lại thân phận mình
Tặng thân mặc áo pháp
Từng bước diệt tham sân
Lấy cam lồ tịnh thủy
Trải lòng xin sám hối
Tước bảo điện tâm con
Điều ác thể dứt bỏ
Nguyên làm các việc lành
Thân tâm con vào tịnh
Thường Minh trí nở hoa
Trường tồn niềm an lạc
Túc Minh cảnh Bồ-đề
Chơn như tâm bất động
Tự tại bước thông dong
Trần ai không vươn bận
Phật tánh đã viên thành.

Đức Hạnh

*Ngày đầu xuân
đi hành hương*

NÚI SAM

CỦA

VÙNG THẮT SƠN

*Nhân mùa Xuân Di Lạc, kính tặng Phật tử độc giả tạp chí
Phật Giáo Hải Ngoại.....PHẠM THẮNG Canada*

Mỗi năm vào độ xuân về, rất đông thiện nam tín nữ từ khắp các tỉnh Miền Nam đổ về Châu Đốc bằng mọi phương tiện để viếng cảnh núi Sam, và hành hương chùa Tây An nơi mà cách đây 142 năm, vị Giáo Tổ một tông phái Phật giáo, được dân chúng miền Nam tôn xưng là Đức Phật Thầy trụ trì, cùng các ngôi cổ tự danh tiếng cũng như Điện Bà Chúa Xứ Châu Đốc.

Theo các nhà địa lý học, núi Sam trước kia là hòn (cù lao) nằm trong vịnh Thái Lan cũng như núi Đá Dung, núi Thạch Động chung quanh là biển, về sau đất phù sa bồi dần đã nối liền hòn Sam, núi Đá Dung, núi Thạch Động với vùng Thủy Chân Lạp của Cao Miên mà sau này họ đem dâng hiến chúa Nguyễn để bây giờ trở thành miền Tây Nam nước Việt.

Núi Sam nằm theo hướng Tây Bắc- Đông Nam, cách tỉnh lỵ Châu Đốc 5 cây số, chắn ngang tỉnh lộ số 10 chạy dài đến tận biên giới Việt Miên và nằm cạnh biên giới này 17 cây số. Núi choán một diện tích rộng lớn hơn 4 cây số vuông, quanh chân núi có con đường chạy giáp vòng dài hơn 10 cây số.

Từ phía kinh Vĩnh Tế nhìn lại người ta thấy núi in trên nền trời giống như con sam với chiếc mai úp xuống và cái đuôi là ngọn núi nhỏ sau núi Sam, hướng về phía Nhà Bàng.

Cũng như các núi của Thất sơn như núi Cấm, núi Két, núi Dài, núi Tượng, núi Cô Tô, núi Bà Đội Om, mỗi tên núi là hình dung của núi đó qua sự nhận xét của dân địa phương ngày xưa : núi Két có mỏm đá cao giống như mỏ con chim, núi Dài vì nó dài hơn các núi khác, nằm dài cả góc chặn trời, núi Tượng giống con voi thô kệch nằm ngủ, núi Bà Đội om giống như người đàn bà đội cái nồi tròn, núi Cấm vì bị cấm lên núi săn bắn, chặt cây, vì cheo leo nguy hiểm, nhưng nguyên nhân chính vì các vị tiên bối chống Pháp thường ở trên núi này để qui tụ.

Dù tên nôm na gọi theo hình dáng nhưng vì các thế núi rất hùng vĩ nên có tên trong sách rất hay : núi Cấm là Bạch Hồ sơn, núi Dài: Ngọa Long sơn, núi Két : Ô Tước sơn, núi Tượng : Kỳ Lân sơn, núi Cô Tô : Phụng Hoàng sơn và núi Sam có tên là Vĩnh Tế sơn do Vua Minh Mạng đặt sau khi công tác đào kinh xong vào năm 1824 để tuyên dương công trạng phu nhân của Thống chế Nguyễn Văn Thoại, Trấn thủ Châu Đốc, Bảo hộ Cao Miên (tức Thoại Ngọc Hầu). Bà tên Châu thị Tế đã hết lòng giúp đỡ chồng, ủy lạo dân phu, trong lúc đào kinh.

Núi Sam dù không cao so với các núi khác của Thất sơn, nhưng với độ cao 237m cũng đủ làm mệt, lúng búng hơi tai những khách đàng sơn.

Muốn lên đỉnh núi nơi ngày trước có xây một pháo đài quan sát có 3 đường dễ lên nhất. Hai đường bên phía đầu bờ (địa danh do dân địa phương gọi nơi tiếp giáp đường tỉnh lộ số 10 từ chợ Châu Đốc chạy vào với đường vòng núi nơi cửa tam quan Tây An cổ tự, và một đường phía chợ Bến Đá, phía sau núi, nơi đường tỉnh lộ chạy vào Nhà Bàng.

Đường lên núi phía này gọi là đường quan rộng rãi dễ đi nhưng phải lên vòng xa hơn. Đường quan trước đây do quân lính đàng cựu dọn dẹp quang đảng để cho đoàn lính lên núi dễ dàng canh gác trong một pháo đài xây dựng sơ sài trên đỉnh để trông chừng giặc Xiêm hay Miên sang xâm lấn. Sau này nhà đương cuộc Pháp của tỉnh Châu Đốc cho xây dựng rộng rãi một pháo đài hai tầng bằng gạch kiên cố để làm nơi nghỉ mát

an dưỡng, nên mới có tên là đường quan (hay quan lộ?)

Con đường được phá rộng nên xe hơi chạy lên đến đỉnh dễ dàng. Sau năm 1945, đường quan bị bỏ hoang phế, cây cỏ, đá lăn bít nhiều nơi, chỉ có người bên chợ Bến Đá sử dụng, du khách viếng núi đều leo lên đỉnh bằng hai đường bên phía đầu bờ, phía sau chùa Tây An, vừa gần vừa vui hơn.

Chúng ta hãy theo chân du khách.

Đến núi Sam, các loại xe đều dừng lại ở đầu bờ để du khách vào viếng chùa Tây An, ngôi chùa cổ trên 140 năm do ông Doãn Uẩn đứng ra xây dựng năm 1847. Ông là vị quan văn nhưng được cử theo tướng Nguyễn Tri Phương để trấn thủ vùng biên giới Miền Việt. Giặc Miên và Xiêm thường quấy phá vùng này nhưng nhờ tài của Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn nhiều kinh nghiệm chiến trường và quân sĩ hết lòng nên vùng biên giới này được ổn định lúc bấy giờ.

Ông Doãn Uẩn dựng chùa Tây An ở chân núi Sam là việc làm có nhiều ý nghĩa đối với nhân tâm thời bấy giờ đang khốn hoang lập ấp ở vùng đó, và chùa gần kề bên lăng Thoại Ngọc Hầu nơi có chôn nhiều quân dân đã chết trong khi đào kinh Vĩnh Tế để hòng oan có nơi nghe kinh kệ.

Chùa được xây dựng ngay chum núi, trên một nền sân rộng lớn, cao hơn mặt đường. Sân chùa được bao bọc bằng đá xanh. Từ dưới đường đến sân chùa phải bước lên mười nấc thang. Bước qua cửa và vòng rào, du khách thấy ba ngôi tháp cao vòi vọi. Nếu là khách hành hương lần đầu tiên sẽ nghĩ rằng trong ba ngôi tháp đó sẽ có ngôi tháp của Đức Phật Thầy. Nhưng họ lầm, vì đó là những cổ tháp của những vị Hòa Thượng phái Lâm tế, trụ trì chùa Tây An từ ngày Đức Phật Thầy đến trụ ở đến nay, còn chính ngôi mộ của Đức Phật Thầy thì lại khiêm nhường nằm khuất phía sau dãy tháp nguy nga đó.

Chùa Tây An có nhiều tượng Phật nhất so với các chùa ở miền Nam. Có những tượng to lớn nhiều màu sắc, dữ tợn hoặc hiền từ tùy theo vị, từ những vị Phật, Bồ Tát đến La Hán, từ các vị Thiên vương đến các vị Kim cương... đến các tượng đá hình dung Ông "Tà Á Rặc" đều được thờ trong ngôi cổ tự nghi ngút khói hương này. Trước

kia, chùa trông cũ kỹ cổ kính từ phía trong đến hình dáng bên ngoài, nằm dưới chân núi có hàng cây dương già lá reo theo gió, nhưng khoảng đầu thập niên 1960, chùa được xây dựng thêm bên ngoài với lối kiến trúc màu mè sặc sỡ làm bớt vẻ cổ kính trầm mặc của chùa, nhưng các thiện nam tín nữ và các du khách trẻ tuổi lại có vẻ thích hơn mỗi khi đến viếng chùa. Họ thường chụp vài kiểu hình trước sân chùa để lưu niệm.

Sau khi lạy Phật xong, du khách bước ra sau chùa để kính cẩn chiêm bái ngôi mộ Phật Thầy Tây An húy danh là Đoàn Minh Huyền. Ngài là vị cao tăng đắc đạo của thế kỷ trước đã khai sáng tông phái Phật giáo gọi là Bửu Sơn Kỳ Hương ở miền Nam Việt Nam vào năm 1849.

Ngài đản sanh vào giờ ngọ, ngày rằm tháng 10 năm Đinh Mẹo (1807) đời vua Gia Long thứ sáu. Chánh quán của Phật Thầy tại làng Tòng Sơn, tổng An Tịnh, huyện Vĩnh An, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh (hiện nay Tòng Sơn thuộc huyện Lấp Vò, tỉnh Sa Đéc).

Thưở nhỏ, Ngài rời quê quán đi vào núi nào để tu hành không ai biết, nhưng đến đầu năm Kỷ Dậu 1849, Ngài xuất hiện ở Tòng Sơn, ngụ trong mái đình lá nghèo nàn, dáng điệu ngày ngày, lời nói khi hư khi thật. Năm đó làng Tòng Sơn bị bệnh dịch tả lan tràn dữ dội, Ngài ra tay chữa bệnh cho dân chỉ bằng nước lã, tro nhang và các cơn bệnh dịch tả được chặn đứng và các bệnh nan y khác, Ngài cũng trị hết. Ngài vừa chữa bệnh vừa dạy tu, người qui y đông vô số. Những người qui y với Phật Thầy đều được phát cho một lòng phái bằng giấy vàng hay giấy bạch, trên có đóng triện bốn chữ Bửu Sơn Kỳ Hương. Tông phái này coi như được sáng khởi vào mùa thu năm Kỷ Dậu 1849.

Ngài chữa bệnh, thuyết pháp và truyền giáo tại cốc Ông Kiến (nay là Tây An Cổ tự tại làng Long Kiến, tỉnh Long Xuyên). Theo giáo lý của Ngài thì người tu theo Phật đạo nhưng không thờ Phật cốt, không gõ mõ tụng kinh, người tu chỉ cần tránh ác, làm lành, giữ tâm thanh tịnh và thực thi bốn ân lớn: Ân tổ tiên, cha mẹ, Ân đất nước, Ân Tam bảo, Ân đồng bào và nhân loại.

Dân chúng tôn sùng Ngài như vị Phật sống, khi Ngài tịch diệt, theo di ngôn của Ngài, ngôi

mộ không xây dựng đồ sộ nguy nga hoặc xây theo hình tháp mà chỉ là một ngôi mộ bằng phẳng lộ thiên. Mộ Phật Thầy u tịch trang nghiêm có vòng tường nhỏ bao quanh rêu phong, có cổng tò vò khiêm nhường với hai trụ gạch có hai câu đối:

Phách vãng Tây Phương, bất thảo điêu tàn du vị tử.

Hồn qui thọ vực, đàm hoa lạc khứ hữu dư hương.

Trước mộ có một tấm bia đá khắc chữ:

"Ngươn sanh Đinh Mão niên, thập ngoạt, thập ngũ nhựt, ngộ thời chủ sanh.

Tự Lâm Tế gia chư thiên phổ tam thập bát thế, thượng pháp hạ tạng tánh Doãn, pháp danh Minh Huyền, đạo hiệu Giác linh chi miễn tọa.

Tịch ư Bình Thìn niên, bát ngoạt thập nhị nhựt, ngộ thời thị tịch diệt."

Phía vách ngoài cửa có khắc ba bài thơ bát cú, chúng tôi xin trích một bài:

*Lòng ở từ bi đã bấy chày,
Thanh nhàn Cực lạc chốn phương Tây
Năm hằng đạo đức hằng vui vẻ,
Sáu ngả luân hồi chẳng chuyển xoay.
Lặn lội theo người xa bể khổ,
Đất diu cứu kẻ bước thang mây,
Đã nguyện tể độ con lâm nạn,
Vì việc nhơn gian mới đến đây.*

Tương truyền mấy bài thơ này do Đức Phật Thầy giảng bút từ lâu nên được khắc vào đây để kỷ niệm.

Mộ Phật Thầy lúc nào cũng khói hương bay tỏa và có nhiều thiện nam tín nữ, du khách đến chiêm bái.

Rời chùa Tây An du khách như còn luyến tiếc nhìn tam quan của chùa với tượng chú tiểu Thị Kính, tiền thân Đức Phật Quán Thế Âm, tay đang ôm con thơ của Thị Mầu.

Du khách đi theo chum núi phía tay mặt độ 100 thước để đến Miếu Bà Chúa Xứ Châu Đốc.

Quen theo lối gọi ngày xưa chớ thật ra phải gọi là Điện Bà mới đúng, vì ngôi điện rất nguy nga, màu sắc hài hòa nằm cạnh con đường dốc thoải thoải về phía ruộng, không nằm phía trên các vồ đá ở trên núi như bao nhiêu chùa khác là do ý của Bà.

Ngày lễ Vía Bà được coi như một phong tục cổ truyền của vùng Thất sơn. Danh của Bà Chúa Xứ còn được gọi là Thánh Mẫu nương nương.

Theo tài liệu mà ngày nay dân địa phương cũng như đa số tín đồ ở miền Nam tín ngưỡng thì Bà có một sự tích huyền bí và màu nhiệm :

Tượng Bà trước kia ngự trên đỉnh núi Sam, nơi đây hiện nay còn dấu tích của hai lõm lớn trên bệ đá xanh. Vùng này ngày trước thuộc Thủy Chân Lạp thường bị người Xiêm sang quấy nhiễu, khi thấy tượng Bà, quân Xiêm bèn cạy ra tính khiêng xuống núi, nhưng tượng Bà bỗng trở nên nặng trĩu không khiêng nổi khiến quân Xiêm bỏ lại tượng Bà giữa rừng cây trên trên núi.

Về sau khi Thủy Chân Lạp thuộc về nước ta, người Việt đến vùng này, thôn xóm bắt đầu mọc quanh chân núi, một hôm dân làng lên núi đốn củi, gặp tượng Bà. Họ bèn hợp nhau khiêng về để lập miếu thờ phượng, nhưng không tài nào xê dịch nổi mặc dầu dân làng có đến hàng trăm người. Bỗng Bà "đạp đồng" qua một người đàn bà tu hành, tự xưng là Bà Chúa Xứ và dạy dân làng tìm mười người đồng nữ trẻ tuổi, trinh trắng, tắm rửa sạch sẽ để dựng tượng Bà dậy. Lại thay với 10 cô gái trẻ tuổi yếu ớt, tượng Bà được khiêng dễ dàng từ trên núi đến chân núi. Khi đến chỗ miếu Bà hiện nay, tượng Bà bỗng trĩu xuống không xê dịch được nữa. Các bô lão cho rằng Bà đã chọn nơi đây để an ngự nên đốc thúc con em đứng ra dựng miếu.

Sự linh thiêng của Bà thể hiện qua nhiều sự thỉnh cầu của dân chúng. Bà thường ban phúc cho người thiện tâm. Thời kỳ Minh Mạng, khi Đô Thống Thoại Ngọc Hầu trấn thủ vùng này, gặp lúc quân Xiêm qua quấy rối không ngớt, phu nhân Đô Thống thường đến khẩn vái Bà xin phù hộ cho chồng dẹp yên giặc, tái lập an cư cho dân làng, và lời cầu nguyện đó được đạt thành. Để tạ ơn Bà, phu nhân Đô Thống cho xây cất miếu và mở đại lễ linh đình liên tiếp trong ba ngày 24, 25, 26 tháng Tư âm lịch. Từ đó về sau, dân địa phương cứ nhớ ngày này để cúng lễ, dân chúng lân cận kéo về trẩy hội tấp nập.

Các bô lão kể nhiều chuyện linh ứng của Bà: tương truyền lúc quân Xiêm sang quấy phá, có

tên giặc Xiêm vô lễ làm gãy cánh tay của Bà, liền bị té chết ngay tại chỗ. Cũng cách đây không lâu, trước năm 1940, một tên trộm lén vào gỡ sợi dây chuyền trên cổ Bà, bị Bà bẻ tay, dân làng nghe kêu la chạy vô thấy tên trộm nằm dài dưới đất ôm tay khóc lóc, các bô lão kéo hần đến trước bàn thờ Bà quì lạy xin lỗi, hần mới hết rên la.

Một điều đáng nói là tượng Bà trước kia nhìn thẳng ra đường, nhưng vì kẻ qua lại có nhiều người không nghiêm trang hoặc vô lễ, bị Bà "quở". Bà đập đồng về báo cho biết như vậy và truyền dân làng hướng tượng Bà quay mặt về phía ruộng, lưng day ra đường xe chạy. Vì thế, dù cổng tam quan cũng như cửa vào nhìn ra đường xe chạy quanh núi, bàn thờ và tượng Bà nhìn về phía chợ Châu Đốc. Có hai câu đối treo hai bên bàn thờ Bà :

Cầu tất ứng, thành tất linh, mộng trung chỉ thị.

Xiêm khả kính, Thanh khả mộ, ý ngoại nan lường,
(nghĩa là: *Xin tất đặng, lòng thành tất linh, báo trong giấc mộng.*

Xiêm phải kính, quân Thanh phải mến, ý tứ khôn lường).

Hai bên chánh điện có thờ, bên tay phải, pho tượng đồng đen nhỏ, đó là một "chư vị" hộ vệ của Bà, bên tay trái là một khối đá tròn to, tượng trưng "Ông Tà" mà người Miên cũng như người Việt vùng biên giới rất tôn thờ.

Thấy Bà linh ứng, Ông Thoại Ngọc Hầu lúc trị vì tại trấn này đã tâu lên Vua Minh Mạng sắc phong Bà làm Thượng Đẳng Linh Thần.

Ngày chánh lễ hàng năm là 24 tháng Tư nhưng trước đó hơn nửa tháng, quanh miếu Bà và dọc theo đường lộ những hàng quán được cất lên để bán suốt thời gian lễ, kéo dài đến hết tháng tư. Khách thập phương từ Miền Tây, miền Đông đều kéo về. Những ngày đó, xe đò chở khách đủ hiệu, đủ màu, mang tên đủ các tỉnh được bao thuê chở đầy người hướng về Châu Đốc. Trước năm 1975, ngoài xe đò còn có xe tư nhân, từ loại sang trọng của thương gia Tàu, Việt đến những chiếc mô tô, xi-cút-tơ của các thanh niên nam nữ, những chiếc xe lôi, xe ngựa cũng chật khách hành hương. Giá tiền xe cộ tăng vọt, khách vẫn đi, chen lấn mệt nhọc khách cũng vui lòng chịu, miễn là đến được

núi Sam để lạy Bà. Nhất là các bà già của Bạc Liêu, Cà Mau, từ Hóc Môn, Tây Ninh xa xôi cũng rán nhờ con cháu dìu dắt để đến chiêm bái Bà và viếng "năm non, bảy núi" một lần rồi có *nhấm mồi* cũng yên lòng.

Phần xe dịch thì xe cộ đông nghẹt, lưu thông tất nghẽn cả 4,5 cây số nhưng du khách vẫn nườm nượp đổ về. Còn chỗ ngủ thì khỏi nói. Tất cả khách sạn của Châu Đốc đều được những nhà giàu đặt trước từ lâu, nên du khách đến núi tự túc tìm chỗ ngủ. Ai ở tỉnh xa đến đây đều phải ở lại 2 hoặc 3 ngày để dự đủ lễ và vãng (viếng) cảnh núi Sam mới thỏa lòng, nên đều đã chuẩn bị đem theo vật dụng, quần áo, thức ăn để ngủ lại. Ban tổ chức của Miếu Bà cũng có lo chu đáo cho khách thập phương nhưng với số lượng gần chục ngàn người vô ra mỗi ngày, làm sao xuể. Các phòng của trường học có lâu cạnh Miếu, nhà khách, sân võ ca, sân quanh điện... tất cả không còn chỗ chen chum. Những chùa, am quanh đó đều có du khách trải chiếu la liệt ngoài sân. Mọi người chấp nhận "năm nhìn sao trời" như thế với lòng hờn hờ, vì đây là ngày lễ hội lớn nhất trong năm, để gì ngày thường có dịp nằm bên triền non để biết thế nào là sương núi? Và lại chỉ có các cụ già, trẻ em ban ngày leo núi mệt mỏi mới cần ngủ, các thanh niên thiếu nữ, những người chưa già còn phải hoà mình trong dòng người vui hội.

Ban đêm đèn đót sáng choang, hàng quán bán đủ thứ trái cây, thức ăn chay, mận cho khách, những sản phẩm trong vùng như nước thốt nốt ngọt lịm nhưng có mùi khói, những mũi thốt nốt trắng phau ăn rất ngon, và nhất là có vài ông đạo áo màu nâu, tóc để bới, râu dài, ngồi trên chiếc đệm để đây kỳ hoa dị thảo, những chùm rễ cây uốn éo, những củ bí kỳ nam xé ra có nhiều lỗ như tổ ong bầu, những cây ngải củ vàng, củ xanh, dây thông thiên, hà thủ ô phơi khô... làm cho các bà, các dì dùng dằng đứng nhìn, tay nắm chặt túi tiền ky còm của mình, suy tính nên mua loại thuốc nào về đem tặng cho con cháu phòng thân. Đặc biệt là nơi bán đầu phong, một loại đầu xanh biếc nấu bằng nhiều loại ngải và lá thuốc bí truyền của ông đạo từ mấy núi khác đến đây ngồi nấu thì đất hàng, bán không kịp.

Nồi dầu to tướng đựng đầy lá cây lạ, củ ngải sần sùi không dậy nắp, bốc hơi trong gió quyen mùi thơm phứt. Các ông đạo nấu trước mặt, không dấu diếm, đã hấp dẫn mọi người ưa phòng xa. Dầu được rót vào nhiều loại chai lớn nhỏ tùy theo giá tiền.

Các bà đang dùng dằng thì nghe ông đạo nói trầm trầm:

- Đây là nhiều loại thuốc khó kiếm của miệt Thất sơn, phải trèo non, lướt bụi khó khăn lắm mới tìm ra để nấu cho bà con xài. Nếu thấy hồng công hiệu cứ đem lại trả.

Lại có tiếng người bà già áo bà ba, vai quàng khăn rằn đang đứng mua nói theo:

- Thiệt hay lắm bà con ơi, ở miệt mình làm gì có đầu phong nấu bằng linh dược trên non cao chớ. Năm nào tui cũng mua về để phòng khi tụi nhỏ sinh bụng, ợ chua... hoặc bị ghẻ lở, xước vô hết liền hề..

Nghe nói đến "linh dược" của núi cao rồi nhìn lại ông đạo áo nâu, các bà mua liền, không còn do dự.

Phải nhìn nhận loại đầu phong này đều công hiệu nhiều hay ít tùy theo bệnh, vì năm nào đến ngày lễ Vía Bà, cũng những ông đạo này đến đây nấu bán, không vị nào bị khiêu nại hay bị... đòi tiền lại.

Lễ Bà xong, nếu du khách có óc tòn cổ và say mê lịch sử, hãy băng qua con đường để đến lăng Ông Thoại Ngọc Hầu gần đó.

Lăng Ngài xây bằng đá xanh thật cao rộng, hùng vĩ kiên cố. Lăng xây vào năm Minh Mạng thứ 10 (1829) muốn lên lăng phải leo lên nhiều bậc thang xây đá. Trước sân lăng có hai trụ vuông lớn, có hai cửa hai bên để đi vào lăng. Cổng vào đồ sộ, liên đới trang hoàng. Bên trong là một sân rộng khác, nơi có chôn các phần mộ. Ông nằm chính giữa, hai bà nằm hai bên. Đầu mộ là bình phong, chân mộ có bi ký. Cách chân mộ một khoảng là một bia đá lớn, đó là bia Vinh Tế sơn. Phía sau sân lăng mộ, nằm trên bậc thềm cao là đền thờ. Tại chân ba ngôi mộ lớn trong lăng đều có bia ghi danh táng :

" Hoàng Việt, Hiến Khảo, Ấn thủ Châu Đốc đồn, lãnh Bảo Hộ Cao Miên quốc ấn, kiêm quản Hà Tiên trấn

biên vụ, gia Nhị cấp kỷ lục tứ thứ, truy tặng Tráng Võ Tướng quân, Trụ quốc Đô Thống, thụy Võ Khắc, Nguyễn Công, húy Thoại, chi mộ".

Du khách thấp hương trước mộ Ngài để tỏ lòng tri ơn với bậc công thần có công xây dựng và bảo vệ vùng này, rồi hãy bước trở ra sân ngoài để nhìn những ngôi mộ nhỏ hơn, đủ các kiểu. Có mộ xây hình voi phục, có mộ xây hình con quỉ, có mộ hình vuông vắn uy nghi rất cũ, rêu phong, không cái nào còn bia nhưng theo tài liệu thì đây là những phần mộ các quan chức thân tín của Ngài và mộ tập thể của các nạn nhân quân, dân đã bỏ mình trong cuộc đào kinh Vĩnh Tế được lấy cốt mang về sau khi đào kinh hoàn tất.

Du khách bước ra cổng ngoài còn cố nhìn lại nhiều câu đối đáp bằng đá hoặc xi măng. Những câu đối nói lên công nghiệp của người xưa và nét hùng vĩ của núi Sam, một vài câu tiêu biểu như :

Thiên thành nhất cuộc bảo sơn bảo thủy,

Huyết kiết song phân phước địa phước nhơn.

(nghĩa là: *Trời gầy một cuộc non xanh nước tới
Huyết kết đôi mồ đất phước người hiền*)

và: Âm chất toàn bằng an xứ trí,

Dức công vĩnh biểu túc quan chiêm.

(nghĩa là: *Âm chất vẹn gìn yên giới dấu,*

Dức công còn mãi đủ xem gương).

Một ngọn gió lạnh thổi nhẹ trên những ngôi mộ cổ gần 200 năm bên triền núi u tịch, lá cây dương rì rào làm cho ta cảm tưởng như có lời văn lâm ly bi tráng của bài Văn Tế Nghĩa Trưng được Ông Thoại Ngọc Hầu đứng chủ tế cúng các cô hồn tử sĩ ngày xưa còn như vắng đầu đây:

Trời xanh thăm mờ hoang lộp lộp.

Trăng soi nhòa mấy lớp bia tàn !

Mây che bao nắm đất vàng,

Sương sa sao giọt gò hang đối đời !

.....

Tỏ lòng ghi nhớ ơn sâu,

Điếu người thiên cổ mấy câu ca rằng:

Đình núi Sam gió xuân thổi ngọt,

Triền núi Sam móc ngọt dượm nhuận.

Hợp nơi nhà vắng reo mừng.

Hồn ơi, hồn hỏi mưa đừng luyến xa !

Cõi vẫn báo hay là xe ngựa.

Cảnh chia ly gợi ứa lệ hồng,

Phương Tây vó ngựa ruổi dong,

Núi Sam sừng sừng như trông theo hồn...

Đã tỏ xong lòng ngưỡng mộ tiền nhân, du khách sửa soạn đăng sơn bằng hai con đường dễ đi kể trên. Một đường nằm sau chùa Tây An và một đường phía sau làng Thoại Ngọc Hậu.

Từ con đường mòn quanh co leo theo những mỏm đá cao, lên khoảng 100m là đã thấm mệt, chúng ta phải nghỉ để thở. Dọc theo đường lên ta gặp vài ngôi chùa hoặc am lá thờ Phật, khói tỏa nhẹ nhàng trong gió, lâu lâu vài tiếng chuông ngân nhẹ nhắc nhở kẻ đăng sơn vào lễ Phật và uống một chén trà hay tô nước mưa mát rượi.

Nghỉ chun một chốc, mọi người lại leo lên.

Những người dưới đường tỉnh lộ nhìn lên thấy đoàn leo núi mặc đủ áo màu xanh đỏ, tím cam, đang leo bò chằm chằm, trông nhỏ xíu như những hình người tí hon trên hòn non bộ (giả sơn) rất ngoạn mục.

Các bạn trẻ tuổi trẻ khoẻ chun, liếng xáo lúc ban đầu đùa giỡm trêu chọc nhau, cười nói huyền thuyên giờ đây cũng thấm mệt, đã bớt nói để thở, trong khi các cụ già lớn tuổi cứ từ tốn leo từng bước, từng bậc, miệng niệm Phật với lòng thành tin tưởng nên như chưa thấy mệt.

Gần đến đỉnh có một hang dơi, phía ngoài sơn vôi trắng xóa. Đây là một hang lớn có nhiều dơi ở. Phân dơi hôi hám nên ít có người vào hang, du khách chỉ ngồi phía ngoài trên vồ đá lớn tương đối phẳng phiu để đón gió mát cho bớt mồ hôi và lấy lại sức khỏe trước khi vào lễ Phật ở ngôi chùa cổ tại đây.

Ngồi dưới mấy cây điệp, mấy cây sứ cùi gốc sần sùi, hoa trắng điểm nhụy vàng, du khách cảm thấy như đã xa thế tục. Nhìn xuống chun núi thấy xe cộ nhỏ xíu như đồ chơi trẻ con và đám người trẩy hội đang chen chúc giữa... bụi đời.

Từ chùa này lên đỉnh núi tương đối dễ đi vì có nhiều người thiện tâm cúng tiền để chùa xây bậc xi măng. Một vài khoảng đá trống trải dưới gốc cây me tàng lá mát rượi hoặc cây bông sứ đang nở hoa vàng, các cô gái vùng này biết rõ ai ai leo núi đến đây đều khát nước nên đặt sẵn chiếc bàn và vài cái ghế nhỏ để bán nước đá chanh, nước dừa, hột é.. Nhiều thức uống như vậy

nhưng nếu người đi nhiều, sành điệu, họ chỉ chọn uống hai loại là nước thốt nốt và nước mù cây trôm. Chỉ có miền Tây mới có nước cây thốt nốt, tại sao không uống cho biết? Cây thốt nốt mình tròn, thân thẳng đứng như cây dừa, rất khó leo. Cây trồng trên 30 năm mới có trái và có liên tiếp quanh năm đến già cả 100 năm nên người Miền rất quý loại cây này. Toàn bộ trái, thân, lá cây đều có ích lợi. Trái thốt nốt ăn ngon như trái dừa nước Việt Nam nhưng người ta lấy nước từ buồng trái khi còn non để nấu đặc thành loại đường thốt nốt thơm ngon.

Người ta lấy nước vào mùa nắng từ tháng 10 đến tháng 4, còn trong mùa mưa thì dành lại để ăn trái. Kỹ thuật lấy nước thốt nốt cũng khó khăn, đòi hỏi người trồng phải bạo dạn chịu khó. Vì cây thốt nốt cao và phải leo lên leo xuống hàng ngày nên người dân tại đó (đa số là người Việt gốc Miền) không dùng nài bằng dây để leo như người Việt mà làm một loại thang bằng cây tre. Cây tre này có tên là cây kê nê có mỗi mắt khoảng hai gang tay, các mắt tre có nhánh nhỏ đâm ra. Người ta chặt nhánh nhỏ chừa lại độ 1 tấc đủ cho bàn chun đứng lên, các nhánh nhỏ này cách khoảng 3 tấc. Cây tre được cột chặc vào thân thốt nốt, nếu một cây tre không đủ tới ngọn thì phải chập thêm, có khi đến 2 hoặc 3 cây tre. Nhờ thang này người trồng leo thốt nốt dễ dàng ít sợ nguy hiểm. Lúc buồng chưa trở trái ra hẳn, còn nằm trong mo nang, bông vừa tượng trái bằng cỡ trái quít, người ta chằng cái buồng và ép bằng những cây kẹp bằng tre như cây kềm để buồng mềm thịt mới có nước. Ba hôm sau, người ta dùng dao thật bén cắt chót buồng chút xíu độ 1 phân bề dài, đoạn cột dưới đó một ống tre để hứng nước. Khúc tre dùng hứng nước là loại tre thân to gọi là lồ ô. Người ta xông khói choi nước thốt nốt có mùi thơm, nhưng có người không chịu được vì chê hôi khói. Phải là dân miền Tây lại đã từng biết mùi vị này mới thấy đến đây mà không nước thốt nốt lại uống nước cam hay xá xị thì...uống quá.

Đỉnh núi Sam đây rồi, đỉnh núi với pháo đài 2 tầng sừng sừng trước mặt nằm trên khoảng đất rộng dưới mấy cây điệp (phượng vĩ) tàng lá xanh

um. Đến mùa bãi trường, những cây phượng này nở rộ hoa đỏ đẹp vô cùng. Tầng dưới của pháo đài không vách, chỉ trảng xi măng, các bà già, các du khách lớn tuổi cứ vào ngồi nghỉ thoải mái và bày thức ăn ra lót dạ. Du khách có thể lên tầng trên bằng một thang gạch xây theo khu ốc. Phía trên là sân thượng rộng, ngang 12m, dài 25m. Một góc sân thượng là gian phòng đóng cửa kín đáo. Đây là nơi dành riêng cho công chức Châu Đốc có phép đến nghỉ an dưỡng. (trước 1975).

Du khách đứng trên sân thượng nếu có ống đom sẽ nhìn thấy chợ Tân Châu mờ mờ phía Đông Bắc và chợ Nhà Bàng phía Tây Nam. Với đôi mắt thường chúng ta chỉ thấy chợ Châu Đốc với phố xá mái ngói đỏ, hoặc nhìn về phía Bắc để thấy con kinh Vĩnh Tế thẳng như lần gạch rõ ràng giữa hai bờ cây xanh. Chúng ta sung sướng thấy quê mình đẹp tươi với những ô ruộng màu xanh mạ nằm cạnh màu cỏ vàng loang loáng nước, chạy dài đến tận chân núi Sập, núi Dài.

Kinh sáng nối liền sông Hậu với Tri Tôn, kinh Thoại Hà đem nước sông Hậu về đến Rạch Giá, cũng do Ông Nguyễn Văn Thoại trông coi đào, chảy mát mắt đến tận chân trời. Những con kinh đào này giúp cho dân lưu thông dễ dàng và rút sạch nước phèn vùng đồng lúa bao la, giờ này đứng trên cao nhìn xuống như tấm bản đồ khổng lồ lung linh màu sắc của vùng Thất sơn.

Mặt trời đứng ngọ, mọi người đi tìm những mô đá phẳng có bóng mát để bày thức ăn trưa. Cuộc dã sơn cũng như mọi cuộc cắm trại, ai ai đều thấy đói bụng vì leo núi nên từng nhóm năm ba người, từng gia đình ngồi ăn uống vui vẻ. Đây không phải là cửa chùa nên phần đông đều mang thức ăn mặn. Thức ăn là sản phẩm độc đáo của Châu Đốc : mắm thái.

Đến Châu Đốc viếng núi Sam mà ăn mắm thái với thịt heo luộc xắt mỏng cuộn với rau, bánh hỏi hoặc bún, thì... khỏi chê. Thức ăn không cần để trong chén bát, hoặc ăn bằng muỗng, đũa vì phải mang cồng kênh lên núi, mà chỉ đựng trong lá sen. Loại lá sen này gói bún hoặc bánh hỏi tạo thêm hương thơm. Rồi rau thơm, mắm thái dĩa ngọt sẽ làm cho ai đã đến Châu Đốc một lần đều nhớ để mỗi năm phải đi nữa. Nếu vì lẽ gì

không đến được, họ vẫn tìm cách gửi bạn bè mua dùm. Nhưng như đã nói, phải leo núi thấm mệt mới thấy ngọn gió trên cao là quý và phải bốc ăn bằng tay loại mắm thái với bánh hỏi này trong lá sen, dưới tầng cây phượng vĩ trên vồ đá ở đỉnh núi Sam, mới thấy được vị ngon lành.

Các cụ già hả hê vì đã được viếng non, ngả lưng thiu thiu, trong khi các bạn trẻ có mang theo đàn ghi-ta đang nhấn phím cho bạn bè thưởng thức. Mọi người như quên hết các phiền toái hàng ngày. Các tranh giành đua chen của xã hội như lắng đọng ở dưới xa.

Trời xế chiều, một số người rục rịch xuống núi. Đi xuống dễ hơn đi lên nên mọi người xuống nửa giờ là đến chân núi.

Du khách lại tiếp tục đi theo đường hướng về chợ Bến Đá. Đi khoảng 500 thước để viếng Bạch Vân tịnh xá, nằm trên một vồ đá thanh tú cao độ 100m.

Đường lên Bạch Vân tịnh xá được xây xi măng và lót đá rất dễ đi. Công trình xây dựng cảnh đẹp nổi tiếng này do thầy giáo Phạm Ngọc Đa tự Bạch Liên và một nhóm bạn bè có đạo tâm ở tỉnh đứng ra trông nom.

Leo lên mấy trăm bậc thang, cũng phải mấy lần dừng lại để thở, chúng ta sẽ đến khoảng đất rộng nằm giữa những vồ đá cao, có những hang thiên nhiên lộng gió. Trên một vồ đá lớn, tượng Phật Thích Ca lúc đang tu khổ hạnh, người gầy trơ xương, nét mặt từ bi nhìn xuống những người mộ đạo đang quỳ lạy khẩn vái. Phía sau tượng có một cây da mọt từ kẹt đá che phủ nên nhìn tượng Phật Thích Ca ngồi dưới gốc cây da mọt người liên tưởng đến cội bồ đề.

Du khách lạy Phật xong đến ngồi dưới bóng mát cây cao đón gió lồng lộng hay vào các hang đá quanh đó ngả lưng nằm nghỉ. Trong và ngoài hang, những mô đá, những gốc cây già đều có khắc tên du khách lưu niệm. Nét sơn đỏ, mực đen bị mưa gió và thời gian làm phai mờ dần.

Mặt trời sắp lặn sau núi, hoàng hôn ở vùng núi xuống màu lam. Nếu du khách muốn ngủ đêm trên Bạch Vân tịnh xá cũng có nhiều chỗ rộng để nhìn sao trời, nhưng phải coi chừng cái lạnh của hơi núi, sương khuya...

Rạng sáng hôm sau, trời còn mờ hơi sương, tiếng chuông chùa ở các am lá gần đó ngân đều đều buổi công phu như kêu du khách thức dậy sửa soạn xuống núi để qua thăm chùa Hang gần đó.

Du khách xuống núi lòng còn luyến lưu Bạch Vân tịnh xá. Họ bước về phía chùa Hang gần đó khoảng 500m.

Qua khỏi miếu Âm Hồn, nơi thờ cúng vong hồn trong nghĩa địa phía sau, chúng ta sẽ thấy ngôi chùa Hang trên triền núi. Thấy gần nhưng vẫn phải đi và leo hơn nửa giờ mới tới. Chùa được nổi tiếng vì có một hang sâu thăm thẳm au u, chưa ai biết bao sâu và ăn thông đến đâu vì chưa ai dám đi thám hiểm. Lúc trước cũng có người bạo gan đốt đèn dầu chai đi vào, nhưng có lẽ không đủ dụng cụ nên không dám tiếp tục đi xa. Hiện nay Nhà nước ra lệnh bít cửa hang nên du khách sau này đến chùa chỉ được thấy một vách tô vôi nằm phía sau hậu liêu.

Tương truyền hang này thông ra tới biển vì có người nói nếu bỏ xuống hang trái bưởi sẽ tìm lại được trái bưởi này ở bãi biển Hà Tiên.

Theo chúng tôi thì khó có cái hang nào ăn thông trên trăm cây số tại miền Tây này dù núi Sam ngày xưa là một cái hòn trên biển. Có thể có hang lòng ra khỏi chân núi, nhưng nếu có, chắc hang này chỉ ăn thông ra kinh Vĩnh Tế, trái bưởi sẽ trôi ra đây rồi từ từ theo kinh Vĩnh Tế trôi vào sông Giang Thành để tấp vào mũi Nai gần chợ Hà Tiên.

Như mọi ngôi chùa trên núi, chùa Hang cũng có một bể nước mưa khá lớn chứa đủ nước cúng Phật và uống quanh năm. Du khách uống tô nước mưa, rửa mặt cho mát mẻ, vào lễ Phật xong, già từ Thầy, hạ sơn.

Đến đây chỉ còn vài trăm thước là tới chợ Bến Đá. Một số các bà, các cô thích đi chợ để tìm mua sản phẩm địa phương như quạt làm bằng lá cây thốt nốt, chiếc đệm dệt bằng cọng bàng êm ái, nhưng loại quà mà mấy bà thích mua để ăn hoặc biếu bà con là đường thốt nốt. Sau khi nước thốt nốt lấy trên cây đem xuống nấu đặc lại, cho vào khuôn tròn nhỏ đẹp, thành từng tẩn. Sắp 10 tẩn trong một gói như đòn bánh tét cũng bằng lá

thốt nốt. Loại đường này ăn với dưa gang, hay ăn từng miếng nhỏ, uống với nước trà rất ngon mà không sợ đau bụng.

Chợ Bến Đá lều tều họp sớm mà cũng tan sớm, chỉ có dân địa phương và dân Miền trong sóc phía Nhà Bàng đem sản phẩm đến mua bán, nhưng nhỡ mỗi tháng có ba phiên chợ mua bán trâu bò nên nơi này nhộn nhịp hẳn lên.

Vài chiếc xe ngựa đậu đầy chờ khách đi vào chợ Nhà Bàng. Vài chiếc xe đồ nhỏ cũ kỹ chào mời du khách đi viếng chùa Phi Lai. Đây là ngôi chùa cổ nổi tiếng xây dựng từ năm 1877, tọa lạc ở núi Tượng, đối diện chùa Tam Bửu, xã Ba Chúc. Chùa là một trong các trường Phật học ở Miền Nam đào tạo tăng tài trong "Phong trào Chấn Hưng Phật giáo Việt nam" do Hòa Thượng Chí Thiên trụ trì, người có công lớn việc sáng lập hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học. Bảo tháp của Hòa thượng cao 22m, ngang 7m được xây dựng từ năm 1938.

Sau đó du khách có thể đi thẳng vào núi Cấm để viếng chùa tháp hoặc đi chơi Tịnh Biên, một chợ quận sát biên giới có nhiều hàng hoá từ Miền chở sang.

Nơi chợ Bến Đá, tiếng người từ phía Miếu Bà không vãng nghe đến, nhưng du khách phải quay lại để kịp chuyến xe trở về với đô thị ồn ào...

Phạm Thăng

(Lời tác giả: Có một số bạn bè, độc giả hỏi tác giả: họa sĩ Phạm Thăng và họa sĩ Phạm Tăng là một hay là hai người? Xin nói rõ tác giả là người Miền Nam, sinh trưởng tại Vĩnh Long, gia nhập làng báo Việt ngữ của Sài Gòn từ năm 1952, chưa bao giờ cư ngụ tại Pháp, không phải là Họa sĩ Phạm Tăng, văn nghệ sĩ miền Bắc di cư năm 1954, người đã từng đoạt giải Tranh ở La Mã. Xin nhắc lại: Phạm Thăng và Phạm Tăng là hai người khác nhau)



NGŨƠNG CỦA THIÊN MÔN

TRUNG NIÊN XUẤT GIA TRÊN ĐƯỜNG HÀNH ĐẠO

T.T. Thích Nguyên Lai

*Bài này Tác giả Tưởng niệm bậc Tổ Đức và Thân tặng
Đại Đức Thích Tâm Quang Trụ trì chùa Tam Bảo,
Fresno, California*

Thiền môn luôn tôn quý các bậc Đồng Ấu hảo tâm xuất gia. Thực vậy, khi Tôn giả La Vân rời vòng tay của mẹ, xa hoàng thành với ý niệm xuất gia đầy đủ hạnh thanh thoát siêu phàm.

Tôn giả Xá Lợi Phất là vị Hòa Thượng đầu tiên truyền giới đức đến La Vân.

Dựa trên kim khẩu của Thế Tôn từ thuở ấy, hàng Phật tử phát tâm xuất gia cũng phải theo phương thức của Ngài La Hầu La đã làm.

Xuất gia là phải xa rời gia đình, dứt bỏ mọi sinh hoạt của phạm vi nhỏ vào Thiền môn học Diệu Hạnh Oai Nghi của người xuất gia. Tiểu Nhi từ năm tuổi có thể vào chùa học diệu hạnh oai nghi đến hai mươi tuổi, sau hai mươi tuổi có thể học viên dung liễu ngộ thừa hành Tam Bảo, Tổ Đức vận du truyền bá chánh pháp. Người có chủng tử gần gũi Tam Bảo, nhưng chưa được thuận duyên vào chùa. Khi tuổi trưởng thành thì, nhi, gia thất trọn nghĩa nhân sinh, hoàn thành nhân đạo, để lại sự nghiệp cho đời, quyết chí vân du trên đường đạo, gọi là Xuất Gia Trung Niên. Người xuất gia Trung Niên thường là không còn mọi phiền lụy hệ trước của thế sự cuốn hút mà họ đem kiến thức sẵn có hội nhập vào con đường Phật đạo.

Nhơn duyên hội ngộ tường lâm trên những

nẻo đường đạo có nhiều danh lam cổ kính và các bậc Cao Tăng Thạc Đức, nơi đây chỉ trích ra một trong muôn một trong tông lâm.

Tổ Phước Huệ là Quốc sư của Triều đình Huế, ngài cũng là vị Tổ Trụ trì ngôi danh lam cổ kính Di Đà Thập Tháp ở tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Hòa Thượng Trí Hải trước khi xuất gia là một học giả, tên Nguyễn Trọng Khải, hiệu Mai Đình (Thận Thần Thị), pháp danh Thích Chơn Giám, tự Đạo Quang, hiệu Trí Hải, quê làng Hảo Đức, An Nhơn, Bình Định, ngài là một nhà Nho uyên thâm, nhưng chưa gặp nhân duyên Phật lý. Cùng thời với Tổ Phước Huệ nên ngài năng lai vãng với Tổ Phước Huệ nơi chùa Thập Tháp, nhờ nhân duyên ấy mà Ngài Trí Hải thâm nhập căn bản giáo lý Phật đà, vị học giả từ đây quyết chí xuất gia cầu đạo.

Tổ Phước Huệ giới thiệu vị học giả này đến cầu đạo xuất gia nơi Tổ Hồng Thạch thuộc dòng Chúc Thánh, sau thời gian học đạo Thích Chơn Giám trở về quê cũ trích đất, ruộng làm một ngôi chùa tên là Bích Liên Tự khi báii Tổ sư Thích Chơn Giám về làm chùa nơi đây càng ngày càng được chấn hưng. Ngài đem kiến thức quyết chí tô bồi ngôi nhà Phật pháp trong khoảng thời gian Ngài có bảy mươi mốt đệ tử xuất gia, môn đồ của Ngài đã vân du hành đạo trên khắp miền đất nước, hiện nay một trong những đệ tử lớn của Hòa Thượng Trí Hải. Vị

này trí huệ viên dung là Hòa Thượng Thích Huyền Quang.

Năm 1926 Hòa Thượng Lê Khánh Hòa từ miền Nam đến chùa Long Khánh Qui Nhơn truyền giới, gặp nhau hai Ngài đàm thuyết hợp đạo, sau cuộc hội ngộ như duyên Ngài Khánh Hòa nhã ý mời Ngài Trí Hải vào chùa Linh Sơn Sài Gòn chung lo việc chấn hưng hoằng truyền Phật pháp thành lập Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học.

Nguyệt san *Từ Bi Âm* được xuất hiện phần lớn là miền Nam do Ngài Trí Hải làm chủ bút, cộng với các ngài bút của hai vị môn đồ là Pháp sư Liên Tôn và Trí Độ. Trong *Từ Bi Âm* đã lưu lại thể văn ưa thích qua sự trì tụng ngân nga chư Tăng và tín đồ miền Nam, hiện nay vẫn còn sử dụng trong các ngày lễ như Sám Khể Thủ, Sám Thập Phương, Sám Nhứt Tâm, Sám Hồng Trần, và Mông Sơn đã dịch theo thể văn diễn nôm.

Từ Bi Âm bị đình bản, Ngài viết *Viên Âm* và *Lão Bút* và trở về chùa an dưỡng cho đến khi nhập tháp (viên tịch).

Nguyễn Trọng Khải lập gia đình một vợ có bốn con, một trai, ba gái, xuất gia năm 45 tuổi thành tựu trên đường đạo. Cuối cùng Ngài đã viên tịch ngày 2 tháng 6 năm Canh Dần, 1950, hưởng thọ 75 tuổi.

Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học đề thư khen tặng:

*Thử xem mày mặt giả hay chơn,
Cũng huyễn thân mà cũng pháp thân,
Mảnh kính in tròn khuôn sắc tướng,
Vầng trăng soi tỏ nét tinh thần,
Chơi nhà nghiên cứu vừa đôi lúc,
Nổi tiếng Từ Bi đã mấy lần,
Cái bóng vô sanh rày tạc để,
Ngàn thu un ngất khói hương vân.*

Nói tiếp đạo mạch hoằng truyền, bốn ba trong cuộc hồng trần cùng công nghiệp với miền

Nam Việt Nam, như bao người con nước Việt in dấu trên khắp nẻo đường thế giới tự do, sau 30 tháng 4 năm 1975. Tôi đến California cuối 1993 trong chương trình HO, nhờ sự giúp đỡ của Hòa Thượng Thanh Cát cho tạm trú dưới bóng Phật đài một năm, sau một năm lại nhờ thầy Thích Thiện Tâm trụ trì Niệm Phật Đường Duyên Giác cho tạm dừng chân đến nay.

Một dịp thầy Thích Tâm Quang mời thầy Thiện Tâm xem dự án thiết kế xây dựng chùa mới. Tôi được dịp cùng đi cho biết, đến nơi, thầy Tâm Quang đưa đi xem lô đất trống sẽ cất Chùa trong tương lai, sau khi chuyện vãn và thọ trai, chúng tôi trở về San Jose.

Khoảng thời gian sau tôi nhận được thiệp mời của thầy Tâm Quang làm lễ An Vị Phật chùa mới. Khi đến nơi trông thấy một ngôi chùa tương đối hoàn thành với sự tham dự của chư Tăng và đông đảo đồng bào Phật tử khắp nơi.

Lần thứ ba lại nhận thiệp mời khánh thành, lần này ngôi chùa khang trang lịch sự hơn và vị trụ trì đã mua thêm lô đất kế sát bên chùa. Buổi lễ được tổ chức long trọng, chư Tăng khắp nơi với đông đảo đồng bào Phật tử hai miền Nam, Bắc California và các cấp chính quyền cao cấp county Fresno tham dự.

Bài viết này đến với các Thiện Hữu Tri Thức tường lãm sự phát triển của Phật giáo trên đất nước mới với cộng đồng Việt Nam. Xin thưa, nơi đây không phải phô trương danh vọng cá nhân, mà mục đích khái niệm cho giới Phật tử trung niên muốn xuất gia.

Một pháp hữu tuổi đã cao mà phát tâm tu tập vượt mọi chướng duyên đã làm được công ích Phật sự.

Đại Đức Thích Tâm Quang thế danh Nguyễn Hữu Vũ, quê miền Bắc Việt Nam, người được sanh trưởng trong gia đình Phật giáo, thuở bé thường theo mẹ đến chùa lễ Phật và gần gũi chư Tăng. Chương duyên lại đến quê hương miền Bắc, một số lớn người dân ngậm ngùi xa

rời mô mả ông, cha, xa lữ tre làng, bôn ba tìm về miền đất ấm Tự Do 1955. Thuở thiếu thời là một công chức Đông Dương, khi cùng làn sóng người dân từ Bắc vào Nam, người đã nghe tiếng gọi gìn giữ Tổ Quốc Non Sông, người đã nhập ngũ và trở thành một sĩ quan của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Sau thời gian phục vụ đến năm 1965 người được giải ngũ. Khi vào miền Nam người là một gia đình bận rộn với một công chức, là một quân nhân, nhưng cũng dành thời gian cho tinh thần là đến chùa lễ Phật và thăm viếng chư Tăng. Người có túc duyên nên xin Quy y với thầy Đức Niệm tại chùa Ấn Quang. Trước khi xuất gia, người là một công chức, là một quân nhân, một Phật tử thuần hậu, một thiện tri thức với thân hữu, người có kiến thức Anh ngữ thông thạo. Lại lần thứ hai thê, nhi bôn ba hải ngoại sau 30/4/1975. Cũng từ đây thầy trò lại tái ngộ đến cùng một tiểu bang. Hòa Thượng Thích Đức Niệm là giám đốc Phật Học Viện Quốc Tế cũng là vị lãnh đạo tinh thần sáng lập chùa Tam Bảo. Lúc đầu chùa thành lập nhỏ hẹp trong vùng dân cư, lại không có chư Tăng, đạo hữu Nguyễn Hữu Vũ phát tâm chăm lo Phật sự tại chùa. Ngoài thì giờ đi làm đem lại sự sống cho gia đình, người đã về hưu cuối năm 1987.

Đạo tâm cao hơn số tuổi đời, cảm niệm nhân đạo chu viên thê nhi yên bề gia thất, trần duyên vẹn toàn. Nhịp cầu Phật đạo được nối liền đầu 1988. Người đã đến Phật Học Viện Quốc Tế cầu đạo xuất gia với Hòa Thượng Đức Niệm. Qua ngưỡng cửa ngôi nhà Như Lai, trước mặt là con đường thình thạng, quang cảnh bao la Ánh Đạo Mẫu. Hòa Thượng Đức Niệm trao cho đệ tử pháp danh là Minh Phát, pháp hiệu là Thích Tâm Quang, từ đây vui thích đạo mẫu siêng năng tu học Phật đạo. Thấm thoát thu tàn, xuân đến. Hợp với phép Thiền môn, thầy Tâm Quang đã thọ Cụ Túc tháng 6 năm 1988. Chùa cũ vắng người trông nom, đồng bào Phật tử đã mời thầy

Tâm Quang trở về chùa cũ. Đáp ứng lời thỉnh cầu, bái thầy Tổ trở về chùa cũ để chăm lo Phật sự. Ngoài công việc chùa, Đại Đức với hoài bão nghiên cứu Phật giáo và khoa học (nơi đây xin nói cảm nghĩ những sự kiện Khoa học chỉ có những con số trùng hợp khoa học, những sự kiện mà Phật giáo đã có trong giáo điển), một người bình thường muốn nghiên cứu Phật giáo không khác một con muỗi hút nước đại dương. Đại Đức Thích Tâm Quang đã đem năng lực trí tuệ tu học vượt qua mọi chướng duyên tình đời, thế đạo. Dịp lễ Phật Đản 1993 Đại Đức cho xuất bản cuốn "*Ngàn Năm Một Kiếp Luân Hồi*" (tức *Mối tình vương giả bất diệt của vua Sefty*) và *Những Chuyện Luân Hồi Hiện Đại*. Tiếp đó, cũng đã xuất bản sách song ngữ *Phật Giáo Và Đời Sống Hiện Đại*, *Phật Giáo Dưới Mắt Các Nhà Trí Thức*, *Làm Sao Thực Hành Lời Phật Dạy*, *Làm Sao Khỏi Sợ Hãi Và Lo Lắng*, *Hạnh Phúc Lửa Đồi*, *Nền Tảng Của Phật Giáo*, *Chết Có Thật Đáng Sợ Không? Vì Sao Tin Phật*, còn tiếp tập hai và ba. Đại Đức đã viết cho báo Phật Giáo và Khoa Học, những chuyện ly kỳ sau khi Elvis Preley chết. Đại Đức đã thực hành hạnh Bồ Thái Pháp mà nhiều người muốn nhưng chưa thực hiện được.

Đại Đức Thích Tâm Quang là vị Trụ trì đầu tiên tại chùa Tam Bảo cũ từ năm 1988 đến năm 1990 thì chính quyền Fresno thông báo là không được sinh hoạt với lý do chưa được phép của thành phố. Vượt qua trở ngại, Đại Đức cùng thân hữu, thiện tín chung lo mua được khu đất năm 1991, đồng thời xin phép đến tháng 6, 1995 chùa được giấy phép chính thức. Tháng 6, 1996 chùa được xây cất hoàn thành. Đại Đức tâm sự thân già, tuổi cao, gặp nhiều khó khăn hơn là thuận. Đại Đức một lòng tin đức Phật, Long Thần Hộ Pháp giúp Đại Đức vượt qua mọi chướng duyên. Chùa thỉnh ngọc Xá Lợi đức Phật nhân lễ An Vị ngày 29 tháng 6 năm Đinh Sửu. Ngày 2 tháng 8, 1997 Đại Đức tổ chức Đại Lễ Khánh Thành

chùa mới tại 2459 South Elm Ave., Fresno, CA 93706. Đại Đức đã 74 mùa thu lá bay.

Viết bài thân tặng Đại Đức Thích Tâm Quang để vui hạnh đạo, vững tiến trên đường giác ngộ. Đại Đức Tâm Quang là một trong muôn ngàn tấm gương cho giới trung niên muốn bước nhịp cầu đạo hạnh giải thoát.

Manh Thu Đình Sứ ngày 6 tháng 8 năm 1997

thơ PHÙ DU

Quy phục

*Tôi lên đầu núi tìm hoa
Hoa ơi hoa mấy lần xa lá cành?
Không thời quy phục mong manh
Đường chim vạn dặm hoa đành trao tay
Hoa về thơm ở góc này
Lá cành gốc rễ loay hoay khóc ròng
Hoa ơi hoa mấy lần mong.*

Vẫn còn mưa mây

*Tôi vào chiêm nghiệm mây mưa
Trời giông, chung cục
vẫn chưa mọc tình.*

*Ngát mù tơ tóc lênh đênh
Thả rơi sỏi đá xuống triền cỏ non
Xác thân từ độ hao mòn
Bão qua mấy trận vẫn còn mưa mây.*

TẠI SAO DÂN SỐ TRÊN THẾ GIỚI LẠI GIA TĂNG?

Tác giả: Tiến sĩ K. Sri Dhammananda

Người dịch: Thích Tâm Quang

Thật không có lý do nào để nghĩ rằng chỉ trong khoảng thời gian này mà dân số trên thế giới mới gia tăng.

Nếu Phật tử không tin vào linh hồn được Thượng Đế tạo ra thì sao họ có thể giải thích về dân số gia tăng trên thế giới này? Đó là một câu hỏi rất thường được nhiều người nêu ra hiện nay. Người hỏi câu này thường chấp nhận rằng chỉ có một thế giới có chúng sinh hiện hữu. Ta phải nhận rằng đó là một điều hoàn toàn tự nhiên mà dân số tăng tại những nơi có điều kiện khí hậu tốt, có cơ sở y khoa, thực phẩm và những phương tiện phòng ngừa về sinh sản và bảo vệ chúng sinh.

Ta cũng nên nhận thức rằng không có lý do nào để cho rằng chỉ trong thời gian này dân số trên thế giới mới gia tăng. Không có cách nào để so sánh với bất cứ giai đoạn nào của lịch sử cổ xưa. Có nhiều nền văn minh rộng lớn đã hiện hữu và mất đi tại Trung Á, Trung Đông, Phi Châu và Mỹ Châu thời cổ. Không còn lưu lại mấy may nào về những bản kiểm kê về các nền văn minh đó. Dân số, cũng như mọi thứ khác trong vũ trụ, cũng chịu ảnh hưởng theo chu kỳ lên xuống. Trong những chu kỳ nhân số tăng vọt, ta dễ có khuynh hướng lý luận chống lại

SINH LÝ VÀ TÔN GIÁO

"Phần dười của chúng ta vẫn còn là thú vật"

(Gandhi).

thuyết tái sinh trên thế giới này hay thế giới khác. Với vài nghìn năm qua, không có bằng chứng nào cho thấy số người tại nơi nào đó trên thế giới nhiều hơn ngày nay nhưng con số của các chúng sinh hiện hữu trong nhiều hệ thống trên thế giới khác thật ra không đếm được. Nếu con số của nhân loại có thể so sánh với một hạt cát thì con số chúng sanh trong vũ trụ sẽ giống như số hạt cát nơi tất cả các bờ biển trên thế giới. Khi đủ nhân duyên, khi được hỗ trợ bởi thiện nghiệp, một phần ít của con số chúng sinh không đếm được tái sinh làm người. Sự tiến bộ của y khoa nhất là vào thế kỷ thứ 19 và 20, giúp cho con người sống lâu hơn và khỏe mạnh hơn.

Đó là một yếu tố góp phần cho dân số gia tăng. Dân số có thể tăng thêm nhiều hơn nữa trừ phi người ý thức có biện pháp kiểm soát. Vì lý do đó, công trạng hay trách nhiệm về sự gia tăng dân số phải quy về cơ sở y khoa và những hoàn cảnh thuận tiện ngày nay. Công trạng này hay trách nhiệm không thể quy về một tôn giáo đặc biệt nào hay bất cứ một nguồn gốc bên ngoài nào cả. Có những người tin rằng tất cả những sự bất hạnh diễn ra để phá hủy mạng sống con người đều do Thượng Đế tạo ra để giảm thiểu dân số trên thế giới. Thay vì mang quá nhiều đau khổ đến cho những sinh vật do chính Thượng Đế tạo ra, tại sao Thượng Đế không thể kiểm soát dân số? Tại sao Thượng Đế còn tạo càng ngày càng nhiều người tại những quốc gia đông dân mà lại thiếu thốn thực phẩm, quần áo, và những nhu cầu căn bản cần thiết? Những ai tin tưởng Thượng Đế tạo mọi thứ không thể trả lời thỏa đáng câu hỏi ấy. Nghèo khổ, bất hạnh, chiến tranh, đói, bệnh, nạn thiếu thực phẩm không phải do ý muốn của Thượng Đế hay do ý thích của ma quỷ nào đó, nhưng do các nguyên nhân không mấy khó để có thể tìm ra được.

*

* *

*

Sự đòi hỏi sinh lý là động lực mạnh nhất trong bản chất con người. Cho nên ảnh hưởng sâu rộng về sức mạnh dục tính cần phải có biện pháp kiểm chế ngay trong cuộc sống bình thường. Trường hợp của người sống hướng về tinh thần, bất cứ ai muốn kiểm soát hoàn toàn tâm ý mình thì một biện pháp mạnh mẽ rộng lớn của kỷ luật tự giác rất cần thiết. Một năng lực mạnh mẽ như vậy trong bản tính của con người chỉ có thể bị khuất phục nếu người có chí biết kiểm soát tư tưởng và thực hành việc tập trung tâm ý của mình. Sự kiểm chế sức mạnh dục tính khiến sức mạnh tinh thần phát triển. Nếu ta kiểm soát được sức mạnh dục tính, ta sẽ có thể kiểm soát hơn nữa trên toàn thể bản chất của mình, trên những xúc cảm nhỏ nhặt hơn.

Độc thân là một trong những điều cần thiết cho những ai muốn phát triển tinh thần đến mức toàn hảo. Tuy nhiên, không bắt buộc mỗi hay mọi người phải độc thân để hành trì đạo Phật. Lời khuyên của đức Phật là giữ độc thân thì thích hợp hơn cho một người muốn trau dồi để đạt thành quả tinh thần. Với người cư sĩ bình thường, giới luật là không tà dâm. Mặc dù sự đòi trụ của sức mạnh nhục dục không phải đều cùng một loại như vậy nhưng người đòi trụ lúc nào cũng bị đau khổ bởi những phản ứng xấu cả về vật chất hoặc tinh thần hay cả hai.

Một cư sĩ Phật tử cần phải tập kiểm soát bản năng sinh lý mình ở một mức độ nào đó. Sự đòi hỏi về xác thịt phải được kiểm soát đúng cách nếu không con người sẽ có tư cách xấu hơn là con vật khi bị đam mê bởi ái dục. Hãy xét đến thái độ tính dục của cái mà ta gọi là "thấp hơn thú vật." Cái nào mới thực sự là thấp hơn loài vật hay loài người? Loài nào có thái độ về tính dục qua hành động bình thường và tự nhiên?

Còn loài nào thi đua về đủ mọi kiểu cách bất bình thường và đồi trụy? Loài vật thường tỏ ra một sinh vật cao hơn, và con người là kẻ thấp hơn. Và tại sao lại như vậy? Đơn giản là vì con người với khả năng tinh thần nếu được sử dụng đúng sẽ giúp cho họ điều khiển những thôi thúc thể xác của mình, nhưng lại đi dùng sức mạnh tinh thần này vào tác phong đáng trách và làm cho họ càng lệ thuộc vào những đòi hỏi ấy. Con người như vậy xem như còn thấp hơn con vật.

Tổ tiên chúng ta coi nhẹ phần đòi hỏi sinh lý này. Cha ông chúng ta hiểu cái đó đã đủ mạnh không cần phải dùng đến kích thích nào nữa. Nhưng ngày nay chúng ta đã làm nổ tung nó bằng cả ngàn hình thức quảng cáo, tuyên truyền, triển lãm đầy kích động và kêu gọi; và chúng ta đã trang bị cho sức mạnh dục tính bằng chủ trương nói rằng sự kiềm hãm sinh lý là nguy hiểm và có thể gây nên những xáo trộn tinh thần.

Tuy nhiên, sự kiềm hãm tức là sự kiểm soát tính năng là nguyên tắc đầu tiên của bất cứ nền văn minh nào. Trong xã hội văn minh tiên tiến hiện nay, chúng ta đã làm ô nhiễm bầu không khí giới tính bao quanh chúng ta — mức thôi thúc của thân tâm muốn được thỏa mãn tình dục thật là to lớn.

Hậu quả của việc khai thác tình dục này do những kẻ lợi dụng ẩn nấp trong xã hội tiên tiến, thanh thiếu niên ngày nay phát huy mạnh mẽ thái độ đối với tình dục làm thành một mối lo ngại chung. Một thiếu nữ ngây thơ không dám tự do đi đây đi đó mà không bị quấy rầy. Mặt khác phái nữ phải ăn mặc sao để đừng khơi động bản chất thú tính ẩn tàng nơi đám thanh thiếu niên.

Con người là con vật duy nhất không có thời gian ngưng hoạt động giới tính theo tự nhiên để thân xác có thể hồi phục sinh khí. Bất hạnh thay ngành khai thác thương mại về bản tính đa dâm nơi con người đã khiến nhân loại hiện đại bị đặt

trước những chương ngại tiếp diễn không ngưng của sự kích thích tình dục từ mọi phía. Nhiều chứng loạn thần kinh trong đời sống ngày nay đều có dấu vết do tình trạng mất quân bình của những chuyện tình. Người ta muốn đàn ông chỉ nên có một vợ, nhưng đàn bà lại được khuyến khích bằng mọi cách để có thể được tự mình trở nên “quyến rũ” không phải chỉ cho chồng, nhưng để kích thích nơi mỗi người đàn ông sự đam mê mà xã hội cấm người đó tham đắm vào. Nhiều xã hội cố gắng bắt buộc chế độ một vợ một chồng. Như vậy, một người đàn ông với nhiều nhược điểm vẫn có thể là một người đạo đức, có nghĩa là người đó vẫn trung thành với một vợ theo luật định. Sự nguy hiểm nơi đây nằm trong sự kiện là người biết suy nghĩ thừa thông minh để hiểu rằng những luật lệ ấy chỉ là nhân tạo và không có căn cứ nào trên nguyên tắc tiên nghiệm, phổ thông có giá trị nào cả; những luật lệ ấy có khả năng rơi vào cách suy tư lảm lẩn giống như tất cả những luật lệ luân thường đạo lý khác.

Tình dục được nên chỉ cho nhau ở nơi chốn thích hợp trong đời sống bình thường của con người nhưng chẳng nên kiểm chế mất sức khỏe mà cũng chẳng nên thái quá không lành mạnh. Nó lúc nào cũng phải được ý chí kiểm soát, và nếu nó được xem như lành mạnh và nó được đặt trong phối cảnh thích hợp.

Không nên coi sinh lý như một chất liệu quan trọng nhất cho hạnh phúc của đời sống lứa đôi. Những ai quá tham đắm có thể trở nên nô lệ cho nhục dục mà cuối cùng làm hại đến tình yêu và sự tương kính trong hôn nhân. Như trong mọi thứ, ta nên điều độ và có lý trí trong việc đòi hỏi sinh lý của mình, cân nhắc tình cảm thân thiết và tính khí lẫn nhau.

Hôn nhân là một cam kết giữa người đàn ông và người đàn bà đi vào cuộc sống chung. Kiên nhẫn, khoan dung và hiểu biết là ba phẩm hạnh chính phải được phát triển và nuôi dưỡng

bởi hai người. Trong khi tình yêu là mối ràng buộc hai người với nhau thì phần vật chất cần thiết để gia đình được hạnh phúc nên do người đàn ông lo lắng để vợ chồng chia xẻ. Tiêu chuẩn cho một cặp hôn phối tốt đẹp phải là “của chúng ta” chứ không phải là “của anh” hay “của tôi.” Cặp vợ chồng tốt đẹp phải “mở rộng” con tim đối với nhau, và phải kiềm hãm sự vui chơi “bí mật.” Ôm giấu mãi bí mật cho riêng mình có thể dẫn đến nghi kỵ và nghi kỵ là yếu tố có thể phá hoại tình yêu của người hôn phối. Nghi kỵ nuôi dưỡng hờn ghen, hờn ghen tạo sân hận, sân hận làm tăng lòng oán ghét, oán ghét biến thành thù địch và thù địch là nguyên nhân của khổ đau không thể tả kể cả đổ máu, tự tử và chí đến giết người. ■

Đi vòng từng cuộc

Quần quanh góc phố đi qua
Tình sương là nụ, chiều tà là bông
Ban trưa là ngọc chấp chùng
Nảy từng hạt biếc lên giòng thơ say
Khuya là lá cỏ phơi bày
Là trăng phiêu lãng
Là mây phiêu bông
Là tôi từng cuộc đi vòng
Hai chân chênh lệch chạy rong bên đời
Là sinh tử chợt sinh sôi.

Di ngôn

Tôi ca hát tận một đời
Tình rong du mục ôm lời biển dâu
Mùa xưa sông trẩy qua cầu
Mà nay cạn nước bạc mầu lục rêu
Bên thềm cát nóng hoang liêu
Dấu chân lưu trú ít nhiều di ngôn.

HOÀNG VIỆT THI

CON ĐƯỜNG VÔ TẬN

Huỳnh Trung Chánh

(tiếp theo)

Tóm tắt phần trước:

Vào năm 1919, nhà cách mạng Đinh Hữu Thuật (1), nhân vật thứ nhì của Phong trào Đông Du tại miền Nam vượt biên sang Trung Hoa mở đường giảng dạy chuẩn bị đưa đoàn viên sang Nhật du học. Thuật bất ngờ mất liên lạc với cán bộ cơ sở tại Côn Minh, lại gặp lúc nhà cầm quyền tỉnh Vân Nam hợp tác với thực dân Pháp bố ráp nên phải tìm chốn hẻo lánh trốn tránh. Tình cờ, Thuật gặp một nhà sư câm điếc đang làm công việc tri địa bèn đi theo làm công quả làm kế ẩn thân. Gần gũi với tu sĩ câm điếc, lần lần Thuật cũng thấm chút hương vị đạo. Không ngờ nhà sư “câm điếc” chẳng câm điếc tí nào, và lại là người Việt đã sang Trung Hoa cầu pháp khoảng 40 năm về trước. Nổi mừng kỳ ngộ chân sư chỉ kéo dài được mười ngày, thì sư lại vãng sanh về cõi tịnh độ, sau khi trao tặng chàng xấp giấy ghi lại cuộc đời tu tập của mình.

* * *

Nội dung di cảo thảo bằng chữ nôm như sau:
Tổ phụ ta vốn là người Minh Hương, sinh cơ lập nghiệp tại Hà Tiên từ thời Tông Đức Hầu Mạc thiên Tứ. Cha ta tên Hồi Thới Thuận, mẹ là Nhan Mỹ Lan, kết hôn đã bảy năm vẫn hiếm muộn nên thường đến chùa Phù Dung lễ bái Quan Âm Bồ Tát để cầu sanh con trai. Một hôm mẹ ta chiêm bao thấy Phật Bà trao một con công

trống, người vừa đưa tay đón nhận thì con công lại hóa ra đứa bé trai kháu khỉnh. Sau đó, người thọ thai rồi hạ sanh ra ta nhằm ngày rằm tháng chạp năm Đinh Mùi, tức năm Thiệu Trị thứ bảy (1847). Do linh ứng nầy, người đặt tên ta là Từ Ân để tạ ơn Bồ Tát. Hà Tiên nổi tiếng là xứ Phật, nhà nhà chăm chỉ tu niệm, ta lại thường theo mẹ đến chùa lễ Phật nên rất sùng mộ đạo. Tuy vậy, ta vẫn ham vui sống như bao kẻ thế tục và tuyệt nhiên chẳng bao giờ thoáng nghĩ đến con đường xuất gia tu tập. Biến cố làm đảo lộn đời ta xảy ra năm ta được mười ba tuổi và nhân cái chết của chị Mai, con gái út của thầy ta, cụ đồ Nguyễn Trọng Sĩ. Chị Mai vừa mười tám xuân xanh, đẹp đẽ, tài hoa và thùy mị, khiến bao nho sinh tơ tưởng mê mết. Chị chỉ trúng gió buổi chiều, thì ngay ngày hôm sau đã lìa đời. Chị phụ giúp thầy dạy dỗ đám học trò nhỏ, lứa tuổi của ta, nên tình chị em khá gần gũi. Ta đến nhà thầy phụ giúp tang ma, cứ lăm lét nhìn thân xác xám xịt ghê rợn nằm bất động, rồi mang so sánh với hình ảnh nàng con gái rạng rỡ, tươi cười ngày hôm qua, bỗng run rẩy kinh hoàng. Ta tự hỏi: “bao giờ sẽ đến lượt mình?” Từ đó, ta không ăn uống ngủ nghỉ gì được. Ta cứ thao láo nhìn thấy thầy ma của chính mình nằm chình ình trước mặt, cái thầy đó tím bầm, sinh chương lên, nứt nẻ, rục rã, lầy thúi... thật là gớm ghiếc. Chỉ mới hai tháng mà sức khỏe của ta đã trở nên tồi tệ, ta nằm thoi thóp chờ chết, vì ăn uống thuốc thang gì cũng nôn mửa tháo ra ngoài. Mẹ ta gặp ai cũng kêu van nhờ cứu chữa cho con, nhưng tất cả thầy bà đều bó tay, chốn linh thiêng nào đi cầu cạnh cũng vô hiệu. Một hôm vừa gặp một du tăng lạ mặt, bà đã khóc lóc kể chuyện con, rồi nài ép xin cứu giúp. Nhà sư ân cần hỏi han tự sự, an ủi bà, rồi hoan hỷ đi theo về nhà chẩn bệnh cho ta. Sư từ bi nhìn ta thật lâu, trùi mấn nắm tay ta, rồi mới từ hòa lên tiếng:

— Cái chết thật dễ sợ! phải không con?

Câu hỏi đúng y tâm bệnh của ta, ta cảm xúc

hai hàng nước mắt chảy dài, nhưng không đủ sức đáp lời. Nhà sư lại chậm rãi:

— Thế nhưng, đối với kẻ biết chọn con đường tu đạo giải thoát, thì vấn đề sống chết chỉ là chuyện trò đùa con ạ!

Lâu nay ta bị nỗi kinh hoàng về cái chết bám lấy tựa như bị một khối đá to dằn lên ngực không phương vùng vẫy, bất ngờ vừa nghe được rằng kẻ tu hành coi sống chết tựa trò đùa, thì khối u uất nặng nề kia bỗng tan biến, ta cảm thấy nhẹ nhõm mừng rỡ ngồi dậy thì thào:

— Thưa thầy! liệu con có thể đi... đi... tu... tu... được không thầy!

Cơ thể ta rất yếu ớt, ta gắng sức lập bập chưa hết câu đã mệt nhoài, thở chẳng ra hơi. Sư đỡ cho ta nằm xuống, rồi thương yêu dỗ dành:

— Con sẽ tu giỏi lắm! Thầy hứa dạy con tu! Nhưng bây giờ con còn yếu, con nên ăn uống tịnh dưỡng cho khỏe thì mới bắt đầu học đạo được!

Sức khỏe chưa hoàn toàn bình phục, ta đã khẩn thiết van nài cha mẹ cho đi tu. Cha mẹ ta tuy không muốn xa con, nhưng cảm thấy giữ con ở nhà thì mạng sống nó khó an toàn, nên đành bấm bụng đối buồn thành vui cho con xuất gia học đạo. Thầy ta là du tăng không trụ trì tự viện nào, nên tạm mượn chánh điện chùa Bạch Vân, để làm lễ thí phát cho ta. Thầy ta pháp danh Hải Minh Bảo Chơn (2), vốn là đệ tử chùa Bát Nhã, núi Long Sơn, miền Trung, thuộc thế hệ thứ 40 thiền Lâm Tế, chi phái Liễu Quán, chiếu theo kệ truyền phái “Thiệt Tế Đại Đạo, Tánh Hải Thanh Trùng...” Đến lượt ta, thế hệ thứ 41 mang chữ Thanh, nên thầy ban cho ta pháp danh Thanh Trì, pháp hiệu Tâm Địa. Nếp sống tu hành của thầy là du phương tùy duyên hoằng hóa, nơi nào hợp thầy lưu lại dạy đạo, thấy vừa đủ thì lại ra đi. Thầy đưa ta đi khắp vùng Hà Tiên, đoạn sang vùng Bảy Núi, chung sống với đồng bào Chăm và Miên một thời gian, rồi đổ xuống vùng đồng bằng sông Hậu. Nếp sống du

phương vất vả — đôi khi được cúng dường tươm tất, tạm trú nơi có mái che mưa nắng, có lúc cũng đói rét, ăn bờ ngủ bụi — tuy vậy nếp sống này rất thích hợp với ta. Ta được ngắm cảnh thiên nhiên thay đổi, tiếp xúc đủ hạng người trong mọi tầng lớp xã hội, sắc tộc. Những bài pháp của thầy do đó cũng tùy trình độ cơ duyên kẻ đối thoại mà biến hóa chập chùng: thường thì giản dị, gần gũi với nếp sống dân quê, nhưng đôi khi gặp bậc cao nhân thì lại cao siêu diệu vợi khiến ta ngỡ ngàng tối tăm. Ta may mắn thân cận với thầy, vừa nghe pháp vừa chiêm ngưỡng đạo phong của thầy qua nụ cười hoan hỷ, lối cư xử nhân hậu tế nhị..., thầy đi, đứng, nằm, ngồi, uy nghi nào cũng phảng phất đạo vị giải thoát để cho ta học hỏi. Thế nhưng thầy ta lại chủ trương tu sĩ trẻ tuổi cần nhập chúng tu tập đúng theo qui củ thiền môn, “*hổ ly sơn hổ bại, tăng ly chung tăng tàn,*” tăng sĩ trẻ tuổi xa chúng dễ sanh bại hoại làm gián đoạn đường tu. Ngoài ra, tu một mình ở chốn thanh vắng nếu chưa đủ công phu thâm hậu, rất dễ lạc sang lối tu tiên: sống trong quên lãng mà tự hào là biết buông bỏ, tiêu dao hưởng lạc mà ngỡ rằng đã ngộ đạo giải thoát.

Vì vậy, khi đến chợ Sa Đéc, bốn sư gửi gắm ta cho pháp hữu của người là thầy Như Diệu, thủ tọa chùa Phước Hưng (3), dạy dỗ. Ta lễ lạy thủ tọa làm vị y chỉ sư, và người chính thức cho ta thọ giới sa di, sự nghiệp tu hành của ta khởi sự từ đó. Sa di ở ngôi chùa phố chợ không phải làm ruộng cực nhọc, cơm nước đã có mấy dì cư sĩ công quả, nên chỉ phải chấp tác vài công việc nhẹ như lau dọn chánh điện, gánh nước, chẻ củi mà thôi. Phần lớn thời giờ, nhóm sa di chúng ta gồm tám chú, được khuyến khích đặt nặng việc tu học, mà căn bản là học thuộc lòng hai thời công phu và thông hiểu các bộ Sa Di Luật Nghi, Tì Ni Nhật Dụng Thiết Yếu... Ta vốn có lòng nhiệt tâm cầu đạo, đã tập tành bút nghiên chữ nghĩa, lại được vị y chỉ sư tài đức tận tụy dạy dỗ

nên trình độ am hiểu Phật pháp thâm sâu hơn mức đòi hỏi của một sa di. Đạo tràng nào khai mở khóa giảng kinh đại thừa, ta đều được y chỉ sư gửi đi tham dự chung với chư tỳ kheo. Nhờ vậy, ta càng tiến bộ vượt bậc, khiến cho chư tôn ba tỉnh miền Tây nức lòng khen ngợi. Thắng duyên này vô tình tạo mầm mống cho bệnh kiêu mạn khinh người nhen nhúm rồi bành trướng mãnh liệt trong tâm ta ơ hồ chẳng biết. Ta chạy theo lời khen, và rất tự hào về khả năng, về sở học và về đức hạnh của mình. Ta nghĩ mình tài đức ghê gớm lắm nên ngoại trừ hai vị ân sư, và hòa thượng Minh Phước, trụ trì chùa Phước Hưng, không ai đáng để ta kính nể cả. Từ đó, ta thích so đo đánh giá từng người, và vì vậy, ta phải “dòm hành” tìm lỗi kẻ khác. Nghe ai tu giải đãi ta chẳng ưa, nghe ai bữa bãi giới luật ta càng ghét cay ghét đắng.

Ta nường nấu tại chùa Phước Hưng tròn bốn năm. Năm nào bốn sư cũng ghé chùa thăm ta, thông báo vài tin tức gia đình và sách tấn ta tu học. Lần nào ta cũng mừng rớt rít, hãnh diện trình bày thành quả tu học, và luôn luôn được thầy khen ngợi. Lần này, sau khi huênh hoang về sở học của mình, ta lại hứng chí lên tiếng than phiền đạo hạnh tội tệ của một vài tu sĩ, kể lẽ không sót một chi tiết nhỏ. Bốn sư tỏ vẻ không hài lòng. Người quở: “Kẻ quyết tâm cầu đạo luôn luôn ý thức rằng cái chết sẽ xảy ra bất cứ lúc nào, khẩn trương tu tập quán sát tìm lỗi mình để sửa chữa còn sợ không có thời giờ. Sao con lại có thể rảnh rang tìm tòi soi bói lỗi kẻ khác để mà làm gì?”

Ta thoáng ngỡ ngàng về thái độ của thầy, nhưng chỉ bản khoản giây lát rồi quên mất, không lưu tâm nữa. Ngờ đâu, hai ngày sau ta được nhậm vị ân sư vờ vào phòng riêng dạy việc.

Bốn sư mở lời huấn dụ:

— Con ạ! Theo nguyên tắc thì pháp thế gian chính là pháp Phật, chốn trần tục và đạo tràng thanh tịnh chẳng phải là hai! Tuy nhiên, trên

thực tế đạo tràng là đạo tràng, trần tục là trần tục; người hành giả sơ cơ phải nương theo bậc thiện tri thức chọn đúng đạo tràng thanh tịnh để tu tập mới tránh lầm lạc, uổng phí cả đời. Bốn năm qua con được tu tập tại một đạo tràng tôn nghiêm do thầy tọa chủ đích thân dạy dỗ quả là một phước duyên hy hữu, con hãy lễ thầy để tạ ơn.

Ta bối rối chẳng hiểu ý bốn sư như thế nào, nhưng vẫn vâng lời lạy thầy tọa chủ. Bốn sư ôn tồn tiếp lời:

— Con hiểu khá nhiều sinh hoạt chùa chiền nơi phố chợ, ta nghĩ con cần có thêm kinh nghiệm tu tập tại miền thôn dã, nên ta đã xin thầy tọa chủ cho con rời chùa Phước Hưng, đến nơi khác tiếp tục tu tập.

Ta chẳng muốn xa chốn này, nhưng chẳng dám lên tiếng, đành đưa mắt tha thiết nhìn thầy tọa chủ cầu khẩn người cứu giúp.

Thầy tọa chủ ôn tồn khuyên nhủ:

— Tu hành thì phải biết buông bỏ, không để tâm quyến luyến một điều gì, kể cả những thuận duyên tu tập như cảnh chùa, thầy bạn... vì lẽ, còn dính mắc thì còn bị phiền não làm chướng ngại sự nghiệp tu hành. Con phải dũng mãnh và dứt khoát, khi cần đi thì phải đi, không quyến luyến bịn rịn như kẻ thế tục. Ta tán đồng ý kiến của bốn sư con, là nên để con có cơ hội tu ở một môi trường khác, hầu con có thể nhận thức được những điều mới mẻ bổ ích cho sự nghiệp tu hành. Con ạ! dù con ở chốn nào nếu như con hằng tưởng nhớ đến những lời giáo huấn của ta, thì coi như đã có ta bên cạnh con.

Bốn sư đưa ta đến Châu Viên sơn tự, trên đỉnh núi Châu Viên vùng Đất Đỏ, tỉnh Đồng Nai, ký thác cho sư đệ của người là hòa thượng Hải Bình Bảo Tạng (4) dạy dỗ. Ta định ninh phen này sẽ được sư thúc trao truyền hạt giống thiện của giòng phái, nên mừng khôn xiết. Không ngờ sư thúc lạnh nhạt giao ta cho thầy tri sư, thầy chỉ định ta theo các sa di khác làm rầy

suốt một năm, mà chẳng đả động gì đến việc tu tập. Ta đang ở tuổi mười tám, thân thể cường tráng nên dù chưa từng lao động vất vả, nhưng đã quyết tâm chịu đựng thì cũng quen dần. Điểm làm ta chán nản là nhiệt tâm cầu pháp đã mỗi mòn, chờ hoài, chờ mãi mà thiện ngữ chẳng ai màn đề cập, kinh luận chẳng ai thềm diễn giảng. Bi đát hơn nữa, là bất thành linh sư thúc lại cất cử ta sang phụ giúp cho sư Thanh Lực, khởi công khai phá đỉnh núi Kỳ Vân, để phát triển ngôi chùa Ngọc Tuyên tại đây. Tiếng là chùa, nhưng đúng ra cơ sở thờ phượng này chỉ có một căn nhà sàn nhỏ lợp tranh trống trải, vừa thờ Phật, vừa xử dụng như nhà kho, vừa là nơi ngủ nghỉ. Nhóm sa di Châu Viên không mấy cảm tình với sư Thanh Lực, họ gán cho sư hỗn danh là “thầy chùa lửa” bởi tánh nóng như lửa của sư. Sư chửi mắng đánh đập sa di không nương tay. Do đó, ngoại trừ chú Trùng Quang, nguyên là một đứa bé chăn trâu quen sống kham khổ và giỏi chịu đựng, không sa di nào chịu sang núi Kỳ Vân. Sư Thanh Lực tiếp đón ta bằng thái độ của bậc trưởng thượng, hống hách buộc ta phải tuân theo một mở điều lệ rắc rối, rồi ra lệnh cho ta chấp tác tức khắc. Ta lẳng lặng làm việc mà nổi căm hận cứ chực trào ra ngoài. Nhị vị ân sư là bậc đạo cao đức trọng mà đối xử với ta lúc nào cũng nhã nhặn từ ái, trong khi một nhà sư tầm thường tại chốn “khỉ ho cò gáy” này lên giọng hoành hợc thì làm sao ta không sinh tâm bất bình cho được. Thật ra, suy cho cùng đứng về phương diện vai vế giòng phái thì sư và ta ngang hàng. Sư có đặc điểm gì đáng để ta khâm phục đâu? Sư lớn tuổi hơn ta nên được thọ giới tỳ kheo trước ta vậy thôi, ngoài ra, về trình độ học Phật thì “xin lỗi Ngài tôi không dám khinh Ngài... nhưng nếu Ngài muốn được như tôi, thì chắc còn lâu lắm!” Ta thầm nghĩ rồi thấm ý cười vang, mặc kệ sư Thanh Lực lên tiếng trách mắng ta là thiếu uy nghi tế hạnh chi cũng được.

Tuy mới bắt hòa manh nha ngay từ buổi ban

đầu, nhưng ta vẫn cố gắng chấp tác cẩn mẫn và tuân hành kỷ cương chặt chẽ, nên dù ghét ta, sư Thanh Lực cũng chẳng có cơ hội nào để nặng lời. Sáng ngày nọ, ta vô tình bắt gặp chú Trùng Quang đang bối rối ráp nối mấy mảnh bình trà đã vỡ. Biết chú đã làm bể bình trà của sư Thanh Lực, ta giả vờ ngu ngơ chẳng thấy, tránh sang hướng khác và thầm nghĩ “sắp có chuyện lớn rồi đây!” Đúng như dự đoán, chỉ mấy khắc sau, ta đã nghe tiếng sư gầm thét gọi hai đứa sa di trình diện. Sư cất vấn từng đứa. Cả hai im lặng, ngơ ngác như chẳng biết gì. Sư giận dữ gay gắt: “Hừ bây đúng là một lũ tồi bại! thà chịu chửi mắng chớ chẳng ai đủ can đảm nhận lỗi mình!” Ta vốn khinh chú Trùng Quang là hạng vô học, nay nhìn vẻ mặt lầm lì trâng tráo của chú lại càng thấy khó ưa. Ta cũng hết chịu nổi những lời nặng nề của sư Thanh Lực, nên lên tiếng khai phứt cho xong:

— Chú Trùng Quang chớ ai!

Rồi nhỏ giọng như cũng vừa đủ cho kẻ khác nghe, ta lầm bầm:

— Xì! Chỉ có cái bình trà bể mà làm như chày nhà vậy!

Dứt lời ta dợm bỏ đi. Thành linh sư Thanh Lực hùng hổ như con thú dữ chụp lấy ta, xán ta hai tát tai thật mạnh khiến ta té lăn xuống đất. Ta điên tiết chụp lấy cái cốc định đánh trả, may mà ta dần được, ta hăm hăm bỏ đi vào chùa chụp mớ hành trang bước nhanh xuống núi, nhưứt quyết sẽ không quay lại nữa.

Ta lầm lũi đi một mạch hơn hai phần ba đường mới dừng lại thở hổn hển. Cơ giận theo từng bước chân giảm dần, đầu óc tươi tỉnh phần nào, ta bắt đầu lo lắng nghĩ đến những khó khăn trước mắt. Ta biết đi đâu tu bây giờ? Và sẽ ăn nói thế nào với nhị vị ân sư đây? Ta chợt cảm thấy lời lẽ và cử chỉ của mình đối với sư Thanh Lực hơi hỗn hào, nhưng ta vội tự bào chữa rằng tội lỗi xuất phát từ sư chớ không phải ta. Sư thô lỗ nên ta mới có phản ứng như vậy. Nhớ đến sư,

cơ giận của ta bùng nổ trở lại. Sấn có viên sỏi to vừa tầm chân, ta đá mạnh một cái cho hả. Nghe tiếng sỏi rơi lừng keng trên sườn núi ta bỗng bàng hoàng nhớ một việc, mà càng suy nghĩ ta càng áy náy khôn nguôi. Sáng nay khi trời còn lờ mờ, ta đau bụng cần phải giải quyết gấp, nên phóng ra khỏi chùa thật nhanh, và vô tình đá một vật gì đó lăn lông lốc. Lúc đó, ta bực bội cảm râm: “Ai để đồ đạc bữa bãi quá!”, rồi ta vội bước đi không kịp tìm hiểu đó là vật gì. Thế rồi ta quên bẵng đi mất. Giờ này nhớ lại thật kỹ, ta nghi nghi vật đó dám là cái bình trà lắm! Ồ! ơ! rõ ràng là cái bình trà rồi! Ồ! ơ! ta mới đúng là thủ phạm! Như vậy, mà ta lại hồ đồ lên án chú Trùng Quang. Ôi bây quá! tội lỗi quá! Ta vốn tự hào mình là một tu sĩ biết gìn giữ giới hạnh, chững khảm phá mình phạm khẩu nghiệp nặng nề, ta hổ thẹn vô cùng. Hối hận quá! ta bắt đầu tự quán sát mình, càng quán sát ta càng thấy rõ lỗi mình. Ôi! ta cống cao ngã mạn quá: ta đã khiếm nhã chửi tỳ kheo, ta khinh thường người thấp kém, ta nổi sân cuộn cuộn, ta vọng ngữ, nói lời trả treo nặng nề... ta lại thờ ơ không giữ chút uy nghi tế hạnh. Thật vậy, đau đau bụng gấp gáp thế nào, nếu ta nhớ quán các bài kệ:

*“Tùng triều Dẫn dân trực chí mộ
Nhất thiết chúng sinh tự hồi hộ
Nhược ư tức hạ táng kỳ hình
Nhược như tức thời sinh tịnh độ.”*

Hoặc là:

*“Đại tiểu tiện thời,
Đương nguyện chúng sanh
Khí tham sân si
Quyên trừ tội pháp.”*

thì bước chân ta khoan thai chừng mực, đầu hấp tấp vấp vấp để gây tai họa như vậy!

Ta bối rối cố suy tìm một giải pháp cứu vãn tình thế, cuối cùng ta nghĩ chuyện gì thì có thể

bỏ qua được, nhưng hành động vu oan cho chú Trùng Quang, thì ta phải gặp chú để sám hối thì mới yên tâm.

Ta bèn lên quay lại chùa Ngọc Tuyền, lễ phép chấp tay thưa với sư Thanh Lực:

— Thưa thầy! nghĩ kỹ con thấy con có nhiều điểm không phải! Con chỉ thấy chú Trùng Quang cầm mảnh bình bể đã hồ đồ lên án chú. Sáng nay con hấp tấp đá một vật, lúc đó không rõ vật gì nay suy ra thì có thể là cái bình, như vậy kẻ làm bể chính là con rồi. Con phạm lỗi mà còn ương ngạnh vô lễ quả thật đáng trách! Con xin sám hối với thầy và chú Trùng Quang!

— Hay! thấy lỗi mình và can đảm nhận lỗi! đó chính hành động của bậc trượng phu! ha! ha! chú đã thấy lỗi của chú lẽ nào ta không biết lỗi ta! Ta nói năng thô lỗ nên cũng có lời xin lỗi hai chú!

Ta dự định xin lỗi xong sẽ ra đi ngay, nhưng nhận thấy sư bày tỏ thái độ hòa hoãn, nên đổi ý và ở lại tiếp tục tu hành.

Biến cố này đánh dấu một chuyển hướng quan trọng trong nếp sống tu tập của ta. Ta tự biết tâm mình là nguồn tội lỗi, nên lúc nào cũng đề phòng, cẩn thận theo dõi quán sát từng hành động, từng suy tư của mình. Càng lúc ta càng nhận rõ được những lỗi nhỏ nhặt vi tế, càng thấy lỗi ta càng khẩn thiết sám hối, nguyện sửa đổi không còn tái phạm. Cảm thấy được tiến bộ, ta đem phương pháp theo dõi tâm niệm trong từng nhịp thở thực hành ngay trong nếp sống thường nhật: đang chấp tác hay đang ở uy nghi nào... mà một vọng niệm dấy lên ta phải nhận ra ngay chân tướng, khiến cho vọng niệm biến mất. Ta lần lần giữ được chánh niệm, những chuyện thị phi, chuyện lỗi phải của người biến mất tự bao giờ, lòng ta thanh thản, nhẹ nhàng. Ta sống trên chùa núi, suốt ngày chấp tác, chưa chính thức tọa thiền, mà chẳng lúc nào không phải thiền. Thì ra khi đã biết tu, thì lúc nào, nơi nào cũng tu được. điều này có lẽ phản ảnh đúng theo lời

dạy của cư sĩ Bàn Ẩn ngày xưa: “Gánh nước, bữa củi cũng là thần thông diệu dụng!” Khoảng một năm sau, khi gặp lại bốn sư ta có thưa trình về hai tát tai nẩy lửa giúp ta thay đổi thân tâm toàn diện. Bốn sư cũng tán thán: “Cái tát tai hay thật! thầy Thanh Lực phải là bậc Bồ Tát nên tát tai mới hiệu nghiệm thâm sâu như vậy!”

Mùa Vu Lan năm Đinh Mão, lúc ta đã được 21 tuổi, bốn sư giới thiệu ta về chùa Giác Lâm, Gia Định, thọ giới tỳ kheo, đại giới đàn do Hòa Thượng Hải Tịnh (5), làm đầu đàn truyền giới. Ta lớn lên trong thời kỳ mà quân viễn chinh Pháp xua quân xâm chiếm các tỉnh miền Nam. Thời gian sống trên núi, thỉnh thoảng ta có nghe thuật sơ lược về hiện tình đất nước. Khi nghe thì lòng ta cũng dao động, nhưng sau đó, không ai nhắc nhở nữa, ta lại bận bịu tu tập nên lãng quên dần. Nay về đến Gia Định, mắt thấy đạo quân xâm lược súng ống hung hăng, tai nghe bao chuyện tàn ác của chúng, ta mới thấm thía được nỗi đau thương nhục nhã của người dân Việt. Ta không thể thanh thản tu tập như xưa được. Ta không thể nhắm mắt làm ngơ cho đàn. Người Pháp đã xâm chiếm ba tỉnh miền Đông từ năm Nhâm Tuất (1862), nay chúng lại dồn quân về Mỹ Tho, đe dọa chiếm ba tỉnh miền Tây. Ngày thọ giới, đáng lẽ là ngày vui trọng đại của ta, lại là ngày buồn khổ trước thảm họa nước mất nhà tan: quan kinh lược sứ Phan Thanh Giản tuần tiết, trọn miền Nam đã rơi vào tay quân xâm lược. Hưởng ứng hịch Cần Vương, nhân dân khắp sáu tỉnh miền Nam đồng loạt đứng lên trưng cờ khởi nghĩa chống kẻ xâm lăng, và bị kẻ xâm lăng cùng đám tay sai đàn áp đã man. Trong thời gian này ta tiếp tục lưu trú lại chùa Giác Lâm tham dự khóa giảng về luật nghi, nhưng tinh thần ta cực kỳ dao động, nhiệt tâm cầu pháp giảm dần, việc tu tập ngày càng giải đãi. Một số tăng ni hoàn tục đáp lời kêu gọi của Phong trào Cần Vương. Gắng gượng ở lại tu tập chỉ còn vài người, trong đó có tỳ kheo Thiện

Hữu, đệ tử chùa Khải Tường, một ngôi chùa lớn tại Gia Định vừa bị chánh quyền thực dân triệt hạ. Thầy Thiện Hữu lại móc nối ta cùng tham gia hoạt động cho nhóm Thiện hộ Võ Duy Vương đang kháng chiến tại Đồng Tháp. Ta còn đang phân vân thì đã nghe tin trên con đường chuyên chở gạo tiếp tế cho nghĩa quân, thầy đã bị sát hại tại Gò Bắc Chiêng. Ta đau đớn đến tận nơi xin lãnh xác thầy an táng, rồi ta bỏ chùa thất thủ ra đi mà chẳng biết đi về đâu và làm việc gì. Cầm vũ khí giết người, ta không làm được. Còn tu mà lòng lại phần uất cùng cực thì còn tu chi nữa!

Do duyên phước dong ruổi như thế nào, mà thầy Như Diệu, trong chuyến đi hoằng pháp hiếm hoi đã vô tình bắt gặp ta đang lang thang vất vưởng như kẻ không hồn tại xã Mỹ Thuận. Không thắc mắc han hỏi nguyên do, thầy đưa ta về chùa Phước Hưng tịnh dưỡng. Một tháng sau, bốn sư ta cũng lại tìm đến. Sau khi hội bàn, hai vị ân sư nhất quyết tin tưởng rằng ta sẽ gặp kỳ duyên tại nước Trung Hoa, nên khuyên ta xuất dương cầu pháp. Ta nghĩ đây có lẽ là phương chước mà quý thầy bày ra để tránh cho ta khỏi bị tình trạng an nguy của đất nước ảnh hưởng mà chệnh mảng tu tập. Thời gian qua, về sống với vị thầy đạo đức, tâm ta thanh thản phần nào, lòng thiết tha cầu pháp hưng khởi trở lại, nên ta hoan hỷ tuân lời. Theo bốn sư sắp xếp thì ta sẽ quá giang tàu buôn người Phước Kiến, hằng năm theo gió nồm xuôi về vùng Hà Tiên buôn bán đổi chác, rồi chờ đến mùa gió bắc sẽ trướng buồn về nước. Về Hà Tiên thì ta lại có dịp viếng mộ cha và thăm mẹ già đã xuất gia hơn ba năm tại Phù Dung tự. Từ lâu, ta vẫn ước mơ về nhà thăm mẹ, nhưng sợ tình thương của bà làm nhụt chí khí xuất gia, nên còn ngần ngại. Chừng gặp được bà, ta mới ngạc nhiên thấy người mẹ yếu đuối ủy mị ngày xưa đã trở thành một tu sĩ tinh tấn và điềm đạm. Bà chẳng những không gây bận bịu, mà còn sách tấn ta tu tập, tạo cho ta

thêm hứng khởi trên bước đường dẫn thân cầu pháp.

Thời giờ còn lại ngắn ngủi, ta rộn ràng đây đó viếng thăm Hà Tiên thập cảnh, nơi nào cũng đẹp đẽ đáng yêu, ngắm nhìn mãi không chán. Ta cũng tận hưởng những giờ phút thanh thản dạo vị bên cạnh hai vị ân sư, mặc dù thầy trò chỉ sống bên nhau bình thường, không hề đề cập những vấn đề liên quan đến việc tu tập. Thật ra, trong thời gian này ta có điểm chưa thông suốt là giòng thiền Lâm Tế của ta vốn nổi tiếng về việc xử dụng công án, mà tại sao thầy chẳng hề trao cho ta công án nào để tham cứu cả. Ta muốn đạo đạt lên thầy chút bản khoản này nhưng lần lữa mãi mà chẳng thấy cơ duyên thuận tiện. Không ngờ, bốn sư biết rõ từng động niệm của ta, nên đợi khi tiễn ta đến bến tàu, người nghiêm trọng giảng dạy:

— Thiền phái Liễu Quán của chúng ta tuy phát xuất từ giòng Lâm Tế, nhưng chư tổ Việt Nam nhận thấy lối dạy đạo bạo động như đánh hét hay căng thẳng như công án chỉ thích hợp với người Hoa. Bản chất người Việt là trầm lặng, hài hòa, hồn nhiên... mà đến với đạo, nên chư tổ chỉ khuyến cáo hành giả hành “pháp buông bỏ,” theo tinh thần bài kệ của Đạt Ma tổ sư:

*Ngoài dứt các duyên
Trong bất nghĩ tưởng
Tâm như tường đá
Mới vào được đạo (6).*

Thầy trầm ngâm một lúc, rồi ôn tồn tiếp lời:

— Và đây là một việc mà ta muốn nhờ con. Nguyên hai ta đều có chung nguyện vọng là mong đến núi Kê Túc tại Vân Nam để chiêm ngưỡng và đánh lễ thánh tăng Ma Ha Ca Diếp. Nay chúng ta tuổi đã cao, tự mình không thực hiện được, nên nhân khi con xuất dương, chúng ta ủy thác con đến đó đánh lễ một lần cho chúng ta mãn nguyện.

— Con nhất quyết sẽ hoàn thành tâm

nguyện của hai thầy. Xin hai thầy yên tâm!

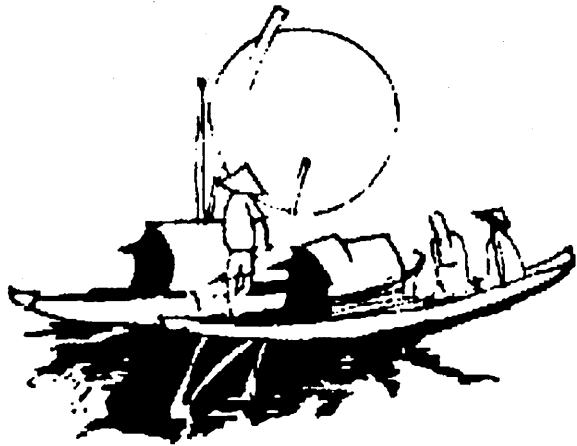
Ta lại bịn rịn;

— Từ nào đến giờ thầy hướng dẫn cho con mọi việc, mai sau chiếc thân xứ người con chẳng biết sẽ đi đâu và về đâu?

— Nếu con vẫn hằng quán chiếu thân tâm thì mọi việc đều tỏ rõ, đâu phải thắc mắc chuyện ở, chuyện đi. Chỉ khi nào việc lớn đã xong, thì cứ nương theo pháp danh Thanh Trì Tâm Địa mà chiêm nghiệm con đường lui tới.

Thầy Như Diệu đưa cho ta tập kinh mỏng và ân cần dặn dò:

— Con giữ phẩm “Phổ Hiền Hạnh Nguyện” làm hành trang nơi xứ người. Bốn mươi năm nay, ta nương theo thập nguyện mà tu, hằng ngày lễ lạy và càng lễ lạy càng cảm thấy lợi lạc, nên ta muốn trao kinh nghiệm đó cho con. ■



ĐÔNG

Mùa Đông lạnh căm căm
Mẹ kêu dậy, cứ nằm
Sáu giờ trời chưa sáng
Ngủ nướng sao mà ngon!

Cây bên đường trụi lá,
Trơ vơ những nhánh gầy.
Tóc em vương bụi tuyết
Đôi má đào hây hây...

thơ THU TRANG

Bốn mùa trong mắt em

XUÂN

Rung rinh cành lá nõn
Lóng lánh hoa ngậm sương.
Em vin cành hái lộc
Môi chúm chím hải đường.

Hoa nào không sắc hương?
Lòng nào không yêu thương?
Nghe giữa mùa Xuân thắm
Đất trời dậy thiên lương.

HẠ

Ao nhà sen hồng nở
Tạm giã từ sách vở
Em cùng bạn rong chơi
Ôi, tự do cả trời!

Mùa nầy lắm trái ngon:
Mận, cóc, ổi, bòn bon...
Hít hà, cay! muối ớt
Mẹ rầy: cứ bỏ cơm!

THU

Thu về trên xứ Mỹ
Trời đất vàng ngấn ngơ.
Cần bút muốn làm thơ
Sợ vẫn gieo chẳng đặng.

Ba cùng anh quét lá
Mẹ đan áo trong nhà
Bâng khuâng em nhớ bạn
Bây giờ xa quá xa...

←

SỐNG

Diệu Nga

Khi chiếc tàu hải quân lạng lẽ nhỏ neo vào một ngày cuối tháng 4 năm 1975—mà nhiều người gọi là tháng 4 đen—để tìm bến tự do thì chàng trung sĩ Cường có cảm tưởng được thoát ly cùng một lúc hai vòng kiểm tỏa: gia đình và quân đội.

Mặc cho ai khóc lóc, than thở hay u sầu, Cường bắt đầu lân la đi tán gẫu trên tàu. Nhưng nụ cười thoải mái và những câu bông đùa của anh không được ai hưởng ứng nên trở thành trò trên, vô duyên. Anh muốn nói chuyện, muốn làm một hành động gì đó cho niềm vui rộn ràng trong anh được biểu lộ ra ngoài nhưng đành cụt hứng.

Trung úy Bảo thấy anh cứ lẩn quẩn trong đám dân di tản với bộ đồng phục xốc xếch lôi thôi, đã nghiêm mặt nhìn anh, yêu cầu anh trở về với vị trí và phận sự. Cười nói thầm trong bụng: “Được rồi, ông còn chỉ huy tôi một tháng nữa là cùng. Tới Mỹ rồi, ai cũng như ai. Chừng đó tha hồ tôi hưởng tự do!”

Nhưng anh cũng không vội gì đi vào bếp phụ lo việc ẩm thực như vừa mới phân công hôm qua. Anh len lỏi xuống khu cơ khí là vùng hoạt động quen thuộc của anh. Ở đây không có ai, anh nằm dài trên sàn, tính đánh một giấc ngủ ngon lành. Song giấc ngủ không đến được vì bao nhiêu ý nghĩ, hình ảnh dồn dập hiện ra trong đầu anh.

Mọi người đều di tản chung cả gia đình,

riêng anh là dân hải quân mà không mang ai theo; không phải chỉ vì lệnh cấm quân tại chỗ nhưng sâu xa hơn còn lý do tâm lý rất thầm kín đã khiến anh dứt khoát ra đi không muốn dây dưa liên hệ với những người trong nhà. Dù anh gia nhập quân ngũ đã năm năm rồi, đã 5 năm thường xuyên vắng nhà nhưng cảm giác bị hất hủi, bị khinh rẻ trong gia đình từ thuở ấu thơ vẫn còn ám ảnh Cường một cách mạnh mẽ.

Ba anh, giáo sư Toán của trường Chu Văn An, là con người ốm nhom, khô cằn, nghiêm nghị với gương mặt xương xẩu và giọng nói khàn khàn vì dạy thêm quá nhiều. Ông chưa bao giờ cởi mở, vui vẻ với anh. Con người khoa bảng ấy chỉ chú trọng bằng cấp mà anh thì không sao đậu nổi cái bằng Tú Tài I nói chi là tốt nghiệp đại học như bà chị dược sĩ và cậu em kỹ sư điện của anh. Anh biết, đối với “ông,” anh là một cái gì đó đã kéo nấc thang danh vọng của gia đình anh xuống thấp một bậc. Dù ông không đánh đập, mắng mỏ gì — lý do vì ông không có thì giờ — nhưng đối với cha, anh luôn luôn mang mặc cảm có tội nên cứ lẩn tránh luôn.

Mẹ anh cũng là nhà mô phạm, bà dạy nữ công gia chánh cho một trường trung học công lập. Bà hiền lành, dễ thương với mọi người, ai cũng mến nhưng có lẽ không ai biết được cái tánh quá cẩn thận, quá tỉ mỉ và hay rầy rà của bà, đặc biệt là đối với Cường. Có thể vì chị Nguyệt và em Dũng ngày tới cứ vùi đầu vào sách vở nên chẳng làm phiền bà.

Cường thì lúc nào cũng có vẻ rảnh rỗi quá. Ngoài giờ đến trường, nếu không đá banh thì về nhà luyện chưởng. Anh say mê truyện kiếm hiệp đến nỗi quên ăn cơm chiều thì dĩ nhiên những “công tác” trong ngày của anh như quét sân, lau nhà, lau bà ghế... anh đâu thể nhớ được! Hoặc đôi khi, vì bị “dũa” quá anh cũng rán nhớ nhưng ngoài tánh lười anh lại còn có tật “ẩu” nên làm quấy quá cho xong, chẳng sạch sẽ gì, chẳng đâu ra đâu, nên cũng lại bị rầy. Làm cũng

rầy mà không làm cũng rầy nên anh sinh ra lì lợm, cứ rần chịu đựng làm thỉnh mỗi khi “bả” “dũa” thì có thể buông trôi hết mọi công tác. Bởi thế nên hai mẹ con chẳng hợp nhau, anh không thích bà mà có lẽ bà cũng chẳng thương anh như chị Hai và em Dũng.

Đối với Cường, Nguyệt và Dũng chỉ là hai con một sách, không biết gì khác hơn là “gạo bàu” lo thi cử. Chẳng những họ không biết chuyện năm châu bốn bể mà ngay đến thời sự nóng hổi trong nước, trong thành phố, thậm chí trong cư xá Phú Lâm của họ, họ cũng không quan tâm. Kiến thức của hai người chỉ là những công thức cũ xì, những bài bản cũ rích. Hai người ấy lúc nào cũng an phận đi theo con đường đã được vạch sẵn.

Cũng tội cho em Dũng, nó kém anh có 2 tuổi mà người nhỏ thó với “bộ xương cách trí” vì chẳng bao giờ tập thể dục, chơi thể thao; còn anh từ lúc 16 tuổi, thân hình đã phát triển thành một thanh niên cao lớn, vạm vỡ.

Tuy nhiên, anh biết, dưới mắt chị Hai và thằng Dũng, anh chỉ là người vô tích sự, lười biếng và ba xạo. Tuy họ không nói ra nhưng trong cái nhìn, cách đối xử và lời lẽ bóng gió, anh nhận ra điều ấy không khó. Thành ra, tuy sống trong gia đình ruột thịt mà anh cảm thấy lạc lõng, cô đơn. Anh không thương người nào trong nhà và có lẽ trong nhà cũng chẳng ai thích anh. Sau hai năm rớt Tú Tài I, không còn đủ điều kiện để được hoãn dịch vì lý do học vấn, anh không buồn chút nào mà lại cảm thấy phấn khởi vì sắp được đi lính, được thoát ra khỏi gia đình tẻ nhạt của anh.

Cường xin vào hải quân, hy vọng được thỏa thích tự do giữa cảnh trời cao bể rộng, như con cá được vẫy vùng giữa biển khơi. Nhưng thực tế không phải như anh tưởng. Quân đội là lò luyện thép. Anh phải khép mình trong kỷ luật cứng ngắt của nhà binh, phải tuân thượng lệnh một cách tuyệt đối, phải giữ gìn mọi thứ ngăn nắp

và sạch sẽ. Đó là những gì anh ghét nhất vì nó trái ngược với thói quen bừa bãi và tánh buông trôi của anh. Thành ra bị phạt hoài, vì vậy trong suốt 5 năm anh không được lên cấp bậc. Thượng cấp xếp anh vào loại “bê bối.” Anh cảm thấy không ai hiểu được mình; mọi người đánh giá anh quá thấp; tự ái của anh bị tổn thương một cách thường xuyên.

Được đi Mỹ, anh sung sướng biết bao! Anh tin rằng nơi vùng đất mới này anh sẽ hạnh phúc hơn, trước tiên là được sống tự do theo ý mình, kế đó là không còn bị cha mẹ rầy rà, không có thượng cấp ban lệnh. Anh được làm chủ đời mình.

Sau thời gian tạm trú vô vị ở đảo Guam, Cường được một nhà thờ Tin Lành bảo lãnh về San Francisco. Với dáng dấp khỏe mạnh, cao ráo, cái miệng hay cười và số vốn Anh văn tạm đủ để giao thiệp, Cường chiếm cảm tình của những người trong hội bảo trợ không khó. Họ giúp anh có một nơi để cư ngụ, các vật dụng cần thiết và việc làm tạm thời tại cây xăng. Ngày Chủ nhật, sau lễ nhà thờ, họ thay phiên nhau chở Cường đi ăn tiệm, đi chơi trong thành phố. Anh cảm thấy mình trở thành quan trọng vì được nhiều người săn sóc và chú ý. Anh hài lòng.

Nhưng ông mục sư có cái nhìn xa hơn. Ông nói riêng với Cường: “Cậu còn trẻ, nên tìm học một nghề chuyên môn thì tương lai sẽ khá hơn, chẳng lẽ làm việc ở cây xăng mãi à?”

Cường trả lời cho qua chuyện: “Tôi không đủ tiếng Anh!” Vì câu nói đó, hội bảo trợ sắp xếp người dạy Anh văn cho Cường. Anh ngán quá! Thà vô trường học còn dễ hơn, ở đây thầy kèm sát bên anh chịu không nổi. Thầy càng hăng hái tận tâm, Cường càng khổ sở vì anh sợ học hành, sợ sách vở từ nhỏ đến giờ. Để thoát nạn, anh nảy ra ý định xin đi học sửa xe hơi.

Ông mục sư biết thời gian ở quân đội, anh chuyên về ngành cơ khí, rất tán thành ý kiến này. Chính ông đứng ra lo đơn từ và chỉ dẫn anh

nộp đơn vay tiền học. Chính phủ Mỹ rất khuyến khích việc học nên sẵn sàng giúp phương tiện. Người ta cho anh 3,000.00 và cho mượn 7,000.00 để hoàn tất chương trình học một năm, nghĩa là trong năm học ấy, anh khỏi phải bận tâm về học phí cũng như tiền ăn ở.

Trường học tận Oakland, cách nơi đây khá xa nên Cường phải dời chỗ. Đi xa nhà thờ, không còn gặp ông mục sư và những người trong hội, anh cảm thấy thoải mái hơn. Rồi đây anh có thể sống hoàn toàn theo ý mình. Sau một năm ở Mỹ, anh coi như đã quen mọi thứ, không còn rụt rè e sợ gì nữa. Tung hoành kể từ đây!

* * *

— Mày kêu cậu Ba dậy uống thuốc đi chớ! Thuốc xác lâu, ngội ngắt rồi. Tao phải về nhà lo cơm nước ba mày. Cơm trễ, ổng nhằn dữ lắm. Ngân có vẻ không vui:

— Chiều nay con có hẹn đá banh, giờ kẹt vô vụ này! Bệnh tiểu đường mà nhà thương chạy rồi thì chỉ chờ ngày thôi. Cả tuần nay, ổng mê man hoài, má thấy không?

Chị Hai Nguyệt xuống giọng gằn như năn nỉ:

— Lúc mê lúc tỉnh thành ra phải có người canh chừng! Thôi con rán bữa nay nữa, tuần sau đổi phiên, bên cậu Tư mấy lo.

Thấy Ngân vẫn ngồi im, sự mặt, Nguyệt thêm:

— Chừng nào cậu Ba tỉnh dậy, cho uống thuốc rồi, muốn đi đâu thì đi.

Ngân tiếp tục cầu nhàu:

— Việt kiều như cậu Ba thiệt con hồng ham chút nào, sao ổng nghèo rớt mồng tơi vậy?

— Má cũng hồng biết nữa! Nhưng lúc mới về nước, thấy cậu Ba mấy cũng khá đó chớ. Cậu cho tiền anh em, cô bác cũng bộn bàng. Chắc tại ngồi không mà ăn thì bao nhiêu cũng hết. “Tọa thực sơn băng” mà. Tánh cậu Cường từ nhỏ đã vậy rồi, lười biếng và không biết lo xa.

Nói xong, Nguyệt bước nhanh ra khỏi nhà.

Bà không muốn nói chuyện với con trai lâu hơn.

Cường trở mình, anh nghe có tiếng nói chuyện léo nhéo bên tai nhưng không nhận ra được gì cả. Anh lại chìm trong giấc mộng triền miên.

* * *

“Thời gian ở Oakland là giai đoạn thoải mái tự do trăm phần trăm của Cường. Muốn làm gì thì làm, không ai dòm ngó, kiểm soát hay khuyên nhủ! Muốn nghỉ học ư? Cứ nằm nhà xem tivi. Căn phòng bữa bãi lung tung khỏi cần dọn dẹp. Đồ sạch, đồ dơ, giày vớ, khăn tắm... cứ vứt đại đâu đó, lộn xộn có sao đâu, chừng nào cần tới thì tính sau. Như vậy mới sướng, còn sống ngăn nắp, thứ tự sao mà chán phèo!

Trong lớp, Cường quen với mấy người bạn Mỹ cùng trang lứa và cũng thích sống bữa bãi, bụi đời; họ thường rủ nhau đi chơi biển, leo núi, cắm trại, đi săn, câu cá là những thú giải trí rất thích hợp với Cường nên anh thường nghỉ học để “sống vui vẻ hồn nhiên.” Kết quả là anh không đủ tiêu chuẩn để tiếp tục khóa hai. Chuyện đó cũng chẳng quan trọng gì đối với anh, Cường bỏ học luôn. Bỏ học, trường còn hoàn lại học phí của khóa sau, Cường sung sướng ký nhận 3,500.00 đồng, đổi chiếc xe khá hơn và đi ăn tiệm thường xuyên hơn, khỏi phải nấu nướng lôi thôi chi hết. Oakland có khá nhiều quán ăn Tàu, chủ tiệm đa số là người Hồng Kông, họ nấu ngon lắm, nhất là Hải Ký mì gia, quán ăn trông có vẻ bình dân mà hợp khẩu anh. Cường trở thành thực khách quen thuộc ở đấy.

Nhưng thời gian hưởng thụ này không kéo dài được bao lâu. Khi tiền cạn dần thì thư đòi nợ của nhà băng bắt đầu gửi đến yêu cầu trả góp số tiền 7,000.00 đô đã mượn trước kia. Để lánh nợ, Cường bắt đầu dời chỗ ở thường xuyên; những người trong nhà thờ không ai biết địa chỉ của Cường; họ âm thầm chia sẻ với nhau sự thất bại của lòng nhân ái. “Ai đem con sáo sang sông, để cho con sáo xoắn lông bay xa!”

* * *

Chờ mẹ ra khỏi cửa hồi lâu, Ngân đập mạnh vào vai cậu, ông không nhúc nhích, chàng ta nắm tóc mai của ông mà giật. Cường nghe đau điếng, mở mắt ra, ngơ ngác, chẳng biết mình đang ở đâu? Ông rên khừ khừ trong miệng, cổ họng khô ran.

Ngân vừa đỡ cậu ngồi dậy, vừa nói:

— Cậu Ba dậy uống thuốc!

Cường rán nhượng mắt lên, đờ đẫn nhìn chung quanh:

— Đây là đâu vậy?

— Nhà cậu, bộ cậu không biết sao?

— Tao tưởng nhà thương!

Cậu nằm nhà thương hai tháng trời, thuốc men tốn kém quá chừng mà không hết bệnh, bác sĩ biểu đưa trở về nhà.

Ngân thấy cậu có vẻ tỉnh táo, tỏ vẻ ân cần, bưng chén thuốc kê tận miệng Cường. Cường hớp một hớp, chén thuốc vừa đắng vừa lạnh làm ông lợm giọng muốn ói.

Ngân lật đật nói:

— Cậu bóp mũi lại, ực một hơi là xong. Má con nói cậu có vẻ chịu thuốc Nam.

Rồi chờ cậu uống xong chén thuốc, chàng thanh niên gợi chuyện:

— Cậu hết bệnh ăn Tết mới vui. Còn 5 tuần nữa là Tết rồi mà gia đình chưa chuẩn bị gì, mấy chủ nợ thì bắt đầu kêu réo.

Cường thở dài. Hễ tỉnh được một chút thì nghe mọi người nhắc đến nợ, đến tiền. “Không ai thật sự thương mình cả!” Cường buồn ngao ngán.

Chẳng biết vô tình hay cố ý, Ngân tiếp:

— Có người khuyên khi nào thấy cậu tỉnh táo, nên nhắc cậu làm tờ di chúc.

Cường nổi giận một cách đột ngột:

— Tao có cái “đách” gì mà làm di chúc di ngôn mậy!

Ngân đáp tỉnh khô:

— Cái nhà này, có người định giá 100 cây.

Cơn giận ập tới thật ác liệt, nó làm Cường uất nghẹn, ông ngoẻo đầu một bên, bất tỉnh. Ngân nhún vai, bỏ ra ngoài hút thuốc.

* * *

... Thời gian ở không sống thoải mái hưởng thụ tại Oakland chưa đầy một tháng thì Cường đã cảm thấy chán. Ăn không ngồi rồi, chẳng nghề nghiệp, chẳng tương lai, đôi khi nghĩ lại cũng giật mình. Rủi đau yếu bệnh hoạn thì sao? Hết tiền, làm sao sống? Ở Mỹ, việc làm là quan trọng hơn cả, nó như lá bùa hộ mạng. Có việc làm, chuyện gì cũng hanh thông.

Một người bạn “bụi đời” rủ Cường vào nhóm bán cần sa, ma túy, nghề này kiếm tiền nhanh, sống ngoài vòng pháp luật, tự do lắm. Nhưng Cường vốn không có “máu lạnh,” anh nhát gan lắm nên Cường quyết thôi thoát. Dù sao cũng cần một việc làm. Anh muốn làm nơi nào trả tiền mặt, như vậy có thể trốn nợ một thời gian.

Anh đến tiệm ăn Hải Ký quen thuộc để xin một chân bồi bàn. Người chạy bàn không thiếu nhưng cũng may, ông chủ tốt bụng vui tính cho anh vào phụ bếp. Việc này cực nhọc, chẳng hạn với anh nhưng đành vậy, vì không có cơ may nào khác. Làm ở đây đâu được ba tháng thì anh chiếm cảm tình của ông chủ, chẳng phải vì anh giỏi dẫn siêng năng hơn người nhưng nhờ tánh mềm mỏng, chịu đựng và vui vẻ.

Ông Hải Ký hay đùa, cứ hỏi anh muốn vợ không, ông gả con gái cho. Cường tự lo thân mình còn chưa xong, dám đâu nghĩ đến chuyện gánh thêm nợ, chỉ biết cười trừ. Nhưng con gái ông chủ — A Muối — vốn ế ả lâu rồi vì tánh dở hơi, vui buồn thất thường như “mát dây mát điện,” chẳng ai dám rớ, nay cứ đeo sát chàng thanh niên Việt Nam khá đẹp trai này.

Ông Hải Ký không muốn để “trái bom nổ chậm” trong nhà lâu hơn nữa, vả lại con gái ông đã 30 tuổi rồi, nếu không nhân dịp này gả phứt đi thì biết bao giờ mới tống “của nợ” ra khỏi nhà

được?

Ông bèn thương lượng với Cường: “nếu anh đồng ý cưới A Muối làm vợ, ông sẽ cho của hồi môn bộn bàng đủ để mở một tiệm ăn nho nhỏ ở vùng xa. Chỉ cần một điều kiện duy nhất: đừng bao giờ bỏ con gái ông!”

Trong lúc Cường đang do dự chưa trả lời thì dịp may đến. Ông Hải Ký cho biết người bà con của ông ở Sacramento muốn sang tiệm ăn 50 chỗ ngồi, đang đông khách. Nếu Cường bằng lòng, ông cho phân nửa vốn còn phân nửa sẽ trả góp dần cho chủ cũ, lại truyền nghề nấu ăn cho.

Cường ngẫm nghĩ: “Kẻ khố rách như mình nếu không nắm cơ hội này thì chẳng biết đời nào mới được làm chủ nhân ông? Vả lại, A Muối dù không đẹp cũng đâu xấu như Chung Vô Diệm! Còn rủi nó nổi cơn, nó xổ tiếng Tàu, mình hiểu chi đâu mà ngại. Tiếng Anh của nó cũng cỡ mình thôi, chưa đủ để gây lộn.

Thế là đám cưới được cử hành. Hai vợ chồng dọn về Sacramento ngay. Cuộc hôn nhân bằng lý trí tưởng đâu sẽ làm Cường khổ sở vì cô vợ “tốc kê” nào ngờ tình yêu chân thật của A Muối có tác dụng không ngờ. Nàng chăm sóc, chịu đựng, thương yêu và phục tòng Cường hết mực khiến Cường sung sướng quá; anh hài lòng lắm và bắt đầu yêu vợ. Và mâu nhiệm thay, tình cảm của Cường khiến cho chứng bệnh tâm thần của A Muối cũng thuyên giảm. Hai người sống hạnh phúc bên nhau, chí thú lo làm ăn. Hai năm sau, họ trả dứt số tiền còn thiếu rồi năm kế đó, họ tậu nhà. Khi họ định cư ở đấy được 10 năm thì họ đã là chủ của một nhà hàng lớn, có thể lãnh tiệc đám cưới 300 người.

Thời đó, việc làm ăn sao dễ dàng quá! Sự thành công làm hai vợ chồng phấn chấn trên đường sự nghiệp, không buồn để ý đến vấn đề hiếm muộn. Hai người cũng có đi bác sĩ trị liệu nhưng không có thì giờ để theo các ông chuyên khoa mãi, vì ông này điều trị một thời gian lại gửi đến ông khác, chẳng ai dám cả quyết, hứa

hẹn gì. Vì vậy 20 năm sống bên nhau, họ chẳng có mụn con nào.

Cường không hề quan tâm đến vấn đề nối dõi tông đường, chuyện đó chẳng có nghĩa lý đối với anh vì chính anh đã khước từ gia đình, tuyệt giao với họ bao nhiêu năm rồi. Có con mà nó không đồng quan niệm sống với mình thì chỉ gây khổ cho cả hai bên.

A Muối cũng biết điều, cứ khuyên Cường nên liên lạc với cha mẹ anh em bên Việt Nam, nàng cả quyết: “Tại anh cắt đứt tình nghĩa mẹ cha nên trời trả báo, khiến anh chẳng có con!”

Nghe vợ cần nài mãi, Cường cũng rán viết một bức thư gửi về Việt Nam nhưng thư bị trả lại vì không còn ai ở địa chỉ cũ, thế là anh có lý do để trấn an lương tâm và khỏi bị A Muối “tụng” hoài.

Từ trong tiềm thức thăm thẳm của tuổi thơ, những lời giáo huấn nghiêm khắc, những sự rầy rà mắng nhiếc của cha, của mẹ, sự khi dễ của chị, của em kết thành một khối mặc cảm, ẩn ức trong tâm hồn Cường khiến anh oán ghét họ đến nỗi muốn lìa xa, và tệ hơn nữa, muốn cắt đứt cả ân tình.

“Cái tôi” hèn mọn của mỗi người luôn luôn có khuynh hướng muốn đượcâng tiu, khen ngợi, được trọng vọng. Cường không bao giờ thỏa mãn được những ước vọng thầm kín ấy nên tự ái của anh bị tổn thương nặng nề, anh đau khổ không nguôi. Mãi đến khi gặp A Muối, nàng yêu anh, nể vì anh, vô tình đáp ứng được những khao khát mòn mỏi tự thuở nào, anh cảm thấy sung sướng. Hơn thế nữa, Cường còn được làm chủ nhân ông của mấy chục người giúp việc. Cường trả lương hậu hĩ nên ai cũng vui lòng, họ tuân lời chủ nhân răm rắp; anh tự thấy mình có uy quyền, trở thành một nhân vật quan trọng, ai làm việc chi cũng phải hỏi ý kiến anh; đó cũng là một sự thích thú chưa từng có trong quãng thời gian đầu đời của anh. Bao nhiêu điều thỏa thuê ấy đủ để bù đắp cho sự thiếu vắng tiếng cười

của trẻ thơ. Anh không hề bận tâm đến vấn đề con cái nhưng vợ anh lúc sau này thì cứ ủ ê sầu muộn.

Cường hỏi thẳng vợ: “Tại sao em quá lo về việc con cái? Sống sung túc, làm ăn phát đạt như vậy chưa đủ cho em hài lòng sao? Hãy nói thiệt cho anh biết vì sao em khao khát có một đứa con? Ngoài nhu cầu tình cảm muốn được làm mẹ, em còn mong con vì lý do nào khác nữa, phải không?”

A Muối đã khóc sụt sùi, trả lời trong tiếng nấc nghẹn ngào: “Đối với người Tàu, đàn bà không con là một trọng tội, chồng có thể bỏ. Hồi đó, dù anh hứa với ba em là sẽ không bao giờ ly dị, nhưng nếu dựa vào cơ này, ba không thể nào phản đối.”

Cường xót xa, ôm vợ vào lòng: “Sao em lại có ý nghĩ ấy? Quan niệm đó cũ rích, lỗi thời và không hợp lý. Vả lại anh là người Việt Nam, chúng mình lại sống trên đất Mỹ, không ai bắt mình phải theo hủ tục ấy được. Vả lại, như em thấy đó, trên đời này, anh chỉ có mình em, em đã làm cho anh được hạnh phúc, không bao giờ anh có ý nghĩ bỏ bê em. Anh thương em như trên đời!”

Người chồng nhìn sâu vào đôi mắt đăm lẹ của vợ mình, âu yếm hôn lên trán nàng, hỏi tiếp: “Rồi, còn lý do nào nữa, em nói luôn đi!”

Nàng xúc động vì sự thương yêu của chồng nhưng lòng nàng cũng còn nặng mối lo: “Anh nghĩ coi, gia tài sự nghiệp của mình gây dựng mấy chục năm nay sẽ không có người tiếp tục. Sự sản mình bây giờ trị giá bạc triệu chớ ít đâu, nếu không con cái, khi mình chết biết giao lại cho ai?”

Cường bật cười lớn: “Em lo xa quá! Hãy tính chuyện bây giờ nè, coi mình cần bổ thêm hàng gì? Hệ thống lạnh còn tốt không, thang Chành sắp nghỉ việc phải lo tìm người thay thế... Cả trăm thứ trước mắt không lo, rảnh đâu mà tính chuyện xa vời...”

“Xa hay gần gì thì chuyện đó cũng tới mà anh!”

“Được rồi, nếu em muốn tính thì anh tính cho, gọn lăm! Khi hai đứa mình qua đời, tất cả tài sản sẽ cúng cho hội từ thiện, hoặc nhà thương, hoặc trường học!”

“Làm việc phước đức thì cũng tốt nhưng mà nghĩ lại cũng tiếc, công mình làm việc cực nhọc biết bao lâu mới có được như ngày nay...”

Cường thương cái tánh thiệt tình của vợ, anh cười an ủi: “lúc đó chết rồi, còn sống đâu mà tiếc của hả em!”

A Muối “háy” chồng một cái dài thọt: “Ồ, em thì ưa lo đủ thứ, còn anh thì khỏe ru, không biết lo là gì!”

* * *

Cường thức giấc lúc tờ mờ sáng. Anh cảm thấy tỉnh minh hơn mọi ngày. Có tiếng chim riu rít trên cây trứng cá trước nhà, nghe vui quá, anh lần bước ra cửa. Trời còn mát lạnh trong sương sớm. Cường im lặng đứng nhìn hạnh phúc bình dị của mấy chú chim sẻ đang réo gọi nhau tìm mấy trái chín đỏ ẩn mình trong lá.

Bỗng nhiên Cường thấy cuộc đời vẫn còn tươi đẹp nếu mình biết sống. Anh không còn muốn chết, không muốn tiếp tục tự tử bằng viên kẹo ngọt mà Dũng lén chị tiếp tế cho anh theo lời yêu cầu.

Anh đi rửa mặt, chải tóc và có dịp nhìn mình trong gương: chỉ sau 2 tháng mang bệnh trầm kha, anh không ngờ mình biến đổi đến như vậy. Mặt mày xanh dờn, thịt thà trên mặt chạy đi đâu hết làm cho bộ da như dán sát vào xương gò má, đôi mắt thụt sâu. Nếu không có râu tóc xồm xàm trắng xám ở chung quanh thì có lẽ anh giống hệt cái đầu lâu. Anh cười thầm: thần chết chắc cũng xấu xí như thế này là cùng.

Bây giờ, anh biết mình đã thoát khỏi lưỡi hái của tử thần. Sau một tuần uống thuốc Nam, bệnh tình anh thuyên giảm một cách không ngờ. Anh cảm thấy sung sướng được sống lại, dù chưa

biết sống để làm gì và sống như thế nào cho có hạnh phúc chân thật chứ hai năm nay, sống giữa lòng quê hương, bên cạnh những người thân thuộc với tiền bạc thừa mứa mà anh tự thấy chán chường, vô nghĩa làm sao!

Có tiếng đứa bé rao bán bánh mì. Ngày mới dọn về xóm chợ Cây Gòn này, anh đã nghe tiếng đứa bé rao hàng. Bây giờ chân nó vẫn rảo bước, miệng nó vẫn còn rao lanh lảnh: “Bánh mì đây, bánh mì nóng giòn đây...” Cuộc đời nó sẽ mãi mãi như thế này ư?

Anh thềm một ổ bánh mì nóng, màu vàng sậm thơm phức ruột trắng xốp bên trong. Bánh mì ở Việt Nam ngon hơn bánh mì ở Mỹ nhiều vì lớp da ngoài dày hơn, giòn hơn, lại có vị ngọt, ăn không cũng đủ ngon rồi.

Cường bước ra sân chờ đứa bé đi qua, chuẩn bị sẵn tiền trong túi áo. Thằng bé ốm, lùn, thuộc loại nhỏ con, đang quảy bao vải sau lưng, cái bao to gần bằng nó. Nó lạnh quá, thấy anh đứng chờ, tấp vô liền, không đợi kêu. Anh không đoán được tuổi của đứa bé vì nó chai quắt. Nó lẹ làng mở túi vải, trao anh một ổ bánh còn nóng hổi, xốp xốp, vàng lươm rồi cột túi lại cũng nhanh như khi mở. Cường đưa nó tờ giấy bạc, định bảo giữ luôn phần thối, nhưng lại thôi. Lòng tốt nhiều khi phải sử dụng một cách khôn ngoan. Anh cho nó lần này, có thể nó sẽ quấy rầy mời mọc anh mỗi ngày và vô tình sẽ làm hỏng vở kịch “nghèo” của anh từ bao lâu nay.

Anh trở vào nhà, đóng cửa cẩn thận rồi ngồi vào ghế salon bắt đầu ăn. Anh trân trọng xé từng miếng bánh nóng và thơm bỏ vào miệng nhai thật kỹ, thật chậm. Ngon quá! Không cần chấm đường, cũng không cần trét bơ; miếng bánh tự nó đã có vị ngọt khi trộn lẫn với dịch vị, nếu mình ăn vội vàng, sẽ không được hưởng sự ngon ngọt này.

Ổ bánh không lớn lắm nên Cường đã ăn hết trơn. Ăn xong, anh nằm duỗi chân trên ghế, tận hưởng sự thú vị còn ứ đầy trong miệng làm cả

thân tâm đều dễ chịu.

Một lúc sau anh mới để ý quan sát thấy vật dụng trong nhà đều biến đi đâu gần hết: từ cái truyền hình, máy hát CD — stereo, máy chiếu phim ở phòng khách cho đến quạt điện ở đầu giường, microwave trong nhà bếp đều không còn.

Cường lật đật chun dưới gầm giường, giở miếng gạch lên, yên tâm khi thấy cái tủ sắt nhỏ, khóa số, vẫn nằm y nguyên chỗ cũ. Tủ này anh không để nhiều tiền đồ trong đó nhưng nó chứa đựng mọi thứ giấy tờ cần thiết liên quan đến tài sản của anh. Cường không muốn ai biết mình giàu có vì người giàu thường bị kẻ xung quanh tâm bốt, nịnh nọt chớ ít khi gặp được chân tình.

Anh lục tủ tìm cái đồng hồ đeo tay, nó cũng chịu chung số phận với những món đồ kia, chắc đã ra chợ trời rồi. May mà đồng hồ treo tường có lịch ngày tự động vẫn còn, chắc vì nó thuộc loại rẻ tiền.

Gần 8 giờ rồi. Bữa nay Chủ nhật, thế nào chị Hai Nguyệt và chú Dũng cũng đến đây. Cường muốn giả mê như mấy hôm trước để có thể hiểu họ nhiều hơn: họ săn sóc vì thương mình hay chỉ vì tiền bạc?

Khi nghe tiếng máy xe Honda nổ bình bịch trước sân, Cường vội lên giường nằm, vò đầu cho tóc bù xù lại rồi nhắm mắt, xây mặt vào vách.

Có người mở cửa, rồi giọng cằn nhằn của Dũng:

— Chị Hai, bộ chị tính cho anh Ba uống mấy thứ lá cây đó hoài hay sao? Chị cũng là dược sĩ mà đầu óc chẳng khoa học chút nào hết!

— Thì lá cây cũng là dược liệu. Thuốc tây cũng có thứ lấy chất liệu từ thảo mộc vậy.

— Nhưng mà người ta có nghiên cứu, có thử nghiệm đảng hoàng. Đảng này chị đi tin ông thầy bá vợ nào đó; mỗi ngày mắc công canh chừng xác thuốc. Bác sĩ bó tay thì mấy ông lang vườn làm sao trị được?

Cường nghe có bàn tay đặt lên trán mình và tiếng chị Hai trả lời:

— Thì còn nước, còn tát. Chẳng lẽ nằm yên chờ chết sao?

Rồi chị mĩa mai:

— Ai cũng mong cậu Ba chết đâu chết phúc cho rồi để chia gia tài, tôi biết mà! Nhưng tôi vẫn hy vọng cậu ấy qua khỏi, nếu không sống lâu thêm được thì ít ra cũng sáng suốt, tỉnh táo trở lại để biết lòng dạ của mọi người.

Dũng hơi chột dạ vì bà chị nói đúng tim đen của anh. Hồi bác sĩ tuyên bố “Không còn hy vọng gì nữa!” thì Dũng đem anh mình trở về nhà với lòng vui thầm vì sắp được hưởng mở tiền to. Nhưng chẳng biết sao “ảnh” sống dai quá, cả tháng rồi chớ ít sao!

Nguyệt được nước, chị nói thêm:

— Có người còn mua kẹo, mua đường thề cho cậu ấy ăn đặn chết sớm!

Dũng chống chế:

— Tại “ảnh” thèm, “ảnh” nói: “Sắp chết rồi, còn cữ kiêng gì nữa!” Tôi thấy tội nghiệp mới cho “ảnh” ăn chút đỉnh.

Nguyệt bước trở lại giường:

— Nè, cậu Tư thấy bữa nay sắc mặt anh cậu có khá hơn trước không? Chịu thuốc rồi đó!

Dũng không phải không biết tẩy của bà chị, anh nói móc:

— Ồ, anh Ba hết bệnh thì chị có công lớn! Thuốc thì chẳng tốn hao gì mà được lợi to!

Dù đó là sự thật mà nghe em nói trúng phóc như vậy, Nguyệt cũng thấy khó chịu. Chị bắt sang chuyện khác:

— Lợi đâu không biết, chỉ thấy nợ nần bủa vây. Hồi cậu Ba bệnh tới giờ, tôi đứng ra vay 500 đô rồi. Chỉ mong cậu ấy tỉnh táo trở lại để thanh toán nợ nần cho tôi rảnh rang ăn Tết.

Nguyệt bước ra cửa để chấm dứt câu chuyện. Vừa đi chị vừa nói:

— Thôi, em ở nhà lo phần vệ sinh cho Cường. Tôi đi đến “Thầy Hai lá cây” xin thuốc

thêm. Nếu thầy rảnh, tôi rước thầy về đây bắt mạch cho cậu ấy luôn.

Nguyệt xăng xái ra khỏi nhà, rồ máy xe Honda, phóng đi. Dũng đứng im quan sát anh kỹ hơn, thấy quả thật, thần sắc anh mình đã có sinh khí trở lại. Không biết nên buồn hay nên vui, Dũng xây Cường nằm ngửa lại vừa lúc Cường mở mắt ra. Đôi mắt tỉnh táo rõ ràng, không còn mê man mờ đẫn như trước.

— Anh Ba, bữa nay anh thấy trong người ra sao?

— Ồ, thấy cũng đỡ!

— Để em nấu cháo cho anh ăn nghe!

— Thôi khỏi, tôi chưa thấy đói. Chú đỡ giùm tôi ngồi dậy.

Cường ngồi lên, dựa lưng vào đầu giường, giả bộ ngồi thở dốc một hồi lâu rồi nói:

— Tôi muốn đi vòng vòng trong nhà!

— Chi vậy anh? Anh còn yếu, đi coi chừng té! Anh muốn gì để em lấy cho!

— Chú tính thử coi đồ đạc trong nhà này, nếu bán hết có đủ trả nợ không?

Dũng đáp ngay, kèm theo cái lắc đầu:

— Trong nhà này còn món gì quý giá đâu anh! Nếu cùng quá chắc phải bán nhà.

Cường cố ý buông một hơi dài não nuột:

— Nhà này tôi mượn dài hạn 2 năm, không phải nhà mua chú à! Giờ nói thiệt với chú, tôi đâu còn tiền bạc gì, chỉ biết trông cậy vào tình nghĩa anh chị em.

Dũng chưng hửng. Anh đứng như trời trồng. Dáng dấp gầy gò ốm yếu của anh trông càng thảm sâu hơn vì sự thất vọng làm cặp mắt anh tối sầm lại và cái miệng trệ xuống như chiếc xuống úp ngược.

Cường quay mặt chỗ khác để nín cười.

Đầu óc Dũng lúc đó làm việc nhanh: “may mà nợ nần chị Hai đứng ra mượn; thôi vụ này buông xuôi hết cho chỉ lo, mình tìm cách rút êm là vừa. Anh Cường này, từ nhỏ tới già, chỉ là người vô dụng, sống không ích lợi cho ai!” Dũng

làm thình đi tới đi lui, không biết nói gì, vì nếu há miệng thì mắc lời hứa. Nhưng thấy làm thình hoài cũng kỳ, Dũng đỡ anh đứng dậy và đi vô nhà tắm.

Trong lúc Dũng đang lau mình cho Cường thì chị Hai Nguyệt vừa về. Có tiếng nói chuyện, giọng đàn ông.

Dũng nói:

— Chắc có ông thầy tới xem mạch.

— Sao mau quá vậy?

— Tại cũng gần đây, ở đường Hương lộ chớ đâu. Với lại ông thầy mau mắn lắm. Ông chuyên môn chữa bệnh cho người nghèo, không lấy tiền bạc gì hết. Ai cúng tiền cho ông, ông cũng từ chối.

— Vậy làm sao sống?

— Em cũng không biết?

Cường nghe lạ tai, tự hỏi: “tại sao ở đời này lại có người không cần tiền?” Anh định hỏi thêm nhưng tiếng nói chuyện đã rõ môn một, Cường làm thình lắng nghe.

— Thầy coi đó, nay em tôi đã ra khỏi giường được rồi! Tuần trước còn nằm mê man chờ chết! Nếu thầy không phiền, tôi xin phép hỏi một câu có tính cách nghề nghiệp vì tôi cũng là dược sĩ.

— Bà cứ hỏi.

— Tôi biết thuốc Nam mình cũng hay lắm. Riêng bệnh tiểu đường của em tôi, thầy dùng dược liệu nào làm căn bản?

— Lá vú sữa phơi khô, sao thủy thổ.

— Chỉ vậy thôi sao?

— Đó là phần chánh. Phải xem mạch, tùy theo mạch yếu, khí hàn, nhiệt mà thêm vài vị khác nữa.

Hai người ngừng nói chuyện; nhìn Dũng đỡ Cường bước ra phòng khách, bấy giờ đầu tóc, mặt mày đã sạch sẽ đàng hoàng.

Cường kín đáo, lặng lẽ quan sát ông thầy: Ông trạc 50, dáng người tầm thước, khỏe mạnh với làn da sạm nắng. Bộ đồ vải lam tạo vẻ sáng sủa cho gương mặt răn rỏi nhưng hiền từ. Tóc

ông cạo không nhẵn lắm nên thoát trông, có thể lầm tưởng ông đội cái mũ màu xám vì những sợi tóc muối tiêu mọc thẳng đứng, cao chừng một phân tây phủ đều trên đầu ông. Nếu ông mặc bộ đồ nâu đà, người ta có thể tưởng ông là một nhà sư.

Cường khẽ cúi đầu chào ân nhân, thầy hai đáp lại bằng nụ cười thân thiện:

— Bữa nay coi bộ khá rồi đó ghen! Anh ngồi xuống ghế cho tôi xem mạch lại.

Cường rán nói một lời cảm tạ:

— Đội ơn thầy cứu mạng!

— Ôn nghĩa gì, phước chủ may thầy mà!

Cường sinh cảm tình với thầy Hai ngay, không phải vì ơn cứu tử nhưng nơi thầy, anh bắt gặp có cái gì gần gũi, thân thương.

Cả đời, Cường không có một người thân nào, ngoài người vợ quá cố. Cha mẹ thì đã qua đời; chị em và các cháu chỉ biết có tiền. Anh cảm thấy cô đơn dễ sợ giữa lòng quê hương, giữa những người quyến thuộc.

Nếu A Muối không qua đời một cách đột ngột vì bệnh viêm màng óc thì chắc anh không trở lại Việt Nam làm gì; nơi này đã một lần anh dứt áo ra đi không luyến tiếc. Ở đây, anh không có ai làm bầu bạn. Rải tiền ra mua vui với rượu và gái chẳng những không giải tỏa được sự cô đơn mà còn chuốc thêm sự chán chường. Nhiều hôm, anh nhớ A Muối quá, cứ đi lang thang hết phố nọ đến đường kia. Vợ qua đời rồi, anh mới thấy rõ, nếu không có sự tháo vát, kim chỉ của nàng, một mình anh chẳng thể nào làm nên sự nghiệp. Vậy mà lúc nào nàng cũng tỏ vẻ tôn trọng, cầu hỏi ý kiến anh trong mọi việc.

Sau khi chôn cất A Muối, Cường tiếp tục việc làm ăn, hy vọng công việc làm quên nỗi nhớ nhung. Nhưng chỉ cầm cự được ba tháng thì sự thua lỗ đã trở nên nặng nề.

Những người làm công biết Cường vốn rộng rãi, không để ý đến tiểu tiết, lại thêm tánh bữa bầy, không ngăn nắp, không ghi chép sổ sách

đàng hoàng, không kiểm soát hàng nhập hàng xuất một cách cẩn thận nên họ sinh lòng tham, mạnh ai nấy ăn cắp, từ tiền bạc đến thịt cá, tôm cua, thậm chí các vật dụng nữa, thành ra tháng nào cũng thua lỗ năm, ba ngàn đồng.

Cường chán ngán quá, không thiết tha gì nữa, anh kêu bán cửa tiệm, rồi sau đó, anh bán buôn nhà cửa, xe cộ, đồ đạc các thứ, gom hết tiền bỏ vào nhà băng. Anh muốn đi du lịch vòng quanh thế giới nhưng sau đổi ý, về Việt Nam một chuyến thử xem sao; hy vọng ở đây có thể tìm được những thân tình ruột thịt. Không sự thật đã làm anh thất vọng!

Thầy Hai chăm chú nghe mạch, vạch xem mí mắt bệnh nhân, xem lưỡi, cổ họng; ông gõ nhẹ vào đầu gối Cường rồi bảo anh đứng dậy đi tới đi lui.

— Được! được rồi! Nhưng mà cần uống thuốc thêm ba tháng nữa. Thời gian này ăn uống phải cứ kiêng. Cứ củ cải trắng, củ cải đỏ, bắp cải, trái cây có chất ngọt, kiêng rượu và ngũ vị tân. Tốt nhất nên ăn gạo lức muối mè.

Chị Hai Nguyệt mừng rỡ thiếu điều nhảy tưng lên. Dũng thì “trong héo ngoài tươi.” Anh đứng xơ rơ một hồi rồi kiểm cỡ rút lui, hẹn sẽ trở lại.

Nguyệt xuống bếp nấu nước pha trà đãi khách. Cường có dịp nói chuyện với thầy Hai.

— Thầy có phải là nhà sư không?

— Tôi là cư sĩ, tức người tu tại gia.

— Ở nhà tu cũng được hả thầy?

— Ồ! ở đâu tu cũng được hết, chỉ do tâm mình muốn tu hay không mà thôi.

— Mà tu là gì, thưa thầy?

Thầy Hai khoát tay, cười xuề xòa:

— Cứ kêu tôi là anh Hai, đừng “thầy, bà” gì hết. Tuổi mình cũng xuýt xoát nhau thôi.

Rồi thầy đổi giọng nghiêm trang:

— Tu là sửa, là chuyển đổi ác nghiệp thành thiện nghiệp. Trước, chưa biết tu mình có những ý nghĩ sai lầm, giờ sửa thành chân chánh; hành

động ích kỷ độc hại thành xả kỷ lợi tha; lời nói khó nghe thành từ ái, hiền hòa.

— Tu có ích lợi gì không?

— Có chớ, nếu không, tu làm chi cho mắc công! Khi tu thì bản thân mình được an vui, tương lai mình tốt đẹp vì biết sống xứng đáng, sống ích lợi cho người chung quanh.

— Tại sao mình phải vì mọi người, phải sống trong khi chung quanh mình ai cũng lo thủ lợi và sống vị kỷ?

Thầy Hai gục gặc cái đầu:

— Ồ, hồi chưa biết đạo, tôi cũng nghĩ như vậy, tôi cũng đã sống như vậy đó, y như đa số người đời nhưng mà anh nghĩ kỹ lại coi, chẳng lẽ mình tới một nơi có bệnh truyền nhiễm rồi cũng để bị lây như mọi người hay sao? Mình phải biết vươn lên, như bông sen mọc giữa bùn lầy, và tìm cách cảm hóa, sửa đổi người, chuyển đổi hoàn cảnh xấu xa ác liệt thành tốt đẹp, thiện hảo.

— Đó là nhiệm vụ của các nhà đạo đức, chính trị, đâu phải bổn phận của mình, chỉ là người dân thường.

— Theo tôi, đó là bổn phận của mỗi chúng ta. Toàn thể xã hội là sự kết hợp của nhiều cá nhân, nếu cá nhân không chịu chuyển đổi thì xã hội không thể tiến bộ. Hơn nữa, anh thử quán xét lòng mình đi, anh sẽ thấy rằng trong chúng ta có nhu cầu muốn làm chuyện tốt, muốn sống ích lợi, muốn giúp đỡ mọi người. Đáp ứng được nhu cầu ấy thì hạnh phúc lắm, hơn hẳn cái sung sướng tạm thời khi dục vọng ích kỷ được thỏa mãn.

Chị Nguyệt trở ra với hai tách trà bốc khói, nét mặt còn rạng vẻ hân hoan.

— Mời thầy dùng trà.

Hai người đàn ông ngưng câu chuyện. Cường chăm chú nhìn ông thầy uống trà: hai tay ông nâng tách trà thật nhẹ nhàng và trân trọng, hình như ông thả vào thật sâu để hưởng mùi thơm của hoa lài, rồi ông thổi cho bớt nóng và

hộp từng ngụm nhỏ. Ông có vẻ hạnh phúc lắm khi được uống trà. “Chẳng lẽ hạnh phúc đến với ông đơn giản và dễ dàng như vậy sao?”

Tự nhiên Nguyệt và Cường đều giữ im lặng; họ không dám quấy động bầu không khí đạo vị đang bao phủ quanh đây. Sau khi uống cạn tách trà, thầy Hai đứng dậy cáo từ. Cường tiếc rẻ phút giây gặp gỡ sao quá ngắn ngủi. Anh nói như một cái hẹn:

— Hy vọng uống hết đợt thuốc này, tôi có thể đi đến nhà thầy và nói chuyện lâu hơn.

— Ờ, rán ăn uống cứ kiêng thì có lẽ đi được, bằng không, tôi trở lại xem mạch cho.

Cường nhóm lên định tiến thầy ra cửa nhưng thấy đã thấm mệt, anh ngồi trở lại, thở hổn hển. Thầy Hai ra hiệu bảo anh nằm xuống nghỉ.

Khi chị Hai trở vào, Cường có dịp nhìn kỹ bà chị của mình. Chị đâu còn vẻ đài các sang trọng như xưa. Có lẽ tuổi già và sự cực khổ đã tàn phá gương mặt bầu bĩnh trắng hồng của thời con gái huy hoàng ngày cũ. Dáng dấp thanh mảnh thuở nào giờ rút lại nhỏ thó, khô cằn, xơ xác như cây mùa thu. Cường nhớ lại lời thầy Hai vừa nói: “Ai cũng có lòng tốt.” Bà chị chắc cũng không đến nỗi tệ. Có lẽ hoàn cảnh túng thiếu chật vật làm chị phải tính toán thiệt hơn. Còn chú Dũng thì nổi tiếng sợ vợ nên đâu dám tự ý làm gì cho anh mình. Thôi, hơi đâu để ý bắt bẻ chấp nhứt làm chi, khổ tâm vô ích.

— Cậu khỏe lại tôi mừng quá, còn hơn trúng số nữa!

Cường nhếch miệng cười, hỏi, nửa đùa nửa thật:

— Chị mong trúng số chừng bao nhiêu?

— Một ngàn đô là sướng rồi, có vốn làm ăn.

— Chờ em khỏe, em viết thư mượn tiền ông già vợ của em ở bên Mỹ cho chị.

Nguyệt sáng mắt, chị nói như reo vui:

— Thiệt hả em, mà em nhớ mượn đủ để trả nợ luôn nghe. Hồi em bệnh tới giờ, chị vay cả thầy 500 đô rồi.

Cường gật đầu, anh không còn cay cú khi nghe nhắc tới nợ nần:

— Em hiểu.

— Thôi để chị đi chợ mua thịt về hầm nấu cháo cho em ăn.

— Chị làm gạo lức muối mè cho em. Ráng kiêng cử theo lời thầy Hai cho mau hết bệnh.

— Ờ, vậy cũng tốt!

Khi Nguyệt vừa quay lưng đi, Cường hỏi, như một sự tình cờ:

— Còn chiếc xe Honda của em đâu?

Chị Hai đáp, hơi ngượng ngập:

— Thằng Ngân mượn. Để tôi biểu nó trả lại.

Cường biết chị Hai bị thằng Ngân phá của. Nó là út, chị cưng lắm; được nuông chiều từ nhỏ nên nó hư. Nó mà biết Cường còn lắm tiền gửi ở nhà băng bên Mỹ chắc nó không để yên.

* * *

Cường tìm được nhà của thầy Hai không khó vì cả, khu vực này ai cũng biết. Đây chỉ là căn nhà lá nhỏ ở giáp ranh thành phố. Anh xuống xe, lững thững bước vào. Nắng chiều còn sáng lấm ở chung quanh. Vào giữa tháng chạp, ở xứ mình, trời đã mát mẻ dễ chịu.

Tự nhiên Cường cảm thấy thích sự đơn sơ ở vùng này. Những ngôi nhà lá rải rác trên cánh ruộng đã gặt hái xong tạo nên vẻ đẹp thanh thoi, yên bình.

Anh bước vào trong mà chẳng ai hay. Nền nhà bằng đất được nện cứng, láng ọ, vách đất sét trộn rơm. Gian nhà trước không có gì ngoài cái bàn nhỏ, vài ba cái ghế. Thuốc khô chất đầy trên những kệ đóng sơ sài bằng ván tạp kê ở hai bên vách. Mùi thơm của lá thuốc khô lan tỏa trong không khí nghe thật dễ chịu.

Cường chưa kịp lên tiếng thì từ bên trong, một đứa bé chạy ra. “Ồ! thằng bé bán bánh mì!” Anh nhận ra nó ngay. Nó lễ phép nói:

— Thưa chú, giờ này thầy Hai nghỉ xem mạch rồi, nếu cần bổ thêm thuốc thì được.

— Tôi muốn gặp thầy có chút chuyện.

Trong lúc nó còn ngần ngừ chưa dám quyết định thì thầy Hai bước ra.

— Anh Cường! Tưởng ai chớ! Vô đây, vô đây!

Gian nhà sau tương đối rộng rãi hơn. Trên cao là kệ thờ Phật, phía dưới là tấm bảng đen với cái bàn dài, ghế xếp ở chung quanh.

Thằng bé bán bánh mì ra hiệu. Bốn đứa trẻ khác chẳng biết núp trốn ở đâu, giờ mới xuất đầu lộ diện.

Thầy Hai nói:

— Thôi mấy đứa lo học bài làm bài, thầy tiếp khách một chút.

Cường hỏi ngay:

— Thầy Hai, ý quên, anh Hai dạy học nữa sao?

— Ờ, tôi dạy đủ thứ: chữ nghĩa, Phật pháp và thuốc. Nhưng nghề thuốc chỉ truyền cho đệ tử ruột thôi.

Cường thắc mắc:

— Anh chọn đệ tử ruột bằng cách nào?

— Thử thách coi nó ham tiền không? Người ham tiền mà hành nghề thuốc thì trước sau gì cũng thành kẻ bất nhân.

— Tôi nghe nói thầy chữa bệnh không nhận tiền bạc gì của ai, vậy làm sao có tiền bổ thuốc, hoặc là sinh sống, ăn mặc.

Thầy Hai cười vui vẻ:

— Bổ thuốc thì có bọn trẻ đó. Hễ tụi nó đưa nào rảnh thì đi hái thuốc về, tôi phơi khô. Cũng có nhiều bệnh nhân sau khi được lành mạnh trở lại, tình nguyện phụ giúp tôi trong việc này. Còn chuyện ăn mặc đối với tôi không thành vấn đề. Ăn ngày một bữa, hoặc là bánh mì lát, hoặc gạo lức muối mè, đôi khi cơm trắng với rau luộc chấm nước tương. Quần áo thì hai ba bộ thay đổi qua lại là đủ.

— Dù ít dù nhiều cũng phải cần tiền chớ thầy, nhất là thầy còn nuôi các em nhỏ này nữa.

— Các em này không ở đây. Tụi nó có cha

mẹ hoặc ông bà, phải buôn bán phụ giúp gia đình. Còn phần tôi thì có chiếc xe xích lô đó — thầy vừa nói vừa chỉ chiếc xe đậu khuất trong góc nhà — khi nào cần tiền thì chạy vài cuộc là xong.

Cường khâm phục thầy Hai quá nhưng cũng lấy làm khó hiểu, không biết động cơ nào khiến thầy có thể sống lạ lùng như vậy được. Anh ngồi làm thinh ngẫm nghĩ.

Thầy Hai bây giờ mới có dịp ngắm nghía bệnh nhân:

— Bữa nay anh khá lắm rồi đó, sắc mặt có máu trở lại. Với lại anh cắt tóc cạo râu nhẵn nhụi, mới nhìn, tôi nhận không ra.

Cường bắt đầu tâm tình:

— Từ nhỏ, tôi đã thích sống tự do theo ý mình, không cần dư luận, không quan tâm đến sự khen chê của mọi người, nghĩa là không muốn bị gò bó trong khuôn mẫu thông thường của xã hội. Bởi vậy, đối với gia đình, tôi là kẻ không ra gì, đối với quân đội tôi là lính “ba gai.” Tôi muốn thoát ra khỏi vở kịch đời để sống chân thật với lòng mình nhưng thú thật, tôi không tìm ra hướng đi, không có lẽ sống.

Thầy Hai chăm chú lắng nghe, tỏ vẻ hiểu biết:

— Anh muốn thoát ra khỏi sự ràng buộc phải không? Đừng tìm cách vượt ra khỏi cuộc đời. Hãy thoát ra khỏi “cái tôi” của mình. “Cái tôi” của mỗi người là một cái ngục khắt khe, nó làm mình mất hạnh phúc, nó tạo sự đau khổ không cùng tận.

Đôi mắt Cường mở to, chứa đầy ngạc nhiên trong đó:

— Tôi không hiểu gì cả!

— Mỗi người ôm “cái tôi” của mình như một báu vật thiêng liêng bất khả xâm phạm và từ trên căn bản đó mà phán xét người chung quanh. Ai đối xử tốt với mình thì cho họ là tốt, ai khinh rẻ hắt hủi mình thì bảo họ xấu. Điều đó rất sai lầm.

Trên thế gian này không có ai hoàn toàn tốt

cũng không có ai hoàn toàn xấu; chỉ tùy theo hoàn cảnh mà họ trở thành thế này hay thế kia mà thôi.

Cường mơ màng trở về quá khứ:

— Đã có thời kỳ tôi được hạnh phúc lắm với người vợ hoàn toàn, với công việc làm ăn phát đạt.

— Hạnh phúc mà anh nói đó, tôi gọi là hạnh phúc có điều kiện. Cái gì cần phải có điều kiện, nhân duyên mới thành thì cái đó không chắc thật, không vững bền.

Bằng chứng là bây giờ anh không còn nắm giữ được hạnh phúc thuở xưa bởi vì hoàn cảnh đã đổi khác.

— Tôi đồng ý! Nhưng mà nếu mình có được một chân tình, hay một người thân hết mực thương yêu lo lắng thì mình có thể sống vui được.

Thầy Hai mỉm cười:

— Đừng bao giờ nương vào một nhân vật hay một hoàn cảnh bên ngoài để mưu cầu niềm vui. Hãy điều chỉnh tâm tư mình, đừng sống trong ảo vọng, hãy bằng lòng với những gì mình đang có. Một chén cơm gạo lức muối mè có thể ngon hơn bữa cơm thịnh soạn nếu bữa cơm ấy mình dùng trong sự lơ đãng hay lo âu.

Cường thầm công nhận thầy Hai hữu lý nhưng tâm tư anh vẫn còn nặng trĩu ưu sầu:

— Thú thật với anh, tôi cảm thấy cô đơn quá!

Thầy Hai đứng dậy rót hai ly nước lạnh, trao cho Cường một ly. Hai người im lặng uống thật chậm rãi. Hồi lâu, thầy Hai cất tiếng nói:

— Anh có thấy lạ lùng không khi mình cảm thấy cô đơn giữa lòng quê hương, bên cạnh bà con chòm xóm? Tại sao ta lại cô đơn, bơ vơ, trợ trọi trên trái đất có mấy chục tỉ người? Tại vì ta nghĩ rằng không ai thương mình hết phải không?

Thầy chắc lưỡi, nói tiếp:

— Cái ý nghĩ đó tầm bậy lắm đó nghe! Đừng để ý đến “cái tôi” của mình nhiều quá!

Anh dẹp nó qua một bên rồi lắng nghe những tiếng kêu cứu vì đau khổ, vì nghèo đói, vì hoạn nạn tai ương. Hãy tìm đến với họ rồi trải lòng ra mà giúp đỡ tận tình, chừng đó “phép lạ” sẽ đến với anh.

Cường nhìn thầy Hai đăm đăm, chờ thầy nói tiếp. Thầy biết lời của mình bắt đầu có tác dụng.

— Nếu anh bỏ được lòng vị kỷ hay đập vỡ được ngã chấp thì lòng anh lúc nào cũng an ổn nhẹ nhàng, đó là thứ hạnh phúc chân thật vì không cần phải có điều kiện thế này, thế kia.

— Tôi chưa hiểu!

— Cũng khó nói cho anh nhận ra vì điều này phải thực hành, thực nghiệm mới biết được. Anh cứ quên mình để sống vì mọi người đi, anh sẽ không còn đau khổ!

Cường lộ vẻ phấn chấn:

— Cám ơn anh Hai đã vạch cho tôi một hướng đi đúng lúc. Tôi sẽ làm theo lời anh, trước là đền ơn cứu tử sau là sống ích lợi cho đời.

Thầy Hai cảm động:

— Tôi làm nghề thuốc chỉ vì thấy người bệnh cũng như tôi bệnh vậy thôi, không để ý chuyện nghĩa ơn gì hết. Xứ mình ngoài sự bệnh tật ra còn cái khổ vì nghèo đói, vì ngu dốt tối tăm.

Một quyết định chợt đến với Cường, anh nói ngay:

— Tôi tuy không giàu có gì hơn ai nhưng tôi có thể đến với người nghèo đói, những người gặp thiên tai hoạn nạn hay những kẻ tật quyền...

Thấy thầy Hai nở một nụ cười hoan hỉ, Cường biết mình đã đáp ứng hoài bão của ân nhân. Anh cảm thấy sung sướng vì đã có một hướng đi, một lối thoát cho đời mình.

Cường cảm thấy đã gần gũi lắm với thầy Hai, anh đề nghị:

— Hay là thầy dọn về ở chung với tôi đi, nhà tôi rộng rãi mà không có ai.

Thầy Hai không dấu được sự cảm động:

— Cám ơn anh. Nhưng tôi không còn ở đây bao lâu.

Chưa chi Cường đã cảm thấy mất mát vì anh cần một người thân, một người dẫn đường.

— Sao vậy?

— Tôi trụ mỗi nơi vài ba năm là cùng, để khỏi sinh chuyện lôi thôi.

— Thầy xả thân để cứu nhân độ thế mà, có gì lôi thôi đâu?

— Đó là anh đứng trên lập trường cá nhân mà nói như vậy. Nếu không vượt ra khỏi “trung tâm vũ trụ” tức là ngã chấp của mình, anh sẽ tức giận lắm khi mình làm việc nghĩa mà có người dằn mặt, có kẻ hăm dọa vì ảnh hưởng của mình ngày càng lan rộng, hay vì mình làm vơi bớt túi tiền của những ông thầy thuốc khác.

Cường nghe nóng mặt:

— Sao họ kỳ cục vậy?

Thầy Hai trả lời với nụ cười hiền hậu:

— Ở, tại vì họ còn mê, hơi nào chấp nhứt.

Chi bằng mình hiểu người và tránh cho họ những sự chướng ngại, khó khăn thì mọi sự đều ổn thỏa.

Hai người nói chuyện mãi mê, trời tối lúc nào không hay. Chú bé “bán bánh mì” bưng cái đèn dầu ra đặt lên bàn, ánh sáng chung quanh bóng đèn tỏa rạng như một vòng hào quang. Cường biết đã đến lúc phải từ giả. Trước khi đứng lên, anh còn rán hỏi thêm:

— Hễ đừng nghĩ cho riêng mình thì không khổ nữa hả thầy?

— Ở, chắc chắn như vậy. Không chấp ngã thì không phiền não, còn tiến thêm một bậc nữa, không chấp pháp thì ở trong cảnh nào cũng không bị vướng mắc, tức là được tự tại, giải thoát.

Cường có cảm tưởng như những tia chớp sáng lóe đã từ lời nói của thầy Hai nổ tung trong đêm tối làm anh giật mình, như có ai vừa đánh thức anh dậy sau một cơn mê dài.

Anh đứng lên, đôi chân hơi run rẩy nhưng cái đầu tỉnh táo và sáng suốt hơn bao giờ. Anh muốn cảm tạ thầy Hai lần nữa, không phải chỉ

vì ơn cứu mạng mà vì thầy đã chỉ cho anh con đường tràn ngập ánh sáng mà chắc chắn rằng khi dẫn thân vào anh sẽ gặt hái được vô vàn hạnh phúc.

Nhưng Cường biết rằng giây phút này, giữa hai người, ngôn từ đã trở nên thừa thãi. Thầy Hai chấp hai tay giữa ngực như một búp sen, cúi đầu chào Cường trước, Cường tự động bắt chước làm theo. Khi hai người ngẩng lên, người này thấy người kia đã nở cho mình một nụ cười mãn nguyện. ■

7/1997

**GIỚI THIỆU KINH SÁCH
do HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỨC NIỆM
dịch và sáng tác**

- * *Phật Pháp Yếu Nghĩa*
- * *Câu Xá Luận Cương Yếu*
- * *Kinh Bảo Tích dịch giải*
- * *Tại Gia Bồ Tát Giới*
- * *Kinh Thắng Man dịch giải*
- * *Kinh A Nan hỏi Phật cát hung dịch giải*
- * *Kinh Kim Cang Bát Nhã giảng luận*
- * *Lược truyện tiền thân Đức Phật*
- * *Tịnh Độ Đại Thừa Tư Tưởng Luận*
- * *Phương pháp Cải đổi Vận mệnh*
- * *Pháp ngữ lục*
- * *Người Muôn Thuở*
- * *Những mùa Vu Lan*
- * *Cho trọn niềm tin*

*Các sách trên đều do
Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản
Cần mua sách xin liên lạc:*

**9250 Columbus Avenue
North Hills, CA 91343
Tel.: (818) 893-5317**

TẾT VỀ NÓI VỚI TUỔI THANH XUÂN

Thúy Trúc

Các em thân mến,

Tuổi Thanh Xuân là tuổi Ngọc, tuổi Ngọc là tuổi quý nhất, quý như Ngọc Lưu Ly. Tuổi đầy hương sắc, trung hiếu tiết nghĩa của thanh thiếu niên Việt Nam yêu dấu. Tuổi mười lăm, hai mươi, hai mươi lăm... khắp các nẻo đường, nẻo đời, lớn nhỏ khác nhau nhưng hầu hết cùng chung một lập trường, và lý tưởng. Lập trường Quốc Gia Dân Tộc, lý tưởng dân chủ tự do. Dĩ nhiên các em sẽ chống lại những ai phản bội lý tưởng và đi ngược lập trường. Không có lý tưởng như thuyền không lái. Không có lập trường như ngựa không cương. Làm gương cho hậu thế, lý tưởng và lập trường chưa đủ, đủ sao được nếu còn thiếu tài năng và đức hạnh để nhanh chóng chuyển đời mình hết mê thành ngộ, hết khổ được vui, để trừ bạo an dân, phát huy trí tuệ. Trí tuệ là yếu tố cần thiết nhận diện sự thật, nhận diện tà thuyết của những kẻ vô luân, vô loại; để phụ chánh tồi tà, chấn nhiếp ma quân, thiệu long Tam Bảo. Mỗi một các em là một sáng tạo của vũ trụ, một sinh vật hoàn mỹ nhất trong loài hữu tình chúng sanh.

Các em thân mến,

Phật dạy, tu hành mà giữ lấy thân, mỗi khi mất thân người thì muôn vạn kiếp khó tìm. Chọn thầy hay bạn tốt mà học đạo.

"Thân người khó đặng

Phật Pháp khó nghe

Minh sư khó gặp

Thiện hữu khó tìm."

Tín Nguyễn Hạnh là giai đoạn cần thiết. Tín

Nguyễn Hạnh như kiềng ba chân. Tín có Phật, tín có cõi Tịnh Độ, nguyện chán cảnh Ta Bà đầy gian khổ, và thực hành pháp môn Niệm Phật. Phát Bồ Đề tâm, bố thí cho chúng sanh nói chung, những người cùng nòi giống, tìm cách cứu vớt, giải trừ đày đọa, trói buộc của hơn bảy chục triệu người Việt Nam ruột thịt của chúng ta khắc khoải đợi chờ nói riêng. Đừng ngoảnh mặt làm ngơ trước sự đau khổ của dân tộc. Đừng bao giờ dù chỉ một lần (một lần thôi cũng quá đủ) ném đá thêm vào những người đã từng khổ đau. Áp bức, bạo lực đến đâu, chân lý sẽ đội mũ ra đi.

Sống chánh niệm trong hiện tại, hiện tại là giây phút ta có thể kiểm soát, không phí thì giờ nuối tiếc quá khứ và lo lắng cho tương lai. Người khôn luôn bình tĩnh, không vui, không buồn. Thất bại thì tự trách mình, đừng đổ lỗi cho người khác. Nếu thành công, thưởng cho mình một nụ cười dù là rất nhẹ như nụ cười trên khuôn mặt nàng Mona Lisa. Tối quan trọng là loại trừ nóng giận, giận nóng chỉ là sự che dấu vụng về những sai lầm của mình. Người xưa nói: "Một số sinh vật không thể nhìn thấy ban ngày, một số không nhìn thấy ban đêm. Người nóng giận đến cực độ thì không nhìn thấy gì hết cả ngày lẫn đêm." Thêm vào đó luôn luôn vô tư, khiêm tốn, nhẫn nại khoan dung, từ tâm tha thứ. Lấy mắt thương nhìn mọi người, mọi loài. Không sợ hãi trong cuộc sống hằng ngày. Lấy ân báo oán. Sống với bản tính chân tâm. Bỏ ác làm lành. Điều ác chưa sanh không để phát sanh, đã sanh nên gắng chữa

bỏ. Điều thiện chưa sanh nỗ lực làm cho phát sanh, đã sanh nên gắng tăng trưởng. Biết phân biệt thiện ác, tốt xấu cải thiện đời sống để mong cầu hạnh phúc.

Bi Trí Dũng là châm ngôn của các em, gìn giữ cho vẹn toàn. Trí không Bi là Trí thông minh điều xảo, Bi không Trí là Bi thương hảo thương quàng. Dũng không Trí Bi là Dũng tàn bạo sai đàng.

Không than vãn khi gặp nghịch cảnh, thất bại, ốm đau hay nghèo đói. Yêu đời giúp người và biết hy sinh. Nói tóm, sống hưởng thụng cần có đủ thanh tịnh, hỷ xả, từ bi và trí tuệ.

Ngoài ra Thiên Định là con đường duy nhất kiểm chế tâm trí, để tránh ray rứt bất an. Được vậy các em đã bước vào vườn hoa bát ngát của đấng Từ Tôn với sự xuất hiện trùng trùng điệp điệp của muôn loài hoa quý.

Các em thân mến,

Thế kỷ 20 là thế kỷ đầy tang tóc đau thương, lo âu và đổ nát. Hy vọng với tinh thần bất khuất, ý chí quật cường các em sẽ có những sáng tạo tuyệt vời để giúp nước lợi dân trước khi bước qua thế kỷ 21. Gióng một tiếng chuông cảnh tỉnh giữa muôn ngàn tiếng kêu la thảm thiết. Xuân 75 chúng ta ra đi, xuân nào đó rất gần chúng ta sẽ trở về dựng lại quê hương.

Các em là những cành mai đầy nụ. Xuân về, nụ trở hoa, hoa vàng, màu cờ nước Việt. Vận mệnh dân tộc do các em, người thay thế những bậc cha ông đã xa cõi trần vì kiếp luân hồi. Đừng quên nơi chôn nhau cắt rốn, nơi mà anh hùng liệt sĩ nằm xuống để cho chúng ta đứng dậy. Hãy mau mau, còn chần chờ gì nữa các em?

Chúng ta cầm tay nhau nguyện cầu cho dân tộc sớm thoát khỏi áp lực bạo tàn, hận thù chồng chất và một nước Việt Nam phú cường thịnh vượng, độc lập tự do.

Mong thay.

Sự Nhiệm Mầu Trên Biển Đông

Trần Kim Thạnh

Cách đây đúng 15 năm, cũng vào mùa Vu Lan báo hiếu, không khí trong trại tị nạn Sikhiu ở Thái Lan rộn rịp khác thường, mười ba ngàn người, hai phần ba là Phật tử, sống chen chúc, thiếu thốn mọi thứ, đã cùng nhau góp công, góp của dưới sự hướng dẫn của ba thầy Tỳ Kheo Việt Nam, tu sửa ngôi chùa nhỏ cùng dựng một tượng Quán Thế Âm lộ thiên.

Nơi đó đã trở thành chỗ quen thuộc mà hằng ngày tôi thường lui tới, để tìm cho mình những giây phút tĩnh lặng sau cơn giông tố của cuộc đời. Tôi mang tâm trạng chán chường, mệt mỏi, tuyệt vọng của một kẻ mất nước, một mình cô đơn lưu lạc bơ vơ nơi xứ lạ, quê người. Mẹ già, vợ con và các em giờ đây đã nghìn trùng xa cách.

Dõi mắt nhìn về bên kia bờ đại dương xa thăm thẳm là quê hương tôi, nơi mà những trại tù giết người từ từ thâm lặng được dựng lên với danh nghĩa thật nhân từ: “Trại cải tạo.” Mỗi khi nghĩ đến tôi không khỏi xót xa quặn thắt trong lòng bởi chính nơi đó đã vùi chôn cuộc đời trai trẻ đầy nhựa sống của các em tôi, của biết bao người có thể gọi là tinh hoa của miền Nam.

Lại còn những vùng “Kinh Tế Mới,” rừng hoang khô cằn không nguồn cung cấp nước, đất phèn cày lên sỏi đá, sâu bọ cũng không sống nổi, những đứa em khác của tôi đang còng lưng, đổ mồ hôi, sót con mắt không thể tìm đủ cơm ăn cho đàn con nhỏ.

Phần tôi, khi hồi tưởng lại những cảnh tưởng hãi hùng trong chuyến vượt biển đầy gian truân, tôi nghẹn ngào thương xót cho dân tộc Việt Nam, một dân tộc hiền hòa với hơn 4,000 năm văn hiến, phút chốc phải chịu đựng bao cảnh đầy ải tang thương, chết chóc, đói khát, gia đình ly tán. Biết bao cô gái trinh trắng thơ ngây bị lũ hải tặc, bọn cướp cạn man rợ, đầy thú tính dày vò thân thể cho đến chết rồi quăng xác xuống biển. Trong cơn khủng hoảng trước những tai biến quá lớn lao, quá đau khổ đang xảy ra cho dân tộc nói chung và gia đình tôi nói riêng. Tôi bơ vơ tuyệt vọng, chỉ còn một cách duy nhất là bám víu vào niềm tin tôn giáo để được an ủi để sống còn. Mỗi buổi chiều, sau khi cơm nước xong tôi thường lên chùa lắng lòng, thành tâm khẩn nguyện:

“Cầu xin chư Phật, chư Đại Bồ Tát từ bi gia hộ cho gia đình con sớm được đoàn tụ, bình an...”

Một hôm, bỗng có cậu thanh niên tuổi độ 15, 16 đến bảo tôi:

“Thưa chú, chiều nay chú mang nhang, đèn lên gặp con ở building số 5, phòng số..., con sẽ giúp chú.”

Tôi vô cùng ngạc nhiên vì giữa tôi và cậu ấy không hề quen biết, làm sao cậu ấy biết được hoàn cảnh của tôi, những ước nguyện thầm kín trong tim tôi? Nhưng tôi vẫn ngoan ngoãn nghe lời đến tìm cậu ta ở nơi đã hẹn. Đó là một trong những phòng dùng để giam người phạm kỷ luật, chung quanh đầy những song sắt, tối tăm và chật hẹp. Sau khi trao đổi đôi lời, tôi thắp nhang đèn rồi khẩn nguyện. Sau độ 5 phút im lặng, toàn thân cậu chuyển động lạ lùng. Bỗng cậu nói bằng giọng một người nữ:

“Ta là Quán Thế Âm Bồ Tát, tâm thỉnh cứu khổ cứu nạn ở biển Đông. Thấy con thương đến chùa thành tâm khẩn nguyện; hằng ngày lại tham gia vào các công việc phước thiện ở trong trại nên ta mượn thân của cậu nhỏ này mà đến để giúp con. Nay ta cho con hai lá bùa để hộ

thân. Hãy gửi về cho vợ con. Khi nào gia đình được sum họp hãy mua nhang đèn đến cúng trước cửa rồi đốt hai lá bùa ấy đi.”

Nói xong, cậu ấy viết trên hai mảnh giấy những dòng chữ ngoằn ngoèo giống chữ Thái rồi trao cho tôi. Sau đó, cậu ta rùng mình một cái rồi trở lại bình thường. Tôi hỏi về ý nghĩa của những dòng chữ, nhưng cậu bảo thật tình cậu ta cũng chẳng hiểu và không nhớ những gì đã xảy ra. Tôi vô cùng xúc động trước sự việc lạ lùng, không biết phải làm gì, tôi vội vã chạy lên chùa thắp một nén hương để cảm tạ đức Quán Thế Âm Bồ Tát đã ứng hiện.

Sau khi gửi thư cùng hai lá bùa hộ thân về cho gia đình, tôi thường tự hỏi, chính mình còn nợ hai cây vàng, vợ con lấy đâu ra tiền để vượt biển, vả lại trong thời buổi khó khăn này ai lại có lòng tốt ứng ra cho đi trước rồi trả sau? Đầu tôi hiện lên cả chục câu hỏi mà không sao giải đáp được, những lúc ấy tôi chỉ biết một lòng thành tâm cầu xin đức Quán Thế Âm gia hộ.

Có điều lạ là bức thư tôi gửi về với hai lá bùa, vợ con tôi đều nhận đủ cả. Trong khi đó lá thư của người bà con cũng gửi về cùng một địa chỉ và cùng lúc thì lại lạc mất. Đó là điều linh ứng đầu tiên mà tôi cảm nhận.

Tháng 10 năm 1983, tôi được phái đoàn Mỹ nhận nên được chuyển trại qua Galang, Nam Dương để học Anh văn. Khi ấy tôi cũng nhận được tin báo cho biết là vợ và ba đứa con của tôi đã đến Pulau Bidong bình yên. Một năm sau, gia đình tôi đoàn tụ tại California, lúc bấy giờ vợ tôi mới kể lại từng chi tiết cuộc vượt biển cho tôi nghe.

Chiếc ghe vợ con tôi cùng một số đồng bạn vượt biên lên đênh trên biển hai ngày thì gặp bọn hải tặc Thái Lan. Sau khi lục soát lấy hết tất cả vàng bạc nữ trang, chúng bắt đầu hãm hiếp phụ nữ. Thoạt tiên là những cô gái trẻ, sau đó đến những người lớn tuổi hơn. Vợ tôi quá khiếp đảm, sức nhớ đến hai lá bùa hộ thân nên

lấy ra để trước ngực. Một tên mặt mày vô cùng dữ tợn, hung hăng xông đến túm lấy áo vợ tôi nhưng nó đã khựng lại khi thấy hai lá bùa. Nó giựt lấy và mang đến đưa cho một tên khác to lớn dữ dằn hơn, có lẽ là thuyền trưởng. Bọn chúng xem xong kéo đến chỗ vợ tôi đang ngồi. Lúc đó vợ tôi, nghĩ thầm “Hết hy vọng rồi, thôi đành nhắm mắt mà chịu.” Thật là ngoài sức tưởng tượng của mọi người, bọn chúng chẳng những không hành hung mà còn quỳ sụp lạy vợ tôi. Tên thuyền trưởng đó còn mang thuốc cho Hà, đứa con trai nhỏ của tôi, khi ấy đang bệnh. Chúng còn chỉ hướng cho tàu đi rồi tự động rút lui. Các cô gái đi cùng tàu trách vợ tôi sao không mang hai lá bùa hộ thân ra sớm hơn nhưng vợ tôi thật lòng cũng không dám nghĩ tới sự linh nghiệm kỳ diệu như vậy. Thật là một việc không thể nghĩ bàn!

Vào dịp Tết đi lễ chùa, tôi tình cờ đọc được 12 lời nguyện lớn của đức Quán Thế Âm Bồ Tát, trong đó có 2 lời nguyện:

Nam mô nhứt niệm tâm vô quái ngại Quán Âm Như Lai thường cư Nam Hải nguyện.

(Trong một niệm tâm được tự tại vô ngại, nguyện thường ở biển phương Nam để cứu độ chúng sanh.)

Nam mô thường trú ta bà u minh giới Quán Âm Như Lai tâm thỉnh cứu khổ nguyện.

(Nguyện luôn ở khắp nơi tìm nghe lời cầu cứu từ chốn tối tăm để cứu độ chúng sinh.)

Tôi bàng hoàng xúc động như sống lại với những linh ứng nhiệm mầu như trong lời nguyện mà đức Quán Thế Âm Bồ Tát đã gia hộ cho gia đình tôi.

Thượng Tọa Thích Quảng Thanh viện chủ chùa Bảo Quang, sau khi nghe câu chuyện đã khuyến khích tôi viết lại như một nhân chứng sống về sự nhiệm mầu của mẹ hiền Quán Thế Âm.

Nguyện cầu đức Quán Thế Âm Bồ Tát gia hộ cho quý Phật tử thân tâm thường an lạc, đạo

tâm kiên cố và vững bước trên con đường tiến đến giác ngộ. ■

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM CỦA VĨNH HẢO

1. MẸ, QUÊ HƯƠNG VÀ NƯỚC MẮT, tập truyện, trên 200 trang, giá \$10US.

2. NÚI XANH MÂY HỒNG, truyện vừa, 180 trang, giá \$10US.

3. BIỂN ĐỜI MUÔN THUỞ, tập truyện, trên 200 trang, giá \$10US.

4. SÂN TRƯỚC CẢNH MAI, tạp bút, 200 trang, giá \$12US.

5. THIÊN THẦN QUÉT LÁ, tập truyện, trên 200 trang, giá \$10US.

6. PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG, truyện dài, trên 350 trang, giá \$15US.

7. BỤI ĐƯỜNG, truyện dài, trên 350 trang, giá \$15US.

8. NGÕ THOÁT, truyện dài, trên 350 trang, giá \$15US.

9. CỎI TRÓI, Tập I, truyện dài, trên 350 trang, giá \$15US.

10. CỎI TRÓI, Tập II, truyện dài, trên 350 trang, giá \$15US.

11. CHẠNH LÒNG TIẾNG THƠ RƠI, tập thơ, 90 trang, giá \$6US.

12. CON ĐƯỜNG NGƯỢC DÒNG, tâm bút, 190 trang, giá \$10US.

Ngoài Hoa Kỳ xin thêm \$2US cho mỗi cuốn sách. Trong Hoa Kỳ xin thêm \$1US cho mỗi cuốn sách nếu muốn nhận sách nhanh bằng hạng nhất (1st Class).

Thư từ và ngân-chi phiếu xin đề:

CHIEU HA PUBLISHER

4702 W. FIRST STREET, SUITE E

SANTA ANA, CA 92703 - USA

TIN TỨC SINH HOẠT CỦA GIÁO HỘI TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

GHPGVNTNHN-HK tổ chức Đại Lễ Vu Lan và Trai Đàn Chẩn Tế

Ngày Chủ Nhật 17/8/1997, lần đầu tiên tại hải ngoại GHPGVNTNHN-HK đã tổ chức một Đại Đàn Chẩn Tế Siêu Độ Thập Loại Cô Hồn và đại lễ Vu Lan tại vùng Santa Ana, Thủ đô Tỵ Nạn miền Nam California. Buổi lễ đặt dưới sự chứng minh của tam vị Hòa Thượng Thích Hộ Giác, Thích Đức Niệm, và Thích Giác Nhiên, cùng hơn 30 chư tăng ni tại miền nam california và các tiểu bang khác, có hơn 10 ngàn đồng bào tham dự. Buổi lễ bắt đầu lúc 4 giờ chiều và chấm dứt lúc gần 10 giờ đêm, nếu không có cơ quan cảnh sát Westminster kêu gọi ngưng chương trình văn nghệ, thì chương trình này có khả năng kéo dài nhiều giờ nữa.

Mặc dù dưới ánh nắng hè California nhưng từ hơn một giờ trước khi khai mạc Đại Đàn Chẩn Tế, nhiều đồng bào đã có mặt với tâm thành một lòng cầu nguyện cho người thân, cùng cửu huyền thất tổ được siêu sinh tịnh độ.

Đúng 4 giờ chiều, Ban Nghi Lễ cung thỉnh Ban Kinh Sư của Đại Đàn Chẩn Tế gồm 9 vị tôn túc trong đó có Chủ Sám là Thượng Tọa Thích Tín Nghĩa, Vụ Trưởng Vụ Nghi Lễ đến từ Houston, Texas, Công Văn: Thượng Tọa Thích Viên Lý, Tổng Thư Ký GHPGVNTNHN-HK, Tả Bạch: Thượng Tọa Thích Nguyên Siêu từ San Diego, Hữu Bạch: Thượng Tọa Thích Nguyên An đến từ Seattle, và bốn vị Kinh Sư là chư Đại Đức Thích Đồng Trí, Thích Giải Ngộ, Thích Giải Minh và Thích Giải Đức, tất cả bốn vị đều trụ

xứ tại chùa Việt Nam Los Angeles. Những nghi thức cung nghinh chư tôn đức do ông Nguyễn Phước Trí thuộc Hội Cư Sĩ Phật Giáo Orange County hướng dẫn. Lễ Đại Đàn Chuẩn Tế đã diễn ra thật long trọng làm nức lòng nhiều Phật tử hiện diện mà hơn 20 năm qua chưa bao giờ chứng kiến.

Đại Đàn Chuẩn Tế đáng lẽ kéo dài khoảng 8 giờ đồng hồ liên tục, nhưng vì thời gian và hoàn cảnh, Thượng Tọa Tín Nghĩa đã hoàn tất trong 3 giờ.

Đúng 7 giờ là phần đại lễ Vu Lan với nghi thức long trọng và trang nghiêm. Đồng bào tham dự cảm thấy thoải mái và ấm lòng, vì đã có dịp để dành một ngày trọn vẹn hướng về tôn giáo và người thân cũng như đấng sinh thành của mình hiện tiền hay quá vãng. Hòa Thượng Thích Đức Niệm đã ban Đạo Từ Vu Lan và Hòa Thượng Thích Hộ Giác thuyết pháp cho buổi lễ. Thượng Tọa Thích Nguyên Trí, Viện Chủ chùa Bát Nhã, một thành viên trung kiên của Giáo Hội Thống Nhất là Trưởng Ban Tổ Chức, người điều hành tổng quát cho buổi lễ là ông Huỳnh Tấn Lê, Chủ Tịch Tổng Hội Cư Sĩ và rất đông đảo Phật tử từ các tổ chức Phật giáo như Tổng Hội Cư Sĩ, Gia Đình Phật tử và Đoàn Thanh Niên Phật tử Bát Nhã đã đóng góp nhiều công sức cho sự thành công viên mãn của đại lễ Vu Lan Phật lịch 2541 tại thủ đô người tỵ nạn.

Sự thành công viên mãn của buổi lễ làm nổi bật nhiều điểm đặc biệt mà Tăng tín đồ Phật giáo bất kỳ góc độ nào cũng nhìn thấy.

Điểm đặc biệt đầu tiên là niềm tin tưởng

của người Phật tử vào GHPGVNTN, Giáo Hội Truyền Thống của Phật Giáo Việt Nam. Đáp lời kêu gọi của Giáo Hội, đồng bào tham dự đại lễ đông ngoài sức ước định.

Điểm đặc biệt thứ hai là nhị vị Hòa Thượng lãnh đạo hai Hội Đồng tối cao của Giáo Hội là Hòa Thượng Thích Hộ Giác và Hòa Thượng Thích Đức Niệm tuổi đã cao niên, nhưng cả hai đều quang lâm chứng minh cho đến giờ bẻ mạc. Nhiều chư vị tôn túc khác đến từ những tiểu bang xa xôi như Thượng Tọa Thích Tín Nghĩa, Thượng Tọa Thích Nguyên An, điểm này nói lên sự quan tâm của chư Tăng đối với tiền đồ Phật giáo hải ngoại.

Điểm đặc biệt thứ ba nói lên tinh thần phục vụ cộng đồng của GHPGVNTN đã tổ chức Đại Đàn Chấn Tế và Lễ Vu Lan cộng đồng không phải để thu lợi mà để có dịp cho tất cả đồng bào Phật tử có thể tham gia và giúp cho giới trẻ biết được thế nào là Đại Đàn Chấn Tế, thế nào là Vu Lan báo hiếu. Đây là một đóng góp rất lớn của nền Văn Hóa Hoa Sen cho Cộng Đồng Người Việt Tỵ Nạn mà Giáo Hội đã sẵn sàng phục vụ.

Điểm đặc biệt thứ tư nói lên nét đặc thù của Phật giáo là, chúng ta không nhất thiết tổ chức những buổi lễ ngay tại chùa, mà bất cứ nơi nào khác, miễn là với tất cả tấm lòng của Tăng Tín Đồ và sự trang nghiêm của buổi lễ.

Điểm đặc biệt sau cùng là tinh thần phục vụ và đoàn kết của người Phật tử, dù thuộc đoàn thể Phật giáo khác nhau, nhưng họ đã đến với nhau, cộng tác và làm việc như một tổ chức duy nhất mà không ai có thể tách biệt. Đó là hình thức bất đồng nhưng thống nhất, sự tổ chức bằng bạc nhưng chặt chẽ của Phật giáo.

Quảng Phước ghi

Vu Lan Thắng Hội Phật lịch 2641.

Biên bản đúc kết phiên họp đặc biệt của Giáo Hội vào ngày 24 tháng 9 năm 1997 tại Tu Viện Bảo Pháp

Đây là phiên họp đầu tiên của Giáo Hội kể từ ngày Đại Hội Thường Niên lần thứ I Nhiệm Kỳ II vào ba ngày 1, 2, và 3 tháng 8 năm 1997. Hòa Thượng Thích Hộ Giác, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành chủ tọa phiên họp với sự tham dự đông đảo chư tôn giáo phẩm và đạo hữu thuộc các hội đồng, vụ... Dưới cơn nắng gay gắt sắp chuyển mình sang thu, tại đại tòng lâm Bảo Pháp, hội nghị đã diễn ra vào lúc 9 giờ sáng và kết thúc vào lúc 5 giờ chiều cùng ngày. Suốt 8 tiếng đồng hồ, hội nghị đã liên tục thảo luận và thông qua những phương cách thực hiện các Quyết Nghị mà đại hội thường niên vừa thông qua tại Utah như sau:

1. Để công cuộc hoằng pháp được quảng bá rộng rãi trong giới trẻ, giáo hội đã giao phó Vụ Thanh Niên đứng ra đảm trách việc kiện toàn các tổ chức trẻ trực thuộc giáo hội do Thượng Tọa Thích Huyền Việt, Quyền Vụ Trưởng sẽ phúc trình lên Hội Đồng Điều Hành về phương cách hoạt động của Vụ để duyệt xét trước khi thực hiện.

2. Vụ Thanh Niên và Văn Phòng Giải Trừ Pháp Nạn sẽ tổ chức một buổi lễ cầu an vào tháng 12 ở San Jose cho Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại quốc nội đang bị nhà cầm quyền đàn áp. Địa điểm và ngày giờ sẽ thông báo sau.

3. Hòa Thượng Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành sẽ trực tiếp liên lạc với Thượng Tọa Vụ Trưởng Vụ Cư Sĩ để giải quyết những khúc mắc nếu có, trong thời gian qua của Vụ.

4. Giáo hội đang tiến hành việc đưa kinh điển vào CD. Vụ Hoằng Pháp chịu trách nhiệm thành lập một ban tuyển trạch kinh sách Phật giáo trước khi đưa vào.

5. Giáo hội ủy nhiệm Thượng Tọa Thích Viên Lý, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành

đứng ra thành lập một đại học Phật giáo và lấy đại tông lâm Bảo Pháp làm cơ sở.

6. Hòa Thượng Thích Chánh Lạc, Vụ Trưởng Vụ Hoàng Pháp sẽ thành lập một Viện Cao Đẳng Phật Học tại Colorado để chuyên đào tạo tăng ni.

7. Để tạo sự thấm thiết hơn trong tình đồng đạo, Giáo hội sẽ tổ chức các cuộc thăm viếng các chùa hiện đang ở ngoài giáo hội.

8. Giáo hội Trung ương sẽ đặc biệt quan tâm đến các sinh hoạt cơ sở địa phương. Giáo hội sẽ cử đại diện đến thăm viếng và tìm hiểu để từ đó tạo thêm sự cảm thông và chia sẻ.

9. Giáo hội sẽ đứng ra tổ chức các khóa tu học cho Phật tử mọi giới ở những nơi có cư dân Việt Nam đông đúc.

10. Giáo hội sẽ tổ chức một tuần tu học dành riêng cho giới xuất gia tại Đại Tông Lâm Bảo Pháp trước mùa Phật Đản PL. 2542.

Chương trình hội nghị kết thúc trong niềm hoan hỷ và quyết tâm của tất cả chư tôn đức và quý đạo hữu.



**Tổng Kết sơ lược thành quả Đại Hội
Thường Niên lần thứ I, nhiệm kỳ II của
GHPGVNTNHN-HK
Văn Phòng II VIỆN HÓA ĐẠO**

Từ ngày 1 đến ngày 3 tháng 8 năm 1997, đông đủ Chư Tôn Đức Giáo Phẩm, Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni, và Phật tử đại diện các Hội Đồng, Ban, Vụ, Phòng, miền thuộc GHPGVNTNHN-HK-Văn Phòng II-Viện Hóa Đạo đã vân tập về chùa Phổ Quang, thành phố Salt Lake, thuộc tiểu bang Utah để tham dự Đại Hội Thường Niên lần thứ I, nhiệm kỳ II và lễ Hiệp Kỳ của Giáo Hội nhằm kiểm điểm các công tác Phật sự trong niên khóa qua và đề ra chương trình hành hoạt ngắn hạn cho niên khóa tới.

Qua ba ngày làm việc trong tinh thần tương

kinh, tương giáo, tương sám và tương thuận. Lần lượt các Hội Đồng, Ban, Vụ, Phòng đã tường trình, báo cáo và đề xuất các Phật sự khẩn thiết trong chương trình ngắn hạn cho niên khóa tới, suốt trong hai ngày thảo luận thật sôi nổi với tinh thần xây dựng cao, Đại Hội đã đi đến những quyết định căn bản cần phải thực hiện:

1. Đại Hội Thường Niên năm tới được tổ chức tại chùa Từ Đàm trong dịp lễ Columbus vào các ngày 9, 10, và 11 tháng 10 năm 1998.

2. Thượng Tọa Thích Viên Lý đã hoan hỷ nhận tổ chức Đại Lễ Phật Đản PL. 2542 chung của Giáo Hội tại miền Nam California.

3. Thành lập Ủy Ban giải trừ pháp nạn tại các địa phương.

4. Tổ Chức Đại Hội giải trừ pháp nạn.

5. Mở văn phòng liên lạc tại Washington D.C, để vận động các chính giới.

6. Thành lập quỹ giải trừ pháp nạn.

Để kịp đà văn minh của thế giới hiện nay và nhất là việc bảo tồn Kinh điển Phật giáo sau này:

7. Nên đưa tất cả Kinh điển tiếng Việt vào CD để lưu trữ và hoằng bá.

8. Đồng thời đưa dự án Kinh điển Phật giáo vào CD-ROM, chư Hội Đồng sẽ cung thỉnh một Ban san dịch Kinh điển và một Ban kỹ thuật sau.

9. Tiến hành tổ chức Đại Hội Văn Hóa, bao gồm các Văn Hào, Trí thức nổi tiếng thế giới.

10. Tổ chức một tập san sáu tháng một lần bằng tiếng Việt. Sau đó, chuyển sang tiếng Anh và,

11. Thành lập các Ban trực thuộc Vụ Văn Hóa.

12. Thành lập một Ban Hoàng Pháp trung ương, bao gồm cả Tăng Ni.

13. Phát triển các Văn Phòng Thông tin tại các quốc gia.

14. Thực hiện quỹ tương trợ.

15. Thực hiện quỹ niên liễm.

16. Đơn từ chức của Thượng Tọa Thích

Minh Đạt, Vụ Trưởng Vụ Thanh Niên chưa được chấp thuận bởi Đại Hội. Hội Đồng Điều Hành thỉnh cử Thượng Tọa Thích Huyền Việt quyền vụ Trưởng Vụ Thanh Niên.

17. Gia Đình Phật tử, Đại Hội tuyệt đại đa số lập trường Giáo Hội: Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ — Văn Phòng II — Viện Hóa Đạo cần có một Ban Hướng Dẫn GDPT đúng truyền thống GDPT và Hiến Chương Giáo Hội sinh hoạt trong tinh thần hòa nhã, hợp nhất.

Từ những Phật sự quan trọng và cấp thiết đã được toàn thể đại biểu đồng thuận thông qua như trên. Sau cùng Đại Hội đã đồng tâm Quyết Nghị:

1. Đẩy mạnh công cuộc giải trừ pháp nạn một cách đồng bộ.

2. Thiết lập quỹ hỗ trợ Phật sự do Vụ Kinh Tế Tài Chánh đảm trách.

3. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ — Văn Phòng II — Viện Hóa Đạo cần có một Ban Hướng Dẫn GDPT Trung Ương hợp với Qui Chế của GHPGVNTNHN-HK/VPII VHD, cùng với truyền thống, tôn chỉ của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và Gia Đình Phật Tử Việt Nam.

4. Đưa kinh sách Phật Giáo Việt Nam vào CD-ROM do Hội Đồng Điều Hành chịu trách nhiệm thực hiện.

Tóm lược một cách tổng quát, Đại Hội Thường Niên lần thứ I, nhiệm kỳ II và Lễ Hiệp Kỳ của GHPGVNTNHN-HK-VPII-VHD đã thành tựu hết sức viên mãn trong tinh thần hòa hợp, tương kính và tương thuận.

Đại Hội đã bế mạc đúng vào lúc 06 giờ chiều, ngày 03 tháng 8 năm 1997.

■

Quyết Nghị của Đại Hội Thường Niên lần thứ I nhiệm kỳ II GHPGVNTNHN-HK-Văn Phòng II - VHD tại chùa Phổ Quang, thành phố Salt Lake City, Utah

Đại Hội Thường Niên lần thứ I, nhiệm kỳ II của GHPGVNTNHN-HK-VPII-VHD được triệu tập tại chùa Phổ Quang, thành phố Salt Lake, tiểu bang Utah vào các ngày 1, 2, và 3 tháng 8 năm 1997 gồm các Đại biểu thuộc các Hội Đồng, Vụ, Ban, Phòng, Miền nhận định rằng:

1. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại quê nhà hiện đang trải qua những chuỗi ngày đen tối nhất do nhà cầm quyền Cộng sản VN gây ra.

2. Chính sách đàn áp Phật giáo qua việc triệt tiêu Gia Đình Phật Tử Việt Nam là một trong nhiều kế hoạch thâm độc mà Cộng sản Việt Nam đang áp dụng đối với Phật giáo Việt Nam.

3. Trong chính sách đàn áp Phật giáo, nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam đã liên tục gởi ra ngoại quốc những tu sĩ Phật giáo với ba mục tiêu: tuyên truyền cho Cộng sản Việt Nam trước dư luận quốc tế; phân hóa, lũng đoạn Phật giáo đồ và gây hoang mang, nghi kỵ, giữa cộng đồng Việt tại hải ngoại.

4. Phương tiện truyền thông hiện đại vô cùng cần thiết trong công cuộc hoằng dương chánh pháp.

5. Thanh Thiếu Niên và Gia Đình Phật Tử là mối quan tâm hàng đầu trong nhiệm vụ hoằng pháp, giáo dục của Giáo Hội.

Từ những nhận định trên, Đại Hội đồng tâm Quyết Nghị:

1. Đẩy mạnh công cuộc giải trừ pháp nạn một cách đồng bộ.

2. Thiết lập quỹ hỗ trợ Phật sự do Vụ Kinh Tế Tài Chánh đảm trách.

3. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II -

Viện Hóa Đạo cần có một Ban Hướng Dẫn GDPT Trung Ương hợp với Quy Chế của GHPGVNTNHN-HK-VPII-VHD cùng với truyền thống, tôn chỉ của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và Gia Đình Phật Tử Việt Nam.

4. Đưa kinh sách Phật giáo Việt Nam vào CD-ROM do Hội Đồng Điều Hành chịu trách nhiệm thực hiện.

Quyết Nghị này được Đại Hội thông qua lúc 12:00 trưa, ngày 03/8/1997 bởi toàn thể đại biểu tham dự.

Làm tại chùa Phổ Quang, Salt Lake City, ngày 03/8/1997.

*Thay mặt Chủ Tọa Đoàn
Hòa Thượng Thích Hộ Giác*



Vì phản đối chế độ ngược đãi tù chính trị và tôn giáo tại trại Xuân Lộc, Thượng Tọa Thích Nhật Ban bị hành hạ và biệt giam

Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế vừa được Tăng Đoàn Bảo vệ Chánh Pháp tại Việt Nam cho biết tình trạng nguy ngập vì bị hành hạ và biệt giam của Thượng Tọa Thích Nhật Ban tại trại Xuân Lộc. TT. Nhật Ban là một trong 6 vị thuộc hàng giáo phẩm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) bị bắt vào tháng 11 năm 1994 vì tội tổ chức Phái đoàn Cứu trợ nạn nhân lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long, bị kết án 4 năm tù và đưa về giam tại trại cải tạo Z30A, Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Theo tin của Tăng Đoàn Bảo vệ Chánh Pháp tại Việt Nam, TT. Thích Nhật Ban, thế danh Hồ Bửu Hoa, đã kêu gọi Ban quản giáo trại phải bãi bỏ chế độ giam giữ hà khắc tù nhân chính trị và tôn giáo, chấm dứt việc ngược đãi, cải thiện chế độ ăn uống và y tế trong toàn trại. Thay vì đáp ứng những yêu cầu nhân đạo này, từ một tháng nay Ban quản giáo đã đưa TT.

Thích Nhật Ban đi biệt giam kỷ luật ở trại K2 nằm trong rừng sâu cách xa trại chính 2 cây số. Thượng tọa không được thăm nuôi. Các tù nhân biệt giam bị đưa vào một ca xô 2,50 mét vuông, không cửa sổ, không ống thông khí, ăn uống bằng cơm với nước muối. Tăng Đoàn Bảo vệ Chánh Pháp tại Việt Nam đã vô cùng quan ngại cho tình trạng sức khỏe của TT. Nhật Ban vốn bị yếu đau bệnh tật vào tuổi 60.

Đây không là lần đầu TT. Thích Nhật Ban bị hành hạ vì những đòi hỏi ôn hòa cải thiện chế độ giam giữ. Ngày 27/5/1996, TT. Nhật Ban đã tham gia cuộc biểu tình trong trại và ký chung bản thỉnh nguyện với nhiều tù nhân chính trị ở trại Z30A, Xuân Lộc, tố cáo sự bóc lột sức lao động đối với tù nhân để làm giàu cho quản giáo và công an trại, lao động thái quá đối với tù nhân già yếu, bệnh tật (trường hợp cụ Trần Hữu Duyên 81 tuổi, Nguyễn Châu Đạt 72 tuổi...), tình trạng mất vệ sinh, không có nhà xí trong phòng, ở quá chật hẹp (chỉ nằm đúng 0.60 mét), đánh đập, ngược đãi tù nhân. Nhưng cuộc biểu tình thỉnh nguyện này đã bị trấn áp dã man, bắt nhốt kỷ luật và cùm còng đông đảo tù nhân chính trị (như đối với các tù nhân Nguyễn Thanh Hồng, Nguyễn Viết Đào, Nguyễn Phi Kích, Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Văn Tự, v.v...). Tin tức và tài liệu từ trại Xuân Lộc gửi ra đã được Ủy ban Bảo vệ Quyền làm người Việt Nam đưa ra báo động tại khóa họp Nhân quyền Liên Hiệp Quốc ở Genève tháng 8/1996. Vì sự kiện báo động LHQ này, mà hơn một năm qua nhà cầm quyền đã siết chặt sự đàn áp mạnh mẽ hơn đối với mọi tù nhân chính trị và tôn giáo tại trại Xuân Lộc, tuy có thay đổi toàn Ban quản giáo trại.

Vì sự liên hệ với GHPGVNTN, Thượng Tọa Thích Nhật Ban đã bị giam cầm ở trại cải tạo suốt 10 năm (1975-1985). Sau khi trả tự do. TT. thường trực bị công an làm khó, bắt đi "làm việc" không ngừng. Năm 1993, TT. bị công an

trói vào một gốc cây suốt 3 ngày, không cho ăn, để răn đe đui TT. ra khỏi chùa Ba La Mật thuộc quyền sở hữu của TT., tọa lạc trên dốc đường 47 (đường Sài Gòn đi Vũng Tàu). Tháng 10.1994, TT. Nhật Ban tham gia phái đoàn cứu trợ nạn nhân lũ lụt đồng bằng sông Cửu Long, nên bị bắt và bị kết án 4 năm tù trong phiên tòa trá hình ngày 15/8/1995 với tội danh “phá hoại chính sách đoàn kết tôn giáo.” Những thành viên khác của Phái đoàn Cứu trợ GHPGVNTN gồm có HT. Thích Quảng Độ, TT. Thích Không Tánh, ĐĐ. Thích Trí Lực và hai Cư sĩ Nhật Thường, Đồng Ngọc, bị kết án từ 3 đến 5 năm tù.

(Trích *Thông Báo Báo Chí* ngày 15/9/1997 của Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế)

Văn Bút Quốc tế tố cáo Hà Nội đàn áp Văn Nghệ sĩ Việt Nam

Đáp ứng cuộc vận động của Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam và Liên Đoàn Quốc tế Nhân quyền kêu gọi các nhân sĩ, trí thức và đoàn thể quốc tế gây áp lực cho Nhân quyền Việt Nam tại Hội nghị thượng đỉnh khối Pháp ngữ tại Hà Nội tháng 11 sắp tới, Văn Bút Quốc tế có trụ sở đặt tại Luân Đôn vừa gửi đến cho Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam một Quyết nghị hỗ trợ.

Văn Bút Quốc tế được thành lập tại Luân Đôn năm 1921, hiện bao gồm 126 trung tâm văn bút trong 91 quốc gia trên thế giới. Trong số các vị Phó chủ tịch có người lãnh giải Nobel văn học như Nadine Gordimer và các nhà văn nổi danh: Arthur Miller, Leopold Sedar Senghor, Mario Vargas Llosa, Francis King, v.v... “Ủy ban chuyên trách các Nhà văn bị cầm tù” (Writers in Prison Committee) của Văn Bút Quốc tế được thành lập năm 1960 để đấu tranh đòi trả tự do cho tất cả các nhà văn “bị bắt hoặc bị đàn áp vì

quyền ngôn luận và tác phẩm viết ra (...) hay vì những sinh hoạt nghề nghiệp của họ.”

Bản Quyết nghị của Văn Bút Quốc tế mạnh mẽ tố cáo cuộc đàn áp của nhà cầm quyền Hà Nội đối với các nhà văn Việt Nam, trường hợp của triết gia Thích Tuệ Sỹ, sử gia Lê Mạnh Thát (Thích Trí Siêu), cả hai bị kết án tử hình năm 1988 nhưng nhờ dư luận quốc tế phản đối nên cải án xuống 20 năm tù; giáo sư Đoàn Viết Hoạt bị 15 năm tù giam vì tung bức thư luân lưu “Diễn Đàn Tự Do”; bác sĩ Nguyễn Đan Quế bị 20 năm tù vì đòi hỏi cải cách dân chủ; ông Hồ Hiếu một đảng viên cộng sản ly khai. Bản Quyết nghị cũng tố cáo sắc luật “Quy chế quản chế hành chánh” cho phép Công an mọi quyền hành ngoài pháp luật để giam giữ những ai phê bình chế độ.

Văn Bút Quốc tế cũng kêu gọi các chính phủ tham gia Hội nghị thượng đỉnh khối Pháp ngữ tại Hà Nội tháng 11/1997 gây áp lực trả tự do cho các nhà văn Việt Nam. Bản Quyết nghị này đã được đúc kết trong văn thư viết ngày 20/8/1997 do ông Alexander Blokh, Tổng thư ký Văn Bút Quốc tế ký gửi ông Đỗ Mười, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nguyên văn như:

“Đại hội các Phái đoàn đại diện Văn Bút Quốc tế họp Hội nghị quốc tế lần thứ 64 tại Edinburgh ở Scotland:

— *“lên án tình trạng cải thiện hoàn toàn thiếu vắng đối với các nhà văn Việt Nam bị bắt giam vì sử dụng quyền tự do ngôn luận của họ;”*

— *“nhận xét rằng mặc dù đã nhiều lần Văn Bút Quốc tế kiến nghị nhà cầm quyền Việt Nam về tình trạng của các nhà văn, Lê Mạnh Thát, còn được biết dưới pháp danh Thích Trí Siêu, bác sĩ Nguyễn Đan Quế, cũng còn gọi là Nguyễn Châu, cũng như Thích Tuệ Sỹ, Nguyễn Văn Thuận, Đoàn Viết Hoạt, và Hồ Hiếu, vẫn tiếp tục bị giam giữ trong tù;”*

— *“tố cáo tình trạng ngặt nghèo trong nhà*

tù nơi các nhà văn này bị giam giữ, đặc biệt Đoàn Viết Hoạt sức khỏe suy yếu trầm trọng;”

— “hơn nữa, lên án sắc luật mới CP/31 mà chính phủ ban hành vào tháng Tư 1997 cho phép giam giữ “hành chánh” từ 6 tháng đến hai năm, trong nhiều trường hợp còn lâu hơn nữa, những nhà ly khai chính trị mà không cần xét xử;”

— “Kêu gọi Nhà Cầm quyền Việt Nam:

— “trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho tất cả các nhà văn bị tù tại Việt Nam vì lý do hành xử nghề nghiệp của họ;”

— “hơn thế, hãy chấm dứt mọi đàn áp đối với các nhà văn tại Việt Nam;”

— “tuân thủ các tiêu chuẩn nhân quyền cơ bản, kể cả quyền tự do ngôn luận mà Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc quy định;”

— “biểu lộ sự chú tâm tới Hội nghị thượng đỉnh khối Pháp ngữ sẽ họp tại Hà Nội tháng 11. 1997;”

— “khẩn thiết yêu cầu các chính phủ đại diện tại Hội nghị thượng đỉnh khối Pháp ngữ hãy dùng mọi ảnh hưởng để ủng hộ cho việc trả tự do tất cả các nhà văn đang bị cầm tù tại Việt Nam vì đã sử dụng quyền tự do ngôn luận của họ.”

(Trích Thông Cáo Báo Chí ngày 16/9/1997 của Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người VN)



Lễ Cầu An Giải Nạn cho Gia Đình Phật Tử tại Việt Nam

Thừa ủy nhiệm của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, Văn Phòng Giải Trừ Pháp Nạn và Vụ Thanh Niên đã long trọng tổ chức Đại Lễ Cầu An Giải Nạn cho tổ chức Gia Đình Phật Tử ở trong nước vừa bị chính quyền cộng sản giải thể. Buổi lễ được tổ chức tại hội trường trung học William C. Overfelt,

San Jose, lúc 2:00 giờ trưa Thứ Bảy ngày 6/12/1997.

Khoảng 700 người đã đến tham dự buổi lễ này. Ban tổ chức ghi nhận sự hiện diện của chư vị Hòa Thượng Thích Hộ Giác, Hòa Thượng Thích Giác Nhiên, Hòa Thượng Thích Chánh Lạc; chư Thượng Tọa Thích Giác Lương, Thích Viên Lý, Thích Trí Lăng, Thích Viên Trí, Thích Huyền Việt, Thích Nguyên An, Thích Giác Đăng, Thích Nguyên Lai, Thích Viên Thành; chư Đại Đức Thích Tịnh Trì, Thích Thông Đạt; quý Ni Sư Thích Nữ Nguyên Thanh, Thích Nữ Diệu Quang... cùng đại diện các tôn giáo, tổ chức, hội đoàn thuộc cộng đồng Việt Nam miền Bắc California cũng như một số các tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam vùng Bắc Calif., ở xa thì từ Washington D.C., Connecticut, Utah, Washington... Đặc biệt, còn có sự tham dự của Dân biểu Hoa Kỳ Doe Lofgreen, ông Võ Văn Ái và cô Ý Lan đến từ Pháp. Các cơ quan truyền thông báo chí gồm có nhật báo Việt Nam, Thời Báo, Việt Báo, tuần báo Chính Đạo, Thị Trường Tự Do, Đài phát thanh Cali Bão Tố, Đài Á Châu Tự Do, San Francisco Nguyễn Châu...

Sau các nghi thức chào quốc kỳ, Thượng Tọa Thích Huyền Việt, Quyền Vụ Trưởng Vụ Thanh Niên GHPGVNTNHN-HK, trưởng ban tổ chức, chào mừng quan khách và cho biết sơ lược về sự kiện tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam bị nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam đàn áp và giải thể.

Quan khách tham dự đã thay nhau phát biểu, đồng thanh lên án sự vi phạm trắng trợn của CSVN đối với tôn giáo và nhân quyền của người dân trong nước.

Sau nghi thức cầu an giải nạn do chư Hòa Thượng chủ trì, Hòa Thượng Thích Chánh Lạc đã đọc Tuyên cáo Quyết nghị thỉnh cầu Tổng Thống Hoa Kỳ, ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, các chính phủ trong thế giới tự do cũng như các tổ chức nhân quyền quốc tế hãy gây áp

lực buộc CSVN phải bảo đảm các quyền tự do căn bản cho người dân Việt Nam, đặc biệt quan tâm đến hiện trạng của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam, một tổ chức Thanh Thiếu Niên đã gắn liền với Giáo Hội qua nhiều thập niên thăng trầm của đất nước.

Đại lễ Cầu An Giải Nạn cho GĐPTVN viên mãn vào lúc 5 giờ 30 chiều cùng ngày.

Cuộc họp đặc biệt của GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ và Văn Phòng II Viện Hóa Đạo

Nhằm mục đích giải quyết một số Phật sự trọng yếu và cấp bách cho nên Giáo Hội đã triệu tập một cuộc họp đặc biệt tại Chùa Bát Nhã thành phố Santa Ana, thuộc miền Nam California, Hoa Kỳ, vào ngày 26 tháng 12 năm 1997.

Cuộc họp được đặt dưới sự chủ tọa của Hòa Thượng Thích Hộ Giác, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành, cùng chư Hòa Thượng Thích Chánh Lạc, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành kiêm Vụ Trưởng Vụ Hoàng Pháp, Hòa Thượng Thích Đức Niệm, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Đại Diện, Hòa Thượng Thích Trí Chơn, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành, và chư tôn Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni, quý đạo hữu thuộc các Hội Đồng và Vụ.

Cuộc họp đã khai mạc lúc 9:30 sáng với phần niệm danh hiệu đức Bổn Sư Thích Ca ba lần làm cho không khí cuộc họp thật trang nghiêm và thanh tịnh. Cuộc họp đã diễn ra suốt một ngày trong tinh thần hòa hợp và tương kính tương thuận như chánh pháp. Sau khi phân tích và thảo luận thật kỹ từng vấn đề, cuộc họp đã đạt được những quyết định cụ thể và quan trọng cho các công tác Phật sự trong tương lai. Cuộc họp đã kết thúc một cách viên mãn vào lúc 7:00 tối cùng ngày.

Lễ Khánh Thành Chùa Vạn Hạnh San Diego, California

Vào lúc 9:30 sáng Chủ Nhật ngày 04 tháng 01 năm 1998, Chùa Vạn Hạnh đã long trọng cử hành đại lễ Khánh thành. Đông đảo chư Tăng Ni và đồng bào Phật tử tham dự. Đây là ngôi chùa xây cất trang nghiêm có tánh cách 100 năm ở vùng San Diego, California.

Lễ Tưởng Niệm Sư Bà Thích Nữ Diệu Không

Để tưởng niệm công lao sâu dày của Sư Bà Thích Nữ Diệu Không, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ, Văn Phòng II Viện Hóa Đạo đã long trọng cử hành đại lễ tưởng niệm vào lúc 2 giờ 30 chiều ngày 04 tháng 01 năm 1998 tại chùa Vạn Hạnh, San Diego, California.

**ĐỌC VÀ CỐ ĐỢNG ỨNG HỘ
TẠP CHÍ PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI
LÀ GÓP PHẦN GIÁN TIẾP VÀO
CÔNG CUỘC HOÀNG TRUYỀN CHÁNH PHÁP,
BẢO TỒN VĂN HÓA PHẬT GIÁO VÀ DÂN TỘC.**

HÌNH ẢNH SINH HOẠT



Chư Tôn Đức Tăng Ni và cư sĩ thành viên GHPGVNTNHNHK trang trọng cử hành lễ khai mạc Đại-Hội Thường Niên tại chùa Phổ-Quang thành phố Salt Lake, tiểu bang Utah, ngày 1,2,3 tháng 8 năm 1997.



Ban Chứng Minh và Chủ Tọa Đoàn Đại-Hội.



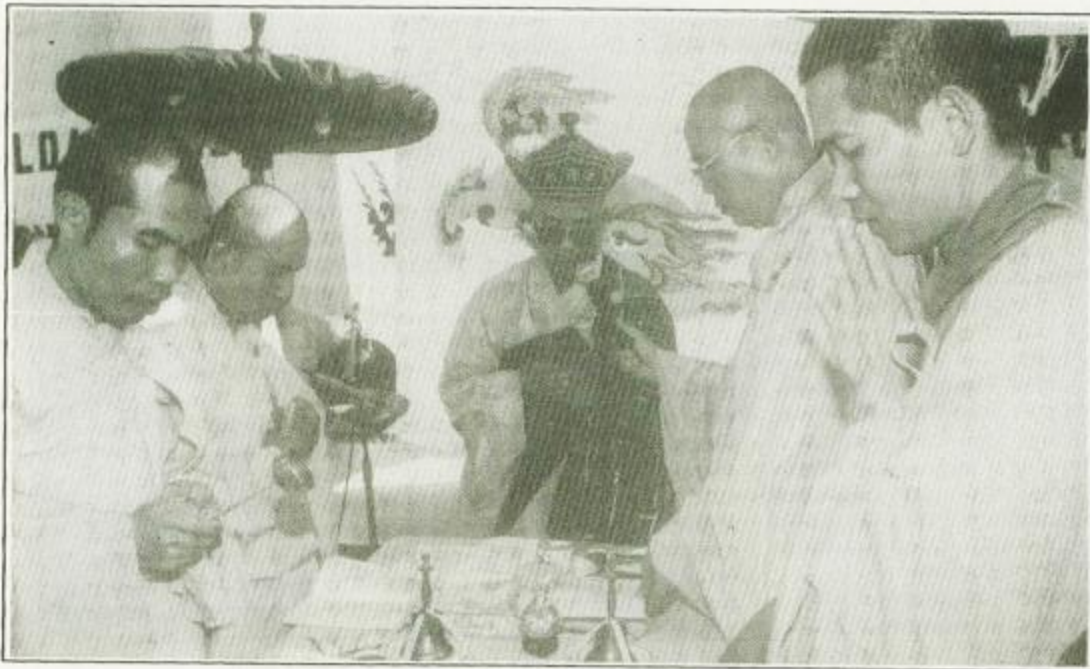
Một trong những góc độ Hội-Trường của Đại-Hội.



Sau 3 ngày Đại-Hội thành công viên mãn. Đại biểu lưu ảnh kỷ niệm.



Sau hơn 20 năm ty-nạn, nhân mùa Vu-Lan, GHPGVNTNHN tại Hoa-Kỳ đã tổ chức trọng thể đại lễ trai đàn siêu độ lộ thiên giữa thủ đô người Việt thành phố Santa Ana cho những người vì lý tưởng tự do đã bỏ mình.



Thượng-Tọa Thích-Tín-Nghĩa Vụ-Trưởng Vụ-Nghi-Lễ Giáo-Hội,
Chủ Đàn chấn tế siêu độ.



Thượng-Tọa Thích-Huyền-Việt Quyền Vụ Trưởng Vụ Thanh-Niên
kiêm Trưởng-ban tổ chức lễ cầu-an giải nạn cho gia đình
Phật-tử tại Việt-Nam, đọc diễn văn khai mạc.



Gia đình Phật tử và toàn thể hội trường đang cử hành
lễ chào Quốc-kỳ, Giáo-kỳ.



Chư Tôn Đức Tăng Ni và Phật tử tham dự lễ cầu-an giải nạn
cho gia đình Phật tử tại Việt-Nam.



Quan khách và đồng bào tham dự lễ cầu-an giải nạn
cho gia đình Phật tử tại Việt-Nam.



Ngày 15-11-97, Hòa-Thượng Thích-Đức-Niệm đã chứng minh và thuyết giảng lễ Rằm Hạ Nguyên và thỉnh chư Hương-Linh trí tuệ tại chánh điện mới chùa Từ-Đàm Hải Ngoại Dallas, tiểu bang Texas.



Rằm Hạ-Nguyên Đinh Sửu 1997, Hòa-Thượng Đức-Niệm đã chủ lễ khai Đại-Hồng-Chung chùa Từ-Đàm Hải-Ngoại. Đây là một trong những quả chuông lớn nhất ở Hoa-Kỳ, được đúc từ Việt-Nam.

TRI - ÂN

Phương danh Chư Tôn Đức và Phật tử ủng hộ Tạp Chí Phật-Giáo Hải-Ngoại.

H.T. Thích-Chánh-Lạc	\$300.00	Ni-Sư Thích-Nữ Nguyễn-Thanh	\$100.00
H.T. Thích-Trí-Chơn	\$300.00	Ni-Sư Thích-Nữ Diệu-Từ	\$200.00
H.T. Thích-Thắng-Hoan	\$100.00	Chùa Phổ-Hiền (Kansas City)	\$150.00
T.T. Thích-Tín-Nghĩa	\$100.00	Chùa Phật Ân (Minnesota)	\$100.00
T.T. Thích-Giác-Lượng	\$100.00	Chùa Giác-Hoa (Texas)	\$100.00
T.T. Thích-Nguyên-Trí	\$100.00	Chùa Long-Vân (Florida)	\$100.00
T.T. Thích-Nguyên-Siêu	\$100.00	Khoá Bát-Quan-Trai Tu-Viện Bảo-Pháp ..	\$240.00
Đ.Đ. Thích-Tâm-Quang	\$100.00	Chùa Quang Minh	\$200.00
Phật tử Bốn Nhơn & Bốn Thiện	\$50.00	Phật-Học-Viện Quốc-Tế	\$500.00
Pt. Huỳnh-Tấn-Lê	\$200.00	Pt. Phúc Hải & Diệu Hòa	\$100.00
Pt. Lê Phan Bookstore	\$200.00	Pt. Nicole Hồng Phương Thái	\$100.00
Pt. Thanh Chánh	\$50.00	Pt. Lữ-Kim-Liên	\$100.00
Pt. Diệu Hoa Thọ	\$50.00	Pt. Trần-Thị-Yến Pd. Chúc Hải	\$100.00
Pt. Trần-Thị-Hạp Pd. Diệu Hòa	\$50.00	Pt. Lý-Bình-Hòa	\$50.00
Pt. Hùng D. Lê	\$50.00	Pt. Huỳnh-Hớn-Vinh Pd. Tâm Hạnh	\$50.00
Pt. Tâm Từ	\$50.00	Pt. Xung-Văn-Lâm	\$50.00
Pt. Diệu Hỷ & Diệu Hiếu & Diệu Hiền...	\$30.00	Pt. Chúc Như	\$45.00
Pt. Thạch Mc. Linden	\$30.00	Pt. Phú Hoàng	\$25.00
Pt. Nguyễn Hang	\$30.00	Pt. Trường Tuy	\$25.00
Pt. Diệu Thanh	\$20.00	Pt. Trương-Thị-Xi Pd. Tuệ Hạnh	\$30.00
Pt. Diệu Chơn	\$20.00	Pt. Trần-Ngọc-An	\$30.00
Pt. Hoa Thiện	\$20.00	Pt. Chiến K. Phạm	\$20.00
Pt. Diệu Linh	\$20.00	Pt. Hoang Thịnh	\$20.00
Pt. Diệu Nhân	\$20.00	Pt. Thái Grieves Pd. Diệu Tường	\$20.00
Pt. Chơn Quán	\$20.00	Pt. Nguyễn-Liên-Dung Pd. Diệu Tấn	\$20.00
Pt. Diệu Hòa & Diệu Lý & Minh Đức ..	\$10.00	Pt. Minh Đàm	\$20.00

Ủng hộ kinh sách Tạp Chí Phật Giáo là ủng hộ công cuộc hoằng pháp truyền bá tư tưởng giác ngộ, tạo nhân trí tuệ giải thoát.

Toàn Ban Biên Tạp Chí Phật Giáo Hải Ngoại chân thành tri ân
liệt quý vị hảo tâm ủng hộ.

THƯ KÊU GỌI CỦA TÒA SOẠN PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI

Kính bạch chư Tôn Hòa-Thượng, Thượng-Tọa, Đại-Đức Tăng Ni,

Kính thưa quý độc-giả Phật-tử, quý vị văn thi hữu cùng quý thân chủ quảng cáo trên báo Phật-Giáo Hải-Ngoại.

Trước hết, tòa soạn chúng tôi một lần nữa niệm ân thành tình hỗ trợ vật chất và tinh thần quý báu của quý vị trong thời gian qua ; nhờ vậy mà PGHN còn tiếp tục tồn tại đến ngày hôm nay. Tuy nhiên, PGHN cuối cùng lại rơi vào một thông lệ rất bất bênh, đó là : biến thành loại báo biểu vô điều kiện (free). Điều này xét ở khía cạnh lạc quan, chúng ta thấy nó thể hiện được sự cởi mở, khoáng đạt của tinh thần nhà chùa. Nhưng thực tế thì đó lại là một vấn nạn mà nhân viên tòa soạn là những người trực tiếp phải đối đầu.

Với số lượng in mỗi số là 5,000 bản, cộng thêm cước phí để gửi báo biểu đi khắp thế giới (tiền cước phí bằng 1/3 tiền in báo), quả là tòa soạn PGHN thật vô cùng khó khăn. Sự đóng góp của một số Chư Tôn Đức và Phật-tử (được liệt kê mỗi kỳ trong mục TRI-ÂN) cũng như sự ủng hộ của các thân chủ quảng cáo, đã biểu hiện cả nhiệt tình đối với PGHN ; tuy nhiên, so với mức chi ra, hầy còn là con số khiêm nhường có thể nhận thấy rõ.

Vậy, hôm nay PGHN xin có thư này đến toàn thể Chư Tôn Đức và quý độc-giả Phật-tử gần xa, thiết tha kêu gọi sự hỗ trợ tích cực của quý vị để duy trì sự sống còn của tờ báo. Chư Tôn Đức, chư Phật-tử và thân chủ quảng cáo từng ủng hộ tịnh tài cho PGHN, xin hoan hỷ tiếp tục ủng hộ ; quý Phật-tử chưa có cơ hội đóng góp, xin hoan hỷ phát tâm góp phần vào để cứu vớt các chi phí quá lớn của tờ báo. Dĩ nhiên, đây chưa phải là giải pháp hay nhất để giải quyết tình trạng tài chánh bất bênh của tòa soạn, nhưng còn nước thì còn tát. Muôn sự trông cậy vào nhiệt tâm của quý vị. Thành thật tri ân.

Nam-Mô Công-Đức-Lâm Bồ-Tát Ma-Ha-Tát

TÒA-SOẠN PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI

GÓP PHẦN ỦNG HỘ MUA BÁO DÀI HẠN

(Mỗi năm 3 số nhằm Lễ Phật-Đản, Lễ Vu-Lan và Tết Nguyên-Đán)

✈ Độc-giả ở Hoa-Kỳ và Gia-Nã-Đại, gửi báo bằng đường bay (air mail) **15MK một năm.**

✈ Độc-giả ở các Châu Á, Âu và Úc, gửi báo bằng đường bay (air mail) **20MK một năm.**

☺ Ủng hộ vô điều kiện được ghi phương danh ở mục TRI AN của tập san.

✉ Ngân phiếu ủng hộ, hoặc mua báo dài hạn xin để : **PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI**

✉ **Thư từ mua báo** hoặc **ủng hộ báo** xin gửi về địa chỉ :

PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI

9250 Columbus Ave., North Hills, CA 91343 - U.S.A

☎ Điện thoại: **(818) 893-5317**

NHỮNG KINH SÁCH DO PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ XUẤT-BẢN
(The Publication of P.H.V.Q.T. available for distribution and voluntary donation)

BẢN THƯ MỤC THÁNG 02 - 1998

Kinh Hoa Nghiêm (Trọn bộ 8 quyển - bìa dày)	Thích Trí Tịnh mỗi quyển	\$12.00
Kinh Nhựt Tụng	(Tụng Niệm hằng ngày)	\$12.00
Kinh Nghi Thức Tụng Niệm ... (dù loại nghi thức)	(Thống Nhất cỡ nhỏ)	\$7.50
Kinh Nghi Thức Hồng Danh Sám Hối (Nghĩa)	Thích Đức Niệm soạn	\$2.00
Kinh Nghi Thức Tụng A-Di-Đà & Phổ Môn	Thích Đức Niệm soạn	\$4.00
Kinh Nghi Thức Tụng A-Di-Đà & Phổ Môn (Nghĩa)	Thích Đức Niệm soạn	\$4.00
Kinh A Di Đà Sơ Sao	Thích Hành Trụ	\$10.00
Kinh A Nan Vấn Phật Sự Phật Cát Hung	Thích Đức Niệm dịch giải	\$7.00
Kinh Bát Đại Nhân Giác	Thích Thanh Từ	\$5.00
Kinh Bảo Tích	Thích Đức Niệm dịch giải	\$7.00
Kinh Bách Dụ	Thích Nữ Như Huyền	\$4.00
Kinh Bách Dụ (Anh-Hán)	\$5.00
Kinh Dược Sư	Thích Huyền Dung	\$4.00
Kinh Đại Bát Nhã (Trọn bộ 3 quyển, bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$36.00
Kinh Đại Bát Niết Bàn (Trọn bộ 3 quyển - bìa dày mạ vàng) ..	Thích Trí Tịnh	\$42.00
Kinh Đại Nhựt	Pram Nguyễn	\$9.00
Kinh Địa Tạng Nghĩa (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$9.00
Kinh Địa Tạng Mật Nghĩa	Chánh Trí	\$6.00
Kinh Đại-Bi-Sám & Đà-Ra-Ni Xuất Tượng (hình màu tuyệt đẹp) .	Thích Thiện Tâm	\$13.00
Kinh Tâm-Đà-Ra-Ni Xuất Tượng (loại bỏ túi hình màu tuyệt đẹp)	Thích Thiện Tâm	\$6.00
Kinh Giải Thâm Mật	Thích Trí Quang	\$7.00
Kinh Hiền Ngụ	Thích Trung Quán	\$10.00
Kinh Kim Cang	Thích Thiện Hoa	\$6.00
Kinh Kim Cang Bát Nhã Giảng Luận.....	Thích Đức Niệm soạn	\$8.00
Kinh Lăng Già Tâm Ấn	Thích Thanh Từ	\$9.00
Kinh Lương Hoàng Sám (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Quang dịch.....	\$13.00
Kinh Mục Liên Sám Pháp	Thích Quảng Độ	\$7.00
Kinh Pháp Cú	Thích Trí Đức	\$4.00
Kinh Pháp Hoa (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$14.00
Kinh Pháp Bảo Đàn (Bìa dày mạ vàng)	Thích Minh Trực	\$7.00
Kinh Phổ Môn Giảng Lục	Thích Trí Nghiêm	\$8.50
Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyện (Việt-Anh, bìa dày)	Thích Trí Tịnh	\$7.00
Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới	Thích Trí Tịnh	\$4.00
Kinh Tam Thiên Phật Danh	Ấn Tích Thiện Sư	\$9.00
Kinh Tam Bảo (Ấm Nghĩa, bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$9.00
Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Trọn bộ 2 quyển, bìa dày)	Cư Sĩ Tâm Minh	\$30.00
Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Dịch và Giải, bìa dày)	Thích Bích Liên	\$15.00
Kinh Thủy Sám (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Quang	\$9.00
Kinh Thắng Man Nhứt Thừa Đại Phương Tiện	Thích Đức Niệm dịch giải	\$8.00
Kinh Thiện Ác Nhân Quả (Có hình chú thích Việt-Anh) ...	Thích Trung Quán	\$3.00
Kinh Vị Tàng Hữu Thuyết Nhân Duyên	Thích Hành Trụ	\$5.00
Kinh Viên Giác	\$3.00
Ánh Đạo Vàng	Võ Đình Cường	\$5.00
Ba Ngàn Năm Một Kiếp Luân Hồi	Thích Tâm Quang	\$8.00
Bát Quan Trai Thập Giảng	Diễn Bồi Đại Sư	\$7.00
Bồ Đề Đạt Ma Quán Tâm Pháp	Bồ Đề Đạt Ma	\$8.00
Biện Minh Tu Chứng	Thích Trung Quán	\$5.00
Bước Đầu Học Phật	Thích Thanh Từ	\$7.00
Câu Chuyện Dòng Sông	Phùng Khánh	\$5.00
Các Tông Phái Của Đạo Phật	Tuệ Sĩ	\$9.00
Con Người Siêu Việt (Milarepa).....	Đỗ Đình Đồng dịch	\$6.00
Cốt Tủy Nghi Lễ Phật Giáo	Thích Tín Nghĩa phụng soạn	\$10.00
Cốt Tủy Đạo Phật	Trúc Thiên	\$5.00
Cương Yếu Giới Luật	Thích Thiện Siêu	\$6.50
Cửa Thiền Đỉnh Bụi	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
Cửa Thiền Vắn Mở	Diệu Nga	\$9.00
Cho Trọn Mùa Xuân	Thích Đức Niệm	\$7.00
Chìa Khóa Học Phật	Thích Thanh Từ	\$5.00
Chết Có Thật Đáng Sợ Không (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang dịch	\$7.00

Chú Lăng Nghiêm & Thập Chú (Bìa dày loại bỏ túi).....		\$3.00
Chư Thiên Đức Hành Trạng (Trọn bộ 2 quyển)	Thích Thanh Từ	\$16.00
Chứng Đạo Ca	Huyền Giác Thiền Sư	\$5.00
Duy Thức Nhập Môn	Thích Thiện Hoa	\$4.00
Đại Cương Triết Học Phật Giáo	Thích Đạo Quang	\$6.00
Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày)	Thích Quảng Độ	\$12.00
Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận	Thích Quảng Độ	\$8.00
Đạo Phật Với Tuổi Trẻ	Thích Thanh Từ	\$5.00
Đạo Phật Và Đời Sống Hiện Đại (Việt - Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Để Hiểu Đạo Phật	Phương Bối	\$5.00
Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn	Thiền Sư Huệ Hải	\$4.00
Đức Phật Và Phật Pháp (Bìa dày)	Phạm Kim Khánh	\$12.00
The Buddha And His Teachings	Đại Đức Narada	\$8.00
Đường Vào Ánh Sáng Đạo Phật	Tịnh Mặc	\$4.00
Đường Về Cực-Lạc (Trọn bộ 2 quyển)	Thích Trí Tịnh	\$11.00
Giọt Lệ Như Sương	Diệu Nga	\$8.50
Hạnh Phúc Lửa Đồi (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Hai Ngàn Năm Việt Nam & Phật Giáo	Lý Khôi Việt	\$7.00
25 Bài Thuyết Pháp Của Thái Hư Đại Sư	Thích Khánh Anh dịch	\$8.00
Hoa Nghiêm Nguyên Nhân Luận	Thích Khánh Anh dịch	\$6.50
Hiển Mật Viên Thông	Thích Viên Đức dịch	\$5.00
Huyền Học Đạo Phật Và Thiên Chúa	D.T. Suzuki	\$6.00
Huyền Trang (Việt-Anh)	Thích Minh Châu	\$9.00
Huyền Luận Về Kinh Diệu Pháp Liên Hoa	Thái Hư Đại Sư	\$4.00
Lá Thư Tịnh Độ	Liên Du	\$7.50
Làm Sao Thực Hành Lời Phật Dạy (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Làm Sao Sống Khỏi Sợ Hãi & Lo Lắng (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Lăng Nghiêm Đại Định	Thích Huệ Hưng	\$2.00
Liễu Sanh Thoát Tử	Thích Quang Phú	\$4.00
Lối Vào Nhân Minh Học	Thích Thiện Siêu	\$6.00
Luật Sa Di Giải	Thích Hành Trụ	\$7.00
Luật Sa Di Và Sa Di Ni	Thích Trí Quang	\$10.00
Luận Câu Xá Cương Yếu	Thích Đức Niệm	\$6.00
Luận Nhiếp Đại Thừa	Thích Trí Quang	\$8.00
Luận Thành Duy Thức	Thích Thiện Siêu	\$12.00
Luận Đại Thừa Khởi Tín	Thích Thiện Hoa	\$6.00
Luận Đại Trí Độ (Trọn bộ 9 quyển)	Thích Trung Quán mỗi quyển	\$8.00
Mười Đệ Tử Lớn Của Đức Phật	Hạnh Cơ dịch	\$9.00
50 Năm Chấn Hưng Phật Giáo	Thích Thiện Hoa	\$8.00
Niệm Phật Thập Yếu	Thích Thiện Tâm	\$7.00
Buddhism Of Wisdom And Faith		\$7.00
Niệm Phật Viên Đốn	Minh Lễ	\$6.00
Nét Đẹp Đông Phương (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Nữ Thể Quán mỗi quyển	\$4.00
Nẻo Vào Thiền Học	Nhất Hạnh	\$7.00
Nguyên Thủy Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày)	Thích Quảng Độ	\$12.00
Người Muôn Thuở	Thích Đức Niệm	\$8.00
Người Đẹp Và Bóng Hạnh Phúc	Cát Tường & Thể Quán	\$3.00
Ngụ Ngôn		\$5.00
Nhân Quả Nghiệp Và Luân Hồi	Thích Thiện Hoa	\$4.00
Nhị Khóa Hiệp Giải	Thích Khánh Anh	\$10.00
Như Thế Mà Trời	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
Những Mùa Vu.Lan	Thích Đức Niệm	\$7.00
Những Đóng Góp To Lớn Của Các Học Giả Anh Quốc	Thích Trí Chơn	\$5.00
Phật Học Phổ Thông (Trọn bộ 10 quyển - 12 khóa)	Thích Thiện Hoa ... mỗi quyển	\$5.00
Phật Học Phổ Thông (Trọn bộ 2 tập, bìa dày)	Thích Thiện Hoa	\$80.00
Phật Học Từ Điển (Trọn bộ 3 quyển)	Đoàn Trung Còn	\$63.00
Phật Học Tinh Yếu (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Thiện Tâm	\$20.00
Phật Pháp (Chương trình gia đình Phật-tử)	Minh Châu, Thiên Ân, Trí Chơn, Đức Tâm	\$7.00
Phật Pháp Yếu Nghĩa	Thích Đức Niệm	\$6.00
Phật Pháp Con Đường Giải Thoát	Jagdish Kasyapa	\$5.00
Phật Pháp Khái Luận	Ấn Thuận Đại Sư	\$7.00
Phật Và Thánh Chứng	Cao Hữu Đỉnh	\$6.00
Phật Giáo Chánh Tín	Thích Thánh Nghiêm	\$6.00

Phật Giáo Vấn Đáp (Việt-Anh)	Thích Trí Chơn dịch	\$6.00
Phật Giáo Dưới Mắt Các Nhà Trí Thức (Việt-Anh).....	Thích Tâm Quang	\$5.00
Phật Giáo Việt Nam Và Hướng Đi Nhân Bản	Trần Thạc Đức	\$5.00
Phật Giáo Với Văn Minh Âu Tây	Bác Sĩ Migot	\$4.00
Pháp Hoa Huyền Nghĩa	Chánh Trí	\$8.00
Pháp Môn Tịnh Độ	Thích Trí Thủ	\$7.00
Pháp Ngữ Lục	Thích Đức Niệm	\$6.00
Phương Pháp Cải Đổi Vận Mạng	Thích Đức Niệm	\$6.00
Quê Hương Cực Lạc	Thích Thiện Tâm	\$4.00
Qui Sơn Cảnh Sách	Tổ Qui Sơn	\$4.00
Sự Tích Đức Phật A-Di-Đà và Chư Vị Tổ Sư	\$9.00
Sáu Cửa Thiền Thất	Trúc Thiên	\$6.00
Sống Thiền	Trí Hải dịch	\$5.50
Tại Gia Bồ Tát Giới	Thích Đức Niệm soạn dịch	\$3.00
Tài Liệu Nghiên Cứu Và Diễn Giảng	Thích Thiện Hoa	\$7.00
Tâm Kinh	Thích Thanh Từ	\$5.00
Tế Điền Tăng	Khánh Vân dịch	\$7.00
Tín Tâm Minh	Tam Tổ Tăng Xán	\$3.00
Tình Người	Tâm Quán	\$5.00
Tịnh Độ Thập Nghi Luận	Thích Thiện Tâm	\$4.00
Pure Land Buddhism	Thích Thiện Tâm	\$7.00
Tịnh Độ Đại Thừa Tư Tưởng Luận	Thích Đức Niệm soạn dịch	\$6.00
Tiểu Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày)	Thích Quảng Độ	\$14.00
Tổ Thiền Tông	Thích Thanh Từ	\$6.00
Tọa Thiền Tam Muội	Thích Thanh Từ	\$4.00
Tư Tưởng Phật Học	Trí Hải dịch	\$5.00
What The Buddha Taught	Đại Đức Rahula	\$4.00
Tư Tưởng Xã Hội Trong Kinh Văn Tiểu Thừa	Thích Chơn Trí	\$8.00
Tư Tưởng Phật Giáo Trong Văn Học Thời Lý	Nguyễn Vĩnh Thượng	\$9.00
Thầy Tăng Mở Nước	Nguyễn Huỳnh	\$6.00
Thế Giới Quan Phật Giáo	Thích Mật Thể	\$4.00
Thử Hòa Diệu Sống	Võ Đình Cường	\$5.00
Thiền Căn Bản	Thích Thanh Từ	\$5.00
Thiền Đạo Tu Tập (Bìa dày)	Như Hạnh dịch	\$12.00
Thiền Học Việt Nam	Nguyễn Đăng Thục	\$7.00
Thiền Học Trần Thái Tông (Bìa dày)	Nguyễn Đăng Thục	\$12.00
Thiền Và Phân Tâm Học (Bìa dày)	D.T. Suzuki	\$12.00
Thiền Luận (Trọn bộ 3 quyển, bìa dày)	D.T. Suzuki	\$40.00
Thiền Tịnh Quyết Nghi	Thích Trí Tịnh	\$3.00
Triết Lý Thủ Lăng Nghiêm	Thích Thiện Hoa	\$6.00
Triết Học Phật Giáo	Phan Văn Hùm	\$5.00
The Teaching Of Buddha	\$8.00
The Story Of Buddha (Có phụ hình ảnh đẹp)	\$5.00
Truyện Cổ Phật Giáo (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Minh Chiếu ... mỗi quyển	\$4.50
Trực Chỉ Chơn Tâm	D.T. Suzuki	\$6.00
Trao Cho Thời Đại Một Nội Dung Phật Chất (Việt-Anh) ..	Thích Đức Nhuận	\$4.00
Vãng Sanh Luận	Nhất Chơn dịch	\$9.00
Vấn Đề Nhận Thức Trong Duy Thức Học	Nhất Hạnh	\$5.00
Vài Nét Chính Luân Lý Phật Giáo	Thích Thanh Từ	\$5.00
Việt Nam Phật Giáo Sử Lược	Thích Mật Thể	\$6.50
Vì Sao Tin Phật (tập 1 và 2) - (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang dịch ... mỗi tập	\$10.00
Vô Ngã Là Niết Bàn	Thích Thiện Siêu	\$7.50
Vết Nhạn Lưng Trời	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
Xuân Trong Cửa Thiền (Trọn bộ 2 quyển)	Thích Thanh Từ ... mỗi tập	\$5.00
Em Mơ Người Hoang Đảo	Thích Nữ Thể Quán	\$4.00
→ Bộ Tranh Lịch Sử Đức Phật 32 tấm từ Sơ-Sanh đến Niết-Bàn (cỡ 11x16) màu sắc trang nhã tuyệt đẹp ...		\$96.00
→ Cờ Phật Giáo bằng giấy (10 x 17 inches)	(mỗi lá cờ)	\$0.95

NHỮNG PHẬT CỤ CẦN THIẾT CHO HÀNH GIẢ

Chuỗi Bồ-Đề Minh-Nguyệt, Chuỗi Trảm 108 hạt ...	\$9.00	⇔⇔	Chuỗi đeo tay	\$4.50
Chuông Mõ cỡ trung 5 inches	\$86.00	⇔⇔	Chuông Mõ 3 inches	\$70.00
Tấm Đà-La-Ni đắp người lâm chung (loại thường)...	\$46.00	⇔⇔	Tấm Đà-La-Ni (hoa sen).....	\$95.00

VÀI NÉT VỀ PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ

Phật-Học-Viện Quốc-Tế thành lập trong tâm nguyện đào tạo nhân tài chân tu thật học để phụng sự chánh pháp, duy trì và phát triển văn hoá đạo đức truyền thống của tổ tiên dân tộc. Với mục đích đó, trong suốt hơn mười lăm năm qua cũng như hiện nay, dù gặp phải bao khó khăn, Phật-Học-Viện vẫn không ngừng thực hiện tâm nguyện của mình. Song song với việc đào tạo nhân tài, hoằng pháp lợi sanh, Phật-Học-Viện còn cố gắng in hàng ngàn kinh sách giá trị cung cấp khắp nơi, nhất là các trại tị nạn và gửi về tặng các chùa ở Việt-Nam.

Ngoài ra, giảng sư Phật-Học-Viện cũng đã liên tục đi hoằng pháp khắp đó đây, trong cũng như ngoài Hoa-Kỳ, nơi nào có Chùa, có Hội Phật-giáo hay Cộng-đồng Phật-tử thỉnh mời thuyết pháp, thì giảng sư Phật-Học-Viện đến tận nơi, chân tình hướng dẫn tu tập đúng như chánh pháp. Nơi nào cần, chúng tôi đến ; hết cần chúng tôi đi. Đến đi như gió thoảng cành trúc, nhận qua mặt hồ, không ý đồ thanh thế lợi danh, không vương bận ân tình thân sơ.

Phật-Học-Viện luôn luôn rộng mở tiếp đón những người tâm thành chánh tín thuần chơn cầu tu học đạo giác ngộ. Kinh sách Phật-Học-Viện phổ cập khắp bốn phương. Con người Phật-Học-Viện lúc nào cũng trang trải tình thương, kiên tâm vững chí với lý tưởng phục vụ văn hóa, đạo pháp và dân tộc xứ sở.

Chương trình tu học của Phật-Học-Viện luôn luôn cập nhật hóa, nhưng vẫn duy trì truyền thống thiền môn quy củ. Tăng Ni sinh sáng chiều chuyên tâm kinh kệ, bài sám, tham thiền, phát nguyện sống đời thanh tịnh lục hòa, chan chứa tình huynh đệ, tạo nguồn an lạc trong đời sống để phục vụ nhân sinh.

Mỗi đầu tháng Viện có tổ chức khóa tu Tịnh Nghiệp cho những người nhiếp tâm chánh niệm cầu sanh Cực-Lạc. Hằng tháng Bố-Tát hai lần. Đặc biệt mỗi sáng Chủ Nhật, từ lúc 6 giờ trời còn mờ sương, Phật tử khắp bốn phương vân tập về Phật-Học-Viện thành tâm lễ Sám Hồng-Danh với sự hướng dẫn tận tình của chư Tăng, tiếp theo nghe Thầy giảng kinh, sau đó ra vườn công quả. Đến 11 giờ vân tập quá đường thọ trai, kinh hành niệm Phật. Mỗi chiều Chủ Nhật vào lúc 2 giờ rưỡi, Phật-Học-Viện cử hành lễ cầu nguyện cho thập phương bá tánh, tiếp theo đó thuyết pháp và giải đáp tường tận những chỗ nghi ngờ của những Phật tử có tâm thành cầu thấu hiểu đạo lý và pháp môn tu tập.

Đặc biệt, bộ tranh lịch sử Phật gồm 32 tấm từ đản sanh đến nhập niết-bàn, khổ lớn (11x16) inches, màu sắc tuyệt đẹp, dưới mỗi bức tranh có chú thích ý nghĩa bằng Việt-Anh rõ ràng dễ hiểu, mà từ xưa đến nay chưa có bộ tranh Phật nào trang nhã tuyệt đẹp và ghi chú đầy đủ như vậy. Đây là kết quả công trình của Hòa-Thượng Thích-Đức-Niệm trải bao chục năm mang tâm nguyện sutu tâm nay mới hoàn thành. Có thể nói đây là bộ tranh Phật đầy đủ tuyệt đẹp đầu tiên trong lịch sử Phật-giáo vậy.

Thưa quý vị ! Khi tâm thần bất an, đọc kinh sách Thánh Hiền, ngắm nhìn hình ảnh Phật sẽ cảm thấy lòng thanh thản an vui, cũng là dịp bắc nhịp cầu thông cảm với tư tưởng Thánh Hiền. Đọc kinh sách, ngắm nhìn tranh ảnh Phật là phương cách tốt nhất để an định tâm thần, khai thông trí huệ, thánh thiện hóa thân tâm, sống gần đạo giác ngộ giải thoát. Thiết tưởng mỗi chùa viện, mỗi gia đình nên có tủ kinh sách, bộ tranh Phật, để làm phương tiện khai triển trí huệ, xây dựng hạnh phúc, thánh thiện hóa đời mình và con cháu. Tiền của vô thường. Kinh sách chan chứa lời Thánh Hiền đạo đức còn đời đời.

Có dịp, xin mời quý vị hoan hỷ một lần quá bước đến Phật-Học-Viện, trước lễ Phật, sau viếng cảnh thanh sơ, kết thiện duyên Bồ-đề tình con Phật từ bi trong tình đồng hương viễn xứ, đồng thời để cho lòng mình được tinh lặng thanh thản trong những ngày còn sống tha hương.

- 1/. Quý vị hoan hỷ chuyển bản thư mục này đến thân quyến bạn hữu với lời khuyến khích, tức là quý vị góp phần công đức trong việc hoằng pháp lợi sanh, hướng thiện người tu tâm dưỡng tánh.
- 2/. Ngoài bản thư mục này, Phật-Học-Viện không có ấn hành kinh sách nào khác.
- 3/. Phật-Học-Viện in kinh sách đều có chọn lọc kỹ, chỉ có khả năng in một lần, và luôn luôn đổi mới.

Thư từ ngân phiếu xin đề : **Phật-Học-Viện Quốc-Tế**

9250 Columbus Ave.

North Hills, CA 91343 - U.S.A.

Tel. (818) 893-5317 ; Fax. (818) 891-0827

LỘ TRÌNH HƯỚNG DẪN ĐI FREEWAY:

TỪ SAN FRANCISCO hay FRESNO:

Lấy FREE-WAY 5 SOUTH - Exit OSBORN quẹo mặt - gặp NORDHOFF quẹo mặt - gặp SEPULVEDA quẹo mặt - gặp TUPPER quẹo mặt - gặp COLUMBUS thì P.H.V nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

➤ (hoặc) lấy FREE-WAY 405 SOUTH - Exit NORDHOFF quẹo trái - gặp SEPULVEDA quẹo trái - gặp TUPPER quẹo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

TỪ SAN DIEGO:

Lấy FREE-WAY 405 NORTH BAKERSFIELD - Exit NORDHOFF quẹo mặt - gặp SEPULVEDA quẹo trái - gặp TUPPER quẹo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

TỪ DOWNTOWN LOS ANGELES:

Lấy FREE-WAY 101 WEST - đổi FWY 170 N. đổi qua FWY 405 NORTH SACRAMENTO - Exit NORDHOFF quẹo mặt - gặp SEPULVEDA quẹo trái - gặp TUPPER quẹo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

➤ (hoặc) lấy FREE-WAY 5 NORTH SACRAMENTO - Exit OSBORN quẹo trái - gặp NORDHOFF quẹo mặt - gặp SEPULVEDA quẹo mặt - gặp TUPPER quẹo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

TỪ SANTA ANA:

Lấy FREE-WAY 405 NORTH SACRAMENTO - Exit NORDHOFF quẹo mặt - gặp SEPULVEDA quẹo trái - gặp TUPPER quẹo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

➤ (hoặc) lấy FREE-WAY 5 NORTH SACRAMENTO - Exit OSBORN quẹo trái - gặp NORDHOFF quẹo mặt - gặp SEPULVEDA quẹo mặt - gặp TUPPER quẹo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

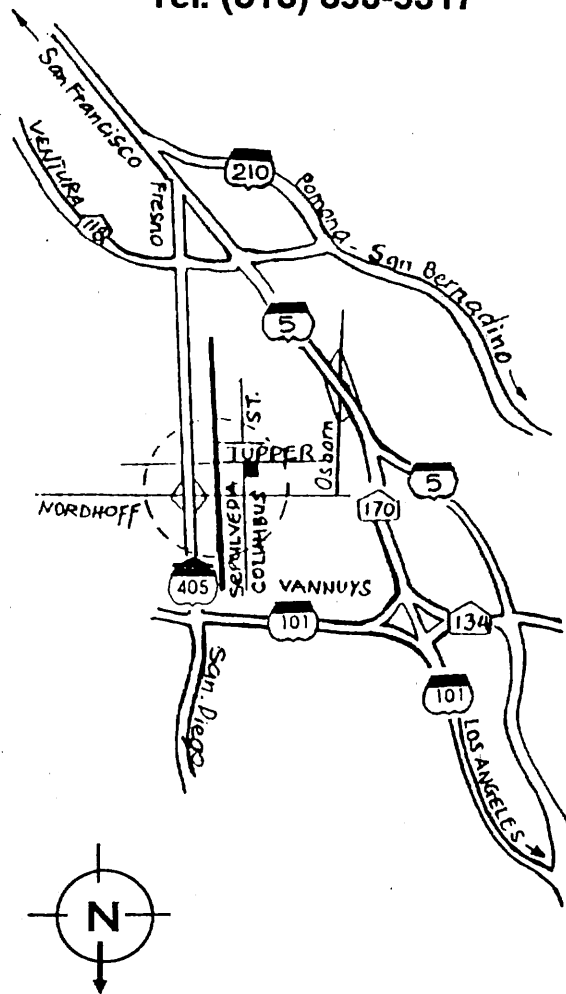
TỪ SAN BERNADINO FREE-WAY:

Lấy FREE-WAY 605 NORTH - đổi 10 WEST đổi 5 NORTH SACRAMENTO - Exit OSBORN quẹo trái - gặp NORDHOFF quẹo mặt - gặp SEPULVEDA quẹo mặt - gặp TUPPER quẹo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

HƯỚNG VỀ

PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ

9250 Columbus Ave.
North Hills, CA 91343 - U.S.A.
Tel. (818) 893-5317



TỪ OXNARD - VENTURA:

Lấy FREE-WAY 101 SOUTH LOS ANGELES đổi FWY 405 N. SACRAMENTO - Exit NORDHOFF quẹo mặt - gặp SEPULVEDA quẹo trái - gặp TUPPER quẹo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì P.H.V. nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

TỪ SIMI VALLEY:

Lấy FREE-WAY 118 EAST đổi 405 SOUTH - Exit NORDHOFF quẹo trái - gặp SEPULVEDA quẹo trái - gặp TUPPER quẹo mặt - gặp COLUMBUS Ave., thì PHV nằm ngay góc đường TUPPER và COLUMBUS.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Nhân dịp năm mới, toàn thể doanh nghiệp chúng tôi quảng cáo trong Phật-Giáo Hải-Ngoại kính chúc Quý thân chủ Tân Xuân vạn hạnh cát tường như ý.



DOUGLAS DUC PHAM
BROKER/OWNER



HOÀNG-NGỌC-HÀ
MORTGAGE BROKER

9017 RESEDA BLVD # 212, NORTHRIDGE, CA 91324

TEL. (818) 717-0939  PAGER. (818) 908-7686

- 3% - 5% Down cho những người mua nhà lần đầu.
- 20% Down, No Verify income, No Verify employment, No Tax Return.
- Home improvement loan up to 125% loan-to-value.
- Không cần tiền Down, hay bị phá sản, bad credit vẫn mua nhà được.
- Cần Thủ Tục chuyển nhượng Bất Động Sản, như rút tên ra, thêm tên vào, hay đổi tên trên giấy chủ quyền.

ĐẶC BIỆT

- CÓ NHIỀU DANH SÁCH NHÀ DO NGÂN HÀNG ĐÃ VÀ SẮP TỊCH THU, GIÁ RẺ, HẦU HẾT ĐÃ ĐƯỢC TÂN TRANG LẠI.
- CHỈ CẦN 3% 5% DOWN QUÍ VỊ CÓ THỂ LÀM CHỦ CĂN NHÀ TRONG VÒNG 30 NGÀY, NO PMI

TÍN NHIỆM - KÍN ĐÁO - TẬN TÂM - NHANH CHÓNG

TỦ SÁCH GIA ĐÌNH KHÔNG

THỂ THIỂU :

**CÁC TÁC PHẨM CÓ GIÁ TRỊ, CÔNG PHU,
TRUNG THỰC VÀ KHOA HỌC DO
THÍCH TÂM QUANG SOAN DỊCH**

1. LÀM SAO THỰC HÀNH LỜI PHẬT DẠY
\$5.00 + 1.50 C.P. (SONG NGŨ-ANH VIỆT)
2. LÀM SAO ĐỂ TRÁNH SỢ HÃI VÀ LO LẮNG
\$5.00 + \$1.50 C.P. (SONG NGŨ - ANH VIỆT)
3. PHẬT GIÁO DƯỚI MẮT CÁC NHÀ TRÍ THỨC
\$\$5.00+ \$1.50 C.P. (SONG NGŨ - ANH VIỆT)
4. PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG HIỆN ĐẠI
\$5.00 + \$1.50 C.P. (SONG NGŨ - ANH VIỆT)
5. 3000 NĂM MỘT KIẾP LUÂN HỒI
\$8.00 + \$1.50 C.P.
6. NHỮNG CHUYỆN LUÂN HỒI HIỆN ĐẠI (Hết)
\$9.00 + \$ 1.50 C.P.
7. HẠNH PHÚC LỬA ĐÔI
(SONG NGŨ-ANH VIỆT)
#5.00 + \$1.50 C.P.
8. NỀN TẢNG CỦA ĐẠO PHẬT (Hết)
9. Chết Có Thật Đáng Sợ Không ?
\$7.00 + \$1.50 C.P. (Song Ngũ - Anh Việt)
10. VÌ SAO TIN PHẬT (TẬP I)
\$10.00 + \$1.50 C.P.

SÁCH MỚI !SÁCH MỚI !

ĐÃ PHÁT HÀNH

VÌ SAO TIN PHẬT (TẬP II)

\$10.00 + \$1.50 C.P. (Song Ngũ-Anh Việt)

NƠI PHÁT HÀNH :

CHÙA TAM BẢO P.O. BOX 1903 FRESNO CA 93718

Đ.T.: 209-264-2728

PHVQT, 9250 COLUMBUS AVENUE NORTH HILLS, CA 91343

Đ.T.: 818-893-5317

ĐỊA LÝ & TỬ VI THIÊN CƠ - Ông PHẠM-ĐÌNH-MAI

8742 Westminster Ave., Westminister, CA 92683

Tel: (714) 891-3429 * Fax: (714) 891-4584

• Nhận xem phương hướng nhà ở, cửa tiệm buôn bán, cơ sở làm ăn.

• Yểm trấn ác xạ trong trường hợp cần thiết.

• Sắp xếp lại chỗ ở, nơi làm việc đem an lành cho nhà cửa và phát đạt cho cơ sở thương mại.

Người xưa nói : "Sống cái nhà, già cái mồ", phải chăng đã nhận chân được tầm quan trọng của khoa địa lý về dương cơ và âm phần ? "Già cái mồ", là nói về âm phần. Lúc chết cần có mồ yên mả đẹp. Phải "tiên tích đức, hậu táng long", sao cho "mồ" nhằm huyết kết để con cháu phát đạt, phú quý. Huyết kết ở đâu, ở đó phải có tả thanh long, hữu bạch hổ, thủy lưu, tiền án, minh đường. Minh đường phải sâu, thủy phải tụ mới phú. Nhiều táng long hổ mới thành đại huyết quý. Ngày nay tại Mỹ, mọi người chết đều "bình đẳng" ở nghĩa địa với một diện tích bằng nhau, một mộ bia như nhau, có khi hỏa táng, hài cốt bỏ vào hũ sành... nên khoa địa lý âm phần mất chỗ đứng.

Sống cái nhà" đó là lãnh vực dương cơ, thổ trạch của khoa địa lý. Chính vì "cái nhà" ảnh hưởng đến công cuộc làm ăn, thịnh suy, thành bại. An cư mới lạc nghiệp. Kinh đô gắn liền với sự hưng phế của một quốc gia. Do đó Lý-Thái-Tổ mới dời đô ra Thăng-Long. Trang-Trình Nguyễn Bình-Khiêm mới chỉ cho Nguyễn-Hoàng : "Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân".

- Ngay tại Mỹ, biết bao cơ sở thương mại và nhà ở tọa lạc tại một vị trí mà khoa địa lý dương cơ tối kỵ. Do đó dù đổi bao nhiêu chủ rồi cũng lụn bại. Cho nên cần gặp **THIÊN CƠ** trước khi thuê, mua nhà cửa hay khai trương một cơ sở thương mại.

GIÁ BIỂU

* Xem địa lý nhà đất, cửa tiệm, từ \$100 đến \$200

* Đi các tiểu bang, tùy trường hợp.

* Cố vấn địa lý ở xa bằng má FAX \$30

* Tại Việt-Nam: Đến tận chỗ để xem xét nên cải táng hay xây mộ. Cố vấn cách thức xây mà cho hợp với thể đất...\$430

CHẤM LÁ SỐ BẰNG COMPUTER VÀ CÓ BĂNG CASSETTE THU LỜI GIẢI ĐOÁN

* Chấm giảng Tử Vi trọn đời, tiên đoán vận hạn thịnh suy, biến cố tốt xấu.

* Giải đáp về năng khiếu trẻ em để chọn môn học và ngành nghề thích hợp.

* Xem tình duyên gia đạo. Số tuổi vợ chồng tốt xấu. Cấm nang lựa vợ, chồng theo tuổi tác.

* Coi ngày cưới hỏi, khai trương.

* Nói rõ số thọ yếu và năm lâm chung (nếu muốn).

1/. Đã đoán trước cho Chuẩn-tướng LƯU-KIM-CƯƠNG (không quân) về đại tiểu hạn trùng phùng năm Mậu Thân 1968 có :

"Tướng quân ngộ Triệt trước miền
Ra đi gặp giặc mình liền tan thân!"

Sau Chuẩn-tướng đã tử trận ở vòng đại phi trường Tân-Sơn-Nhất, trong biến cố Tết Mậu-Thân.

2/. Đã đoán cho ông NGUYỄN-VĂN-BÔNG (Viện-Trưởng QGHG) về nguyệt hạn xấu cho tuổi Kỷ Tỵ của ông, mà rồi vẫn không tránh khỏi tử nạn vì vụ gài bom trên xe, nổ ở đường Phan-Thành-Giản Sài Gòn.

3/. Đã lưu ý Đại-tá BẦU về chức vụ phụ-tá quốc-phòng cho Trung-tướng Trần-Văn-Đôn vào năm 1975 là một chức vụ có tính cách phù du, nguy hiểm vì cách Không Kiếp đặc địa ở Tỵ của ông (qua ông L.V.L.)

4/. Đã tiên đoán cho Đại-tướng DUƠNG-VĂN-MINH với cách "Tham Vũ đồng hành" sẽ được chính quyền Cộng Sản cho xuất ngoại (qua ông HQP).

5/. Đã được ông Tổng Giám-Đốc Ngân-Hàng VNCT khen là giảng Tử Vi chi tiết, chính xác hơn nữ tiên tri Soleil (Pháp) đã xem cho ông, bằng khoa chiêm tinh Tây-phương.

6/. Đã được Đạo-trưởng Cao-Dài ĐỖ-VĂN-LÝ khen là "Có năng khiếu lớn về siêu hình học, chính xác trong việc dẫn chứng (qua Tử Vi của Giáo-Sư Lê-Như-Lễ, Đại-Học UCLA).

7/. Tại Sài Gòn năm 1982, Luật-sư NGUYỄN-HỮU-DOÃN nhờ tôi đoán Tử Vi cho bé gái 12 tuổi (1969) và anh cô ấy tên Việt, sinh năm 1962 về việc "xuất hành". Tôi cam kết cô bé 12 tuổi đi đến nơi an toàn, dù chuyến đi đầy gian khổ. Sau này là một bác sĩ giỏi nổi tiếng. Còn anh Việt thì bước xuống ghe nào là ghe ấy phải chìm ! Lời giải đoán nghe qua rất vô lý. Khi ông anh dẫn em nhỏ đi, mà em nhỏ tới, anh chìm ! Thế rồi họ xuống Cà-Mau. Có bé được chủ ghe cho lên tàu trước làm chị nuôi (vì còn nhỏ). Chuyến đi ấy bị hải tặc Thái cướp 6 lần. Lần cuối cùng, bị bắt theo cùng với tất cả các phụ nữ, có bé đã từ tàu Thái nhảy xuống và được cứu. Còn chiếc "taxi" đưa Việt ra ghe lớn bị chìm! Rất may, Việt thoát chết, nhưng kẹt lại đến năm 1987 mới đi ODP, nay định cư ở Maryland ĐT : (301) 779-8037. Còn cô bé 12 tuổi đứng cảm năm xưa, nay là NGUYỄN-THỊ-CÁT-TƯỜNG một sinh viên lỗi lạc năm thứ 5 được học bổng của Đại-Học Y-Khoa Massachusetts (Brandeis University), ĐT: (617) 736-5191.

8/. Năm 1986, Thiếu-tá QUÁCH-NGỌC-LÂM (thủy quân lục chiến) nhờ tôi chấm Tử Vi cho ông và 4 người con, xem có nên nhờ bà chị ở Mỹ bảo lãnh ODP hay không ? Tôi cam kết : "5 cha con ông sẽ ở nước ngoài trong năm 87. Đừng làm hồ sơ ODP mất công !" Thật vậy, 5 cha con ông Lâm vượt biên lọt qua Thái đúng năm 87 và định cư ở California, ĐT : (714) 897-8223.

9/. Vừa đầy tháng Phương-Uyên năm 1977 ở Việt Nam, tôi đã đoán : "Tuổi Đinh-Tỵ này rất thông minh, học giỏi. Đặc biệt sinh cháu ra, làm gì cha mẹ cũng xuất ngoại và làm ăn phát đạt". Gia đình Phương-Uyên vượt biên

năm 1979, cha mẹ P.U. nay là REAL ESTATE KHAI-HUYNH, một văn phòng địa ốc uy tín nhất OAKLAND, ĐT: (415) 763-9055. Còn bé Phương-Uyên năm nào cũng xếp hạng xuất sắc về học sinh giỏi của Mỹ tại trường Colonial Ecref, S.F.

10 - Ở Việt-Nam tôi đã cam kết với QUỲNH-DAO 2 điều: "Thế nào cô cũng xuất ngoại trong năm 1987 và định cư xong là lấy chồng liền". Dao cười: "Chồng ở mà mà sẵn rứa?" (Vi lúc ấy cô chưa có ai). Năm 1987 trong khi đang lênh đênh trên bể thì Quỳnh Dao được tàu Nga cứu đưa vào hải phận Thái. Đến Texas, cô đã gọi vé máy bay khứ hồi để mời tôi từ CA qua dự đám cưới của cô vào ngày 6-5-89 vừa qua, ĐT: (713) 580-9401.

11/. ĐH KHANH - ĐT KHOA được một thầy Tử Vi nổi tiếng ở Sài Gòn tiên đoán: "Số phải bị gông cùm, xiềng xích, tù đày..." Làm các cô chán nản bỏ học. Năm 1976, tôi đã viết rành mạch rằng số hai cô sẽ xuất dương du học (Đại học khoa danh chi số) với sự nghiệp rục rờ, chứ hoàn toàn không có số tù tội. Nhờ đó, hai chị em đã can đảm vượt biên đến Mã-Lai năm 1978. Nay cô Khanh vừa tốt nghiệp Master tại Đại-Học Cal State LA năm 1988 và có Khoa, tốt nghiệp BS cùng Đại-Học trên năm 1986, ĐT: (818) 287-7635.

12/. Năm 1977, đoán cho ĐỖ-T.H.-THANH "số xuất ngoại và học về Business Administration". Thanh vượt biên năm 79 và đã tốt nghiệp business năm 1990 ở Đại-Học Cal State Fullerton, đúng với "năng khiếu" tôi đã đoán 14 năm trước.

* Và hàng ngàn trường hợp ly kỳ khác với các đường sự ở Pháp, Úc, Anh, Canada, Mỹ... mà do vì lý do riêng tư không được phép tiết lộ, nên với khuôn khổ tờ giấy này, tôi chỉ đơn cử một số trường hợp cụ thể như trên mà thôi.

GIÁ BIẾU

- * Chấm giáng Tử Vi trọn đời (lấy hẹn đến xem) \$30
(Kèm lá số Tử Vi chấm bằng Computer và 1 cuốn băng Cassette thu lời giải đoán trọn đời).
- * Truy tầm năm tháng sanh trai gái theo ý muốn \$5
- * Coi ngày cưới hỏi, khai trương \$5
- * Giải Tử Vi gấp cho người ở xa \$42

Thân chủ ở xa gọi năm, tháng, ngày, giờ sinh. Nói rõ âm hoặc dương lịch, nam hay nữ. Kèm money order 42 Mỹ kim để tên Phạm-Đình-Mai, 8742 Westminster Ave., Westminster, CA 92683 U.S.A.

Sẽ được gửi đến tận nhà một lá số Tử Vi chấm bằng computer, kèm băng cassette thu lời giải rõ nghĩa, dùng trọn đời.

Nếu gọi \$32 phải đăng ký vào sổ và chờ đợi theo thứ tự trước sau. Có khi 3 tháng sau mới tới phiên.

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Ba - Thứ Sáu: Từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối.
Thứ Bảy - Chủ Nhật và ngày lễ: Từ 8 giờ sáng đến 9 giờ tối. (Xin lấy hẹn trước, và tuyệt đối không dặt theo trẻ em).

DỰ LUẬN TẠI HOA-KỲ NĂM 90

"Muốn trở thành ông thầy Tử Vi giỏi, nghĩa là phải xét đoán chính xác, người học cần có trình độ học vấn càng cao càng tốt. Học vấn cao chừng nào, khả năng hấp

thụ nhanh chừng ấy và độ lượng suy luận sẽ sắc bén hơn, nhờ đó sẽ hiểu được cái phức tạp của Tử-Vi hầu đạt được thành quả mau chóng và giảm mức độ sai lầm xuống con số thấp nhất. Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI có đủ yếu tố đó: Tốt nghiệp Đại-Học Luật, thân phụ là thầy giỏi đất Quảng-Nam. PĐM lại chịu khó học hỏi thêm ở nhiều thầy khác. Với bao nhiêu lý do, khiến cũng đủ để người đi xem Tử Vi dù khó tính đến đâu cũng phải hài lòng".

Ký-giả TRẦN-TỬ-CƠ - Báo NANG CALI số 151
(714) 893-0080

"Tôi đã từng tìm tòi và tham khảo với nhiều nhà Tử-Vi đầu-số và thầy địa-lý; nhưng người khiến cho tôi ngưỡng mộ và khâm phục nhất là Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI. Tôi tìm đến ông sau nhiều rui ro cùng với những dấu hiệu cho thấy sẽ còn những thất bại nặng nề trong công việc kinh doanh hằng ngày. Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI đã chỉ cho tôi biết nguyên cơ của những suy sụp ngoài trí tưởng tượng bình thường; đồng thời giúp những phương thức hóa giải dựa trên kinh nghiệm bí truyền của khoa địa lý dương cơ từ thân phụ của ông và khoa học huyền bí do ông dày công nghiên cứu. Ông quả là thiên tài về địa lý và đầy đủ những kiến thức chuyên môn; cùng kinh nghiệm trong việc luận giải Tử Vi đầu số".

Ký giả NGUYỄN-HÀ - Westminster, CA
(714) 539-0319

"Ở Việt-Nam, tôi có đi coi vài ông thầy có tiếng tăm, nhưng tôi vẫn thấy chưa có ông nào coi hay hơn ông".

Cụ LÊ THÚY, 83 TUỔI - (Sinh năm Mậu-Thân 1908)
11301 Lockhaven Way, Garden Grove, CA 92640

* QUÀ: = Cưới = Sinh Nhật
= Thôi nôi = Đầy tháng

dem lại "surprise" nhất và được mọi người trân trọng gìn giữ suốt đời.

Đó là băng cassette giải đoán Tử-Vi trọn đời của Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI, được gửi tới địa chỉ của người nhận, theo yêu cầu của người tặng.

ÔNG THIÊN CƠ

PHẠM ĐÌNH MAI mới đến Mỹ, (trước ở Prairie, Hawthorne) nguyên là:

- * Cựu học sinh đệ nhất C, Phan-Chu-Trinh Đà-Nẵng 1966.
- * Cố vấn thương mại (bằng Tử-Vi) cho thương gia Chợ-Lớn từ 1968.
- * Cử-Nhân Luật-Khoa Sài Gòn 1970.
- * Phó Giám Đốc Ngân Hàng VNCT, Chợ Lớn 1971.
- * Tốt-nghiệp Thủ-khoa Trung-Tâm Huấn-Luyện Chuyên Môn Ngân-Hàng Sài Gòn, 1973.
- * Học viên khóa Chuyên-Viên Thị-Trường Chứng-Khoán Việt-Nam 1974.
- * Phó Hiệu Trưởng ADRA SCHOOL, Thái-Lan 1987.
- * Assistant Teacher / International Catholic Migration Commission Philippines, 1988.

Đời sống con người chẳng khác nào một cuộc vượt biên trôi giạt lênh đênh trên biển Đông. Tử-Vi là tấm hải đồ (chart) rất hữu ích trong chuyến hải hành ấy. Hành trình đã, đang, hay sắp bắt đầu, đều còn dài. Mời quý vị đến gặp Thiên Cơ để xử dụng ngay hải đồ của chính mình.

Bác Sĩ NGUYỄN THIỆN Y, O.M.D., L.Ac., Ph.D.

838 N. Broadway, Suite A., Los Angeles, CA 90012

(Chinatown, kế Bank of America, Trước Lido center)

Tel. (213) 680-0888



GIỜ LÀM VIỆC:

THỨ HAI đến CHỦ NHẬT
10:00AM - 6:00PM. Nghỉ thứ Sáu
FREE PARKING

Bác Sĩ Thiện Y, Đông Y gia truyền, đã chữa bệnh tại Việt-Nam và các đạo diễn, tài tử điện ảnh Hollywood. Trị hết nhiều bệnh thông thường đến nan y mà các danh sư khác không chữa được. Được rất nhiều người viết thư cảm tạ, báo chí khen ngợi và đồng bào Los Angeles khen tặng danh hiệu "DIỆU THỦ HỒI XUÂN". Đến với Bác sĩ NGUYỄN-THIỆN-Y để được chẩn mạch chính xác, chữa trị hữu hiệu. Bác sĩ nhiều kinh nghiệm, tận tâm, uy tín, cẩn trọng, chữa bệnh lâu năm.

CHUYÊN TRỊ: CÁC BỆNH ĐAU NHỨC VÀ NAN Y, NỘI THƯƠNG NGOẠI CẢM, BAN SỞI TRẺ EM, SAI KHỚP XƯƠNG, BONG GÂN TẠI ĐẦU GỐI, MẮT CÁ, TRỌNG QUAI HÀM, CỤP XƯƠNG SỐNG V.V...

DƯỢC THẢO CỦA BÁC SĨ Y (DR. Y'S HERBS) :

BÁN ĐỦ LOẠI THUỐC BẮC THƯỢNG HẢO HẠNG. NHẬN GỬI THUỐC ĐI KHẮP HOA-KỲ VÀ NGOẠI QUỐC. CHẨN MẠCH QUA ĐIỆN THOẠI. NHẬN VISA VÀ MASTER CARD.

- | | | |
|--|--|---|
| 100- Tiên dược siêu đẳng tăng sức khỏe, trị bá bệnh, trẻ mãi không già. | 110- Thuốc tế trị phong thấp, giúp người già ăn ngon ngủ khỏe. | 149- Say sóng, ói khi đi tàu, máy bay. |
| 101- Tiên dược trị đau bao tử và hệ thống tiêu hóa, loét bao tử, ruột. Đau bao tử lâu năm trị dứt, không bao giờ tái phát. | 111- Đau nhức các khớp xương, đầu gối, ngón tay, ngón chân (Arthritis Gout). | 150- Thuốc trị khô cổ họng. |
| 102- Gối Tiên trị đau lưng, đau cổ, bụng, phong thấp. | 112- Đổ mồ hôi tay chân, phong thấp lâu năm trị dứt, không tái phát. | 151- Thuốc trị giun sán. |
| 103- Tiên dược phục hồi sức khỏe, trị kiệt sức, mệt mỏi lâu năm, dễ ngất xỉu. | 113- Thuốc cầm cúm. (uống hoặc xông) | 152- Méo miệng, bán thân hay toàn thân bất toại (có châm cứu sẽ hết nhanh hơn). |
| 104- Thuốc tăng trí nhớ, trị thần kinh suy, rất tốt cho sinh viên và người lớn tuổi. | 114- Thuốc trật đả, trị té ngã, vết bầm v.v... (uống thoa, xịt, bột đắp) | 153- Ban đêm ngủ hay co giật. |
| 105- Thuốc trị tiểu đường. | 115- Mất ngủ kinh niên. | 154- Thuốc bổ xương, trị xương xốp. |
| 251- "Siêu cường dương bổ thận" (rượu và viên). Siêu đẳng trị bất lực, yếu sinh lý. | 116- Tiểu chảy hay táo bón kinh niên. | 201- Phụ nữ lãnh cảm, yếu sinh lý. |
| 252- Thuốc trị xuất tinh sớm. | 118- Thuốc trị áp huyết cao. | 202- Kinh không đều, có kinh đau bụng. |
| 253- Thuốc bột hòa với sữa, cho trẻ em xanh xao, biếng ăn, ốm yếu đổ mồ hôi đầu, mình, v.v.. | 119- Áp huyết thấp. | 203- Kinh nguyệt ra hoài không dứt |
| 301- Dưỡng da giảm vết nhăn, đẹp da, da trắng hồng, đẹp hơn lên, người trẻ lại. | 120- Mỡ trong máu. | 204- Không có kinh hay trễ kinh. |
| 302- Thuốc trị da mặt nám. | 121- Viêm mũi, dị ứng "allergy". | 205- Hiếm muộn, muốn có con. |
| 303- Da mặt xanh xao thiếu máu. | 122- Run tay chân. | 206- Thuốc ngừa sẩy thai. |
| 304- Rụng tóc, hói đầu, làm mọc tóc, đen tóc, tóc óng mượt. (uống, xịt nơi hói) | 123- Cai thuốc lá, cai rượu. | 207- Muốn chọn sanh con trai hay con gái. |
| 305- Phong ngứa, nổi mề đay, ngứa dị ứng bởi thực phẩm v.v.. | 125- Choáng vàng đầu mắt | 208- Thuốc an thai, dưỡng thai |
| 306- Phong độc, ghẻ độc (Psoriasis) các loại trị dứt, vĩnh viễn không tái phát. | 126- Ù tai, điếc tai. | 209- Thuốc sanh con không đau, khỏi mổ. |
| 307- Dời ăn, nổi đờ ở mặt hay lưng, bụng. | 127- Trị bệnh trí (trí nội & ngoại). | 210- Thuốc xổ lờng, ngứa sót nhao, |
| 308- Các loại mụn ở mặt và lưng. | 128- Sa ruột, sa tử cung (uống hay xông). | 212- Thuốc trị hậu sản, sau khi sanh nám mặt, yếu người. |
| 309- Nổi gân xanh ở mặt, tay, chân. | 130- Thuốc trị phù thũng, chân giữ nước, đau nhức chân, đi nặng nề | 213- Đản bà hết kinh, nóng mặt khó chịu. |
| 106- Viêm gan (Hepatitis A, B, C...) gan độc, chai gan, (cirrhosis), sưng mật, vàng da, đen da, hay thời kỳ nguy hiểm. | 131- Thuốc trị nhức đầu kinh niên. | 214- Thuốc trị huyết trắng. |
| 107- Thuốc làm tăng cân. | 132- Nhức đầu một bên kinh niên. | 254- Thuốc trị giang mai, lậu, hoa liễu. |
| 108- Giảm cân (Lose weight fast & easy). | 133- Trị chảy nước mắt sống | 310- Thuốc trị đau răng cấp thời, không kịp đi Nha sĩ (xúc vào răng hết đau). |
| 109- Phong thấp, đau lưng, nhức mỏi, vọp bẻ, tê bại toàn thân. | 134- Trị đau mắt, làm bỏ mắt, sáng mắt. | 311- Lở, dễ chảy máu nướu răng. |
| | 135- Sốt rét quanh năm, sợ nước, sợ gió. | 312- Trị hết hôi miệng, làm thơm miệng (uống hay súc miệng). |
| | 136- Ôn lạnh xương sống | 314- Lở miệng, lở lưỡi. |
| | 137- Suyễn kinh niên. | 315- Lang ben, ghẻ lác (xoà). |
| | 139- Ho lâu năm, ho đàm hay ho khan. | 351- Thuốc trị bấu cổ |
| | 140- Đau tim, yếu tim, khó thở, hồi hộp. | 352- Bướu tử cung và các loại bướu. |
| | 141- Nghên van tim, uống thời gian ngắn, tim thông, khỏi mổ. | 353- Thuốc trị bệnh AIDS/HIV, |
| | 142- Bí tiểu, khó đi tiểu. | 355- Thuốc trị ung thư máu (Leukemia). |
| | 143- Tiểu đêm nhiều lần. | 356- Thuốc trị ung thư cổ (cervical cancer). |
| | 144- Thuốc trị sạn thận, uống vào sạn đi ra hay tan, khỏi mổ ... | 357- Thuốc trị ung thư các loại. |
| | 145- Thuốc trị sạn mật. | 402- Rượu thuốc Trường Xuân Tửu. |
| | 146- Chảy máu cam. | 403- Rượu thuốc Minh-Mạng Hoàng Đế toa chính truyền. |
| | 147- Tê chân, tê tay. | 404- Rượu thuốc cho người mới sanh, mạnh gân, ăn ngon, ngủ khỏe. |
| | 148- Lạnh chân tay, thuốc làm ấm lại. | 405- Rượu thuốc THẤT BẢO MỸ ĐIỆN. |

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa Gia Đình Và Thẩm Mỹ

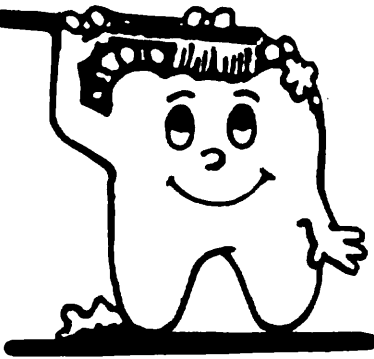
BÙI VÂN ANH, D.D.S.

LA PICO PLAZA - RESEDA

17709 Saticoy St., Reseda, CA 91335

Tel. (818) 757-0017

Tốt Nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa Tại UCLA 1988,
Hội Viên American Dental Association,
California Dental Association,
Los Angeles Dental Societ.



ĐẶC BIỆT:

- > Phòng mạch trang bị đầy đủ máy móc nhất để theo dõi sự tiến triển của bệnh nhân.
- > Phòng mạch áp dụng kỹ thuật tân kỳ nhất để chống nhiễm trùng cho bệnh nhân.

*Tận Tâm và Thành Tín như một Bác Sĩ Gia Đình,
Nhẹ nhàng với những trẻ em khó tính.*

CHUYÊN VỀ:

Nha Khoa Thẩm Mỹ, chữa răng bằng Porcelain đẹp như răng thật.

Tẩy răng trắng.

Làm răng giả các loại.

Phòng ngừa sâu răng cho trẻ em bằng Sealants và Fluoride.

Trám, nhổ, lấy gân máu, chữa bệnh nướu răng.

Khám răng tổng quát và định kỳ.

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ BA - TƯ - NĂM:

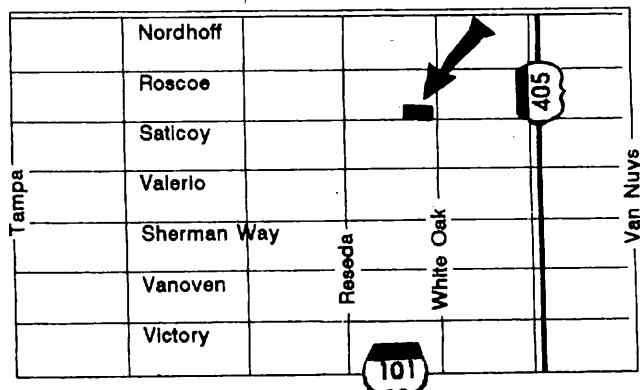
9:00am = 7:00pm

Thứ SÁU: 9:00am = 5:00pm

Thứ BẢY: 9:00am = 4:00pm

NGHỈ: CHỦ NHẬT - THỨ HAI

NHẬN MEDICAL - BẢO HIỂM



Kính chúc quý đồng hương một năm mới An Khang và Thịnh Vượng

BÁC SĨ ĐÔNG Y

DR. LISA LAN DOAN, O.M.D.

National Commission Certified Acupuncture
Oriental Medicine - Chinese Herbs - Acupressure
19760 SHERMAN WAY, CANOGA PARK, CA 91306

(trong văn phòng Dr. Nguyen Chiropractor, góc Corbin & Sherman Way, khu Smart & Final, bên cạnh Richard Mười Trương)

PHONE: (818) 999-9573 / PAGER: (818) 816-9941



A. TRÀ INTRA HERBAL BLEND Made in Canada \$ 35

Một sản phẩm thiên nhiên toàn dược thảo gồm 23 chất có thể ngừa bệnh và trị các bệnh lâu năm hoặc mới phát. Dùng như một thực phẩm bổ sung vào đời sống được khoẻ mạnh. Nam, nữ, già, trẻ, đàn bà có thai đều dùng được. Trà INTRA gồm 4 chức năng:

1. THỨC ĐẨY BIẾN THỂ METABOLISM VÀ TĂNG CƯỜNG SINH LỰC
2. THẢY RA CÁC CHẤT ĐỘC CỦA ĐỒ ĂN, KHÔNG KHÍ Ô NHIỄM, ... TRONG LỤC PHỦ NGŨ TẠNG
3. NÂNG CAO VÀ XÂY DỰNG SỰ MIỄN DỊCH TRONG CƠ THỂ
4. QUÂN BÌNH VÀ GIÚP CÁC TUYẾN GIÁP TRẠNG SECRETION GLANDS THẢY RA CHẤT ĐỘC

B. DIBI NUOVAPELLE Made in Italy RESTORATIVE ANTI-WRINKLE

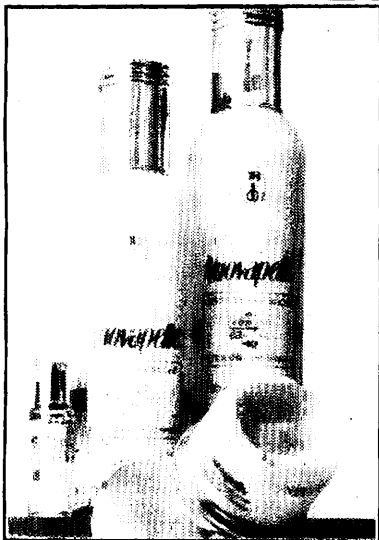
**\$ 350
SALE**

Làm phục hồi làn da trở lại như "baby skin". Một sản phẩm tuyệt vời thiên nhiên làm tại Ý. Giúp cho các loại da được hồi sinh ngay lập tức 24/24.

Sản phẩm gồm có:

- Cleansing Milk
- Tonic Lotion
- Energizing Fluid
- Energizing Cream

**XIN GỢI
LẤY HẸN TRƯỚC**



BỘT DINH DƯỠNG GREEN MAGMA Made in Japan	\$ 37.00
XÀ BÔNG CELL REPAIR MINERAL PLUS BEAUTY CLEANSING BAR	\$ 8.00
KEM DƯỠNG DA VITA - C SERUM	\$ 45.00
BỘ KEM TRỊ MỤN CLEAR CARE ACNE GEL	\$ 73.00
BỘ KEM TRẮNG DA AHA LIGHTENING GEL	\$ 76.25

HAPPY ENTERPRISES INTERNATIONAL

CĂN ĐẠI LÝ KHẮP NƠI, BÁN SỈ VÀ LẺ, XIN LIÊN LẠC DR. LISA LAN DOAN, O.M.D.
(818) 999-9573 PAGER: (818) 816-9941 PHONE/FAX: (818) 881-9997



NỮ BÁC SĨ STEPHANIE THU LE, D.C.

- Nguyên sinh viên Y-khoa Sài Gòn
- Tốt nghiệp Bác-Sĩ chuyên khoa Chính xương tại Đại-Học Chiropractic of Los Angeles
- Diplomate National and States Boards of Chiropractic Examiners
- California State Radiography X Rays supervisor and Operator

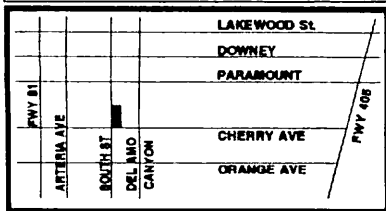


CHUYÊN TRỊ:

- Đau lưng, cụt xương sống, đau thần kinh tọa, vẹo xương sống
- Đau cứng cổ, đau nhức bả vai, đau và tê tay chân
- Nhức đầu cấp tính và kinh niên, mờ mắt, mất ngủ
- Đau nhức và sai trật khớp xương, phong thấp, bong gân, vẹo bẻ
- Các chứng bệnh đau nhức liên quan đến cột xương sống, hệ thống thần kinh và bắp thịt

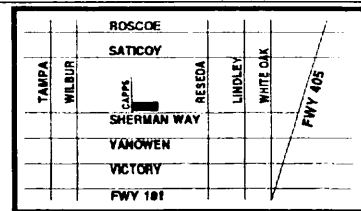
NHÂN:

- ✓ Auto Accident
- ✓ Insurance
- ✓ Worker's Comp
- ✓ Medicare
- ✓ Có chương trình đặc biệt cho bệnh nhân có tài chánh khó khăn.



TRỊ LIỆU:

Xử dụng X-Ray và đầy đủ các dụng cụ. Y-Khoa vật lý trị liệu tối tân nhất hiện nay. Điều chỉnh cột xương sống, bắp thịt, hệ thống thần kinh làm hết đau và phục hồi lại chức năng của cơ thể. Hướng dẫn về dinh dưỡng và thể dục.



LONG BEACH CHIROPRACTIC CLINIC

2150 S. South St., Suite 104
Long Beach, CA 90805
Tel. (310) 790-8209

(góc đường Cherry + South, đối diện Food 4 Less)

Y-Khoa chỉnh xương.

Giờ làm việc: Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10AM - 6PM

RESEDA CHIROPRACTIC CLINIC

18625 Sherman Way., Suite 109.. Reseda, CA 91335
(Trong khu Plaza Calco, cạnh bánh mì Ba-Le)
Tel. (818) 345-0999

LƯU Ý: Từ nay quý đồng hương không phải đi xa để khám bệnh vì đã có Nữ Bác Sĩ Stephanie Thu Lê ở vùng San Fernando Valley.
Giờ làm việc: Thứ Hai đến Thứ Bảy: 10AM - 7PM

Bác Sĩ LÊ VĂN BA



Nội Thương, Giải Phẫu, Trẻ Em, Người Lớn, Già Lão,
Tai Nạn Lao Động, Nghề Nghiệp.

TIỂU GIẢI PHẪU và GIẢI PHẪU THẨM MỸ

BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ TẠI: **PACIFIC ALLIANCE CENTER**

711 N. Broadway # 212., Los Angeles, CA 90012

Tel. **(213) 617-9386** khẩn cấp ngoài giờ làm việc **(818) 994-7954**

BÁC SĨ CỦA MOLINA & CARE FIRST HEALTH PLAN & CALIFORNIA CARE OF
BLUE CROSS VỚI ĐẦY ĐỦ MÁY MÓC VÀ TIỆN NGHI.

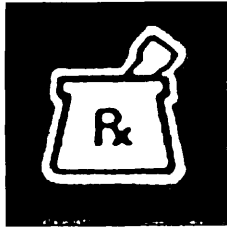
- Khám bệnh, thử nghiệm thăm thai, giải phẫu, chích ngừa.
- Chích ngừa về Việt-Nam.
- Bệnh suyễn, dị ứng, dị ứng mũi.
- Yếu sinh lý (Đàn ông, Đàn bà)
- Chuyên chữa trị bệnh mặt, ốm.
- Cắt mắt hai mí.
- Lấy mỡ mí mắt dưới.
- Cắt mụn cóc, mụn ruồi mắt cá.
- Cắt trĩ, cắt da qui đầu.
- Tàn nhang, mụn.
- Cắt ống dẫn tinh đàn ông để ngừa thai.

CHƯƠNG TRÌNH NGỪA THAI MIỄN PHÍ CHO NGƯỜI NGHÈO DO CALIFORNIA STATE ĐÀI THỌ.

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

GIỜ MỞ CỬA:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30AM - 5:30PM
Thứ Bảy: 10:00AM - 3:00PM
CHỦ NHỤT: NGHỈ



VINA PHARMACY

18541 Sherman Way # 103., Reseda, CA 91335

Tel. (818) 345-6534

(Trong khu Donags Plaza, cạnh Cà-Phê Lục-Huyễn-Cầm, sau lưng chợ BANGLUCK)

- * Bán thuốc theo toa Bác-Sĩ,
- * Bán đầy đủ các loại thuốc thông thường,
- * Dược-Sĩ đích thân chỉ dẫn cách dùng thuốc tường tận.

Mở cửa 7 ngày trong tuần

Mon = Friday: 9:30AM - 7:00PM

Saturday: 9:30AM - 3:00PM

COPIES \$.05

Nhận **MEDICAL** và **CÁC LOẠI BẢO HIỂM**

TÍN NHIỆM ★ AN CẦN ★ TẬN TÂM
 NHANH CHÓNG ★ GIÁ CẢ NHẹ NHÀNG

Dược Sĩ THÁI-QUANG-ĐOÀN

BÁC SĨ NHA KHOA

LÊ THÀNH HÒA

BÁC SĨ NHA KHOA

THÁI QUỲNH QUANG



- > Khám răng tổng quát định kỳ.
- > Trị các bệnh về răng miệng.
- > Làm răng giả các loại



Nhận MEDICAL & BẢO HIỂM

ALHAMBRA

407 W. MAIN STREET
 ALHAMBRA, CA 91801
 Tel. (818) 281-6642

GIỜ LÀM VIỆC:

THỨ HAI ĐẾN THỨ BẢY:
 9AM - 6PM

VAN NUYS

6900 VAN NUYS., Suite # 14
 VAN NUYS, CA 91405
 Tel. (818) 904-0224

(cùng Building với Phan's Pharmacy)

GIỜ LÀM VIỆC:

THỨ HAI ĐẾN THỨ SÁU: 9AM - 6PM
THỨ BẢY: 9AM - 5PM

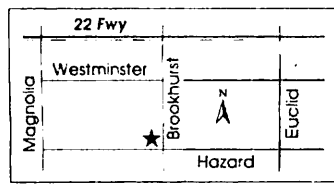


Bác Sĩ **ĐỖ CẢNH MINH, M.D.**



CHUYÊN TRỊ TẤT CẢ CÁC LOẠI BỆNH :
THẬN, CAO HUYẾT ÁP VÀ NỘI THƯƠNG TỔNG QUÁT.

**ĐẢM TRÁCH LỘC MÁU
TẠI 3 TRUNG TÂM LỘC THẬN**
✓ Vivra Fountain Valley
✓ Vivra Westminster
✓ Garden Grove ARC



14441 Brookhurst St. # 6,
Garden Grove, CA 92643
(Góc Brookhurst và Hazard)

- BỆNH NỘI KHOA NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM.
- Bệnh tiểu đường, bướu cổ và các bệnh đau nhức.
- Bệnh tim, cao máu, cao mỡ và phổi.
- Bệnh tiêu hóa, gan, túi mật, bao tử, ruột trĩ.
- Bệnh thần kinh, nhức đầu kinh niên.
- Bệnh dị ứng, sổ mũi, mề đay, suyễn.
- Bệnh ngoài da, mụn trứng cá, mụn cóc, lở ngứa.
- Nhận làm bác sĩ gia đình.
- Chích ngừa cho trẻ em và người lớn.

GIỜ LÀM VIỆC :
Thứ Hai - Thứ Sáu : 9:30 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy : 9:30 AM - 3:00 PM
Chủ Nhật : Nghỉ

NHẬN MEDICAL / CALOPTIMA
MEDICARE VÀ BẢO HIỂM

Điện Thoại : (714) 418-0488

Express Bakery

Cafe and Bistro - French & Vietnamese Food

9035 Reseda Blvd, Northridge, CA 91324
Tel. (818) 349-9135

*Giờ Mở Cửa:
6 ngày trong tuần
Chủ Nhật nghỉ*

Đặc biệt các món ăn:

Mì - Bún riêu - Hủ tiếu - Cơm và nhiều món ăn khác nhau.

Ngoài ra lò còn có sản xuất:

Pâté chaud, Croissant, Choux crème v.v...

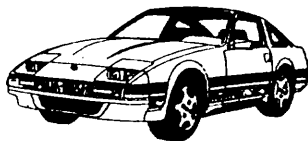
Đặc Biệt: - Bánh Sinh Nhật - Bánh Cưới - Bánh Ngọt.

USA GENERAL AUTO REPAIR

Honda - Toyota - Mazda - Datsun

7444 Reseda Blvd. Suite D, Reseda, CA 91335

Tel: (818) 996-4926

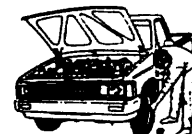


Mở cửa 6 ngày trong tuần từ **THỨ HAI** đến **THỨ BẢY** : 8:30 AM - 6:00 PM

Chúng tôi có kinh nghiệm 18 năm tại Mỹ và ở Việt-Nam.
Chúng Tôi Nhận :

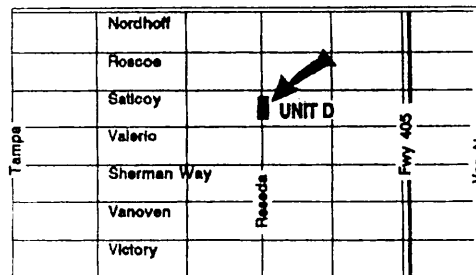
--> **REBUILT:**

- TRANSMISSION
- PISTON ENGINE
- ROTARY ENGINE
- DIFFERENTIAL



- > ENGINE TUNE-UP
- > FUEL INJECTION SERVICE
- > CARBURATOR SERVICE
- > AIR CONDITIONING SERVICE
- > STARTER SERVICE
- > ALTERNATOR SERVICE
- > RADIATOR SERVICE
- > BRAKE SYSTEM SERVICE
- > CLUTCH TRANS. SERVICE

Nhận VISA, MASTERCARD



REPLACE TIMING BELT

- => 4 cylinder s/cam shaft **\$110.00**
- => 6 cylinder s/cam shaft **\$150.00**

REPLACE FRONT BRAKE : \$49.00

- => Check front wheel bearing
- => Check front rotor for most car

REPLACE REAR BRAKE : \$49.00

- => Check rear wheel bearing
- => Check rear rotor for most car

OIL FILTER CHANGE : \$15.00

- => Include : 5Qt Oil + Oil Filter +
- Check Tire Pressure + All Fluid Levels

- Quý vị muốn biết thêm về **XE HƠI**, xin liên lạc **HUYỀN TRẦN & TOM**
- Chúng tôi sẵn sàng check xe cho quý bạn để quyết định trước khi mua, sau này khỏi gặp trở ngại.



NHÀ THUỐC TÂY

HADO PHARMACY

7241 RESEDA Blvd., RESEDA, CA 91335

(Cạnh chợ Bangluck Market, khu Phố Số 1)

NHÀ THUỐC GIA ĐÌNH TÍN NHIỆM NHẤT CỦA QUÝ ĐỒNG HƯƠNG

- > Bán thuốc theo toa Bác-sĩ.
- > Bán các loại thuốc bổ đặc biệt.
- > Bán các loại thiệp, quà tặng.
- > Bán các loại sách truyện Việt-Nam chọn lọc.
- > Nhận MEDICAL và Bảo-Hiểm.
(Giá đặc biệt cho quý vị không có Bảo-Hiểm)
- > Ngoài ra chúng tôi hân hạnh phục vụ
Quý Đồng-Hương qua các dịch vụ:
 - Điện thư (FAX)
 - Gửi thuốc về Việt-Nam.

Với Phương Châm:

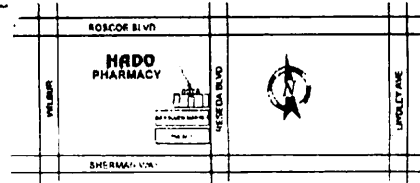
Thành Thật * Ân Cần * Tín cẩn

(818) 342-9333

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 6:30 PM

Thứ Bảy: 10:00 AM - 2:00 PM



Trường Thẩm Mỹ

THÁI BÌNH DƯƠNG

PACIFIC BEAUTY COLLEGE

15436 Brookhurst St., Westminster, CA 92683

(góc Mc Fadden)

TEL. (714) 839-1276

Đào tạo chuyên viên làm TÓC và NAIL đi khắp 50 Tiểu bang
và có chương trình huấn luyện cho quý đồng bào ở ngoài nước Mỹ.

NAIL CARE CĂN BẢN: 400 GIỜ
 NAIL CARE CAO CẤP: 200 GIỜ
 COSMETOLOGY: 1600 GIỜ

**CÓ CHƯƠNG TRÌNH UYỂN CHUYỂN THÍCH HỢP
CHO MỌI HOÀN CẢNH**

DAVICO INC. ĐẠI VIỆT CÔNG TY

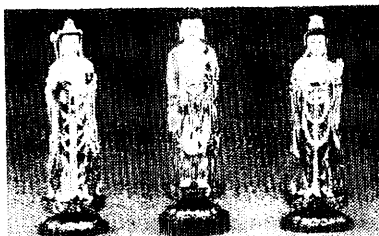
Oriental Rosewood Furniture Art + Galleries

The Shop (in China Town)

861 N. Spring ST. # 204-205-206

Los Angeles, CA 90012

Tel. (213) 626-1868



* Bốn hiệu chúng tôi có bán đủ tất cả các loại đồ sứ, đồ cổ từ Trung-Hoa, đẹp và quý.

* Có đủ tất cả đồ thờ phượng: tượng Phật, bình hoa, chậu kiểng, lư hương, nhang đèn...

XIN MỜI QUÝ KHÁCH CHIẾU CỐ, GIÁ RẺ, ÂN CẦN TIẾP ĐÃI



BÁC SĨ NHA KHOA

胡文富牙醫博士



HỒ VĂN PHÚ, D.D.S.

HỒ NHƯ MAI, D.D.S.

☺ Nha Khoa Gia Đình.

☺ Khám Răng Định Kỳ.

☺ Làm Răng Giả Đủ Loại.

☺ Trám, Nhổ, Chữa Tủy Răng.

☆ Nha Khoa Phòng Ngừa.

☆ Sửa Răng Thẩm Mỹ.

SOUTH BAY CENTER

15024 Prairie Ave.

Hawthorne, CA 90250

☎ TEL. (310) 978-8993

Giờ làm việc:

Thứ ba, năm: 9:00am = 6:00pm

Thứ bảy: 9:00am = 4:00pm

CHINATOWN CENTER

625 W. College St., # 104

Los Angeles, CA 90012

☎ TEL. (213) 617-0096

Giờ làm việc:

Thứ hai - Thứ tư, Thứ sáu

9:00am = 6:00pm

XIN VUI LÒNG ĐIỆN THOẠI LẤY HẸN TRƯỚC

Nhận MEDICAL và BẢO HIỂM

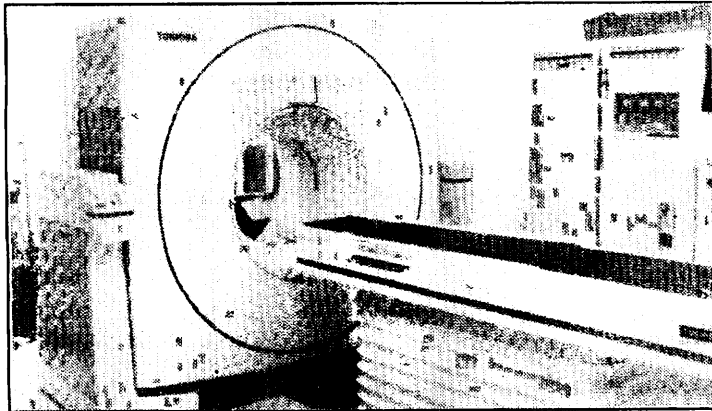
MAGNOLIA MEDICAL IMAGING CENTER, INC.

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN MAGNOLIA

14571 MAGNOLIA St., Suite #101 ✪ WESTMINSTER, CA 92683

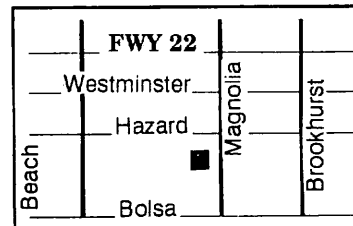
TEL. (714) 893-1915

Bác Sĩ **PHÙNG GIA THANH**



- X - RAY
- MRI
- CAT SCAN
- ULTRASOUND
- MAMMOGRAPHY
- NUCLEAR MEDICINE

**CƠ MÁY
CAT SCAN TẠI CHỖ**



GIỜ MỞ CỬA:

THỨ HAI - THỨ SÁU: 9:00 AM - 6:00 PM

THỨ BẢY: 9:30 AM - 3:00 PM

ĐẶC BIỆT

CHỤP VÚ DO NỮ

CHUYÊN VIÊN ĐẢM NHIỆM

DISCOUNT
*Exotic
Fresh & Silk*

Kamala Flower And Music (Tiệm Bông Liên-Hoa)

Complete Floral Services • Original Quality Design
Live Classical Piano Music For Weddings & Parties

**Private & Group Piano Lessons
All Ages & Levels**

* *Phong lan - Cây kiểng - Bàn chông cắm hoa*

- *Cho mướn thùng hơi thổi bong bóng*

* *Trang trí bong bóng cho mọi dịp lễ*

- *Giao hoa khắp mọi nơi*

* *Bán bong bóng có in hình Phật Đản-Sanh cho lễ
Phật-Đản và hình Mục-Kiền-Liên cho lễ Vu-Lan*

- *Có hoa hồng cài áo cho lễ Vu-Lan.*



**14044 Magnolia * Suite 128
Westminster, CA 92683
(corner Westminster Blvd.)**

Tel: (714) 891-8130 ** Pager: (714) 571-6483

Free: 1-800-700-4443

VISA
MASTER CARD

LONG BEACH

Bác Sĩ



MAI THANH HỒNG, M.D

CHUYÊN MÔN KHOA NHI ĐỒNG TẠI LONG BEACH

2146 E. ANAHEIM St., LONG BEACH, CA 90804

Tel (310) 439-7227 • 24hrs.

⇒ American Board of Neonatology Diplomate American Board of Pediatrics

⇒ Cựu Nội Trú Bệnh Viện Nhi Đồng Sài Gòn. Bác Sĩ Điều Trị Bệnh Viện Nhi Đồng, Quảng Đông.

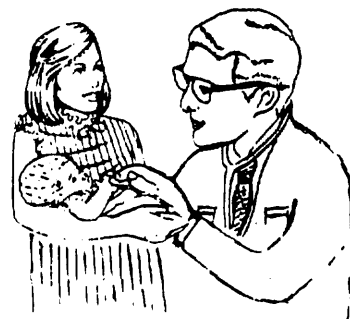
CHUYÊN MÔN BỆNH TRẺ SƠ SINH CẤP CỨU NEONATOLOGY & BỆNH NHI ĐỒNG (Pediatrics)

Bệnh Thanh Thiếu Niên

⇒ *Bác Sĩ Điều Trị Tại St. Mary Medical Center, Long Beach Memorial, Long Beach Community Hospital, Huntington Memorial Pasadena.*

⇒ **Cộng tác chương trình bồng sữa WIC**

⇒ **Đích thân săn sóc trẻ sơ sinh tại bệnh viện.**



Giờ Làm Việc:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 9:30 AM - 6:00 PM

Thứ Tư đến Thứ Bảy: 10:00 AM - 1:00 PM

Bác Sĩ NHA KHOA

HUYỀN THỊ HẠNH, D.D.S.

LƯU HẠNH KHUÊ, D.D.S.

◊ Tốt nghiệp Đại-Học Nha-Khoa Saigon
◊ Nguyên Giảng Viên Đại-Học Nha-Khoa
Minnesota Bộ môn Trám-Răng và làm Răng-Giả.

◊ Tốt nghiệp Đại-Học Nha-Khoa Minnesota
từ năm 1989.

Giờ Làm Việc:

Thứ Hai - Thứ Bảy: 10 AM - 6 PM

Kính Vui Lòng Lấy Hẹn Trước

14571 MAGNOLIA St., SUITE 202
WESTMINSTER, CA 92683

Tel. (714) 897-9985

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

▣ Khám răng định kỳ
▣ Trám, Nhổ răng, lấy Gân máu
▣ Chuyên làm răng giả đủ các loại
▣ Chữa trị các loại bệnh về nướu răng,
hôi miệng, chảy máu, lung lay hoặc đau nhức.

NHA KHOA THẨM MỸ

◊ Tẩy răng trắng
◊ Làm khít răng thưa
◊ Vá răng sút mẻ ...

*Tận Tâm, Chu Đáo, Kỹ Lượng,
Chữa Răng Nhe Nhàng Theo Tiêu Chuẩn Hoa-Kỳ,
Trang Bị Hoàn Toàn Máy Móc Tối Tân.*

VAN'S TIỆM BÁNH BAKERY

121 E. Valley Blvd.
San Gabriel, CA 91776
Tel. (818) 571-5845
(Cạnh siêu thị Hawaii)

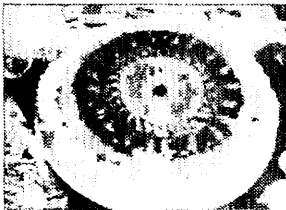
140 W. Valley Blvd. #120
San Gabriel, CA 91776
Tel. (818) 288-7272
(Trong khu chợ 99)

9211 Bolsa Ave. #125
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 898-7065
(Cạnh siêu thị 99 Market)

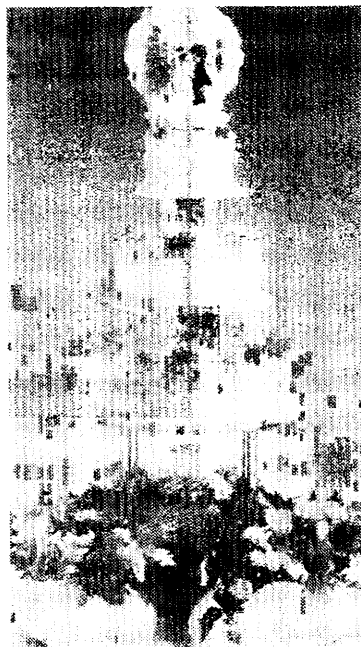
14346 Brookhurst St.
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 839-1666

1824 E. Tully Rd.
San Jose, CA 95122
Tel. (408) 270-2222

**Tiệm Bánh Được Sự Ủng Hộ Của Quý Vị Đồng Hương Nhất Tại Cali.
CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI BÁNH PHÁP - VIỆT NAM - TRUNG HOA**



- Pâté CHAUD
- Croissant đủ loại
- Các loại bánh ngọt
- Bánh Trung Hoa
- Bánh bao
- Bánh gan
- Bánh khoai môn
- Quầy Food To Go hấp dẫn và tất cả các loại chè



*Bánh đặt tại
Van's Bakery
trình bày thật lộng lẫy
hương vị thơm ngon
sẽ làm tăng thêm
phần sang trọng trong
Tiệc Cưới
Sinh Nhật.*

Bác Sĩ **TRẦN TIẾN SUM**

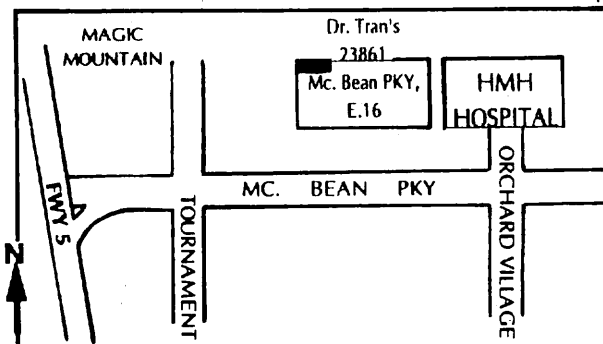
GIẢI PHẪU THẨM MỸ

- Tốt nghiệp chuyên khoa Plastic Surgery tại Mt. Sinai Hospital New York, Hoa-Kỳ (1984)
- Tu nghiệp chuyên khoa thẩm mỹ cho người Á-Đông tại Viện Đại-Học Showa, Tokyo - Nhật-Bản (1983)
- Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại Stanford University Santa Clara V.M.C. và Fresno V.M.C. (1977-1981)

Chuyên Giải Phẫu

- => Mắt hai mí Đông-phương và độn mũi
- => Căng da mặt, trán, cổ, lột da, mài da, làm mờ sẹo
- => Sửa mí mắt, mũi, sửa và độn cằm, sửa tai vĩnh
- => Độn ngực, làm nhỏ lại, nâng ngực bị xệ
- => Đặc biệt giải phẫu bằng tia Laser:
Cắt bỏ các bướu ở mặt, nốt ruồi, vết chàm v.v...
- => Giải phẫu và tái tạo các khuôn mặt bị tai nạn
- => Tái tạo bộ ngực sau khi bị cắt bỏ vì ung thư
- => Cắt bỏ các bướu ung thư của da
- => Tái tạo và sửa chữa các tật bẩm sinh ở mặt
- => Tẩy các vết sẹo
- => Tái tạo các chức phận của bàn tay, giầy thần kinh, gân và xương.

Nhận
Visa, Master Card,
American Express



THAM KHẢO VÀ LẤY HẸN Ở ĐỊA CHỈ MỚI:

23861 MC. BEAN PKY, SUITE # E.16
VALENCIA, CA 91355
Tel. (805) 253-2211 (24 hours)

Toll Free: 1-800-540-2340 1-805-253-3755

Ana Funding

Ana Real Estate

10900 WESTMINSTER AVENUE, SUITE 10 - GARDEN GROVE, CA 92643

(714) 636-2299 / 1-800-675-7786

- Hơn 10 năm phục vụ cộng đồng.
- Thành tín và tận tâm.
- Là một văn phòng mà quý vị có thể tin tưởng trong các dịch vụ về Địa ốc và Tài Trợ Địa ốc.
- Nhiều kinh nghiệm để giải quyết những trường hợp khó khăn khi mượn tiền.



AN NGUYỄN
Broker

- Mua bán nhà
- Apartments
- Shopping center
- Các cơ sở thương mại
- Leasing
- Property management
- Chuyên mua bán nhà của nhà băng và của HUD
- Mượn tiền mua nhà và refinance
- Mượn Equity loan để làm business, trả nợ credit card, mua xe...
- Thủ tục dễ dàng và nhanh chóng
- Lệ phí nhẹ

Nhất Da
Nhật Dụng
Nhật Dụng
Nhật Dụng



ADVANCED SKIN & LASER CLINIC

Bác-Sỹ Nguyễn Hoàng Quân
Bác-Sỹ Jae-Chun
Bác-Sỹ Alyssa Kim
Bác-Sỹ Nguyễn-Trọng-Tuấn

A Complete Dermatology and Plastic Surgery Center

7901 WESTMINSTER BLVD, WESTMINSTER, GA 30083



Trung Tâm Thẩm-Mỹ Ngoài Da & Giải-Phẫu Thẩm Mỹ Duy-Nhất có:

- 1) BÁC-SỸ CHUYÊN KHOA NGOÀI DA VÀ GIẢI PHẪU NGOÀI-DA
 - 2) BÁC-SỸ CHUYÊN KHOA GIẢI PHẪU THẨM-MỸ VÀ TẠO-HÌNH TOÀN KHOA
- Hội viên Hội **Giải Phẫu Thẩm-Mỹ** bằng tia Laser Hoa Kỳ
Giáo sư giảng-huấn tại **UCLA, USC Medical Center**

CHUYÊN TRỊ BỆNH NGOÀI DA CHO NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM:

Mụn, Nám, Ngứa Da, Di ứng, Chàm da, Vảy Nến, Nám Da, Rụng Tóc, Gàu Tóc, Giải phẫu Nốt Ruồi, Mụn Cóc, Giải phẫu Ung thư da bằng phương pháp **Mohs Micrographic Surgery**.

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH TOÀN KHOA

- **Mắt:** Một mí thành 2 mí, lấy da dư mắt bị sụp, lấy mỡ mí mắt trên và mí mắt dưới
- **Mũi:** Nâng cho cao hoặc sửa cho gọn
- Chích **Vết nhăn** và **Môi** bằng Collagen, Botox hay Mỡ của chính mình
- **Cằm:** Độn cằm cho thon khuôn mặt
- **Hàm mặt, miệng:** Sửa cho hết hô và móm
- Chích thuốc cho tan **đường gân máu** ở đùi và chân

ĐẶC BIỆT CHUYÊN VỀ

- Dùng tia **Nd. Yag Laser** để xóa vết tàn nhang, vết xăm, bớt bẩm sinh, gân máu đỏ v.v...
- Lột Da Mặt bằng tia **Ultrapulse Laser** để mất vết sẹo, rỗ, vết nhăn (**Skin Resurfacing**)
- **Hút mỡ** bằng phương pháp mới **Tumescent Liposuction** và những phương-pháp mới.
- Cây tóc và lông mày bằng phương pháp **Micrographs**
- Lấy mỡ mí mắt dưới **không phải cắt qua làn da**
- **Sửa ngực** rất tự nhiên
- Căng: da trán da mặt và nâng lông mày bằng phương pháp **Nội-Soi (Endoscopy)**
- Lột Da Mặt bằng nhiều phương pháp

ĐẶC BIỆT CÓ: Chuyên viên Skin Care của **Oriki Cosmetics** sẽ đảm trách phần **trị Mụn** và **trị Nám dưới sự điều khiển của bác sỹ Ngoài Da**. Hướng dẫn săn sóc da, sử dụng mỹ-phẩm, dạy trang-điểm...

Mọi Thẩm-Mỹ và Y-Học xin gọi: **ANGIE NGUYỄN**
(714) 898-9388 hoặc (800) 89-ORIKI (1-800-886-7454)

Á CHÂU TANG NGHI QUÁN

Á CHÂU FUNERAL HOME

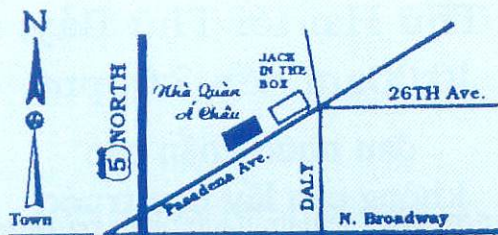
**Nhà Quàn Đầu Tiên
Do Người Việt Thành Lập
Và Đảm Trách**

CHÚNG TÔI CÓ DỊCH VỤ CHUYÊN CHỞ THI HẢI VỀ VIỆT-NAM

- Nhằm mục đích giúp đỡ đồng hương, không may có chuyện đau buồn xảy ra.
- Chỉ cần gọi điện thoại cho chúng tôi, quý vị sẽ được tận tình giúp đỡ.
- Sắp xếp mọi nghi thức an táng, hỏa táng và lo mọi thủ tục giấy tờ.
- Quan tài, mồ mả, bia mộ, tang phục đầy đủ.
- Lễ đường khang trang, parkinh rộng rãi, giao thông tiện lợi.
- Nhân viên tận tình phục vụ.
- Thông thạo các nghi lễ cổ truyền và mọi hình thức tôn giáo.

*Chuyên Gia Kinh Nghiệm Dồi Dào,
Tận Tình Chăm Sóc Cho Người Quê Cũ.
Gặp Những Trường Hợp Khó Khăn,
Xin Đừng Ngần Ngại. Gọi Ngay Cho Chúng Tôi.*

**DIỆN THOẠI 24/24:
(213) 222-4868**



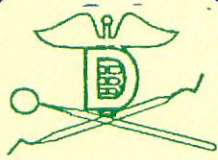
—> Từ Freeway 5, exit Broadway quẹo phải trên đường Broadway tới Daly quẹo trái sẽ gặp ngã 5 quẹo trái trên Pasadena. Á-Châu-Tang-Nghi-Quán ở bên phải, kế nhà hàng Jack In The Box (gần ngã 5 Pasadena & Daly).

—> Từ Monterey Park đi sang 10 West, sang 5 North, theo chỉ dẫn ở trên.

—> Từ Chinatown đi N. Broadway, vừa qua cầu xe lửa gặp Pasadena, cạp theo Pasadena chừng 1/2 mile, gặp Á-Châu-Tang-Nghi-Quán cạnh nhà hàng Jack In The Box.

**2517 Pasadena Ave, Los Angeles, CA 90031
(Trung Tâm Chinatown)
(213) 222-4868 & (213) 222-4778**

NORTH
LONG BEACH



TRUNG TÂM NHA KHOA

PHƯƠNG TRINH

2150 E. South St. # 116., Long Beach, CA 90805

(Đối diện chợ Ralph, góc Cherry & South)

(562) 531-9778 ☎ (562) 531-9779

DTT Dental Group

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa

NGUYỄN PHƯƠNG TRINH, D.D.S

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- * Trám răng, bọc răng, làm các loại răng giả.
- * Chữa trị các bệnh về nướu răng, hôi miệng, chảy máu, lung lay hoặc đau nhức.
- * Lấy gân máu, nhổ răng.

NHA KHOA THẨM MỸ

- * Vá răng mẻ, tái tạo men răng.
- * Làm khít răng thưa, sửa răng mọc lệch.
- * tẩy răng (răng bị vàng ố, nám đen).

NHA KHOA NHI ĐỒNG

- * Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch lạc, nhổ răng, trám răng.

- * Nhận làm Bác-Sĩ gia đình.
- * Nhận Medical - Medicare và bảo hiểm các loại.

**NHẬN TRẢ GÓP
KHÔNG TIỀN LỜI**
Đặc Biệt Cho Quý Vị
H.O. và O.D.P

GIỜ MỞ CỬA

Thứ Hai tới Thứ Bảy:
10:00am đến 7:00pm
đau nhức khẩn cấp
không cần lấy hẹn trước.

PHÒNG MẠCH TRANG BỊ MÁY MÓC TỐI TÂN

CHU ĐÁO - TẬN TÂM - KỸ LƯỢNG

VÙNG SAN FERNANDO

BÁC SĨ

PHAN TUYẾT MAI, M.D.

18625 SHERMAN WAY # 104,, RESEDA, CA 91335

(Trong khu bánh mì Ba Lẹ & Nhà Hàng Tuyết Anh)

Tel. (818) 342-8171 ☺ (818) 342-8172



- ☆ TỐT NGHIỆP NỘI THƯƠNG HOA-KỲ.
- ☆ HẬU ĐẠI HỌC VỀ CÁC BỆNH NHIỄM TRÙNG VÀ BỆNH AIDS.
- ☆ HỘI VIÊN HỘI Y SĨ ĐOÀN HOA KỲ.
- ☆ HỘI VIÊN HỘI Y SĨ CALIFORNIA.
- ☆ BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ TẠI BỆNH VIỆN VALLEY PRESBYTERIAN, VÀ NORTHRIDGE HOSPITAL.

**Y KHOA TỔNG QUÁT VÀ BỆNH NỘI THƯƠNG
CHO NGƯỜI GIÀ, NGƯỜI LỚN, ĐÀN BÀ VÀ TRẺ EM**

NHẬN CÁC LOẠI MEDICAL PLAN:

- BLUE CROSS -
- COMMUNITY HEALTH PLAN
- MAXICARE -
- FOUNDATION - MOLINA

NHẬN CÁC LOẠI HMO BẢO HIỂM :

- ☆ AETNA - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - CIGNA
- ☆ CARE AMERICAN - HMO CA - FOUNDATION
- ☆ HEALTH NET - MAXICARE - PACIFIC CARE
- ☆ TAKE CARE - ONE HEALTH PLAN - BPS

**DỊCH VỤ Y TẾ
MIỄN PHÍ**

- ⇒ Chích ngừa và khám sức khỏe tổng quát cho trẻ em dưới 19 tuổi thuộc gia đình có lợi tức thấp. (C.H.D.P)
- ⇒ Truy tầm ung thư ngực cho quý bà trên 50 tuổi có lợi tức thấp (B.C.E.D.P)

NHẬN:

MEDICAL - MEDICARE - BẢO HIỂM - HMO - PPO
**Giá đặc biệt cho những người
trả tiền mặt**

**XIN GỌI
LẤY
HẸN TRƯỚC**

GIỜ LÀM VIỆC:

THỨ HAI - THỨ SÁU:

SÁNG = 9:00AM - 12:00PM

CHIỀU = 2:00PM - 6:00PM

THỨ BẢY : 9:00AM - 3:00PM

CHỦ NHẬT: KHÁM THEO HẸN.



OLDE PEKING ANTIQUES

225 E. Main Street., Alhambra, CA 91801
Tel. (626) 284-3099

(*Nằm giữa đường Garfield và Chapel*)



☆ Công Ty **BẮC KINH** danh tiếng bán đủ các loại thủ công mỹ nghệ phẩm với giá sỉ, lẻ rất đặc biệt rẻ.

☆ Những đồ cổ làm bằng gỗ, đá quý, ngọc, ngà, đồng v.v... được chạm trổ điêu khắc tuyệt đẹp và các đồ bằng sành, sứ mỹ thuật.

☆ Những đồ cổ quý giá của thời nhà Minh, Thanh Trung-Hoa và các thời đại cổ xưa. Những vật quý giá nghệ thuật tuyệt đẹp này rất thích hợp trang trí, thờ phượng v.v... mà quý vị khó tìm thấy ở nơi khác.

☆ Kính mời quý khách, chúng tôi nhiệt tình phục vụ, quý vị sẽ hài lòng.



NATIONWIDE REALTY

19762 Sherman Way., Canoga Park, CA 91306

MUA BÁN VÀ TÀI TRỢ ĐỊA ỐC

CHUYÊN MÔN

- *Giúp đồng hương mua bán nhà đất, cơ sở thương mại và chung cư.*
- *Giúp đồng hương vay tiền để mua nhà, sửa nhà hay tái tài trợ. Đặc biệt thiết lập mọi thủ tục cần thiết cho quý vị mới mua nhà lần đầu để có đủ điều kiện vay tiền mặc dù chưa đủ credit.*
- *Thương lượng với ngân hàng giúp giải quyết những bất động sản mà giá trị thấp hơn so với số nợ phải trả hoặc bán nhà mà không cần phải trả lệ phí.*



SAM S. NGUYEN

TEL. (818) 347-1222
PAGER. (818) 372-4961
RES. (818) 704-7056
FAX. (818) 347-3924

**NHIỀU KINH NGHIỆM — RẤT THÀNH THẬT
TẬN TÂM — KÍN ĐÁO — NHANH CHÓNG**



WU's Import & Export Corporation

Tiệm Phật Cụ BỒ-ĐỀ

BUDDHA STATUES SUPPLIES & GIFTS

1629 S. DEL MAR Ave., San Gabriel, CA 91776

(Đối diện chợ Hawaii, có parking phía sau)

CHUYÊN BÁN SĨ VÀ LỄ - NHẬN GỎI HÀNG KHẮP TIỂU BANG TRONG NƯỚC MỸ:

- Tượng Phật, Bồ-Tát bằng đồng mạ vàng.
- Đèn Dược-Sư, chuông Đại-Hồng-Chung.
- Đồ sứ do điêu khắc gia nổi tiếng ở Đài-Loan tạc.
- Chuông mõ lớn đủ cỡ, các loại Khánh dẫn lễ, Chuông đồng.
- Tràng-phang đủ cỡ, áo-tràng, áo Vạt-khách màu lam, mền Đà-la-ni v.v...
- Đầy đủ nhang đèn, kính sách, giấy tiền vàng bạc, các lễ vật cúng tế phong thủy v.v.

Có giá đặc biệt cho quý Thầy, Sư Cô và quý Chùa.



☆ Ngoài ra chúng tôi có bán sỉ và lẻ các loại tủ, bàn thờ và bàn ghế kiểu bằng gỗ Cẩm-Lai, điêu khắc rất tinh vi. Giá cả rất phải chăng.

Giá cả nhẹ nhàng. Tiếp đãi ân cần. Chủ nhân thành tín kính mời.

Mở cửa 7 ngày từ : 10am - 7pm

Xin liên lạc: (Tiếng Anh) MR. WU - TEL. (818) 280-7813 ; FAX. (818) 280-4752
(Tiếng Việt) CÔ PHÓNG - TEL (818) 280-2598

CHINA TOWN: CÔ PHƯƠNG (213) 625-7868 - Trong LIDO CENTER # 206

NEWPORT SURGERY INSTITUTE

THẨM MỸ VIỆN HOÀN - MỸ

Chuyên sửa những gì về sắc đẹp cho phái nữ và phái nam

ĐẶC CHẾ KEM CHO TỪNG LOẠI DA

Đặc biệt: Có Bác-Sĩ Thẩm Mỹ chuyên môn cấy tóc tự nhiên và vĩnh viễn



Mrs. Phuong Lan Nguyen-Gia-Quynh
DIRECTOR ASIAN COSMETIC COUNSELING PROGRAM

Do một nhóm Bác Sĩ Thẩm Mỹ Canada, Mỹ, Nhật có bằng thẩm mỹ, kinh nghiệm hơn 25 năm, từng giải phẫu trên 35,000 trường hợp.

DƯỚI SỰ ĐIỀU KHIỂN CỦA BÁC SĨ

P. JAMES VOLOSHIN
M.D., F.R.C.S. ©

*Bà Phuong Lan
Nguyen-Gia-Quynh*

Tốt nghiệp Thẩm Mỹ tại Hoa Kỳ,
nhiều năm kinh nghiệm.

Vẽ kiểu mặt và chọn mẫu mũi cho hợp
với khuôn mặt Á Đông.

**CÓ MÁY COMPUTER THẨM MỸ
CHO BẠN NHÌN THẤY KẾT QUẢ
TRƯỚC KHI SỬA.**

Hình sẽ hiện ngay trên Màn Ảnh
để bạn chọn lựa theo ý muốn.

**BẢO ĐẢM 100% KHÔNG ĐAU VÀ
KHÔNG HẠI SỨC KHỎE VÌ KỸ THUẬT
TÂN TIẾN CỦA THUỐC MÊ.**

MAU LỆ, RA VỀ TRONG MỘT NGÀY.

Phương pháp mới nhất dùng chất sụn
trong cơ thể bạn để đắp lên mũi nên
100% tự nhiên và sẽ không sợ
phản ứng sau khi sửa.

NHẬN TRẢ GÓP & BẢO HIỂM
(Tùy trường hợp)

Ở XA CÓ XE ĐƯA RƯỚC VÀ NGHỈ LẠI

360 SAN MIGUEL, SUITE 406 • NEWPORT BEACH, CA 92660

TEL: (714) 759-8276 - Res. 898-6514

1-800-367-9671